CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH VIỆT NAM	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 38/2024/TB-VPA	*Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2024*

THÔNG BÁO
THỜI GIAN ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIỂN SỐ XE Ô TÔ NGÀY 02/5/2024

Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam trân trọng thông báo thời gian tổ chức đấu giá biển số xe ô tô ngày 02/5/2024 như sau:

1. Danh sách biển số xe ô tô, thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước, thời gian tổ chức đấu giá: *(Có danh sách chi tiết)*

2. Địa điểm đấu giá, cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước

- Địa điểm đấu giá: Trang thông tin đấu giá trực tuyến https://vpa.com.vn.
- Cách thức nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước:

* Đối với các biển số xe ô tô đấu giá ngày 02/5/2024: Trước 16h30' ngày 29/4/2024 *(theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam trước 16h30' ngày 29/4/2024).*

+ Tổng số tiền: 40.100.000 đồng/biển số xe ô tô *(Bằng chữ: Bốn mươi triệu một trăm nghìn đồng)*. Trong đó: tiền đặt trước: 40.000.000 đồng; tiền hồ sơ tham gia đấu giá: 100.000 đồng.

+ Tên tài khoản: Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam.

+ Số tài khoản: 1410999999999

+ Tại: Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình (Agribank Mỹ Đình).

+ Nội dung chuyển khoản: nhập "mã số thanh toán" trong phần **Nội dung chuyển khoản/Nội dung giao dịch** tại mục "**Thanh toán biển số xe"** trên Trang thông tin đấu giá trực tuyến biển số xe ô tô.

- Thời lượng đấu giá: Tối thiểu 25 phút/01 biển số xe ô tô.

Lưu ý: Mã xác thực để truy cập đấu giá trực tuyến sẽ được hệ thống gửi đến số điện thoại và email của Quý khách đã đăng ký tối thiểu trước 60 phút khi cuộc đấu giá bắt đầu. Quý khách cần hỗ trợ, vui lòng liên hệ hotline: 1900.05.5515

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Cục Cảnh sát giao thông - Bộ Công an;
- Cổng thông tin điện tử - Bộ Công an;
- TK9 - Bộ Công an (Để B/c);
- Trang thông tin đấu giá trực tuyến;
- Các điểm niêm yết theo quy định;
- Lưu HS, VT./.

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH VIỆT NAM

Lâm Thị Mai Anh

DANH SÁCH ĐẤU GIÁ TRỰC TUYẾN BIỂN SỐ XE Ô TÔ NGÀY 02/5/2024

Thời hạn nộp tiền hồ sơ, tiền đặt trước: trước 16h30p ngày 29/4/2024
(theo thời gian báo có của tài khoản Công ty Đấu giá hợp danh Việt Nam).

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1	14A-926.79	Quảng Ninh	1501	15K-327.89	Hải Phòng	3001	19A-659.99	Phú Thọ	4501	79A-533.33	Khánh Hòa
2	19A-668.59	Phú Thọ	1502	19A-666.56	Phú Thọ	3002	19C-248.88	Phú Thọ	4502	14A-919.81	Quảng Ninh
3	19A-669.86	Phú Thọ	1503	19A-669.56	Phú Thọ	3003	20A-789.68	Thái Nguyên	4503	15K-303.93	Hải Phòng
4	20A-789.26	Thái Nguyên	1504	20A-789.16	Thái Nguyên	3004	23C-086.83	Hà Giang	4504	15K-321.11	Hải Phòng
5	20A-796.66	Thái Nguyên	1505	27C-066.86	Điện Biên	3005	30L-525.25	Hà Nội	4505	15K-333.12	Hải Phòng
6	22A-253.33	Tuyên Quang	1506	35A-444.12	Ninh Bình	3006	30L-536.79	Hà Nội	4506	19A-668.98	Phú Thọ
7	24A-300.00	Lào Cai	1507	36K-129.96	Thanh Hóa	3007	34A-845.55	Hải Dương	4507	30L-528.68	Hà Nội
8	28C-108.68	Hòa Bình	1508	37K-351.11	Nghệ An	3008	34A-852.22	Hải Dương	4508	30L-529.98	Hà Nội
9	30L-499.85	Hà Nội	1509	37K-364.44	Nghệ An	3009	36C-488.89	Thanh Hóa	4509	30L-536.86	Hà Nội
10	30L-511.12	Hà Nội	1510	37K-383.99	Nghệ An	3010	37K-368.65	Nghệ An	4510	34A-819.89	Hải Dương
11	36K-125.89	Thanh Hóa	1511	37K-385.55	Nghệ An	3011	38A-626.68	Hà Tĩnh	4511	34A-828.82	Hải Dương
12	43A-886.26	Đà Nẵng	1512	43A-886.06	Đà Nẵng	3012	47A-739.98	Đắk Lắk	4512	35A-444.15	Ninh Bình
13	43A-894.44	Đà Nẵng	1513	43A-888.67	Đà Nẵng	3013	62A-446.69	Long An	4513	36K-111.96	Thanh Hóa
14	47A-759.59	Đắk Lắk	1514	47A-746.66	Đắk Lắk	3014	65A-460.00	Cần Thơ	4514	37K-366.86	Nghệ An
15	65C-222.86	Cần Thơ	1515	49A-699.66	Lâm Đồng	3015	65A-466.68	Cần Thơ	4515	37K-377.88	Nghệ An
16	73A-353.33	Quảng Bình	1516	60K-528.28	Đồng Nai	3016	68A-348.68	Kiên Giang	4516	43A-889.38	Đà Nẵng
17	76A-307.89	Quảng Ngãi	1517	62A-442.22	Long An	3017	70A-550.00	Tây Ninh	4517	62A-448.86	Long An
18	89A-483.83	Hưng Yên	1518	62A-446.66	Long An	3018	70A-555.57	Tây Ninh	4518	63A-302.22	Tiền Giang
19	89C-333.13	Hưng Yên	1519	76A-312.34	Quảng Ngãi	3019	71A-200.00	Bến Tre	4519	68A-349.96	Kiên Giang
20	90A-266.98	Hà Nam	1520	77A-333.55	Bình Định	3020	72A-789.98	Bà Rịa - Vũng Tàu	4520	77A-333.37	Bình Định
21	98A-779.96	Bắc Giang	1521	77A-336.69	Bình Định	3021	89C-328.68	Hưng Yên	4521	88A-739.96	Vĩnh Phúc
22	98A-793.79	Bắc Giang	1522	88A-722.29	Vĩnh Phúc	3022	98A-777.00	Bắc Giang	4522	94C-078.79	Bạc Liêu
23	99A-799.95	Bắc Ninh	1523	92A-412.22	Quảng Nam	3023	98A-789.96	Bắc Giang	4523	99A-777.39	Bắc Ninh
24	30L-081.79	Hà Nội	1524	30K-766.79	Hà Nội	3024	30L-121.91	Hà Nội	4524	30L-486.61	Hà Nội
25	30L-171.79	Hà Nội	1525	30L-151.79	Hà Nội	3025	30L-486.75	Hà Nội	4525	30L-486.74	Hà Nội
26	30L-489.07	Hà Nội	1526	30L-486.82	Hà Nội	3026	30L-487.10	Hà Nội	4526	30L-487.72	Hà Nội
27	30L-489.53	Hà Nội	1527	30L-487.02	Hà Nội	3027	30L-487.41	Hà Nội	4527	30L-489.32	Hà Nội
28	30L-489.72	Hà Nội	1528	30L-487.51	Hà Nội	3028	30L-488.05	Hà Nội	4528	30L-489.86	Hà Nội
29	30L-490.03	Hà Nội	1529	30L-487.75	Hà Nội	3029	30L-488.10	Hà Nội	4529	30L-490.49	Hà Nội
30	30L-490.18	Hà Nội	1530	30L-488.02	Hà Nội	3030	30L-489.26	Hà Nội	4530	30L-490.65	Hà Nội
31	30L-490.21	Hà Nội	1531	30L-488.24	Hà Nội	3031	30L-489.43	Hà Nội	4531	30L-490.77	Hà Nội
32	30L-490.45	Hà Nội	1532	30L-488.34	Hà Nội	3032	30L-490.54	Hà Nội	4532	30L-491.24	Hà Nội
33	30L-490.50	Hà Nội	1533	30L-489.37	Hà Nội	3033	30L-490.74	Hà Nội	4533	30L-491.46	Hà Nội
34	30L-492.84	Hà Nội	1534	30L-489.54	Hà Nội	3034	30L-492.01	Hà Nội	4534	30L-492.02	Hà Nội
35	30L-493.26	Hà Nội	1535	30L-489.87	Hà Nội	3035	30L-492.21	Hà Nội	4535	30L-492.67	Hà Nội
36	30L-493.59	Hà Nội	1536	30L-491.05	Hà Nội	3036	30L-493.32	Hà Nội	4536	30L-493.92	Hà Nội
37	30L-493.97	Hà Nội	1537	30L-491.14	Hà Nội	3037	30L-493.45	Hà Nội	4537	30L-494.10	Hà Nội
38	30L-494.09	Hà Nội	1538	30L-491.40	Hà Nội	3038	30L-493.57	Hà Nội	4538	30L-494.17	Hà Nội
39	30L-494.74	Hà Nội	1539	30L-491.47	Hà Nội	3039	30L-494.03	Hà Nội	4539	30L-495.43	Hà Nội
40	30L-495.07	Hà Nội	1540	30L-492.04	Hà Nội	3040	30L-494.50	Hà Nội	4540	30L-498.75	Hà Nội
41	30L-495.90	Hà Nội	1541	30L-492.95	Hà Nội	3041	30L-494.70	Hà Nội	4541	30L-499.75	Hà Nội
42	30L-497.21	Hà Nội	1542	30L-493.46	Hà Nội	3042	30L-495.47	Hà Nội	4542	30L-499.80	Hà Nội
43	30L-497.24	Hà Nội	1543	30L-493.63	Hà Nội	3043	30L-495.48	Hà Nội	4543	30L-501.02	Hà Nội
44	30L-497.41	Hà Nội	1544	30L-494.91	Hà Nội	3044	30L-497.04	Hà Nội	4544	30L-501.14	Hà Nội
45	30L-497.84	Hà Nội	1545	30L-495.20	Hà Nội	3045	30L-497.22	Hà Nội	4545	30L-501.34	Hà Nội
46	30L-498.07	Hà Nội	1546	30L-495.54	Hà Nội	3046	30L-497.46	Hà Nội	4546	30L-502.48	Hà Nội
47	30L-498.44	Hà Nội	1547	30L-495.73	Hà Nội	3047	30L-497.78	Hà Nội	4547	30L-502.81	Hà Nội
48	30L-499.23	Hà Nội	1548	30L-496.67	Hà Nội	3048	30L-499.97	Hà Nội	4548	30L-503.47	Hà Nội
49	30L-500.91	Hà Nội	1549	30L-496.73	Hà Nội	3049	30L-501.35	Hà Nội	4549	30L-505.12	Hà Nội
50	30L-501.20	Hà Nội	1550	30L-498.57	Hà Nội	3050	30L-501.74	Hà Nội	4550	30L-506.12	Hà Nội
51	30L-501.27	Hà Nội	1551	30L-498.90	Hà Nội	3051	30L-502.12	Hà Nội	4551	30L-506.25	Hà Nội
52	30L-502.57	Hà Nội	1552	30L-499.52	Hà Nội	3052	30L-503.78	Hà Nội	4552	30L-506.41	Hà Nội
53	30L-503.43	Hà Nội	1553	30L-500.31	Hà Nội	3053	30L-504.27	Hà Nội	4553	30L-506.60	Hà Nội
54	30L-503.60	Hà Nội	1554	30L-500.74	Hà Nội	3054	30L-504.53	Hà Nội	4554	30L-506.71	Hà Nội
55	30L-503.71	Hà Nội	1555	30L-501.71	Hà Nội	3055	30L-504.72	Hà Nội	4555	30L-507.40	Hà Nội
56	30L-504.42	Hà Nội	1556	30L-502.13	Hà Nội	3056	30L-504.90	Hà Nội	4556	30L-508.10	Hà Nội
57	30L-504.43	Hà Nội	1557	30L-502.17	Hà Nội	3057	30L-505.10	Hà Nội	4557	30L-509.80	Hà Nội
58	30L-504.47	Hà Nội	1558	30L-502.78	Hà Nội	3058	30L-505.17	Hà Nội	4558	30L-510.40	Hà Nội
59	30L-504.67	Hà Nội	1559	30L-503.16	Hà Nội	3059	30L-505.30	Hà Nội	4559	30L-510.62	Hà Nội
60	30L-506.09	Hà Nội	1560	30L-503.46	Hà Nội	3060	30L-505.43	Hà Nội	4560	30L-511.23	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
61	30L-507.53	Hà Nội	1561	30L-503.49	Hà Nội	3061	30L-505.71	Hà Nội	4561	30L-511.78	Hà Nội
62	30L-507.57	Hà Nội	1562	30L-504.13	Hà Nội	3062	30L-506.02	Hà Nội	4562	30L-511.90	Hà Nội
63	30L-507.60	Hà Nội	1563	30L-504.60	Hà Nội	3063	30L-506.54	Hà Nội	4563	30L-512.30	Hà Nội
64	30L-508.02	Hà Nội	1564	30L-504.75	Hà Nội	3064	30L-506.62	Hà Nội	4564	30L-512.47	Hà Nội
65	30L-509.72	Hà Nội	1565	30L-505.02	Hà Nội	3065	30L-506.90	Hà Nội	4565	30L-512.73	Hà Nội
66	30L-510.31	Hà Nội	1566	30L-505.82	Hà Nội	3066	30L-507.75	Hà Nội	4566	30L-513.93	Hà Nội
67	30L-511.74	Hà Nội	1567	30L-505.95	Hà Nội	3067	30L-508.27	Hà Nội	4567	30L-514.73	Hà Nội
68	30L-512.50	Hà Nội	1568	30L-508.32	Hà Nội	3068	30L-509.45	Hà Nội	4568	30L-516.20	Hà Nội
69	30L-514.62	Hà Nội	1569	30L-508.47	Hà Nội	3069	30L-509.62	Hà Nội	4569	30L-516.23	Hà Nội
70	30L-514.74	Hà Nội	1570	30L-508.85	Hà Nội	3070	30L-509.77	Hà Nội	4570	30L-516.42	Hà Nội
71	30L-514.95	Hà Nội	1571	30L-511.27	Hà Nội	3071	30L-509.84	Hà Nội	4571	30L-517.12	Hà Nội
72	30L-515.39	Hà Nội	1572	30L-512.17	Hà Nội	3072	30L-510.48	Hà Nội	4572	30L-518.03	Hà Nội
73	30L-515.73	Hà Nội	1573	30L-512.43	Hà Nội	3073	30L-510.97	Hà Nội	4573	30L-519.11	Hà Nội
74	30L-516.24	Hà Nội	1574	30L-512.71	Hà Nội	3074	30L-511.42	Hà Nội	4574	30L-520.12	Hà Nội
75	30L-516.34	Hà Nội	1575	30L-514.72	Hà Nội	3075	30L-511.67	Hà Nội	4575	30L-520.23	Hà Nội
76	30L-517.76	Hà Nội	1576	30L-514.96	Hà Nội	3076	30L-512.05	Hà Nội	4576	30L-521.65	Hà Nội
77	30L-518.12	Hà Nội	1577	30L-516.88	Hà Nội	3077	30L-512.32	Hà Nội	4577	30L-521.70	Hà Nội
78	30L-518.14	Hà Nội	1578	30L-517.03	Hà Nội	3078	30L-512.41	Hà Nội	4578	30L-522.01	Hà Nội
79	30L-518.64	Hà Nội	1579	30L-518.04	Hà Nội	3079	30L-513.42	Hà Nội	4579	30L-523.15	Hà Nội
80	30L-519.15	Hà Nội	1580	30L-518.92	Hà Nội	3080	30L-514.13	Hà Nội	4580	30L-523.70	Hà Nội
81	30L-521.15	Hà Nội	1581	30L-519.20	Hà Nội	3081	30L-514.21	Hà Nội	4581	30L-524.21	Hà Nội
82	30L-521.43	Hà Nội	1582	30L-519.40	Hà Nội	3082	30L-514.37	Hà Nội	4582	30L-525.53	Hà Nội
83	30L-521.59	Hà Nội	1583	30L-519.97	Hà Nội	3083	30L-514.43	Hà Nội	4583	30L-526.21	Hà Nội
84	30L-521.61	Hà Nội	1584	30L-520.50	Hà Nội	3084	30L-514.47	Hà Nội	4584	30L-526.42	Hà Nội
85	30L-521.99	Hà Nội	1585	30L-521.27	Hà Nội	3085	30L-515.13	Hà Nội	4585	30L-527.43	Hà Nội
86	30L-522.90	Hà Nội	1586	30L-522.04	Hà Nội	3086	30L-516.04	Hà Nội	4586	30L-527.65	Hà Nội
87	30L-523.24	Hà Nội	1587	30L-522.07	Hà Nội	3087	30L-516.27	Hà Nội	4587	30L-527.74	Hà Nội
88	30L-524.00	Hà Nội	1588	30L-523.38	Hà Nội	3088	30L-516.32	Hà Nội	4588	30L-528.97	Hà Nội
89	30L-524.72	Hà Nội	1589	30L-524.20	Hà Nội	3089	30L-516.49	Hà Nội	4589	30L-529.37	Hà Nội
90	30L-525.05	Hà Nội	1590	30L-527.07	Hà Nội	3090	30L-516.73	Hà Nội	4590	30L-529.43	Hà Nội
91	30L-525.13	Hà Nội	1591	30L-527.47	Hà Nội	3091	30L-517.38	Hà Nội	4591	30L-530.33	Hà Nội
92	30L-526.67	Hà Nội	1592	30L-528.81	Hà Nội	3092	30L-521.06	Hà Nội	4592	30L-530.43	Hà Nội
93	30L-527.02	Hà Nội	1593	30L-529.02	Hà Nội	3093	30L-521.84	Hà Nội	4593	30L-533.27	Hà Nội
94	30L-527.05	Hà Nội	1594	30L-529.07	Hà Nội	3094	30L-522.17	Hà Nội	4594	30L-533.41	Hà Nội
95	30L-527.17	Hà Nội	1595	30L-530.05	Hà Nội	3095	30L-522.65	Hà Nội	4595	30L-534.64	Hà Nội
96	30L-527.64	Hà Nội	1596	30L-530.61	Hà Nội	3096	30L-523.10	Hà Nội	4596	30L-535.15	Hà Nội
97	30L-528.21	Hà Nội	1597	30L-531.17	Hà Nội	3097	30L-523.84	Hà Nội	4597	30L-535.92	Hà Nội
98	30L-529.72	Hà Nội	1598	30L-532.14	Hà Nội	3098	30L-524.91	Hà Nội	4598	30L-536.48	Hà Nội
99	30L-530.97	Hà Nội	1599	30L-532.41	Hà Nội	3099	30L-526.30	Hà Nội	4599	30L-537.46	Hà Nội
100	30L-531.46	Hà Nội	1600	30L-532.42	Hà Nội	3100	30L-528.64	Hà Nội	4600	30L-539.12	Hà Nội
101	30L-533.79	Hà Nội	1601	30L-532.51	Hà Nội	3101	30L-528.94	Hà Nội	4601	30L-539.17	Hà Nội
102	30L-534.39	Hà Nội	1602	30L-533.42	Hà Nội	3102	30L-531.57	Hà Nội	4602	30L-539.33	Hà Nội
103	30L-536.81	Hà Nội	1603	30L-534.18	Hà Nội	3103	30L-531.64	Hà Nội	4603	30L-541.09	Hà Nội
104	30L-537.04	Hà Nội	1604	30L-535.43	Hà Nội	3104	30L-532.45	Hà Nội	4604	30L-541.57	Hà Nội
105	30L-537.12	Hà Nội	1605	30L-535.84	Hà Nội	3105	30L-532.47	Hà Nội	4605	30L-542.05	Hà Nội
106	30L-537.30	Hà Nội	1606	30L-535.90	Hà Nội	3106	30L-532.61	Hà Nội	4606	30L-542.70	Hà Nội
107	30L-537.31	Hà Nội	1607	30L-536.17	Hà Nội	3107	30L-533.86	Hà Nội	4607	30L-542.81	Hà Nội
108	30L-537.40	Hà Nội	1608	30L-536.24	Hà Nội	3108	30L-534.24	Hà Nội	4608	30L-542.99	Hà Nội
109	30L-537.48	Hà Nội	1609	30L-536.41	Hà Nội	3109	30L-534.91	Hà Nội	4609	30L-543.76	Hà Nội
110	30L-537.69	Hà Nội	1610	30L-536.50	Hà Nội	3110	30L-534.92	Hà Nội	4610	30L-543.92	Hà Nội
111	30L-538.02	Hà Nội	1611	30L-537.41	Hà Nội	3111	30L-535.47	Hà Nội	4611	30L-544.51	Hà Nội
112	30L-538.40	Hà Nội	1612	30L-537.97	Hà Nội	3112	30L-536.04	Hà Nội	4612	30L-544.87	Hà Nội
113	30L-538.82	Hà Nội	1613	30L-538.20	Hà Nội	3113	30L-536.85	Hà Nội	4613	30L-544.94	Hà Nội
114	30L-539.30	Hà Nội	1614	30L-538.41	Hà Nội	3114	30L-537.34	Hà Nội	4614	30L-545.34	Hà Nội
115	30L-539.48	Hà Nội	1615	30L-540.70	Hà Nội	3115	30L-538.37	Hà Nội	4615	30L-545.60	Hà Nội
116	30L-539.82	Hà Nội	1616	30L-540.83	Hà Nội	3116	30L-538.43	Hà Nội	4616	30L-546.07	Hà Nội
117	30L-540.73	Hà Nội	1617	30L-543.13	Hà Nội	3117	30L-539.01	Hà Nội	4617	12A-251.73	Lạng Sơn
118	30L-540.91	Hà Nội	1618	30L-543.90	Hà Nội	3118	30L-539.57	Hà Nội	4618	14A-913.64	Quảng Ninh
119	30L-541.47	Hà Nội	1619	30L-545.56	Hà Nội	3119	30L-540.02	Hà Nội	4619	14A-914.12	Quảng Ninh
120	30L-541.48	Hà Nội	1620	30L-545.74	Hà Nội	3120	30L-540.06	Hà Nội	4620	14A-914.40	Quảng Ninh
121	30L-541.90	Hà Nội	1621	30L-546.28	Hà Nội	3121	30L-540.22	Hà Nội	4621	14A-914.53	Quảng Ninh
122	30L-543.84	Hà Nội	1622	12A-251.45	Lạng Sơn	3122	30L-542.30	Hà Nội	4622	14A-915.11	Quảng Ninh
123	30L-544.10	Hà Nội	1623	12C-136.72	Lạng Sơn	3123	30L-542.73	Hà Nội	4623	14A-916.19	Quảng Ninh

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
124	30L-545.64	Hà Nội	1624	14A-913.61	Quảng Ninh	3124	30L-543.74	Hà Nội	4624	14A-918.30	Quảng Ninh
125	30L-545.97	Hà Nội	1625	14A-913.74	Quảng Ninh	3125	30L-544.38	Hà Nội	4625	14A-919.46	Quảng Ninh
126	30L-547.02	Hà Nội	1626	14A-914.08	Quảng Ninh	3126	14A-913.37	Quảng Ninh	4626	14A-919.87	Quảng Ninh
127	12A-251.30	Lạng Sơn	1627	14A-914.94	Quảng Ninh	3127	14A-913.90	Quảng Ninh	4627	14A-920.90	Quảng Ninh
128	12A-251.57	Lạng Sơn	1628	14A-915.61	Quảng Ninh	3128	14A-914.82	Quảng Ninh	4628	14A-921.02	Quảng Ninh
129	12A-251.80	Lạng Sơn	1629	14A-916.01	Quảng Ninh	3129	14A-916.02	Quảng Ninh	4629	14A-921.10	Quảng Ninh
130	12D-004.45	Lạng Sơn	1630	14A-916.60	Quảng Ninh	3130	14A-916.13	Quảng Ninh	4630	14A-922.75	Quảng Ninh
131	14A-913.05	Quảng Ninh	1631	14A-916.64	Quảng Ninh	3131	14A-916.28	Quảng Ninh	4631	14A-923.48	Quảng Ninh
132	14A-914.24	Quảng Ninh	1632	14A-917.23	Quảng Ninh	3132	14A-919.32	Quảng Ninh	4632	14A-924.84	Quảng Ninh
133	14A-915.14	Quảng Ninh	1633	14A-917.61	Quảng Ninh	3133	14A-919.54	Quảng Ninh	4633	14A-925.37	Quảng Ninh
134	14A-916.40	Quảng Ninh	1634	14A-920.04	Quảng Ninh	3134	14A-920.49	Quảng Ninh	4634	14A-926.30	Quảng Ninh
135	14A-916.94	Quảng Ninh	1635	14A-920.42	Quảng Ninh	3135	14A-920.71	Quảng Ninh	4635	14A-927.51	Quảng Ninh
136	14A-917.90	Quảng Ninh	1636	14A-921.53	Quảng Ninh	3136	14A-921.07	Quảng Ninh	4636	14A-929.43	Quảng Ninh
137	14A-918.03	Quảng Ninh	1637	14A-921.69	Quảng Ninh	3137	14A-921.40	Quảng Ninh	4637	15K-305.46	Hải Phòng
138	14A-918.50	Quảng Ninh	1638	14A-922.72	Quảng Ninh	3138	14A-921.73	Quảng Ninh	4638	15K-305.73	Hải Phòng
139	14A-918.72	Quảng Ninh	1639	14A-922.93	Quảng Ninh	3139	14A-922.71	Quảng Ninh	4639	15K-306.04	Hải Phòng
140	14A-919.14	Quảng Ninh	1640	14A-923.05	Quảng Ninh	3140	14A-925.42	Quảng Ninh	4640	15K-306.45	Hải Phòng
141	14A-920.58	Quảng Ninh	1641	14A-923.87	Quảng Ninh	3141	14A-927.12	Quảng Ninh	4641	15K-306.97	Hải Phòng
142	14A-922.35	Quảng Ninh	1642	14A-924.13	Quảng Ninh	3142	14A-927.67	Quảng Ninh	4642	15K-308.61	Hải Phòng
143	14A-922.90	Quảng Ninh	1643	14A-924.71	Quảng Ninh	3143	14A-927.90	Quảng Ninh	4643	15K-309.57	Hải Phòng
144	14A-925.30	Quảng Ninh	1644	14A-925.17	Quảng Ninh	3144	14A-928.54	Quảng Ninh	4644	15K-315.23	Hải Phòng
145	14A-926.17	Quảng Ninh	1645	14A-925.32	Quảng Ninh	3145	14A-928.85	Quảng Ninh	4645	15K-315.41	Hải Phòng
146	14A-926.73	Quảng Ninh	1646	14A-925.54	Quảng Ninh	3146	14A-929.12	Quảng Ninh	4646	15K-315.82	Hải Phòng
147	14A-927.32	Quảng Ninh	1647	14A-926.43	Quảng Ninh	3147	14A-929.21	Quảng Ninh	4647	15K-317.40	Hải Phòng
148	14A-927.80	Quảng Ninh	1648	14A-926.59	Quảng Ninh	3148	15K-305.37	Hải Phòng	4648	15K-318.03	Hải Phòng
149	14A-928.36	Quảng Ninh	1649	14A-926.77	Quảng Ninh	3149	15K-306.26	Hải Phòng	4649	15K-318.23	Hải Phòng
150	14A-928.37	Quảng Ninh	1650	14A-927.30	Quảng Ninh	3150	15K-306.40	Hải Phòng	4650	15K-318.34	Hải Phòng
151	14A-928.43	Quảng Ninh	1651	14A-928.22	Quảng Ninh	3151	15K-306.53	Hải Phòng	4651	15K-320.81	Hải Phòng
152	14A-929.02	Quảng Ninh	1652	14A-928.70	Quảng Ninh	3152	15K-307.34	Hải Phòng	4652	15K-321.04	Hải Phòng
153	14A-930.07	Quảng Ninh	1653	14A-929.59	Quảng Ninh	3153	15K-309.42	Hải Phòng	4653	15K-321.35	Hải Phòng
154	15K-305.44	Hải Phòng	1654	15K-305.45	Hải Phòng	3154	15K-310.80	Hải Phòng	4654	15K-321.66	Hải Phòng
155	15K-305.56	Hải Phòng	1655	15K-306.31	Hải Phòng	3155	15K-310.91	Hải Phòng	4655	15K-322.04	Hải Phòng
156	15K-305.62	Hải Phòng	1656	15K-306.62	Hải Phòng	3156	15K-310.98	Hải Phòng	4656	15K-322.43	Hải Phòng
157	15K-305.89	Hải Phòng	1657	15K-307.04	Hải Phòng	3157	15K-312.74	Hải Phòng	4657	15K-323.80	Hải Phòng
158	15K-306.08	Hải Phòng	1658	15K-307.49	Hải Phòng	3158	15K-313.87	Hải Phòng	4658	15K-325.47	Hải Phòng
159	15K-307.20	Hải Phòng	1659	15K-307.84	Hải Phòng	3159	15K-313.91	Hải Phòng	4659	15K-325.48	Hải Phòng
160	15K-307.94	Hải Phòng	1660	15K-308.02	Hải Phòng	3160	15K-314.06	Hải Phòng	4660	15K-325.72	Hải Phòng
161	15K-309.78	Hải Phòng	1661	15K-309.23	Hải Phòng	3161	15K-314.07	Hải Phòng	4661	15K-326.54	Hải Phòng
162	15K-310.36	Hải Phòng	1662	15K-309.63	Hải Phòng	3162	15K-314.20	Hải Phòng	4662	15K-326.61	Hải Phòng
163	15K-310.51	Hải Phòng	1663	15K-309.72	Hải Phòng	3163	15K-315.46	Hải Phòng	4663	15K-326.81	Hải Phòng
164	15K-310.63	Hải Phòng	1664	15K-310.23	Hải Phòng	3164	15K-316.37	Hải Phòng	4664	15K-326.93	Hải Phòng
165	15K-311.43	Hải Phòng	1665	15K-311.42	Hải Phòng	3165	15K-316.82	Hải Phòng	4665	15K-327.97	Hải Phòng
166	15K-311.92	Hải Phòng	1666	15K-311.70	Hải Phòng	3166	15K-318.05	Hải Phòng	4666	15K-328.27	Hải Phòng
167	15K-312.42	Hải Phòng	1667	15K-311.75	Hải Phòng	3167	15K-318.74	Hải Phòng	4667	15K-329.57	Hải Phòng
168	15K-312.73	Hải Phòng	1668	15K-312.43	Hải Phòng	3168	15K-320.49	Hải Phòng	4668	15K-329.71	Hải Phòng
169	15K-314.49	Hải Phòng	1669	15K-313.45	Hải Phòng	3169	15K-320.52	Hải Phòng	4669	15K-329.91	Hải Phòng
170	15K-314.59	Hải Phòng	1670	15K-313.99	Hải Phòng	3170	15K-320.60	Hải Phòng	4670	15K-330.30	Hải Phòng
171	15K-315.14	Hải Phòng	1671	15K-314.65	Hải Phòng	3171	15K-320.62	Hải Phòng	4671	15K-330.41	Hải Phòng
172	15K-315.37	Hải Phòng	1672	15K-315.62	Hải Phòng	3172	15K-321.90	Hải Phòng	4672	15K-330.67	Hải Phòng
173	15K-315.79	Hải Phòng	1673	15K-315.74	Hải Phòng	3173	15K-322.81	Hải Phòng	4673	15K-331.07	Hải Phòng
174	15K-317.02	Hải Phòng	1674	15K-315.84	Hải Phòng	3174	15K-324.14	Hải Phòng	4674	15K-331.32	Hải Phòng
175	15K-318.26	Hải Phòng	1675	15K-317.38	Hải Phòng	3175	15K-324.63	Hải Phòng	4675	15K-331.81	Hải Phòng
176	15K-318.84	Hải Phòng	1676	15K-317.63	Hải Phòng	3176	15K-324.64	Hải Phòng	4676	15K-332.48	Hải Phòng
177	15K-319.73	Hải Phòng	1677	15K-318.09	Hải Phòng	3177	15K-325.61	Hải Phòng	4677	15K-332.49	Hải Phòng
178	15K-320.94	Hải Phòng	1678	15K-320.01	Hải Phòng	3178	15K-326.03	Hải Phòng	4678	15K-333.71	Hải Phòng
179	15K-321.75	Hải Phòng	1679	15K-320.22	Hải Phòng	3179	15K-326.31	Hải Phòng	4679	15K-334.06	Hải Phòng
180	15K-322.53	Hải Phòng	1680	15K-320.43	Hải Phòng	3180	15K-326.40	Hải Phòng	4680	15K-335.42	Hải Phòng
181	15K-323.07	Hải Phòng	1681	15K-321.13	Hải Phòng	3181	15K-326.50	Hải Phòng	4681	15K-335.46	Hải Phòng
182	15K-323.95	Hải Phòng	1682	15K-321.14	Hải Phòng	3182	15K-327.67	Hải Phòng	4682	15K-335.78	Hải Phòng
183	15K-325.64	Hải Phòng	1683	15K-321.50	Hải Phòng	3183	15K-328.14	Hải Phòng	4683	15K-336.07	Hải Phòng
184	15K-325.73	Hải Phòng	1684	15K-321.72	Hải Phòng	3184	15K-328.38	Hải Phòng	4684	15K-336.30	Hải Phòng
185	15K-325.76	Hải Phòng	1685	15K-321.87	Hải Phòng	3185	15K-329.20	Hải Phòng	4685	17A-465.57	Thái Bình
186	15K-326.05	Hải Phòng	1686	15K-322.74	Hải Phòng	3186	15K-329.61	Hải Phòng	4686	17A-466.93	Thái Bình

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
187	15K-326.20	Hải Phòng	1687	15K-324.71	Hải Phòng	3187	15K-329.67	Hải Phòng	4687	17A-467.21	Thái Bình
188	15K-326.36	Hải Phòng	1688	15K-324.84	Hải Phòng	3188	15K-330.22	Hải Phòng	4688	17A-467.83	Thái Bình
189	15K-326.46	Hải Phòng	1689	15K-327.17	Hải Phòng	3189	15K-331.17	Hải Phòng	4689	17A-468.04	Thái Bình
190	15K-327.81	Hải Phòng	1690	15K-327.20	Hải Phòng	3190	15K-331.63	Hải Phòng	4690	18A-457.76	Nam Định
191	15K-328.71	Hải Phòng	1691	15K-328.08	Hải Phòng	3191	15K-332.01	Hải Phòng	4691	18A-457.81	Nam Định
192	15K-328.90	Hải Phòng	1692	15K-328.24	Hải Phòng	3192	15K-332.27	Hải Phòng	4692	18A-459.73	Nam Định
193	15K-329.30	Hải Phòng	1693	15K-328.48	Hải Phòng	3193	15K-333.87	Hải Phòng	4693	18A-460.41	Nam Định
194	15K-329.74	Hải Phòng	1694	15K-328.57	Hải Phòng	3194	15K-334.47	Hải Phòng	4694	18A-460.87	Nam Định
195	15K-329.80	Hải Phòng	1695	15K-328.76	Hải Phòng	3195	15K-334.70	Hải Phòng	4695	18A-461.30	Nam Định
196	15K-330.75	Hải Phòng	1696	15K-330.42	Hải Phòng	3196	15K-335.05	Hải Phòng	4696	18A-461.84	Nam Định
197	15K-331.48	Hải Phòng	1697	15K-330.48	Hải Phòng	3197	15K-335.37	Hải Phòng	4697	18A-462.00	Nam Định
198	15K-332.81	Hải Phòng	1698	15K-330.76	Hải Phòng	3198	15K-336.02	Hải Phòng	4698	18A-462.40	Nam Định
199	15K-332.90	Hải Phòng	1699	15K-332.37	Hải Phòng	3199	15K-336.13	Hải Phòng	4699	18A-462.75	Nam Định
200	15K-333.94	Hải Phòng	1700	15K-332.51	Hải Phòng	3200	15K-336.40	Hải Phòng	4700	18A-463.23	Nam Định
201	15K-335.54	Hải Phòng	1701	15K-332.59	Hải Phòng	3201	17A-466.91	Thái Bình	4701	18A-463.50	Nam Định
202	15K-335.84	Hải Phòng	1702	15K-332.61	Hải Phòng	3202	17A-468.41	Thái Bình	4702	18A-465.06	Nam Định
203	15K-335.87	Hải Phòng	1703	15K-333.62	Hải Phòng	3203	18A-457.36	Nam Định	4703	18A-466.53	Nam Định
204	15K-336.43	Hải Phòng	1704	15K-334.14	Hải Phòng	3204	18A-457.37	Nam Định	4704	18A-466.62	Nam Định
205	17A-465.60	Thái Bình	1705	15K-335.40	Hải Phòng	3205	18A-458.07	Nam Định	4705	18A-467.21	Nam Định
206	17A-466.32	Thái Bình	1706	17A-467.07	Thái Bình	3206	18A-458.72	Nam Định	4706	18D-011.48	Nam Định
207	17A-466.49	Thái Bình	1707	17A-467.08	Thái Bình	3207	18A-458.84	Nam Định	4707	19A-653.20	Phú Thọ
208	17A-467.82	Thái Bình	1708	17A-467.43	Thái Bình	3208	18A-460.27	Nam Định	4708	19A-653.48	Phú Thọ
209	17A-468.25	Thái Bình	1709	17A-467.60	Thái Bình	3209	18A-460.49	Nam Định	4709	19A-653.73	Phú Thọ
210	17A-468.34	Thái Bình	1710	17A-467.94	Thái Bình	3210	18A-460.54	Nam Định	4710	19A-655.03	Phú Thọ
211	18A-457.43	Nam Định	1711	17A-468.54	Thái Bình	3211	18A-461.10	Nam Định	4711	19A-655.42	Phú Thọ
212	18A-458.10	Nam Định	1712	18A-458.61	Nam Định	3212	18A-461.51	Nam Định	4712	19A-655.60	Phú Thọ
213	18A-458.51	Nam Định	1713	18A-458.67	Nam Định	3213	18A-462.52	Nam Định	4713	19A-656.45	Phú Thọ
214	18A-460.14	Nam Định	1714	18A-458.69	Nam Định	3214	18A-462.71	Nam Định	4714	19A-657.69	Phú Thọ
215	18A-460.84	Nam Định	1715	18A-458.81	Nam Định	3215	18A-462.72	Nam Định	4715	19A-658.15	Phú Thọ
216	18A-461.97	Nam Định	1716	18A-460.94	Nam Định	3216	18A-463.21	Nam Định	4716	19A-659.33	Phú Thọ
217	18A-462.05	Nam Định	1717	18A-461.07	Nam Định	3217	18A-463.54	Nam Định	4717	19A-660.20	Phú Thọ
218	18A-462.81	Nam Định	1718	18A-462.48	Nam Định	3218	18A-464.29	Nam Định	4718	19A-660.40	Phú Thọ
219	18A-463.14	Nam Định	1719	18A-462.50	Nam Định	3219	18A-464.62	Nam Định	4719	19A-660.50	Phú Thọ
220	18A-463.62	Nam Định	1720	18A-462.78	Nam Định	3220	18A-465.43	Nam Định	4720	19A-661.65	Phú Thọ
221	18A-464.02	Nam Định	1721	18A-463.72	Nam Định	3221	18A-465.75	Nam Định	4721	19A-662.54	Phú Thọ
222	18A-464.61	Nam Định	1722	18A-464.56	Nam Định	3222	18A-466.70	Nam Định	4722	19A-663.46	Phú Thọ
223	18A-465.31	Nam Định	1723	18A-464.82	Nam Định	3223	18A-467.18	Nam Định	4723	19A-664.94	Phú Thọ
224	18A-465.40	Nam Định	1724	18A-465.05	Nam Định	3224	18A-467.32	Nam Định	4724	19A-665.64	Phú Thọ
225	18A-465.70	Nam Định	1725	18C-167.23	Nam Định	3225	18C-166.27	Nam Định	4725	19A-666.72	Phú Thọ
226	18A-466.28	Nam Định	1726	18D-011.27	Nam Định	3226	18D-011.63	Nam Định	4726	19A-666.82	Phú Thọ
227	18A-466.32	Nam Định	1727	19A-653.34	Phú Thọ	3227	19A-654.77	Phú Thọ	4727	19A-666.90	Phú Thọ
228	19A-653.40	Phú Thọ	1728	19A-653.82	Phú Thọ	3228	19A-655.54	Phú Thọ	4728	19A-667.07	Phú Thọ
229	19A-654.04	Phú Thọ	1729	19A-653.93	Phú Thọ	3229	19A-658.43	Phú Thọ	4729	19A-667.37	Phú Thọ
230	19A-655.14	Phú Thọ	1730	19A-654.23	Phú Thọ	3230	19A-659.52	Phú Thọ	4730	19A-668.71	Phú Thọ
231	19A-655.41	Phú Thọ	1731	19A-654.60	Phú Thọ	3231	19A-659.75	Phú Thọ	4731	19A-669.40	Phú Thọ
232	19A-655.78	Phú Thọ	1732	19A-655.26	Phú Thọ	3232	19A-660.78	Phú Thọ	4732	19A-669.54	Phú Thọ
233	19A-655.97	Phú Thọ	1733	19A-655.94	Phú Thọ	3233	19A-660.84	Phú Thọ	4733	19A-670.80	Phú Thọ
234	19A-656.02	Phú Thọ	1734	19A-656.87	Phú Thọ	3234	19A-662.13	Phú Thọ	4734	19A-670.92	Phú Thọ
235	19A-657.76	Phú Thọ	1735	19A-657.39	Phú Thọ	3235	19A-664.02	Phú Thọ	4735	19A-671.32	Phú Thọ
236	19A-659.82	Phú Thọ	1736	19A-657.52	Phú Thọ	3236	19A-664.50	Phú Thọ	4736	19C-246.31	Phú Thọ
237	19A-660.80	Phú Thọ	1737	19A-657.78	Phú Thọ	3237	19A-664.63	Phú Thọ	4737	19C-246.84	Phú Thọ
238	19A-661.75	Phú Thọ	1738	19A-657.95	Phú Thọ	3238	19A-666.73	Phú Thọ	4738	19C-247.62	Phú Thọ
239	19A-661.82	Phú Thọ	1739	19A-659.91	Phú Thọ	3239	19A-667.22	Phú Thọ	4739	19C-247.91	Phú Thọ
240	19A-661.84	Phú Thọ	1740	19A-660.60	Phú Thọ	3240	19A-668.70	Phú Thọ	4740	19C-248.33	Phú Thọ
241	19A-662.91	Phú Thọ	1741	19A-660.63	Phú Thọ	3241	19A-669.73	Phú Thọ	4741	19C-248.34	Phú Thọ
242	19A-663.27	Phú Thọ	1742	19A-661.71	Phú Thọ	3242	19A-670.62	Phú Thọ	4742	19C-248.44	Phú Thọ
243	19A-663.31	Phú Thọ	1743	19A-662.07	Phú Thọ	3243	19A-670.81	Phú Thọ	4743	19C-248.70	Phú Thọ
244	19A-663.45	Phú Thọ	1744	19A-662.37	Phú Thọ	3244	19C-246.60	Phú Thọ	4744	20A-791.13	Thái Nguyên
245	19A-664.41	Phú Thọ	1745	19A-662.45	Phú Thọ	3245	19C-246.62	Phú Thọ	4745	20A-791.51	Thái Nguyên
246	19A-664.59	Phú Thọ	1746	19A-663.32	Phú Thọ	3246	19C-246.67	Phú Thọ	4746	20A-791.80	Thái Nguyên
247	19A-664.83	Phú Thọ	1747	19A-663.47	Phú Thọ	3247	19C-247.22	Phú Thọ	4747	20A-792.34	Thái Nguyên
248	19A-665.16	Phú Thọ	1748	19A-664.84	Phú Thọ	3248	19C-247.32	Phú Thọ	4748	20A-792.73	Thái Nguyên
249	19A-665.78	Phú Thọ	1749	19A-665.13	Phú Thọ	3249	19C-247.34	Phú Thọ	4749	20A-793.01	Thái Nguyên

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
250	19A-666.10	Phú Thọ	1750	19A-666.20	Phú Thọ	3250	19C-249.07	Phú Thọ	4750	20A-794.01	Thái Nguyên
251	19A-667.40	Phú Thọ	1751	19A-667.41	Phú Thọ	3251	20A-791.32	Thái Nguyên	4751	20A-794.62	Thái Nguyên
252	19A-667.49	Phú Thọ	1752	19A-667.90	Phú Thọ	3252	20A-791.53	Thái Nguyên	4752	20A-795.13	Thái Nguyên
253	19A-668.48	Phú Thọ	1753	19A-668.05	Phú Thọ	3253	20A-792.54	Thái Nguyên	4753	20A-795.54	Thái Nguyên
254	19A-670.27	Phú Thọ	1754	19A-668.62	Phú Thọ	3254	20A-793.80	Thái Nguyên	4754	20A-796.48	Thái Nguyên
255	19A-670.49	Phú Thọ	1755	19A-669.07	Phú Thọ	3255	20A-794.47	Thái Nguyên	4755	20A-797.42	Thái Nguyên
256	19C-247.31	Phú Thọ	1756	19A-669.24	Phú Thọ	3256	20A-794.50	Thái Nguyên	4756	20A-798.05	Thái Nguyên
257	19C-247.71	Phú Thọ	1757	19A-669.75	Phú Thọ	3257	20A-794.55	Thái Nguyên	4757	20A-798.42	Thái Nguyên
258	19C-248.13	Phú Thọ	1758	19A-670.97	Phú Thọ	3258	20A-795.00	Thái Nguyên	4758	20A-802.53	Thái Nguyên
259	19C-248.51	Phú Thọ	1759	19A-670.98	Phú Thọ	3259	20A-795.71	Thái Nguyên	4759	20A-803.81	Thái Nguyên
260	19C-248.75	Phú Thọ	1760	19C-246.14	Phú Thọ	3260	20A-796.16	Thái Nguyên	4760	20A-804.24	Thái Nguyên
261	19C-248.98	Phú Thọ	1761	19C-247.25	Phú Thọ	3261	20A-796.40	Thái Nguyên	4761	20A-805.27	Thái Nguyên
262	20A-791.43	Thái Nguyên	1762	20A-786.79	Thái Nguyên	3262	20A-796.50	Thái Nguyên	4762	20A-805.92	Thái Nguyên
263	20A-792.23	Thái Nguyên	1763	20A-788.33	Thái Nguyên	3263	20A-796.57	Thái Nguyên	4763	20A-806.19	Thái Nguyên
264	20A-793.14	Thái Nguyên	1764	20A-791.15	Thái Nguyên	3264	20A-796.73	Thái Nguyên	4764	20A-806.28	Thái Nguyên
265	20A-793.62	Thái Nguyên	1765	20A-791.97	Thái Nguyên	3265	20A-797.61	Thái Nguyên	4765	20A-806.42	Thái Nguyên
266	20A-794.02	Thái Nguyên	1766	20A-792.76	Thái Nguyên	3266	20A-799.72	Thái Nguyên	4766	20A-809.75	Thái Nguyên
267	20A-794.21	Thái Nguyên	1767	20A-792.86	Thái Nguyên	3267	20A-800.02	Thái Nguyên	4767	20A-809.87	Thái Nguyên
268	20A-795.70	Thái Nguyên	1768	20A-796.64	Thái Nguyên	3268	20A-800.48	Thái Nguyên	4768	20A-810.60	Thái Nguyên
269	20A-797.37	Thái Nguyên	1769	20A-797.31	Thái Nguyên	3269	20A-800.77	Thái Nguyên	4769	20A-811.21	Thái Nguyên
270	20A-797.49	Thái Nguyên	1770	20A-797.73	Thái Nguyên	3270	20A-801.92	Thái Nguyên	4770	20B-032.10	Thái Nguyên
271	20A-798.33	Thái Nguyên	1771	20A-799.13	Thái Nguyên	3271	20A-802.00	Thái Nguyên	4771	20C-290.63	Thái Nguyên
272	20A-798.40	Thái Nguyên	1772	20A-800.42	Thái Nguyên	3272	20A-802.07	Thái Nguyên	4772	20C-291.42	Thái Nguyên
273	20A-799.73	Thái Nguyên	1773	20A-800.86	Thái Nguyên	3273	20A-802.34	Thái Nguyên	4773	20C-292.01	Thái Nguyên
274	20A-801.26	Thái Nguyên	1774	20A-801.32	Thái Nguyên	3274	20A-805.45	Thái Nguyên	4774	20C-292.12	Thái Nguyên
275	20A-801.35	Thái Nguyên	1775	20A-801.40	Thái Nguyên	3275	20A-805.54	Thái Nguyên	4775	20C-292.48	Thái Nguyên
276	20A-801.75	Thái Nguyên	1776	20A-802.62	Thái Nguyên	3276	20A-805.81	Thái Nguyên	4776	20C-292.82	Thái Nguyên
277	20A-803.14	Thái Nguyên	1777	20A-802.77	Thái Nguyên	3277	20A-807.12	Thái Nguyên	4777	20C-293.90	Thái Nguyên
278	20A-803.46	Thái Nguyên	1778	20A-802.94	Thái Nguyên	3278	20A-807.20	Thái Nguyên	4778	20C-293.98	Thái Nguyên
279	20A-804.46	Thái Nguyên	1779	20A-803.65	Thái Nguyên	3279	20A-807.52	Thái Nguyên	4779	20C-294.76	Thái Nguyên
280	20A-806.10	Thái Nguyên	1780	20A-803.71	Thái Nguyên	3280	20A-808.08	Thái Nguyên	4780	20C-295.64	Thái Nguyên
281	20A-806.32	Thái Nguyên	1781	20A-803.97	Thái Nguyên	3281	20A-808.48	Thái Nguyên	4781	20C-296.01	Thái Nguyên
282	20A-806.82	Thái Nguyên	1782	20A-805.46	Thái Nguyên	3282	20A-808.74	Thái Nguyên	4782	21A-207.13	Yên Bái
283	20A-807.74	Thái Nguyên	1783	20A-805.75	Thái Nguyên	3283	20A-810.08	Thái Nguyên	4783	21A-207.17	Yên Bái
284	20A-808.07	Thái Nguyên	1784	20A-806.44	Thái Nguyên	3284	20A-810.67	Thái Nguyên	4784	21A-207.45	Yên Bái
285	20A-808.20	Thái Nguyên	1785	20A-806.46	Thái Nguyên	3285	20A-810.97	Thái Nguyên	4785	21A-207.50	Yên Bái
286	20A-808.34	Thái Nguyên	1786	20A-808.14	Thái Nguyên	3286	20A-811.04	Thái Nguyên	4786	21A-208.05	Yên Bái
287	20A-808.47	Thái Nguyên	1787	20A-810.37	Thái Nguyên	3287	20C-290.00	Thái Nguyên	4787	21A-209.35	Yên Bái
288	20A-809.01	Thái Nguyên	1788	20A-810.54	Thái Nguyên	3288	20C-291.51	Thái Nguyên	4788	21A-209.70	Yên Bái
289	20A-810.03	Thái Nguyên	1789	20C-287.68	Thái Nguyên	3289	20C-291.90	Thái Nguyên	4789	21A-209.81	Yên Bái
290	20A-810.22	Thái Nguyên	1790	20C-287.78	Thái Nguyên	3290	20C-291.94	Thái Nguyên	4790	21A-209.91	Yên Bái
291	20A-810.38	Thái Nguyên	1791	20C-289.09	Thái Nguyên	3291	20C-293.37	Thái Nguyên	4791	21D-003.77	Yên Bái
292	20A-810.70	Thái Nguyên	1792	20C-291.77	Thái Nguyên	3292	20C-294.01	Thái Nguyên	4792	22A-250.63	Tuyên Quang
293	20A-810.75	Thái Nguyên	1793	20C-292.34	Thái Nguyên	3293	20C-294.48	Thái Nguyên	4793	22A-251.21	Tuyên Quang
294	20C-290.51	Thái Nguyên	1794	20C-293.78	Thái Nguyên	3294	20C-294.62	Thái Nguyên	4794	22A-251.95	Tuyên Quang
295	20C-291.37	Thái Nguyên	1795	20C-295.21	Thái Nguyên	3295	20C-296.05	Thái Nguyên	4795	22A-252.03	Tuyên Quang
296	20C-291.80	Thái Nguyên	1796	20C-295.94	Thái Nguyên	3296	20D-028.04	Thái Nguyên	4796	22A-252.14	Tuyên Quang
297	20C-293.21	Thái Nguyên	1797	21A-208.10	Yên Bái	3297	20D-028.41	Thái Nguyên	4797	22A-252.74	Tuyên Quang
298	20C-294.51	Thái Nguyên	1798	21A-209.34	Yên Bái	3298	21A-207.04	Yên Bái	4798	22A-252.81	Tuyên Quang
299	20C-294.84	Thái Nguyên	1799	21A-209.40	Yên Bái	3299	21A-207.68	Yên Bái	4799	22A-254.32	Tuyên Quang
300	20C-295.14	Thái Nguyên	1800	21A-210.31	Yên Bái	3300	21A-207.89	Yên Bái	4800	22A-254.57	Tuyên Quang
301	20C-295.84	Thái Nguyên	1801	21A-210.77	Yên Bái	3301	21A-207.94	Yên Bái	4801	22A-254.61	Tuyên Quang
302	20D-028.48	Thái Nguyên	1802	21A-210.78	Yên Bái	3302	21A-208.81	Yên Bái	4802	22A-254.84	Tuyên Quang
303	21A-208.21	Yên Bái	1803	21C-103.44	Yên Bái	3303	21A-209.48	Yên Bái	4803	22A-255.49	Tuyên Quang
304	21A-208.23	Yên Bái	1804	22A-250.74	Tuyên Quang	3304	21A-210.04	Yên Bái	4804	22C-108.67	Tuyên Quang
305	21A-208.49	Yên Bái	1805	22A-251.10	Tuyên Quang	3305	21C-103.66	Yên Bái	4805	24A-294.39	Lào Cai
306	21A-209.30	Yên Bái	1806	22A-251.49	Tuyên Quang	3306	21D-003.57	Yên Bái	4806	24A-300.31	Lào Cai
307	21A-209.61	Yên Bái	1807	22A-251.90	Tuyên Quang	3307	22A-252.94	Tuyên Quang	4807	24A-300.60	Lào Cai
308	21A-210.48	Yên Bái	1808	22A-252.07	Tuyên Quang	3308	22A-252.95	Tuyên Quang	4808	24A-300.73	Lào Cai
309	21A-210.84	Yên Bái	1809	22A-253.48	Tuyên Quang	3309	22A-253.11	Tuyên Quang	4809	24A-301.04	Lào Cai
310	22A-251.64	Tuyên Quang	1810	22A-254.71	Tuyên Quang	3310	22A-253.71	Tuyên Quang	4810	24A-301.27	Lào Cai
311	22A-252.61	Tuyên Quang	1811	22A-255.36	Tuyên Quang	3311	22A-254.04	Tuyên Quang	4811	24A-302.74	Lào Cai
312	22A-253.91	Tuyên Quang	1812	22A-255.61	Tuyên Quang	3312	22A-255.23	Tuyên Quang	4812	24A-302.82	Lào Cai

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
313	22A-253.93	Tuyên Quang	1813	22A-255.77	Tuyên Quang	3313	22A-256.03	Tuyên Quang	4813	24C-154.47	Lào Cai
314	22A-254.07	Tuyên Quang	1814	22C-108.61	Tuyên Quang	3314	22A-256.07	Tuyên Quang	4814	24C-154.49	Lào Cai
315	22A-254.22	Tuyên Quang	1815	22C-109.24	Tuyên Quang	3315	22C-108.72	Tuyên Quang	4815	24C-154.92	Lào Cai
316	22A-254.73	Tuyên Quang	1816	22C-109.40	Tuyên Quang	3316	22C-108.95	Tuyên Quang	4816	24C-155.35	Lào Cai
317	22A-256.04	Tuyên Quang	1817	22D-006.61	Tuyên Quang	3317	22C-109.37	Tuyên Quang	4817	24C-155.73	Lào Cai
318	22C-106.89	Tuyên Quang	1818	23C-086.17	Hà Giang	3318	23C-086.81	Hà Giang	4818	24C-156.63	Lào Cai
319	22C-108.15	Tuyên Quang	1819	23C-086.24	Hà Giang	3319	23D-004.47	Hà Giang	4819	24C-157.40	Lào Cai
320	22C-108.94	Tuyên Quang	1820	24A-290.85	Lào Cai	3320	24A-299.58	Lào Cai	4820	24D-006.27	Lào Cai
321	22C-109.30	Tuyên Quang	1821	24A-300.02	Lào Cai	3321	24A-300.14	Lào Cai	4821	26A-219.05	Sơn La
322	22C-109.39	Tuyên Quang	1822	24A-300.36	Lào Cai	3322	24A-301.82	Lào Cai	4822	26A-219.14	Sơn La
323	23C-086.39	Hà Giang	1823	24A-301.17	Lào Cai	3323	24A-302.80	Lào Cai	4823	26A-219.48	Sơn La
324	23C-086.52	Hà Giang	1824	24A-301.96	Lào Cai	3324	24C-154.48	Lào Cai	4824	26A-220.05	Sơn La
325	23D-004.39	Hà Giang	1825	24A-302.60	Lào Cai	3325	24C-155.02	Lào Cai	4825	26A-220.82	Sơn La
326	24A-300.77	Lào Cai	1826	24A-302.62	Lào Cai	3326	24C-155.43	Lào Cai	4826	26A-221.60	Sơn La
327	24A-301.38	Lào Cai	1827	24A-302.70	Lào Cai	3327	24C-155.45	Lào Cai	4827	26A-221.76	Sơn La
328	24A-302.17	Lào Cai	1828	24A-302.79	Lào Cai	3328	24C-156.24	Lào Cai	4828	26A-221.80	Sơn La
329	24A-302.92	Lào Cai	1829	24A-303.40	Lào Cai	3329	24C-156.32	Lào Cai	4829	26A-223.03	Sơn La
330	24A-303.67	Lào Cai	1830	24A-303.49	Lào Cai	3330	24C-157.50	Lào Cai	4830	26A-223.04	Sơn La
331	24C-154.70	Lào Cai	1831	24C-155.74	Lào Cai	3331	26A-219.76	Sơn La	4831	26B-015.67	Sơn La
332	24C-154.74	Lào Cai	1832	24C-156.49	Lào Cai	3332	26A-220.37	Sơn La	4832	26C-149.36	Sơn La
333	24C-155.20	Lào Cai	1833	24C-157.52	Lào Cai	3333	26A-221.04	Sơn La	4833	26C-152.62	Sơn La
334	24C-155.67	Lào Cai	1834	26A-218.43	Sơn La	3334	26A-221.24	Sơn La	4834	26C-152.75	Sơn La
335	24C-156.01	Lào Cai	1835	26A-220.13	Sơn La	3335	26A-222.82	Sơn La	4835	26C-153.74	Sơn La
336	24C-156.34	Lào Cai	1836	26A-221.25	Sơn La	3336	26A-223.13	Sơn La	4836	26C-153.97	Sơn La
337	24C-156.97	Lào Cai	1837	26A-221.36	Sơn La	3337	26C-152.10	Sơn La	4837	26C-154.25	Sơn La
338	24C-157.45	Lào Cai	1838	26A-221.52	Sơn La	3338	26C-152.20	Sơn La	4838	26C-154.38	Sơn La
339	26A-218.63	Sơn La	1839	26A-222.64	Sơn La	3339	26C-152.91	Sơn La	4839	26C-155.84	Sơn La
340	26A-218.64	Sơn La	1840	26B-015.84	Sơn La	3340	26C-153.91	Sơn La	4840	27D-003.19	Điện Biên
341	26A-218.91	Sơn La	1841	26C-151.77	Sơn La	3341	26C-154.23	Sơn La	4841	28A-242.76	Hòa Bình
342	26A-219.92	Sơn La	1842	26C-153.05	Sơn La	3342	26C-154.24	Sơn La	4842	28A-242.93	Hòa Bình
343	26A-221.97	Sơn La	1843	26C-153.45	Sơn La	3343	26C-154.29	Sơn La	4843	28A-243.84	Hòa Bình
344	26C-152.63	Sơn La	1844	26C-153.92	Sơn La	3344	26C-155.37	Sơn La	4844	28A-244.12	Hòa Bình
345	26C-153.86	Sơn La	1845	26C-154.30	Sơn La	3345	26C-155.82	Sơn La	4845	28A-244.73	Hòa Bình
346	26C-154.50	Sơn La	1846	27B-010.72	Điện Biên	3346	26C-156.21	Sơn La	4846	28A-245.62	Hòa Bình
347	26C-155.75	Sơn La	1847	27B-010.75	Điện Biên	3347	27B-010.79	Điện Biên	4847	28A-245.91	Hòa Bình
348	27B-010.91	Điện Biên	1848	27C-070.81	Điện Biên	3348	27B-010.85	Điện Biên	4848	28A-246.73	Hòa Bình
349	27C-067.67	Điện Biên	1849	28A-242.96	Hòa Bình	3349	27C-070.41	Điện Biên	4849	28C-109.59	Hòa Bình
350	27C-070.48	Điện Biên	1850	28A-242.97	Hòa Bình	3350	27C-070.43	Điện Biên	4850	28C-113.77	Hòa Bình
351	27C-070.53	Điện Biên	1851	28A-243.44	Hòa Bình	3351	27C-070.46	Điện Biên	4851	28C-114.00	Hòa Bình
352	27C-070.76	Điện Biên	1852	28A-243.50	Hòa Bình	3352	27C-070.57	Điện Biên	4852	28C-115.17	Hòa Bình
353	28A-243.70	Hòa Bình	1853	28A-243.57	Hòa Bình	3353	28A-243.26	Hòa Bình	4853	28C-115.87	Hòa Bình
354	28A-243.97	Hòa Bình	1854	28A-245.70	Hòa Bình	3354	28A-243.72	Hòa Bình	4854	28C-116.20	Hòa Bình
355	28A-245.49	Hòa Bình	1855	28A-246.34	Hòa Bình	3355	28A-243.73	Hòa Bình	4855	29K-199.16	Hà Nội
356	28A-246.80	Hòa Bình	1856	28C-115.67	Hòa Bình	3356	28A-243.81	Hòa Bình	4856	29K-201.23	Hà Nội
357	28B-014.05	Hòa Bình	1857	28C-116.07	Hòa Bình	3357	28A-244.07	Hòa Bình	4857	29K-201.30	Hà Nội
358	28C-115.73	Hòa Bình	1858	28C-116.34	Hòa Bình	3358	28A-244.34	Hòa Bình	4858	29K-201.42	Hà Nội
359	28D-004.42	Hòa Bình	1859	28D-004.48	Hòa Bình	3359	28A-245.43	Hòa Bình	4859	29K-203.62	Hà Nội
360	28D-004.49	Hòa Bình	1860	29K-196.00	Hà Nội	3360	28A-245.82	Hòa Bình	4860	29K-203.78	Hà Nội
361	29K-194.44	Hà Nội	1861	29K-200.49	Hà Nội	3361	28A-245.93	Hòa Bình	4861	29K-203.91	Hà Nội
362	29K-199.11	Hà Nội	1862	29K-201.72	Hà Nội	3362	28A-246.07	Hòa Bình	4862	29K-205.37	Hà Nội
363	29K-200.63	Hà Nội	1863	29K-202.45	Hà Nội	3363	28A-246.74	Hòa Bình	4863	29K-205.67	Hà Nội
364	29K-200.83	Hà Nội	1864	29K-202.63	Hà Nội	3364	28A-247.12	Hòa Bình	4864	29K-207.04	Hà Nội
365	29K-201.21	Hà Nội	1865	29K-203.01	Hà Nội	3365	28C-109.89	Hòa Bình	4865	29K-207.76	Hà Nội
366	29K-201.27	Hà Nội	1866	29K-203.74	Hà Nội	3366	28C-116.01	Hòa Bình	4866	29K-207.92	Hà Nội
367	29K-201.67	Hà Nội	1867	29K-204.49	Hà Nội	3367	28D-004.34	Hòa Bình	4867	29K-208.73	Hà Nội
368	29K-202.13	Hà Nội	1868	29K-204.55	Hà Nội	3368	28D-004.39	Hòa Bình	4868	29K-209.17	Hà Nội
369	29K-202.31	Hà Nội	1869	29K-204.72	Hà Nội	3369	28D-004.51	Hòa Bình	4869	29K-210.83	Hà Nội
370	29K-202.94	Hà Nội	1870	29K-204.87	Hà Nội	3370	29K-193.38	Hà Nội	4870	29K-210.95	Hà Nội
371	29K-204.73	Hà Nội	1871	29K-204.91	Hà Nội	3371	29K-200.48	Hà Nội	4871	29K-211.32	Hà Nội
372	29K-206.99	Hà Nội	1872	29K-205.47	Hà Nội	3372	29K-202.21	Hà Nội	4872	29K-211.45	Hà Nội
373	29K-207.06	Hà Nội	1873	29K-206.57	Hà Nội	3373	29K-202.73	Hà Nội	4873	29K-211.91	Hà Nội
374	29K-207.30	Hà Nội	1874	29K-206.74	Hà Nội	3374	29K-204.71	Hà Nội	4874	29K-212.94	Hà Nội
375	29K-208.40	Hà Nội	1875	29K-206.94	Hà Nội	3375	29K-205.03	Hà Nội	4875	29K-213.53	Hà Nội

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
376	29K-211.02	Hà Nội	1876	29K-206.95	Hà Nội	3376	29K-205.82	Hà Nội	4876	29K-214.70	Hà Nội
377	29K-211.44	Hà Nội	1877	29K-207.87	Hà Nội	3377	29K-206.80	Hà Nội	4877	29K-215.31	Hà Nội
378	29K-213.04	Hà Nội	1878	29K-209.23	Hà Nội	3378	29K-208.51	Hà Nội	4878	29K-217.50	Hà Nội
379	29K-213.59	Hà Nội	1879	29K-209.46	Hà Nội	3379	29K-208.56	Hà Nội	4879	29K-218.60	Hà Nội
380	29K-215.43	Hà Nội	1880	29K-209.84	Hà Nội	3380	29K-209.14	Hà Nội	4880	29K-219.97	Hà Nội
381	29K-215.71	Hà Nội	1881	29K-209.91	Hà Nội	3381	29K-209.57	Hà Nội	4881	34A-825.20	Hải Dương
382	29K-215.97	Hà Nội	1882	29K-209.92	Hà Nội	3382	29K-209.60	Hà Nội	4882	34A-825.71	Hải Dương
383	29K-216.24	Hà Nội	1883	29K-210.23	Hà Nội	3383	29K-209.80	Hà Nội	4883	34A-825.80	Hải Dương
384	29K-217.04	Hà Nội	1884	29K-210.37	Hà Nội	3384	29K-210.05	Hà Nội	4884	34A-826.93	Hải Dương
385	29K-217.07	Hà Nội	1885	29K-210.47	Hà Nội	3385	29K-211.38	Hà Nội	4885	34A-828.49	Hải Dương
386	29K-218.47	Hà Nội	1886	29K-210.75	Hà Nội	3386	29K-212.01	Hà Nội	4886	34A-829.20	Hải Dương
387	29K-218.48	Hà Nội	1887	29K-211.34	Hà Nội	3387	29K-213.48	Hà Nội	4887	34A-829.51	Hải Dương
388	29K-218.54	Hà Nội	1888	29K-211.84	Hà Nội	3388	29K-214.02	Hà Nội	4888	34A-830.62	Hải Dương
389	29K-218.78	Hà Nội	1889	29K-213.90	Hà Nội	3389	29K-214.23	Hà Nội	4889	34A-832.04	Hải Dương
390	29K-219.19	Hà Nội	1890	29K-214.61	Hà Nội	3390	29K-215.62	Hà Nội	4890	34A-832.53	Hải Dương
391	29K-219.40	Hà Nội	1891	29K-215.24	Hà Nội	3391	29K-217.87	Hà Nội	4891	34A-833.67	Hải Dương
392	29K-219.53	Hà Nội	1892	29K-215.40	Hà Nội	3392	29K-217.97	Hà Nội	4892	34A-833.80	Hải Dương
393	29K-219.63	Hà Nội	1893	29K-216.97	Hà Nội	3393	29K-218.41	Hà Nội	4893	34A-834.03	Hải Dương
394	34A-825.46	Hải Dương	1894	29K-217.23	Hà Nội	3394	29K-219.52	Hà Nội	4894	34A-834.11	Hải Dương
395	34A-825.54	Hải Dương	1895	29K-219.45	Hà Nội	3395	34A-824.36	Hải Dương	4895	34A-834.38	Hải Dương
396	34A-826.01	Hải Dương	1896	34A-825.64	Hải Dương	3396	34A-826.13	Hải Dương	4896	34A-834.50	Hải Dương
397	34A-827.92	Hải Dương	1897	34A-826.45	Hải Dương	3397	34A-827.11	Hải Dương	4897	34A-835.40	Hải Dương
398	34A-828.52	Hải Dương	1898	34A-826.47	Hải Dương	3398	34A-827.70	Hải Dương	4898	34A-836.11	Hải Dương
399	34A-830.01	Hải Dương	1899	34A-826.90	Hải Dương	3399	34A-828.05	Hải Dương	4899	34A-837.40	Hải Dương
400	34A-830.07	Hải Dương	1900	34A-827.62	Hải Dương	3400	34A-829.40	Hải Dương	4900	34A-837.45	Hải Dương
401	34A-831.04	Hải Dương	1901	34A-827.83	Hải Dương	3401	34A-829.81	Hải Dương	4901	34A-838.53	Hải Dương
402	34A-831.40	Hải Dương	1902	34A-828.60	Hải Dương	3402	34A-830.57	Hải Dương	4902	34A-839.40	Hải Dương
403	34A-831.80	Hải Dương	1903	34A-828.92	Hải Dương	3403	34A-830.67	Hải Dương	4903	34A-839.41	Hải Dương
404	34A-832.51	Hải Dương	1904	34A-829.64	Hải Dương	3404	34A-830.93	Hải Dương	4904	34A-840.21	Hải Dương
405	34A-833.01	Hải Dương	1905	34A-830.29	Hải Dương	3405	34A-832.06	Hải Dương	4905	34A-840.61	Hải Dương
406	34A-833.45	Hải Dương	1906	34A-830.80	Hải Dương	3406	34A-832.29	Hải Dương	4906	34A-841.30	Hải Dương
407	34A-833.97	Hải Dương	1907	34A-830.91	Hải Dương	3407	34A-832.88	Hải Dương	4907	34A-841.62	Hải Dương
408	34A-834.60	Hải Dương	1908	34A-832.36	Hải Dương	3408	34A-832.93	Hải Dương	4908	34A-842.12	Hải Dương
409	34A-834.84	Hải Dương	1909	34A-832.78	Hải Dương	3409	34A-833.13	Hải Dương	4909	34A-843.06	Hải Dương
410	34A-834.89	Hải Dương	1910	34A-832.87	Hải Dương	3410	34A-833.93	Hải Dương	4910	34A-844.27	Hải Dương
411	34A-835.72	Hải Dương	1911	34A-833.05	Hải Dương	3411	34A-834.24	Hải Dương	4911	34A-844.76	Hải Dương
412	34A-837.75	Hải Dương	1912	34A-833.71	Hải Dương	3412	34A-834.75	Hải Dương	4912	34A-844.92	Hải Dương
413	34A-837.97	Hải Dương	1913	34A-835.10	Hải Dương	3413	34A-835.34	Hải Dương	4913	34A-845.76	Hải Dương
414	34A-838.10	Hải Dương	1914	34A-835.43	Hải Dương	3414	34A-835.47	Hải Dương	4914	34A-846.10	Hải Dương
415	34A-838.45	Hải Dương	1915	34A-836.23	Hải Dương	3415	34A-835.49	Hải Dương	4915	34A-846.41	Hải Dương
416	34A-839.14	Hải Dương	1916	34A-836.94	Hải Dương	3416	34A-835.74	Hải Dương	4916	34A-847.81	Hải Dương
417	34A-839.70	Hải Dương	1917	34A-837.14	Hải Dương	3417	34A-835.96	Hải Dương	4917	34A-848.04	Hải Dương
418	34A-840.18	Hải Dương	1918	34A-837.34	Hải Dương	3418	34A-836.18	Hải Dương	4918	34A-849.23	Hải Dương
419	34A-841.10	Hải Dương	1919	34A-838.24	Hải Dương	3419	34A-837.27	Hải Dương	4919	34A-850.61	Hải Dương
420	34A-842.87	Hải Dương	1920	34A-838.42	Hải Dương	3420	34A-837.62	Hải Dương	4920	34A-851.04	Hải Dương
421	34A-843.87	Hải Dương	1921	34A-840.43	Hải Dương	3421	34A-837.81	Hải Dương	4921	34A-851.07	Hải Dương
422	34A-844.21	Hải Dương	1922	34A-843.49	Hải Dương	3422	34A-839.21	Hải Dương	4922	34A-851.54	Hải Dương
423	34A-844.64	Hải Dương	1923	34A-845.10	Hải Dương	3423	34A-840.51	Hải Dương	4923	34A-851.75	Hải Dương
424	34A-844.69	Hải Dương	1924	34A-845.51	Hải Dương	3424	34A-840.71	Hải Dương	4924	34A-852.49	Hải Dương
425	34A-845.69	Hải Dương	1925	34A-845.52	Hải Dương	3425	34A-840.87	Hải Dương	4925	34A-852.60	Hải Dương
426	34A-846.20	Hải Dương	1926	34A-846.91	Hải Dương	3426	34A-841.14	Hải Dương	4926	34A-853.43	Hải Dương
427	34A-846.53	Hải Dương	1927	34A-847.23	Hải Dương	3427	34A-841.45	Hải Dương	4927	34A-853.93	Hải Dương
428	34A-846.76	Hải Dương	1928	34A-847.41	Hải Dương	3428	34A-842.04	Hải Dương	4928	34A-854.31	Hải Dương
429	34A-847.42	Hải Dương	1929	34A-848.23	Hải Dương	3429	34A-842.23	Hải Dương	4929	34A-854.64	Hải Dương
430	34A-847.67	Hải Dương	1930	34A-849.05	Hải Dương	3430	34A-842.75	Hải Dương	4930	34A-854.75	Hải Dương
431	34A-848.07	Hải Dương	1931	34A-849.43	Hải Dương	3431	34A-843.09	Hải Dương	4931	34C-401.15	Hải Dương
432	34A-849.76	Hải Dương	1932	34A-849.50	Hải Dương	3432	34A-843.85	Hải Dương	4932	34C-401.56	Hải Dương
433	34A-850.42	Hải Dương	1933	34A-849.80	Hải Dương	3433	34A-843.94	Hải Dương	4933	34C-402.41	Hải Dương
434	34A-852.21	Hải Dương	1934	34A-849.90	Hải Dương	3434	34A-844.30	Hải Dương	4934	34C-404.12	Hải Dương
435	34A-852.37	Hải Dương	1935	34A-850.13	Hải Dương	3435	34A-846.43	Hải Dương	4935	34C-404.63	Hải Dương
436	34A-852.86	Hải Dương	1936	34A-850.34	Hải Dương	3436	34A-846.89	Hải Dương	4936	34C-404.84	Hải Dương
437	34A-854.21	Hải Dương	1937	34A-850.35	Hải Dương	3437	34A-847.64	Hải Dương	4937	34C-405.03	Hải Dương
438	34A-854.42	Hải Dương	1938	34A-850.41	Hải Dương	3438	34A-848.42	Hải Dương	4938	34C-405.63	Hải Dương

Ca đấu buổi sáng

Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
439	34A-854.46	Hải Dương	1939	34A-850.57	Hải Dương	3439	34A-848.63	Hải Dương	4939	34C-406.32	Hải Dương
440	34A-854.80	Hải Dương	1940	34A-851.45	Hải Dương	3440	34A-849.01	Hải Dương	4940	34C-407.57	Hải Dương
441	34A-855.51	Hải Dương	1941	34A-851.78	Hải Dương	3441	34A-852.46	Hải Dương	4941	34C-408.03	Hải Dương
442	34C-400.53	Hải Dương	1942	34A-851.94	Hải Dương	3442	34A-853.40	Hải Dương	4942	34C-408.76	Hải Dương
443	34C-401.81	Hải Dương	1943	34A-852.08	Hải Dương	3443	34A-855.13	Hải Dương	4943	35A-435.45	Ninh Bình
444	34C-402.52	Hải Dương	1944	34A-852.40	Hải Dương	3444	34C-400.49	Hải Dương	4944	35A-435.50	Ninh Bình
445	34C-402.62	Hải Dương	1945	34A-853.63	Hải Dương	3445	34C-400.84	Hải Dương	4945	35A-435.74	Ninh Bình
446	34C-403.14	Hải Dương	1946	34A-853.78	Hải Dương	3446	34C-404.14	Hải Dương	4946	35A-436.06	Ninh Bình
447	34C-404.39	Hải Dương	1947	34A-853.87	Hải Dương	3447	34C-405.42	Hải Dương	4947	35A-436.24	Ninh Bình
448	34C-405.50	Hải Dương	1948	34A-854.30	Hải Dương	3448	34C-406.37	Hải Dương	4948	35A-437.27	Ninh Bình
449	34C-405.76	Hải Dương	1949	34A-854.32	Hải Dương	3449	34C-406.74	Hải Dương	4949	35A-438.46	Ninh Bình
450	34C-406.11	Hải Dương	1950	34A-855.75	Hải Dương	3450	34C-406.76	Hải Dương	4950	35A-439.08	Ninh Bình
451	34C-406.14	Hải Dương	1951	34A-856.04	Hải Dương	3451	34C-408.84	Hải Dương	4951	35A-439.31	Ninh Bình
452	34C-406.24	Hải Dương	1952	34C-400.78	Hải Dương	3452	34D-035.02	Hải Dương	4952	35A-440.37	Ninh Bình
453	34C-406.64	Hải Dương	1953	34C-401.78	Hải Dương	3453	35A-434.67	Ninh Bình	4953	35A-440.42	Ninh Bình
454	34C-406.68	Hải Dương	1954	34C-402.59	Hải Dương	3454	35A-436.71	Ninh Bình	4954	35A-442.46	Ninh Bình
455	34C-409.07	Hải Dương	1955	34C-402.76	Hải Dương	3455	35A-436.81	Ninh Bình	4955	35A-442.73	Ninh Bình
456	35A-434.13	Ninh Bình	1956	34C-402.89	Hải Dương	3456	35A-437.02	Ninh Bình	4956	35A-443.20	Ninh Bình
457	35A-434.23	Ninh Bình	1957	34C-403.84	Hải Dương	3457	35A-438.13	Ninh Bình	4957	35A-443.60	Ninh Bình
458	35A-434.57	Ninh Bình	1958	34C-404.67	Hải Dương	3458	35A-438.32	Ninh Bình	4958	35A-443.93	Ninh Bình
459	35A-434.87	Ninh Bình	1959	34C-407.51	Hải Dương	3459	35A-438.63	Ninh Bình	4959	35A-444.20	Ninh Bình
460	35A-434.94	Ninh Bình	1960	35A-434.02	Ninh Bình	3460	35A-438.76	Ninh Bình	4960	35C-164.79	Ninh Bình
461	35A-435.93	Ninh Bình	1961	35A-434.50	Ninh Bình	3461	35A-439.61	Ninh Bình	4961	35C-171.66	Ninh Bình
462	35A-438.31	Ninh Bình	1962	35A-434.75	Ninh Bình	3462	35A-439.91	Ninh Bình	4962	35C-173.24	Ninh Bình
463	35A-438.90	Ninh Bình	1963	35A-435.30	Ninh Bình	3463	35A-440.90	Ninh Bình	4963	35C-173.26	Ninh Bình
464	35A-439.05	Ninh Bình	1964	35A-435.42	Ninh Bình	3464	35A-441.32	Ninh Bình	4964	35C-173.34	Ninh Bình
465	35A-440.34	Ninh Bình	1965	35A-435.48	Ninh Bình	3465	35A-441.43	Ninh Bình	4965	35C-173.39	Ninh Bình
466	35A-440.71	Ninh Bình	1966	35A-437.93	Ninh Bình	3466	35A-441.72	Ninh Bình	4966	35C-173.42	Ninh Bình
467	35A-440.91	Ninh Bình	1967	35A-438.30	Ninh Bình	3467	35A-441.80	Ninh Bình	4967	36C-483.66	Thanh Hóa
468	35A-440.93	Ninh Bình	1968	35A-438.73	Ninh Bình	3468	35A-442.30	Ninh Bình	4968	36C-487.88	Thanh Hóa
469	35A-441.27	Ninh Bình	1969	35A-439.01	Ninh Bình	3469	35A-442.62	Ninh Bình	4969	36C-488.19	Thanh Hóa
470	35A-441.84	Ninh Bình	1970	35A-439.60	Ninh Bình	3470	35A-443.09	Ninh Bình	4970	36C-491.00	Thanh Hóa
471	35A-442.17	Ninh Bình	1971	35A-439.90	Ninh Bình	3471	35A-443.61	Ninh Bình	4971	36C-502.00	Thanh Hóa
472	35A-442.43	Ninh Bình	1972	35A-440.57	Ninh Bình	3472	35C-173.43	Ninh Bình	4972	36C-503.18	Thanh Hóa
473	35A-443.57	Ninh Bình	1973	35A-442.48	Ninh Bình	3473	35C-173.48	Ninh Bình	4973	36C-506.77	Thanh Hóa
474	35A-443.63	Ninh Bình	1974	35A-443.41	Ninh Bình	3474	35C-173.60	Ninh Bình	4974	36K-085.59	Thanh Hóa
475	35C-169.89	Ninh Bình	1975	35A-443.66	Ninh Bình	3475	35C-173.64	Ninh Bình	4975	36K-085.85	Thanh Hóa
476	35C-170.06	Ninh Bình	1976	35C-166.44	Ninh Bình	3476	35D-011.78	Ninh Bình	4976	36K-089.39	Thanh Hóa
477	35C-170.07	Ninh Bình	1977	35C-172.85	Ninh Bình	3477	36C-483.88	Thanh Hóa	4977	36K-102.92	Thanh Hóa
478	35C-173.05	Ninh Bình	1978	35C-173.74	Ninh Bình	3478	36C-487.09	Thanh Hóa	4978	36K-103.47	Thanh Hóa
479	35C-173.20	Ninh Bình	1979	36C-488.38	Thanh Hóa	3479	36C-487.87	Thanh Hóa	4979	36K-103.49	Thanh Hóa
480	35C-173.28	Ninh Bình	1980	36C-501.79	Thanh Hóa	3480	36C-493.56	Thanh Hóa	4980	36K-103.97	Thanh Hóa
481	35C-173.35	Ninh Bình	1981	36C-502.39	Thanh Hóa	3481	36C-493.69	Thanh Hóa	4981	36K-104.32	Thanh Hóa
482	35D-011.62	Ninh Bình	1982	36K-081.44	Thanh Hóa	3482	36C-493.93	Thanh Hóa	4982	36K-104.46	Thanh Hóa
483	35D-011.63	Ninh Bình	1983	36K-090.19	Thanh Hóa	3483	36C-506.09	Thanh Hóa	4983	36K-104.57	Thanh Hóa
484	36C-484.59	Thanh Hóa	1984	36K-097.58	Thanh Hóa	3484	36K-089.11	Thanh Hóa	4984	36K-106.47	Thanh Hóa
485	36C-487.16	Thanh Hóa	1985	36K-100.30	Thanh Hóa	3485	36K-093.22	Thanh Hóa	4985	36K-106.63	Thanh Hóa
486	36C-489.77	Thanh Hóa	1986	36K-100.74	Thanh Hóa	3486	36K-100.54	Thanh Hóa	4986	36K-106.91	Thanh Hóa
487	36C-491.68	Thanh Hóa	1987	36K-101.70	Thanh Hóa	3487	36K-101.90	Thanh Hóa	4987	36K-107.62	Thanh Hóa
488	36C-497.44	Thanh Hóa	1988	36K-103.92	Thanh Hóa	3488	36K-101.91	Thanh Hóa	4988	36K-107.76	Thanh Hóa
489	36C-502.16	Thanh Hóa	1989	36K-104.14	Thanh Hóa	3489	36K-102.69	Thanh Hóa	4989	36K-108.62	Thanh Hóa
490	36K-080.68	Thanh Hóa	1990	36K-104.62	Thanh Hóa	3490	36K-103.50	Thanh Hóa	4990	36K-109.66	Thanh Hóa
491	36K-080.89	Thanh Hóa	1991	36K-104.73	Thanh Hóa	3491	36K-103.64	Thanh Hóa	4991	36K-110.40	Thanh Hóa
492	36K-081.89	Thanh Hóa	1992	36K-107.03	Thanh Hóa	3492	36K-103.67	Thanh Hóa	4992	36K-110.48	Thanh Hóa
493	36K-083.19	Thanh Hóa	1993	36K-107.37	Thanh Hóa	3493	36K-104.17	Thanh Hóa	4993	36K-111.51	Thanh Hóa
494	36K-084.99	Thanh Hóa	1994	36K-107.46	Thanh Hóa	3494	36K-104.74	Thanh Hóa	4994	36K-113.58	Thanh Hóa
495	36K-085.89	Thanh Hóa	1995	36K-110.62	Thanh Hóa	3495	36K-104.78	Thanh Hóa	4995	36K-113.64	Thanh Hóa
496	36K-086.77	Thanh Hóa	1996	36K-111.21	Thanh Hóa	3496	36K-105.47	Thanh Hóa	4996	36K-113.89	Thanh Hóa
497	36K-094.59	Thanh Hóa	1997	36K-111.60	Thanh Hóa	3497	36K-105.49	Thanh Hóa	4997	36K-114.02	Thanh Hóa
498	36K-101.05	Thanh Hóa	1998	36K-112.05	Thanh Hóa	3498	36K-106.05	Thanh Hóa	4998	36K-115.74	Thanh Hóa
499	36K-101.52	Thanh Hóa	1999	36K-113.01	Thanh Hóa	3499	36K-106.72	Thanh Hóa	4999	36K-116.42	Thanh Hóa
500	36K-101.57	Thanh Hóa	2000	36K-114.05	Thanh Hóa	3500	36K-107.78	Thanh Hóa	5000	36K-117.61	Thanh Hóa
501	36K-101.65	Thanh Hóa	2001	36K-114.19	Thanh Hóa	3501	36K-108.31	Thanh Hóa	5001	36K-118.07	Thanh Hóa

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
502	36K-102.17	Thanh Hóa	2002	36K-114.87	Thanh Hóa	3502	36K-108.93	Thanh Hóa	5002	36K-118.34	Thanh Hóa
503	36K-102.80	Thanh Hóa	2003	36K-115.67	Thanh Hóa	3503	36K-109.14	Thanh Hóa	5003	36K-119.61	Thanh Hóa
504	36K-102.89	Thanh Hóa	2004	36K-115.79	Thanh Hóa	3504	36K-109.64	Thanh Hóa	5004	36K-120.36	Thanh Hóa
505	36K-103.72	Thanh Hóa	2005	36K-118.50	Thanh Hóa	3505	36K-109.68	Thanh Hóa	5005	36K-122.40	Thanh Hóa
506	36K-104.23	Thanh Hóa	2006	36K-119.54	Thanh Hóa	3506	36K-109.81	Thanh Hóa	5006	36K-123.29	Thanh Hóa
507	36K-104.41	Thanh Hóa	2007	36K-119.71	Thanh Hóa	3507	36K-109.84	Thanh Hóa	5007	36K-123.62	Thanh Hóa
508	36K-105.68	Thanh Hóa	2008	36K-121.63	Thanh Hóa	3508	36K-110.75	Thanh Hóa	5008	36K-124.27	Thanh Hóa
509	36K-106.54	Thanh Hóa	2009	36K-122.14	Thanh Hóa	3509	36K-110.93	Thanh Hóa	5009	36K-124.90	Thanh Hóa
510	36K-107.47	Thanh Hóa	2010	36K-123.30	Thanh Hóa	3510	36K-111.50	Thanh Hóa	5010	36K-125.20	Thanh Hóa
511	36K-109.21	Thanh Hóa	2011	36K-124.37	Thanh Hóa	3511	36K-112.85	Thanh Hóa	5011	36K-125.95	Thanh Hóa
512	36K-110.15	Thanh Hóa	2012	36K-124.78	Thanh Hóa	3512	36K-113.04	Thanh Hóa	5012	36K-126.19	Thanh Hóa
513	36K-110.63	Thanh Hóa	2013	36K-125.03	Thanh Hóa	3513	36K-115.32	Thanh Hóa	5013	36K-126.49	Thanh Hóa
514	36K-112.74	Thanh Hóa	2014	36K-125.44	Thanh Hóa	3514	36K-115.69	Thanh Hóa	5014	36K-126.57	Thanh Hóa
515	36K-112.95	Thanh Hóa	2015	36K-126.08	Thanh Hóa	3515	36K-116.71	Thanh Hóa	5015	36K-127.82	Thanh Hóa
516	36K-113.02	Thanh Hóa	2016	36K-127.17	Thanh Hóa	3516	36K-117.84	Thanh Hóa	5016	36K-128.10	Thanh Hóa
517	36K-113.61	Thanh Hóa	2017	36K-127.36	Thanh Hóa	3517	36K-118.54	Thanh Hóa	5017	36K-129.14	Thanh Hóa
518	36K-114.61	Thanh Hóa	2018	36K-127.76	Thanh Hóa	3518	36K-118.72	Thanh Hóa	5018	36K-129.27	Thanh Hóa
519	36K-114.62	Thanh Hóa	2019	36K-128.07	Thanh Hóa	3519	36K-118.99	Thanh Hóa	5019	36K-129.57	Thanh Hóa
520	36K-115.27	Thanh Hóa	2020	36K-129.02	Thanh Hóa	3520	36K-119.06	Thanh Hóa	5020	36K-129.82	Thanh Hóa
521	36K-115.41	Thanh Hóa	2021	36K-129.30	Thanh Hóa	3521	36K-120.13	Thanh Hóa	5021	36K-130.24	Thanh Hóa
522	36K-115.82	Thanh Hóa	2022	36K-129.32	Thanh Hóa	3522	36K-120.82	Thanh Hóa	5022	36K-130.27	Thanh Hóa
523	36K-116.52	Thanh Hóa	2023	36K-129.60	Thanh Hóa	3523	36K-121.13	Thanh Hóa	5023	36K-130.62	Thanh Hóa
524	36K-117.40	Thanh Hóa	2024	36K-129.73	Thanh Hóa	3524	36K-121.14	Thanh Hóa	5024	36K-132.39	Thanh Hóa
525	36K-117.51	Thanh Hóa	2025	36K-130.37	Thanh Hóa	3525	36K-121.22	Thanh Hóa	5025	36K-132.46	Thanh Hóa
526	36K-117.78	Thanh Hóa	2026	36K-131.04	Thanh Hóa	3526	36K-124.07	Thanh Hóa	5026	36K-132.47	Thanh Hóa
527	36K-119.34	Thanh Hóa	2027	36K-133.12	Thanh Hóa	3527	36K-125.43	Thanh Hóa	5027	36K-132.81	Thanh Hóa
528	36K-119.40	Thanh Hóa	2028	36K-133.62	Thanh Hóa	3528	36K-127.57	Thanh Hóa	5028	36K-133.93	Thanh Hóa
529	36K-119.82	Thanh Hóa	2029	36K-134.84	Thanh Hóa	3529	36K-127.97	Thanh Hóa	5029	36K-134.49	Thanh Hóa
530	36K-123.94	Thanh Hóa	2030	36K-135.23	Thanh Hóa	3530	36K-128.84	Thanh Hóa	5030	36K-135.91	Thanh Hóa
531	36K-124.54	Thanh Hóa	2031	37C-533.21	Nghệ An	3531	36K-129.66	Thanh Hóa	5031	36K-136.53	Thanh Hóa
532	36K-125.09	Thanh Hóa	2032	37C-533.60	Nghệ An	3532	36K-130.47	Thanh Hóa	5032	37C-533.59	Nghệ An
533	36K-126.52	Thanh Hóa	2033	37C-534.20	Nghệ An	3533	36K-130.50	Thanh Hóa	5033	37C-534.54	Nghệ An
534	36K-126.54	Thanh Hóa	2034	37C-534.46	Nghệ An	3534	36K-131.36	Thanh Hóa	5034	37C-535.51	Nghệ An
535	36K-127.03	Thanh Hóa	2035	37C-535.14	Nghệ An	3535	36K-131.42	Thanh Hóa	5035	37C-536.01	Nghệ An
536	36K-127.79	Thanh Hóa	2036	37C-536.05	Nghệ An	3536	36K-132.52	Thanh Hóa	5036	37C-536.03	Nghệ An
537	36K-127.91	Thanh Hóa	2037	37C-536.58	Nghệ An	3537	36K-132.70	Thanh Hóa	5037	37C-537.32	Nghệ An
538	36K-128.63	Thanh Hóa	2038	37C-537.49	Nghệ An	3538	36K-133.04	Thanh Hóa	5038	37D-040.50	Nghệ An
539	36K-129.87	Thanh Hóa	2039	37C-538.63	Nghệ An	3539	36K-133.97	Thanh Hóa	5039	37K-344.57	Nghệ An
540	36K-130.06	Thanh Hóa	2040	37C-538.87	Nghệ An	3540	36K-134.70	Thanh Hóa	5040	37K-346.13	Nghệ An
541	36K-131.24	Thanh Hóa	2041	37C-538.92	Nghệ An	3541	36K-134.92	Thanh Hóa	5041	37K-346.24	Nghệ An
542	36K-132.48	Thanh Hóa	2042	37D-040.35	Nghệ An	3542	36K-135.41	Thanh Hóa	5042	37K-347.82	Nghệ An
543	36K-132.84	Thanh Hóa	2043	37K-344.46	Nghệ An	3543	36K-135.67	Thanh Hóa	5043	37K-348.24	Nghệ An
544	36K-133.17	Thanh Hóa	2044	37K-346.82	Nghệ An	3544	36K-135.80	Thanh Hóa	5044	37K-348.51	Nghệ An
545	36K-133.51	Thanh Hóa	2045	37K-349.48	Nghệ An	3545	36K-135.87	Thanh Hóa	5045	37K-348.63	Nghệ An
546	36K-134.21	Thanh Hóa	2046	37K-349.63	Nghệ An	3546	36K-137.01	Thanh Hóa	5046	37K-348.77	Nghệ An
547	36K-135.15	Thanh Hóa	2047	37K-349.76	Nghệ An	3547	37C-534.32	Nghệ An	5047	37K-349.42	Nghệ An
548	36K-137.14	Thanh Hóa	2048	37K-350.30	Nghệ An	3548	37C-534.63	Nghệ An	5048	37K-349.51	Nghệ An
549	37C-533.70	Nghệ An	2049	37K-351.37	Nghệ An	3549	37C-535.41	Nghệ An	5049	37K-349.90	Nghệ An
550	37C-533.72	Nghệ An	2050	37K-352.17	Nghệ An	3550	37C-535.67	Nghệ An	5050	37K-351.07	Nghệ An
551	37C-534.10	Nghệ An	2051	37K-353.45	Nghệ An	3551	37C-537.42	Nghệ An	5051	37K-351.71	Nghệ An
552	37C-534.41	Nghệ An	2052	37K-353.90	Nghệ An	3552	37C-537.95	Nghệ An	5052	37K-351.73	Nghệ An
553	37C-535.10	Nghệ An	2053	37K-354.45	Nghệ An	3553	37C-538.38	Nghệ An	5053	37K-351.78	Nghệ An
554	37C-535.52	Nghệ An	2054	37K-355.30	Nghệ An	3554	37D-040.12	Nghệ An	5054	37K-352.21	Nghệ An
555	37C-536.13	Nghệ An	2055	37K-355.32	Nghệ An	3555	37D-040.21	Nghệ An	5055	37K-353.51	Nghệ An
556	37C-536.20	Nghệ An	2056	37K-355.35	Nghệ An	3556	37D-040.57	Nghệ An	5056	37K-355.34	Nghệ An
557	37C-537.21	Nghệ An	2057	37K-356.64	Nghệ An	3557	37D-040.73	Nghệ An	5057	37K-355.42	Nghệ An
558	37C-537.26	Nghệ An	2058	37K-356.80	Nghệ An	3558	37D-040.92	Nghệ An	5058	37K-355.46	Nghệ An
559	37C-537.56	Nghệ An	2059	37K-358.14	Nghệ An	3559	37K-343.96	Nghệ An	5059	37K-355.50	Nghệ An
560	37C-537.67	Nghệ An	2060	37K-361.07	Nghệ An	3560	37K-344.21	Nghệ An	5060	37K-355.65	Nghệ An
561	37C-537.94	Nghệ An	2061	37K-361.36	Nghệ An	3561	37K-344.32	Nghệ An	5061	37K-357.24	Nghệ An
562	37C-538.84	Nghệ An	2062	37K-361.98	Nghệ An	3562	37K-344.64	Nghệ An	5062	37K-357.26	Nghệ An
563	37C-538.91	Nghệ An	2063	37K-363.67	Nghệ An	3563	37K-344.87	Nghệ An	5063	37K-357.90	Nghệ An
564	37D-040.42	Nghệ An	2064	37K-363.98	Nghệ An	3564	37K-346.19	Nghệ An	5064	37K-358.62	Nghệ An

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
565	37D-040.66	Nghệ An	2065	37K-364.83	Nghệ An	3565	37K-346.25	Nghệ An	5065	37K-359.77	Nghệ An
566	37K-343.84	Nghệ An	2066	37K-365.59	Nghệ An	3566	37K-347.22	Nghệ An	5066	37K-360.02	Nghệ An
567	37K-344.37	Nghệ An	2067	37K-366.30	Nghệ An	3567	37K-347.24	Nghệ An	5067	37K-360.39	Nghệ An
568	37K-345.24	Nghệ An	2068	37K-366.37	Nghệ An	3568	37K-347.38	Nghệ An	5068	37K-360.42	Nghệ An
569	37K-348.12	Nghệ An	2069	37K-367.72	Nghệ An	3569	37K-347.76	Nghệ An	5069	37K-360.78	Nghệ An
570	37K-348.74	Nghệ An	2070	37K-368.02	Nghệ An	3570	37K-348.71	Nghệ An	5070	37K-361.94	Nghệ An
571	37K-348.94	Nghệ An	2071	37K-368.80	Nghệ An	3571	37K-349.37	Nghệ An	5071	37K-362.61	Nghệ An
572	37K-348.97	Nghệ An	2072	37K-369.52	Nghệ An	3572	37K-351.74	Nghệ An	5072	37K-362.97	Nghệ An
573	37K-349.30	Nghệ An	2073	37K-370.47	Nghệ An	3573	37K-352.33	Nghệ An	5073	37K-363.02	Nghệ An
574	37K-349.81	Nghệ An	2074	37K-370.54	Nghệ An	3574	37K-352.36	Nghệ An	5074	37K-363.34	Nghệ An
575	37K-350.23	Nghệ An	2075	37K-370.76	Nghệ An	3575	37K-352.82	Nghệ An	5075	37K-363.49	Nghệ An
576	37K-350.64	Nghệ An	2076	37K-371.01	Nghệ An	3576	37K-353.50	Nghệ An	5076	37K-363.81	Nghệ An
577	37K-351.32	Nghệ An	2077	37K-371.24	Nghệ An	3577	37K-355.31	Nghệ An	5077	37K-364.09	Nghệ An
578	37K-351.60	Nghệ An	2078	37K-371.57	Nghệ An	3578	37K-356.76	Nghệ An	5078	37K-366.76	Nghệ An
579	37K-351.69	Nghệ An	2079	37K-371.73	Nghệ An	3579	37K-357.05	Nghệ An	5079	37K-367.31	Nghệ An
580	37K-352.15	Nghệ An	2080	37K-372.31	Nghệ An	3580	37K-357.48	Nghệ An	5080	37K-368.03	Nghệ An
581	37K-352.23	Nghệ An	2081	37K-372.74	Nghệ An	3581	37K-359.27	Nghệ An	5081	37K-368.23	Nghệ An
582	37K-353.05	Nghệ An	2082	37K-374.21	Nghệ An	3582	37K-359.48	Nghệ An	5082	37K-369.13	Nghệ An
583	37K-353.76	Nghệ An	2083	37K-374.70	Nghệ An	3583	37K-359.60	Nghệ An	5083	37K-369.60	Nghệ An
584	37K-354.63	Nghệ An	2084	37K-374.85	Nghệ An	3584	37K-360.34	Nghệ An	5084	37K-370.12	Nghệ An
585	37K-356.43	Nghệ An	2085	37K-375.02	Nghệ An	3585	37K-361.24	Nghệ An	5085	37K-370.37	Nghệ An
586	37K-356.71	Nghệ An	2086	37K-375.14	Nghệ An	3586	37K-362.77	Nghệ An	5086	37K-370.52	Nghệ An
587	37K-357.40	Nghệ An	2087	37K-375.22	Nghệ An	3587	37K-363.03	Nghệ An	5087	37K-371.41	Nghệ An
588	37K-358.12	Nghệ An	2088	37K-375.47	Nghệ An	3588	37K-363.23	Nghệ An	5088	37K-371.52	Nghệ An
589	37K-359.97	Nghệ An	2089	37K-376.17	Nghệ An	3589	37K-363.50	Nghệ An	5089	37K-371.62	Nghệ An
590	37K-360.67	Nghệ An	2090	37K-376.50	Nghệ An	3590	37K-364.03	Nghệ An	5090	37K-372.24	Nghệ An
591	37K-360.89	Nghệ An	2091	37K-377.45	Nghệ An	3591	37K-364.93	Nghệ An	5091	37K-373.75	Nghệ An
592	37K-361.42	Nghệ An	2092	37K-378.53	Nghệ An	3592	37K-366.12	Nghệ An	5092	37K-374.82	Nghệ An
593	37K-361.84	Nghệ An	2093	37K-378.70	Nghệ An	3593	37K-368.83	Nghệ An	5093	37K-375.61	Nghệ An
594	37K-363.51	Nghệ An	2094	37K-378.71	Nghệ An	3594	37K-369.12	Nghệ An	5094	37K-375.94	Nghệ An
595	37K-364.74	Nghệ An	2095	37K-379.38	Nghệ An	3595	37K-369.27	Nghệ An	5095	37K-376.78	Nghệ An
596	37K-365.39	Nghệ An	2096	37K-381.30	Nghệ An	3596	37K-369.38	Nghệ An	5096	37K-378.20	Nghệ An
597	37K-367.02	Nghệ An	2097	37K-381.39	Nghệ An	3597	37K-370.21	Nghệ An	5097	37K-379.12	Nghệ An
598	37K-367.61	Nghệ An	2098	37K-381.54	Nghệ An	3598	37K-372.70	Nghệ An	5098	37K-381.46	Nghệ An
599	37K-368.10	Nghệ An	2099	37K-381.71	Nghệ An	3599	37K-373.60	Nghệ An	5099	37K-383.90	Nghệ An
600	37K-368.50	Nghệ An	2100	37K-382.38	Nghệ An	3600	37K-373.65	Nghệ An	5100	37K-384.25	Nghệ An
601	37K-368.61	Nghệ An	2101	37K-382.43	Nghệ An	3601	37K-373.84	Nghệ An	5101	37K-384.30	Nghệ An
602	37K-369.90	Nghệ An	2102	38A-623.26	Hà Tĩnh	3602	37K-374.64	Nghệ An	5102	37K-385.64	Nghệ An
603	37K-370.45	Nghệ An	2103	38A-624.27	Hà Tĩnh	3603	37K-374.78	Nghệ An	5103	37K-385.68	Nghệ An
604	37K-371.97	Nghệ An	2104	38A-625.60	Hà Tĩnh	3604	37K-374.94	Nghệ An	5104	37K-386.67	Nghệ An
605	37K-372.03	Nghệ An	2105	38A-626.55	Hà Tĩnh	3605	37K-375.49	Nghệ An	5105	38A-623.91	Hà Tĩnh
606	37K-374.91	Nghệ An	2106	38A-626.72	Hà Tĩnh	3606	37K-375.63	Nghệ An	5106	38A-624.34	Hà Tĩnh
607	37K-375.70	Nghệ An	2107	38A-626.97	Hà Tĩnh	3607	37K-377.52	Nghệ An	5107	38A-624.57	Hà Tĩnh
608	37K-375.73	Nghệ An	2108	38A-628.74	Hà Tĩnh	3608	37K-378.27	Nghệ An	5108	38A-624.70	Hà Tĩnh
609	37K-376.12	Nghệ An	2109	38A-630.51	Hà Tĩnh	3609	37K-378.75	Nghệ An	5109	38A-624.72	Hà Tĩnh
610	37K-376.72	Nghệ An	2110	38A-631.20	Hà Tĩnh	3610	37K-381.03	Nghệ An	5110	38A-625.27	Hà Tĩnh
611	37K-377.43	Nghệ An	2111	38A-631.56	Hà Tĩnh	3611	37K-381.05	Nghệ An	5111	38A-625.41	Hà Tĩnh
612	37K-377.91	Nghệ An	2112	38A-631.75	Hà Tĩnh	3612	37K-381.40	Nghệ An	5112	38A-625.77	Hà Tĩnh
613	37K-378.90	Nghệ An	2113	38A-632.92	Hà Tĩnh	3613	37K-381.51	Nghệ An	5113	38A-626.30	Hà Tĩnh
614	37K-379.82	Nghệ An	2114	38A-634.24	Hà Tĩnh	3614	37K-382.64	Nghệ An	5114	38A-626.39	Hà Tĩnh
615	37K-379.88	Nghệ An	2115	38A-635.38	Hà Tĩnh	3615	37K-382.75	Nghệ An	5115	38A-626.44	Hà Tĩnh
616	37K-380.46	Nghệ An	2116	38A-635.41	Hà Tĩnh	3616	37K-385.24	Nghệ An	5116	38A-626.73	Hà Tĩnh
617	37K-380.60	Nghệ An	2117	38C-226.67	Hà Tĩnh	3617	37K-386.21	Nghệ An	5117	38A-627.24	Hà Tĩnh
618	37K-380.74	Nghệ An	2118	38C-227.81	Hà Tĩnh	3618	38A-623.92	Hà Tĩnh	5118	38A-628.03	Hà Tĩnh
619	37K-381.47	Nghệ An	2119	38C-228.21	Hà Tĩnh	3619	38A-624.75	Hà Tĩnh	5119	38A-628.05	Hà Tĩnh
620	37K-381.63	Nghệ An	2120	38C-228.67	Hà Tĩnh	3620	38A-624.81	Hà Tĩnh	5120	38A-628.30	Hà Tĩnh
621	37K-382.42	Nghệ An	2121	43A-877.91	Đà Nẵng	3621	38A-625.91	Hà Tĩnh	5121	38A-628.45	Hà Tĩnh
622	37K-383.10	Nghệ An	2122	43A-879.04	Đà Nẵng	3622	38A-626.34	Hà Tĩnh	5122	38A-629.07	Hà Tĩnh
623	37K-383.26	Nghệ An	2123	43A-880.97	Đà Nẵng	3623	38A-626.70	Hà Tĩnh	5123	38A-629.51	Hà Tĩnh
624	37K-383.82	Nghệ An	2124	43A-881.05	Đà Nẵng	3624	38A-627.52	Hà Tĩnh	5124	38A-630.67	Hà Tĩnh
625	37K-384.20	Nghệ An	2125	43A-881.27	Đà Nẵng	3625	38A-627.61	Hà Tĩnh	5125	38A-631.36	Hà Tĩnh
626	37K-384.99	Nghệ An	2126	43A-882.92	Đà Nẵng	3626	38A-627.63	Hà Tĩnh	5126	38A-632.63	Hà Tĩnh
627	37K-385.71	Nghệ An	2127	43A-883.60	Đà Nẵng	3627	38A-629.05	Hà Tĩnh	5127	38A-633.76	Hà Tĩnh

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
628	37K-385.81	Nghệ An	2128	43A-885.47	Đà Nẵng	3628	38A-629.53	Hà Tĩnh	5128	38A-633.78	Hà Tĩnh
629	37K-387.05	Nghệ An	2129	43A-885.92	Đà Nẵng	3629	38A-631.41	Hà Tĩnh	5129	38A-633.94	Hà Tĩnh
630	38A-625.48	Hà Tĩnh	2130	43A-886.51	Đà Nẵng	3630	38A-632.42	Hà Tĩnh	5130	38A-634.79	Hà Tĩnh
631	38A-626.04	Hà Tĩnh	2131	43A-886.84	Đà Nẵng	3631	38A-632.71	Hà Tĩnh	5131	38A-634.87	Hà Tĩnh
632	38A-626.13	Hà Tĩnh	2132	43A-887.67	Đà Nẵng	3632	38A-633.43	Hà Tĩnh	5132	38A-635.61	Hà Tĩnh
633	38A-627.17	Hà Tĩnh	2133	43A-888.51	Đà Nẵng	3633	38A-633.60	Hà Tĩnh	5133	38A-636.12	Hà Tĩnh
634	38A-627.37	Hà Tĩnh	2134	43A-889.27	Đà Nẵng	3634	38A-634.35	Hà Tĩnh	5134	38A-636.20	Hà Tĩnh
635	38A-628.12	Hà Tĩnh	2135	43A-889.30	Đà Nẵng	3635	38A-634.57	Hà Tĩnh	5135	38A-636.53	Hà Tĩnh
636	38A-628.53	Hà Tĩnh	2136	43A-889.42	Đà Nẵng	3636	38A-636.11	Hà Tĩnh	5136	38A-636.87	Hà Tĩnh
637	38A-628.54	Hà Tĩnh	2137	43A-889.72	Đà Nẵng	3637	38A-636.76	Hà Tĩnh	5137	38A-637.32	Hà Tĩnh
638	38A-629.38	Hà Tĩnh	2138	43A-890.05	Đà Nẵng	3638	38A-637.28	Hà Tĩnh	5138	38C-227.47	Hà Tĩnh
639	38A-629.73	Hà Tĩnh	2139	43A-890.35	Đà Nẵng	3639	38C-227.71	Hà Tĩnh	5139	38C-228.61	Hà Tĩnh
640	38A-630.01	Hà Tĩnh	2140	43A-891.31	Đà Nẵng	3640	38C-227.90	Hà Tĩnh	5140	38C-228.84	Hà Tĩnh
641	38A-630.53	Hà Tĩnh	2141	43A-892.15	Đà Nẵng	3641	43A-877.48	Đà Nẵng	5141	38D-016.43	Hà Tĩnh
642	38A-630.91	Hà Tĩnh	2142	43A-893.31	Đà Nẵng	3642	43A-877.50	Đà Nẵng	5142	43A-843.68	Đà Nẵng
643	38A-631.02	Hà Tĩnh	2143	43A-894.76	Đà Nẵng	3643	43A-878.13	Đà Nẵng	5143	43A-878.38	Đà Nẵng
644	38A-631.54	Hà Tĩnh	2144	43A-894.82	Đà Nẵng	3644	43A-878.23	Đà Nẵng	5144	43A-878.82	Đà Nẵng
645	38A-632.20	Hà Tĩnh	2145	43A-895.54	Đà Nẵng	3645	43A-879.07	Đà Nẵng	5145	43A-878.91	Đà Nẵng
646	38A-632.23	Hà Tĩnh	2146	43A-895.91	Đà Nẵng	3646	43A-879.13	Đà Nẵng	5146	43A-879.05	Đà Nẵng
647	38A-632.27	Hà Tĩnh	2147	43A-896.12	Đà Nẵng	3647	43A-879.80	Đà Nẵng	5147	43A-879.86	Đà Nẵng
648	38A-633.57	Hà Tĩnh	2148	43A-896.54	Đà Nẵng	3648	43A-880.21	Đà Nẵng	5148	43A-880.92	Đà Nẵng
649	38A-633.70	Hà Tĩnh	2149	43A-896.63	Đà Nẵng	3649	43A-880.44	Đà Nẵng	5149	43A-881.78	Đà Nẵng
650	38A-634.82	Hà Tĩnh	2150	43A-897.62	Đà Nẵng	3650	43A-881.14	Đà Nẵng	5150	43A-882.75	Đà Nẵng
651	38A-634.91	Hà Tĩnh	2151	43A-897.93	Đà Nẵng	3651	43A-881.26	Đà Nẵng	5151	43A-883.01	Đà Nẵng
652	38A-635.95	Hà Tĩnh	2152	43A-897.96	Đà Nẵng	3652	43A-881.40	Đà Nẵng	5152	43A-883.27	Đà Nẵng
653	38C-227.63	Hà Tĩnh	2153	43A-898.12	Đà Nẵng	3653	43A-881.67	Đà Nẵng	5153	43A-883.75	Đà Nẵng
654	38C-228.20	Hà Tĩnh	2154	43C-305.24	Đà Nẵng	3654	43A-882.03	Đà Nẵng	5154	43A-884.79	Đà Nẵng
655	38C-228.43	Hà Tĩnh	2155	47A-728.55	Đắk Lắk	3655	43A-882.05	Đà Nẵng	5155	43A-885.80	Đà Nẵng
656	43A-877.42	Đà Nẵng	2156	47A-730.23	Đắk Lắk	3656	43A-882.50	Đà Nẵng	5156	43A-885.90	Đà Nẵng
657	43A-878.02	Đà Nẵng	2157	47A-731.24	Đắk Lắk	3657	43A-883.80	Đà Nẵng	5157	43A-886.01	Đà Nẵng
658	43A-878.76	Đà Nẵng	2158	47A-733.90	Đắk Lắk	3658	43A-884.71	Đà Nẵng	5158	43A-886.30	Đà Nẵng
659	43A-879.64	Đà Nẵng	2159	47A-734.94	Đắk Lắk	3659	43A-884.94	Đà Nẵng	5159	43A-886.40	Đà Nẵng
660	43A-880.94	Đà Nẵng	2160	47A-735.71	Đắk Lắk	3660	43A-885.54	Đà Nẵng	5160	43A-886.45	Đà Nẵng
661	43A-881.43	Đà Nẵng	2161	47A-738.13	Đắk Lắk	3661	43A-885.78	Đà Nẵng	5161	43A-886.71	Đà Nẵng
662	43A-881.91	Đà Nẵng	2162	47A-738.30	Đắk Lắk	3662	43A-886.02	Đà Nẵng	5162	43A-888.92	Đà Nẵng
663	43A-882.21	Đà Nẵng	2163	47A-738.60	Đắk Lắk	3663	43A-886.63	Đà Nẵng	5163	43A-890.47	Đà Nẵng
664	43A-882.53	Đà Nẵng	2164	47A-739.13	Đắk Lắk	3664	43A-886.78	Đà Nẵng	5164	43A-892.43	Đà Nẵng
665	43A-883.41	Đà Nẵng	2165	47A-739.87	Đắk Lắk	3665	43A-887.60	Đà Nẵng	5165	43A-893.97	Đà Nẵng
666	43A-884.06	Đà Nẵng	2166	47A-740.50	Đắk Lắk	3666	43A-889.51	Đà Nẵng	5166	43A-895.03	Đà Nẵng
667	43A-884.23	Đà Nẵng	2167	47A-740.71	Đắk Lắk	3667	43A-890.14	Đà Nẵng	5167	43A-895.21	Đà Nẵng
668	43A-884.50	Đà Nẵng	2168	47A-741.71	Đắk Lắk	3668	43A-890.68	Đà Nẵng	5168	43A-895.42	Đà Nẵng
669	43A-884.88	Đà Nẵng	2169	47A-742.50	Đắk Lắk	3669	43A-890.69	Đà Nẵng	5169	43A-896.23	Đà Nẵng
670	43A-886.43	Đà Nẵng	2170	47A-742.82	Đắk Lắk	3670	43A-890.92	Đà Nẵng	5170	43A-896.34	Đà Nẵng
671	43A-887.10	Đà Nẵng	2171	47A-744.54	Đắk Lắk	3671	43A-891.53	Đà Nẵng	5171	43A-896.47	Đà Nẵng
672	43A-889.21	Đà Nẵng	2172	47A-746.31	Đắk Lắk	3672	43A-893.72	Đà Nẵng	5172	43A-896.60	Đà Nẵng
673	43A-889.63	Đà Nẵng	2173	47A-746.41	Đắk Lắk	3673	43A-894.21	Đà Nẵng	5173	43A-896.74	Đà Nẵng
674	43A-889.74	Đà Nẵng	2174	47A-746.43	Đắk Lắk	3674	43A-894.27	Đà Nẵng	5174	43A-897.52	Đà Nẵng
675	43A-890.46	Đà Nẵng	2175	47A-747.35	Đắk Lắk	3675	43A-894.53	Đà Nẵng	5175	47A-731.93	Đắk Lắk
676	43A-890.78	Đà Nẵng	2176	47A-747.58	Đắk Lắk	3676	43A-894.56	Đà Nẵng	5176	47A-732.46	Đắk Lắk
677	43A-891.17	Đà Nẵng	2177	47A-748.13	Đắk Lắk	3677	43A-894.67	Đà Nẵng	5177	47A-733.13	Đắk Lắk
678	43A-891.43	Đà Nẵng	2178	47A-749.50	Đắk Lắk	3678	43A-894.92	Đà Nẵng	5178	47A-733.43	Đắk Lắk
679	43A-891.46	Đà Nẵng	2179	47A-749.66	Đắk Lắk	3679	43A-895.50	Đà Nẵng	5179	47A-733.54	Đắk Lắk
680	43A-891.93	Đà Nẵng	2180	47A-749.83	Đắk Lắk	3680	43A-896.28	Đà Nẵng	5180	47A-734.10	Đắk Lắk
681	43A-892.31	Đà Nẵng	2181	47A-749.84	Đắk Lắk	3681	43A-897.21	Đà Nẵng	5181	47A-735.17	Đắk Lắk
682	43A-892.72	Đà Nẵng	2182	47A-749.86	Đắk Lắk	3682	43A-898.14	Đà Nẵng	5182	47A-735.72	Đắk Lắk
683	43A-893.23	Đà Nẵng	2183	47A-749.92	Đắk Lắk	3683	43A-898.21	Đà Nẵng	5183	47A-735.78	Đắk Lắk
684	43A-893.41	Đà Nẵng	2184	47A-750.23	Đắk Lắk	3684	43A-898.63	Đà Nẵng	5184	47A-736.95	Đắk Lắk
685	43A-894.03	Đà Nẵng	2185	47A-750.62	Đắk Lắk	3685	43C-305.27	Đà Nẵng	5185	47A-737.08	Đắk Lắk
686	43A-894.48	Đà Nẵng	2186	47A-751.03	Đắk Lắk	3686	47A-730.21	Đắk Lắk	5186	47A-737.47	Đắk Lắk
687	43A-895.02	Đà Nẵng	2187	47A-751.20	Đắk Lắk	3687	47A-730.76	Đắk Lắk	5187	47A-740.72	Đắk Lắk
688	43A-895.17	Đà Nẵng	2188	47A-751.53	Đắk Lắk	3688	47A-730.78	Đắk Lắk	5188	47A-741.04	Đắk Lắk
689	43A-895.62	Đà Nẵng	2189	47A-752.26	Đắk Lắk	3689	47A-731.05	Đắk Lắk	5189	47A-741.09	Đắk Lắk
690	43A-897.17	Đà Nẵng	2190	47A-754.03	Đắk Lắk	3690	47A-732.04	Đắk Lắk	5190	47A-741.84	Đắk Lắk

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
691	43A-897.51	Đà Nẵng	2191	47A-754.72	Đắk Lắk	3691	47A-732.05	Đắk Lắk	5191	47A-741.91	Đắk Lắk
692	43A-898.07	Đà Nẵng	2192	47A-755.47	Đắk Lắk	3692	47A-732.24	Đắk Lắk	5192	47A-743.92	Đắk Lắk
693	43A-898.34	Đà Nẵng	2193	47A-755.74	Đắk Lắk	3693	47A-734.64	Đắk Lắk	5193	47A-744.50	Đắk Lắk
694	47A-721.09	Đắk Lắk	2194	47A-757.10	Đắk Lắk	3694	47A-734.93	Đắk Lắk	5194	47A-745.79	Đắk Lắk
695	47A-725.19	Đắk Lắk	2195	47A-757.12	Đắk Lắk	3695	47A-735.23	Đắk Lắk	5195	47A-746.30	Đắk Lắk
696	47A-725.33	Đắk Lắk	2196	47A-757.23	Đắk Lắk	3696	47A-736.81	Đắk Lắk	5196	47A-747.05	Đắk Lắk
697	47A-730.46	Đắk Lắk	2197	47A-757.87	Đắk Lắk	3697	47A-737.52	Đắk Lắk	5197	47A-747.72	Đắk Lắk
698	47A-730.77	Đắk Lắk	2198	47A-757.98	Đắk Lắk	3698	47A-737.75	Đắk Lắk	5198	47A-748.92	Đắk Lắk
699	47A-732.42	Đắk Lắk	2199	47A-758.03	Đắk Lắk	3699	47A-737.78	Đắk Lắk	5199	47A-748.97	Đắk Lắk
700	47A-732.59	Đắk Lắk	2200	47A-758.13	Đắk Lắk	3700	47A-738.01	Đắk Lắk	5200	47A-750.03	Đắk Lắk
701	47A-732.91	Đắk Lắk	2201	47A-758.60	Đắk Lắk	3701	47A-738.54	Đắk Lắk	5201	47A-751.66	Đắk Lắk
702	47A-733.12	Đắk Lắk	2202	47A-758.81	Đắk Lắk	3702	47A-738.55	Đắk Lắk	5202	47A-751.80	Đắk Lắk
703	47A-734.42	Đắk Lắk	2203	47A-759.42	Đắk Lắk	3703	47A-738.84	Đắk Lắk	5203	47A-751.91	Đắk Lắk
704	47A-735.90	Đắk Lắk	2204	47A-759.75	Đắk Lắk	3704	47A-740.21	Đắk Lắk	5204	47A-752.21	Đắk Lắk
705	47A-735.97	Đắk Lắk	2205	47A-760.07	Đắk Lắk	3705	47A-740.73	Đắk Lắk	5205	47A-752.59	Đắk Lắk
706	47A-736.71	Đắk Lắk	2206	47A-760.09	Đắk Lắk	3706	47A-742.90	Đắk Lắk	5206	47A-753.34	Đắk Lắk
707	47A-738.29	Đắk Lắk	2207	47C-366.38	Đắk Lắk	3707	47A-743.01	Đắk Lắk	5207	47A-753.42	Đắk Lắk
708	47A-738.62	Đắk Lắk	2208	47C-367.09	Đắk Lắk	3708	47A-744.63	Đắk Lắk	5208	47A-753.51	Đắk Lắk
709	47A-739.04	Đắk Lắk	2209	47C-371.00	Đắk Lắk	3709	47A-745.52	Đắk Lắk	5209	47A-753.54	Đắk Lắk
710	47A-739.89	Đắk Lắk	2210	47C-372.14	Đắk Lắk	3710	47A-745.84	Đắk Lắk	5210	47A-753.93	Đắk Lắk
711	47A-740.69	Đắk Lắk	2211	47C-374.84	Đắk Lắk	3711	47A-746.75	Đắk Lắk	5211	47A-754.84	Đắk Lắk
712	47A-740.81	Đắk Lắk	2212	47C-374.87	Đắk Lắk	3712	47A-747.86	Đắk Lắk	5212	47A-755.03	Đắk Lắk
713	47A-740.91	Đắk Lắk	2213	47C-374.94	Đắk Lắk	3713	47A-748.56	Đắk Lắk	5213	47A-755.72	Đắk Lắk
714	47A-742.75	Đắk Lắk	2214	49A-695.94	Lâm Đồng	3714	47A-749.53	Đắk Lắk	5214	47A-756.07	Đắk Lắk
715	47A-742.92	Đắk Lắk	2215	49A-696.05	Lâm Đồng	3715	47A-749.68	Đắk Lắk	5215	47A-756.57	Đắk Lắk
716	47A-742.93	Đắk Lắk	2216	49A-696.63	Lâm Đồng	3716	47A-750.45	Đắk Lắk	5216	47A-756.90	Đắk Lắk
717	47A-743.32	Đắk Lắk	2217	49A-696.71	Lâm Đồng	3717	47A-750.78	Đắk Lắk	5217	47A-758.49	Đắk Lắk
718	47A-743.57	Đắk Lắk	2218	49A-697.04	Lâm Đồng	3718	47A-750.90	Đắk Lắk	5218	47A-758.53	Đắk Lắk
719	47A-744.36	Đắk Lắk	2219	49A-697.52	Lâm Đồng	3719	47A-750.93	Đắk Lắk	5219	47A-759.16	Đắk Lắk
720	47A-744.52	Đắk Lắk	2220	49A-697.53	Lâm Đồng	3720	47A-753.04	Đắk Lắk	5220	47C-358.09	Đắk Lắk
721	47A-744.75	Đắk Lắk	2221	49A-698.21	Lâm Đồng	3721	47A-753.13	Đắk Lắk	5221	47C-360.06	Đắk Lắk
722	47A-745.04	Đắk Lắk	2222	49A-698.72	Lâm Đồng	3722	47A-753.22	Đắk Lắk	5222	47C-360.11	Đắk Lắk
723	47A-746.81	Đắk Lắk	2223	49A-698.76	Lâm Đồng	3723	47A-753.41	Đắk Lắk	5223	47C-363.69	Đắk Lắk
724	47A-746.92	Đắk Lắk	2224	49A-698.81	Lâm Đồng	3724	47A-753.76	Đắk Lắk	5224	47C-370.14	Đắk Lắk
725	47A-747.13	Đắk Lắk	2225	49A-699.75	Lâm Đồng	3725	47A-753.81	Đắk Lắk	5225	47C-371.31	Đắk Lắk
726	47A-749.43	Đắk Lắk	2226	49A-700.50	Lâm Đồng	3726	47A-754.07	Đắk Lắk	5226	47C-371.32	Đắk Lắk
727	47A-749.45	Đắk Lắk	2227	49A-700.90	Lâm Đồng	3727	47A-754.96	Đắk Lắk	5227	47C-372.46	Đắk Lắk
728	47A-749.91	Đắk Lắk	2228	49A-701.09	Lâm Đồng	3728	47A-756.23	Đắk Lắk	5228	47C-373.58	Đắk Lắk
729	47A-750.39	Đắk Lắk	2229	49A-702.10	Lâm Đồng	3729	47A-756.30	Đắk Lắk	5229	47C-374.20	Đắk Lắk
730	47A-751.34	Đắk Lắk	2230	49A-702.37	Lâm Đồng	3730	47A-757.01	Đắk Lắk	5230	47C-374.60	Đắk Lắk
731	47A-751.92	Đắk Lắk	2231	49A-704.23	Lâm Đồng	3731	47A-757.30	Đắk Lắk	5231	47D-014.93	Đắk Lắk
732	47A-752.06	Đắk Lắk	2232	49A-704.77	Lâm Đồng	3732	47A-757.69	Đắk Lắk	5232	49A-695.13	Lâm Đồng
733	47A-752.17	Đắk Lắk	2233	49A-705.87	Lâm Đồng	3733	47A-757.71	Đắk Lắk	5233	49A-695.49	Lâm Đồng
734	47A-753.61	Đắk Lắk	2234	49A-707.13	Lâm Đồng	3734	47A-758.48	Đắk Lắk	5234	49A-696.03	Lâm Đồng
735	47A-753.62	Đắk Lắk	2235	49A-708.41	Lâm Đồng	3735	47A-759.07	Đắk Lắk	5235	49A-696.22	Lâm Đồng
736	47A-754.94	Đắk Lắk	2236	49C-366.21	Lâm Đồng	3736	47C-370.20	Đắk Lắk	5236	49A-699.23	Lâm Đồng
737	47A-755.04	Đắk Lắk	2237	49C-366.26	Lâm Đồng	3737	47C-371.19	Đắk Lắk	5237	49A-699.24	Lâm Đồng
738	47A-755.87	Đắk Lắk	2238	49C-366.83	Lâm Đồng	3738	47C-371.20	Đắk Lắk	5238	49A-699.37	Lâm Đồng
739	47A-756.43	Đắk Lắk	2239	49C-366.91	Lâm Đồng	3739	47C-371.75	Đắk Lắk	5239	49A-699.50	Lâm Đồng
740	47A-756.48	Đắk Lắk	2240	49C-367.54	Lâm Đồng	3740	47C-372.50	Đắk Lắk	5240	49A-700.10	Lâm Đồng
741	47A-756.87	Đắk Lắk	2241	49C-367.60	Lâm Đồng	3741	47C-373.63	Đắk Lắk	5241	49A-700.61	Lâm Đồng
742	47C-362.56	Đắk Lắk	2242	49C-368.47	Lâm Đồng	3742	47C-373.93	Đắk Lắk	5242	49A-701.49	Lâm Đồng
743	47C-370.03	Đắk Lắk	2243	51M-004.63	Hồ Chí Minh	3743	47C-374.42	Đắk Lắk	5243	49A-701.51	Lâm Đồng
744	47C-370.72	Đắk Lắk	2244	51M-004.94	Hồ Chí Minh	3744	47C-375.56	Đắk Lắk	5244	49A-702.82	Lâm Đồng
745	47C-370.91	Đắk Lắk	2245	51M-005.53	Hồ Chí Minh	3745	47C-376.02	Đắk Lắk	5245	49A-703.14	Lâm Đồng
746	47C-372.49	Đắk Lắk	2246	51M-006.03	Hồ Chí Minh	3746	47D-015.09	Đắk Lắk	5246	49A-703.19	Lâm Đồng
747	47C-373.57	Đắk Lắk	2247	51M-006.41	Hồ Chí Minh	3747	49A-695.27	Lâm Đồng	5247	49A-703.40	Lâm Đồng
748	47C-373.62	Đắk Lắk	2248	51M-006.43	Hồ Chí Minh	3748	49A-695.48	Lâm Đồng	5248	49A-703.53	Lâm Đồng
749	47C-374.61	Đắk Lắk	2249	51M-007.14	Hồ Chí Minh	3749	49A-696.40	Lâm Đồng	5249	49A-703.94	Lâm Đồng
750	47C-375.54	Đắk Lắk	2250	51M-007.30	Hồ Chí Minh	3750	49A-697.92	Lâm Đồng	5250	49A-704.09	Lâm Đồng
751	47C-376.14	Đắk Lắk	2251	51M-007.81	Hồ Chí Minh	3751	49A-698.34	Lâm Đồng	5251	49A-704.20	Lâm Đồng
752	49A-695.97	Lâm Đồng	2252	51M-008.21	Hồ Chí Minh	3752	49A-698.62	Lâm Đồng	5252	49A-704.56	Lâm Đồng
753	49A-696.62	Lâm Đồng	2253	51M-008.40	Hồ Chí Minh	3753	49A-698.67	Lâm Đồng	5253	49A-704.62	Lâm Đồng

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
754	49A-697.11	Lâm Đồng	2254	60C-717.40	Đồng Nai	3754	49A-698.74	Lâm Đồng	5254	49A-705.13	Lâm Đồng
755	49A-697.61	Lâm Đồng	2255	60C-718.23	Đồng Nai	3755	49A-701.53	Lâm Đồng	5255	49A-705.81	Lâm Đồng
756	49A-697.78	Lâm Đồng	2256	60C-718.42	Đồng Nai	3756	49A-701.74	Lâm Đồng	5256	49A-705.94	Lâm Đồng
757	49A-698.27	Lâm Đồng	2257	60C-718.53	Đồng Nai	3757	49A-701.84	Lâm Đồng	5257	49A-707.03	Lâm Đồng
758	49A-698.73	Lâm Đồng	2258	60C-718.97	Đồng Nai	3758	49A-701.91	Lâm Đồng	5258	49A-707.81	Lâm Đồng
759	49A-698.82	Lâm Đồng	2259	60C-722.07	Đồng Nai	3759	49A-702.42	Lâm Đồng	5259	49C-366.34	Lâm Đồng
760	49A-699.01	Lâm Đồng	2260	60C-722.53	Đồng Nai	3760	49A-702.90	Lâm Đồng	5260	49C-366.42	Lâm Đồng
761	49A-701.67	Lâm Đồng	2261	60C-722.56	Đồng Nai	3761	49A-702.92	Lâm Đồng	5261	49C-366.92	Lâm Đồng
762	49A-701.72	Lâm Đồng	2262	60C-723.92	Đồng Nai	3762	49A-703.42	Lâm Đồng	5262	49C-367.22	Lâm Đồng
763	49A-702.12	Lâm Đồng	2263	60C-724.01	Đồng Nai	3763	49A-704.10	Lâm Đồng	5263	49C-367.97	Lâm Đồng
764	49A-702.80	Lâm Đồng	2264	60C-724.21	Đồng Nai	3764	49A-704.79	Lâm Đồng	5264	49D-012.05	Lâm Đồng
765	49A-704.38	Lâm Đồng	2265	60C-724.37	Đồng Nai	3765	49A-704.81	Lâm Đồng	5265	51D-999.64	Hồ Chí Minh
766	49A-704.47	Lâm Đồng	2266	60C-724.41	Đồng Nai	3766	49A-705.04	Lâm Đồng	5266	51D-999.72	Hồ Chí Minh
767	49A-705.93	Lâm Đồng	2267	60C-724.43	Đồng Nai	3767	49A-705.23	Lâm Đồng	5267	51M-004.90	Hồ Chí Minh
768	49A-706.13	Lâm Đồng	2268	60C-725.03	Đồng Nai	3768	49A-705.46	Lâm Đồng	5268	51M-005.17	Hồ Chí Minh
769	49A-706.63	Lâm Đồng	2269	60C-727.41	Đồng Nai	3769	49A-706.43	Lâm Đồng	5269	51M-005.40	Hồ Chí Minh
770	49A-707.42	Lâm Đồng	2270	60C-727.70	Đồng Nai	3770	49A-707.02	Lâm Đồng	5270	51M-005.92	Hồ Chí Minh
771	49A-707.94	Lâm Đồng	2271	60C-727.78	Đồng Nai	3771	49A-707.04	Lâm Đồng	5271	51M-006.50	Hồ Chí Minh
772	49A-708.37	Lâm Đồng	2272	60C-727.91	Đồng Nai	3772	49A-707.50	Lâm Đồng	5272	51M-006.73	Hồ Chí Minh
773	49C-365.91	Lâm Đồng	2273	60K-500.30	Đồng Nai	3773	49A-707.63	Lâm Đồng	5273	51M-007.24	Hồ Chí Minh
774	49C-366.55	Lâm Đồng	2274	60K-501.35	Đồng Nai	3774	49A-708.24	Lâm Đồng	5274	51M-007.33	Hồ Chí Minh
775	49C-367.05	Lâm Đồng	2275	60K-502.02	Đồng Nai	3775	49C-366.80	Lâm Đồng	5275	60C-720.32	Đồng Nai
776	49C-367.13	Lâm Đồng	2276	60K-502.24	Đồng Nai	3776	49C-367.27	Lâm Đồng	5276	60C-720.52	Đồng Nai
777	49C-367.34	Lâm Đồng	2277	60K-503.86	Đồng Nai	3777	49C-367.43	Lâm Đồng	5277	60C-720.78	Đồng Nai
778	49C-367.57	Lâm Đồng	2278	60K-505.30	Đồng Nai	3778	49C-367.92	Lâm Đồng	5278	60C-720.80	Đồng Nai
779	51D-999.75	Hồ Chí Minh	2279	60K-505.81	Đồng Nai	3779	49C-368.62	Lâm Đồng	5279	60C-721.32	Đồng Nai
780	51L-177.68	Hồ Chí Minh	2280	60K-506.46	Đồng Nai	3780	51M-004.26	Hồ Chí Minh	5280	60C-722.30	Đồng Nai
781	51L-456.88	Hồ Chí Minh	2281	60K-506.52	Đồng Nai	3781	51M-004.42	Hồ Chí Minh	5281	60C-722.43	Đồng Nai
782	51M-004.50	Hồ Chí Minh	2282	60K-506.53	Đồng Nai	3782	51M-004.97	Hồ Chí Minh	5282	60C-722.92	Đồng Nai
783	51M-004.86	Hồ Chí Minh	2283	60K-506.97	Đồng Nai	3783	51M-006.14	Hồ Chí Minh	5283	60C-723.09	Đồng Nai
784	51M-005.18	Hồ Chí Minh	2284	60K-507.13	Đồng Nai	3784	51M-006.42	Hồ Chí Minh	5284	60C-723.93	Đồng Nai
785	51M-005.38	Hồ Chí Minh	2285	60K-507.42	Đồng Nai	3785	51M-006.92	Hồ Chí Minh	5285	60C-726.14	Đồng Nai
786	51M-006.52	Hồ Chí Minh	2286	60K-507.71	Đồng Nai	3786	51M-007.53	Hồ Chí Minh	5286	60C-726.39	Đồng Nai
787	60C-718.46	Đồng Nai	2287	60K-509.40	Đồng Nai	3787	51M-007.63	Hồ Chí Minh	5287	60C-726.49	Đồng Nai
788	60C-718.73	Đồng Nai	2288	60K-509.71	Đồng Nai	3788	51M-008.07	Hồ Chí Minh	5288	60C-726.57	Đồng Nai
789	60C-719.03	Đồng Nai	2289	60K-510.20	Đồng Nai	3789	60C-717.57	Đồng Nai	5289	60K-501.14	Đồng Nai
790	60C-719.67	Đồng Nai	2290	60K-510.34	Đồng Nai	3790	60C-717.60	Đồng Nai	5290	60K-502.62	Đồng Nai
791	60C-720.23	Đồng Nai	2291	60K-512.40	Đồng Nai	3791	60C-717.74	Đồng Nai	5291	60K-502.78	Đồng Nai
792	60C-720.51	Đồng Nai	2292	60K-513.20	Đồng Nai	3792	60C-717.82	Đồng Nai	5292	60K-504.02	Đồng Nai
793	60C-722.61	Đồng Nai	2293	60K-514.90	Đồng Nai	3793	60C-718.57	Đồng Nai	5293	60K-504.25	Đồng Nai
794	60C-723.54	Đồng Nai	2294	60K-515.61	Đồng Nai	3794	60C-718.69	Đồng Nai	5294	60K-504.53	Đồng Nai
795	60C-723.62	Đồng Nai	2295	60K-516.31	Đồng Nai	3795	60C-719.41	Đồng Nai	5295	60K-504.91	Đồng Nai
796	60C-724.62	Đồng Nai	2296	60K-516.41	Đồng Nai	3796	60C-719.84	Đồng Nai	5296	60K-506.94	Đồng Nai
797	60C-725.23	Đồng Nai	2297	60K-516.80	Đồng Nai	3797	60C-721.40	Đồng Nai	5297	60K-507.01	Đồng Nai
798	60C-725.91	Đồng Nai	2298	60K-517.10	Đồng Nai	3798	60C-721.46	Đồng Nai	5298	60K-507.24	Đồng Nai
799	60C-725.94	Đồng Nai	2299	60K-517.62	Đồng Nai	3799	60C-721.90	Đồng Nai	5299	60K-507.81	Đồng Nai
800	60C-726.04	Đồng Nai	2300	60K-517.93	Đồng Nai	3800	60C-722.62	Đồng Nai	5300	60K-508.19	Đồng Nai
801	60C-726.17	Đồng Nai	2301	60K-519.52	Đồng Nai	3801	60C-724.12	Đồng Nai	5301	60K-508.42	Đồng Nai
802	60C-727.40	Đồng Nai	2302	60K-520.11	Đồng Nai	3802	60C-724.63	Đồng Nai	5302	60K-508.90	Đồng Nai
803	60K-502.76	Đồng Nai	2303	60K-520.93	Đồng Nai	3803	60C-724.82	Đồng Nai	5303	60K-509.53	Đồng Nai
804	60K-503.62	Đồng Nai	2304	60K-520.94	Đồng Nai	3804	60C-725.67	Đồng Nai	5304	60K-510.12	Đồng Nai
805	60K-504.78	Đồng Nai	2305	60K-521.43	Đồng Nai	3805	60C-726.50	Đồng Nai	5305	60K-510.65	Đồng Nai
806	60K-505.12	Đồng Nai	2306	60K-522.92	Đồng Nai	3806	60C-726.89	Đồng Nai	5306	60K-510.82	Đồng Nai
807	60K-505.25	Đồng Nai	2307	60K-525.43	Đồng Nai	3807	60C-727.04	Đồng Nai	5307	60K-510.92	Đồng Nai
808	60K-505.32	Đồng Nai	2308	60K-525.78	Đồng Nai	3808	60C-727.05	Đồng Nai	5308	60K-511.91	Đồng Nai
809	60K-506.45	Đồng Nai	2309	60K-527.74	Đồng Nai	3809	60C-727.48	Đồng Nai	5309	60K-511.92	Đồng Nai
810	60K-506.91	Đồng Nai	2310	60K-527.97	Đồng Nai	3810	60K-500.73	Đồng Nai	5310	60K-512.39	Đồng Nai
811	60K-507.41	Đồng Nai	2311	60K-528.32	Đồng Nai	3811	60K-501.23	Đồng Nai	5311	60K-512.41	Đồng Nai
812	60K-507.64	Đồng Nai	2312	60K-528.79	Đồng Nai	3812	60K-502.33	Đồng Nai	5312	60K-512.74	Đồng Nai
813	60K-509.92	Đồng Nai	2313	60K-528.85	Đồng Nai	3813	60K-502.64	Đồng Nai	5313	60K-512.99	Đồng Nai
814	60K-511.23	Đồng Nai	2314	60K-529.90	Đồng Nai	3814	60K-503.72	Đồng Nai	5314	60K-513.25	Đồng Nai
815	60K-511.24	Đồng Nai	2315	60K-529.94	Đồng Nai	3815	60K-508.10	Đồng Nai	5315	60K-513.47	Đồng Nai
816	60K-511.78	Đồng Nai	2316	60K-530.29	Đồng Nai	3816	60K-508.34	Đồng Nai	5316	60K-514.05	Đồng Nai

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
817	60K-512.34	Đồng Nai	2317	60K-530.32	Đồng Nai	3817	60K-508.47	Đồng Nai	5317	60K-515.41	Đồng Nai
818	60K-513.07	Đồng Nai	2318	60K-530.51	Đồng Nai	3818	60K-508.64	Đồng Nai	5318	60K-515.72	Đồng Nai
819	60K-513.57	Đồng Nai	2319	60K-530.70	Đồng Nai	3819	60K-508.71	Đồng Nai	5319	60K-516.23	Đồng Nai
820	60K-514.31	Đồng Nai	2320	60K-530.92	Đồng Nai	3820	60K-508.78	Đồng Nai	5320	60K-516.72	Đồng Nai
821	60K-514.42	Đồng Nai	2321	60K-530.93	Đồng Nai	3821	60K-509.43	Đồng Nai	5321	60K-516.90	Đồng Nai
822	60K-514.81	Đồng Nai	2322	60K-531.45	Đồng Nai	3822	60K-510.64	Đồng Nai	5322	60K-517.05	Đồng Nai
823	60K-515.54	Đồng Nai	2323	60K-532.19	Đồng Nai	3823	60K-511.44	Đồng Nai	5323	60K-517.43	Đồng Nai
824	60K-517.04	Đồng Nai	2324	60K-532.26	Đồng Nai	3824	60K-511.71	Đồng Nai	5324	60K-517.49	Đồng Nai
825	60K-519.12	Đồng Nai	2325	60K-534.42	Đồng Nai	3825	60K-512.82	Đồng Nai	5325	60K-518.37	Đồng Nai
826	60K-519.37	Đồng Nai	2326	60K-534.66	Đồng Nai	3826	60K-512.87	Đồng Nai	5326	60K-518.60	Đồng Nai
827	60K-519.53	Đồng Nai	2327	60K-535.41	Đồng Nai	3827	60K-513.67	Đồng Nai	5327	60K-518.63	Đồng Nai
828	60K-520.08	Đồng Nai	2328	60K-535.63	Đồng Nai	3828	60K-514.18	Đồng Nai	5328	60K-518.72	Đồng Nai
829	60K-520.14	Đồng Nai	2329	60K-536.57	Đồng Nai	3829	60K-514.43	Đồng Nai	5329	60K-518.74	Đồng Nai
830	60K-520.61	Đồng Nai	2330	60K-536.72	Đồng Nai	3830	60K-514.67	Đồng Nai	5330	60K-519.01	Đồng Nai
831	60K-520.63	Đồng Nai	2331	60K-537.21	Đồng Nai	3831	60K-515.71	Đồng Nai	5331	60K-520.46	Đồng Nai
832	60K-522.72	Đồng Nai	2332	60K-538.21	Đồng Nai	3832	60K-517.97	Đồng Nai	5332	60K-520.72	Đồng Nai
833	60K-524.09	Đồng Nai	2333	60K-538.58	Đồng Nai	3833	60K-518.80	Đồng Nai	5333	60K-520.75	Đồng Nai
834	60K-524.67	Đồng Nai	2334	60K-539.07	Đồng Nai	3834	60K-519.59	Đồng Nai	5334	60K-522.12	Đồng Nai
835	60K-525.40	Đồng Nai	2335	60K-539.30	Đồng Nai	3835	60K-519.67	Đồng Nai	5335	60K-522.21	Đồng Nai
836	60K-527.25	Đồng Nai	2336	60K-540.05	Đồng Nai	3836	60K-519.73	Đồng Nai	5336	60K-522.24	Đồng Nai
837	60K-527.45	Đồng Nai	2337	60K-540.18	Đồng Nai	3837	60K-520.13	Đồng Nai	5337	60K-523.14	Đồng Nai
838	60K-529.10	Đồng Nai	2338	60K-542.51	Đồng Nai	3838	60K-522.14	Đồng Nai	5338	60K-523.63	Đồng Nai
839	60K-529.21	Đồng Nai	2339	60K-542.71	Đồng Nai	3839	60K-522.40	Đồng Nai	5339	60K-523.67	Đồng Nai
840	60K-529.63	Đồng Nai	2340	60K-542.75	Đồng Nai	3840	60K-522.58	Đồng Nai	5340	60K-523.80	Đồng Nai
841	60K-529.72	Đồng Nai	2341	60K-542.76	Đồng Nai	3841	60K-523.05	Đồng Nai	5341	60K-524.83	Đồng Nai
842	60K-533.46	Đồng Nai	2342	60K-543.71	Đồng Nai	3842	60K-524.21	Đồng Nai	5342	60K-525.15	Đồng Nai
843	60K-533.90	Đồng Nai	2343	60K-544.03	Đồng Nai	3843	60K-524.46	Đồng Nai	5343	60K-525.57	Đồng Nai
844	60K-534.10	Đồng Nai	2344	60K-544.07	Đồng Nai	3844	60K-524.80	Đồng Nai	5344	60K-526.04	Đồng Nai
845	60K-534.20	Đồng Nai	2345	61C-582.66	Bình Dương	3845	60K-524.92	Đồng Nai	5345	60K-526.17	Đồng Nai
846	60K-535.24	Đồng Nai	2346	61C-582.73	Bình Dương	3846	60K-525.13	Đồng Nai	5346	60K-526.60	Đồng Nai
847	60K-537.52	Đồng Nai	2347	61C-583.37	Bình Dương	3847	60K-525.47	Đồng Nai	5347	60K-526.67	Đồng Nai
848	60K-537.63	Đồng Nai	2348	61C-583.48	Bình Dương	3848	60K-525.70	Đồng Nai	5348	60K-526.80	Đồng Nai
849	60K-537.78	Đồng Nai	2349	61C-584.45	Bình Dương	3849	60K-526.02	Đồng Nai	5349	60K-526.81	Đồng Nai
850	60K-538.02	Đồng Nai	2350	61C-584.54	Bình Dương	3850	60K-526.39	Đồng Nai	5350	60K-527.10	Đồng Nai
851	60K-538.24	Đồng Nai	2351	61C-585.10	Bình Dương	3851	60K-526.44	Đồng Nai	5351	60K-527.23	Đồng Nai
852	60K-538.83	Đồng Nai	2352	61C-585.13	Bình Dương	3852	60K-526.75	Đồng Nai	5352	60K-527.61	Đồng Nai
853	60K-540.81	Đồng Nai	2353	61C-585.46	Bình Dương	3853	60K-526.94	Đồng Nai	5353	60K-527.83	Đồng Nai
854	60K-540.93	Đồng Nai	2354	61C-585.50	Bình Dương	3854	60K-527.06	Đồng Nai	5354	60K-528.46	Đồng Nai
855	60K-541.30	Đồng Nai	2355	61C-585.91	Bình Dương	3855	60K-527.24	Đồng Nai	5355	60K-529.02	Đồng Nai
856	60K-543.12	Đồng Nai	2356	61C-586.70	Bình Dương	3856	60K-527.56	Đồng Nai	5356	60K-529.74	Đồng Nai
857	60K-543.38	Đồng Nai	2357	61C-587.49	Bình Dương	3857	60K-527.80	Đồng Nai	5357	60K-530.80	Đồng Nai
858	60K-543.46	Đồng Nai	2358	61K-408.51	Bình Dương	3858	60K-527.87	Đồng Nai	5358	60K-533.94	Đồng Nai
859	60K-543.73	Đồng Nai	2359	61K-408.54	Bình Dương	3859	60K-528.07	Đồng Nai	5359	60K-534.65	Đồng Nai
860	61C-582.21	Bình Dương	2360	61K-408.62	Bình Dương	3860	60K-528.12	Đồng Nai	5360	60K-536.13	Đồng Nai
861	61C-582.83	Bình Dương	2361	61K-408.84	Bình Dương	3861	60K-528.34	Đồng Nai	5361	60K-536.97	Đồng Nai
862	61C-583.91	Bình Dương	2362	61K-409.14	Bình Dương	3862	60K-528.59	Đồng Nai	5362	60K-538.03	Đồng Nai
863	61C-584.61	Bình Dương	2363	61K-409.35	Bình Dương	3863	60K-529.40	Đồng Nai	5363	60K-538.60	Đồng Nai
864	61C-584.94	Bình Dương	2364	61K-409.61	Bình Dương	3864	60K-529.48	Đồng Nai	5364	60K-539.31	Đồng Nai
865	61C-585.33	Bình Dương	2365	61K-411.64	Bình Dương	3865	60K-531.21	Đồng Nai	5365	60K-539.45	Đồng Nai
866	61C-587.17	Bình Dương	2366	61K-411.72	Bình Dương	3866	60K-531.47	Đồng Nai	5366	60K-539.51	Đồng Nai
867	61C-587.23	Bình Dương	2367	61K-412.90	Bình Dương	3867	60K-531.51	Đồng Nai	5367	60K-541.78	Đồng Nai
868	61D-019.13	Bình Dương	2368	61K-413.08	Bình Dương	3868	60K-531.92	Đồng Nai	5368	60K-543.21	Đồng Nai
869	61D-019.20	Bình Dương	2369	61K-413.84	Bình Dương	3869	60K-533.07	Đồng Nai	5369	60K-543.31	Đồng Nai
870	61D-019.22	Bình Dương	2370	61K-415.37	Bình Dương	3870	60K-533.68	Đồng Nai	5370	60K-543.48	Đồng Nai
871	61K-408.48	Bình Dương	2371	61K-415.42	Bình Dương	3871	60K-533.72	Đồng Nai	5371	60K-543.76	Đồng Nai
872	61K-408.57	Bình Dương	2372	61K-415.57	Bình Dương	3872	60K-534.73	Đồng Nai	5372	60K-543.92	Đồng Nai
873	61K-409.37	Bình Dương	2373	61K-415.87	Bình Dương	3873	60K-535.21	Đồng Nai	5373	60K-544.10	Đồng Nai
874	61K-409.48	Bình Dương	2374	61K-416.49	Bình Dương	3874	60K-535.54	Đồng Nai	5374	61C-582.26	Bình Dương
875	61K-409.64	Bình Dương	2375	61K-416.97	Bình Dương	3875	60K-537.03	Đồng Nai	5375	61C-582.37	Bình Dương
876	61K-412.05	Bình Dương	2376	61K-417.88	Bình Dương	3876	60K-537.51	Đồng Nai	5376	61C-584.07	Bình Dương
877	61K-412.47	Bình Dương	2377	61K-417.94	Bình Dương	3877	60K-537.82	Đồng Nai	5377	61C-584.30	Bình Dương
878	61K-412.73	Bình Dương	2378	61K-418.04	Bình Dương	3878	60K-538.12	Đồng Nai	5378	61C-585.82	Bình Dương
879	61K-413.28	Bình Dương	2379	61K-418.20	Bình Dương	3879	60K-538.81	Đồng Nai	5379	61C-585.96	Bình Dương

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
880	61K-413.54	Bình Dương	2380	61K-418.91	Bình Dương	3880	60K-539.37	Đồng Nai	5380	61C-586.32	Bình Dương
881	61K-415.02	Bình Dương	2381	61K-419.49	Bình Dương	3881	60K-539.97	Đồng Nai	5381	61C-586.42	Bình Dương
882	61K-415.03	Bình Dương	2382	61K-420.07	Bình Dương	3882	60K-540.17	Đồng Nai	5382	61C-586.49	Bình Dương
883	61K-415.20	Bình Dương	2383	61K-420.45	Bình Dương	3883	60K-540.79	Đồng Nai	5383	61C-587.46	Bình Dương
884	61K-416.73	Bình Dương	2384	61K-423.91	Bình Dương	3884	60K-541.64	Đồng Nai	5384	61D-018.72	Bình Dương
885	61K-417.07	Bình Dương	2385	61K-424.41	Bình Dương	3885	60K-542.30	Đồng Nai	5385	61D-018.74	Bình Dương
886	61K-417.20	Bình Dương	2386	61K-425.77	Bình Dương	3886	60K-542.90	Đồng Nai	5386	61K-408.15	Bình Dương
887	61K-418.13	Bình Dương	2387	61K-427.80	Bình Dương	3887	60K-543.60	Đồng Nai	5387	61K-408.55	Bình Dương
888	61K-418.76	Bình Dương	2388	61K-428.01	Bình Dương	3888	61C-582.70	Bình Dương	5388	61K-409.09	Bình Dương
889	61K-418.78	Bình Dương	2389	61K-428.40	Bình Dương	3889	61C-583.92	Bình Dương	5389	61K-410.97	Bình Dương
890	61K-419.84	Bình Dương	2390	61K-428.48	Bình Dương	3890	61C-584.10	Bình Dương	5390	61K-411.63	Bình Dương
891	61K-420.76	Bình Dương	2391	61K-429.49	Bình Dương	3891	61C-584.53	Bình Dương	5391	61K-413.46	Bình Dương
892	61K-421.14	Bình Dương	2392	61K-429.97	Bình Dương	3892	61C-585.48	Bình Dương	5392	61K-415.34	Bình Dương
893	61K-423.02	Bình Dương	2393	61K-430.02	Bình Dương	3893	61C-585.73	Bình Dương	5393	61K-416.13	Bình Dương
894	61K-423.20	Bình Dương	2394	61K-430.49	Bình Dương	3894	61C-585.74	Bình Dương	5394	61K-416.87	Bình Dương
895	61K-424.52	Bình Dương	2395	61K-430.85	Bình Dương	3895	61C-585.87	Bình Dương	5395	61K-417.02	Bình Dương
896	61K-424.53	Bình Dương	2396	61K-431.09	Bình Dương	3896	61C-586.39	Bình Dương	5396	61K-417.09	Bình Dương
897	61K-424.72	Bình Dương	2397	61K-431.75	Bình Dương	3897	61K-408.30	Bình Dương	5397	61K-417.71	Bình Dương
898	61K-425.80	Bình Dương	2398	61K-432.18	Bình Dương	3898	61K-408.50	Bình Dương	5398	61K-419.47	Bình Dương
899	61K-426.20	Bình Dương	2399	61K-433.10	Bình Dương	3899	61K-408.61	Bình Dương	5399	61K-419.75	Bình Dương
900	61K-428.17	Bình Dương	2400	61K-434.74	Bình Dương	3900	61K-409.42	Bình Dương	5400	61K-420.04	Bình Dương
901	61K-429.60	Bình Dương	2401	61K-435.30	Bình Dương	3901	61K-410.21	Bình Dương	5401	61K-420.60	Bình Dương
902	61K-430.51	Bình Dương	2402	61K-435.33	Bình Dương	3902	61K-410.51	Bình Dương	5402	61K-421.95	Bình Dương
903	61K-430.53	Bình Dương	2403	61K-435.51	Bình Dương	3903	61K-411.10	Bình Dương	5403	61K-422.03	Bình Dương
904	61K-431.64	Bình Dương	2404	61K-435.74	Bình Dương	3904	61K-413.77	Bình Dương	5404	61K-422.21	Bình Dương
905	61K-432.69	Bình Dương	2405	61K-435.90	Bình Dương	3905	61K-413.89	Bình Dương	5405	61K-422.27	Bình Dương
906	61K-433.78	Bình Dương	2406	61K-436.23	Bình Dương	3906	61K-414.51	Bình Dương	5406	61K-423.80	Bình Dương
907	61K-433.94	Bình Dương	2407	61K-437.20	Bình Dương	3907	61K-415.12	Bình Dương	5407	61K-424.71	Bình Dương
908	61K-434.00	Bình Dương	2408	61K-437.70	Bình Dương	3908	61K-415.45	Bình Dương	5408	61K-424.91	Bình Dương
909	61K-434.23	Bình Dương	2409	61K-438.46	Bình Dương	3909	61K-415.76	Bình Dương	5409	61K-425.53	Bình Dương
910	61K-434.81	Bình Dương	2410	61K-439.21	Bình Dương	3910	61K-415.97	Bình Dương	5410	61K-425.70	Bình Dương
911	61K-434.83	Bình Dương	2411	61K-439.52	Bình Dương	3911	61K-417.73	Bình Dương	5411	61K-425.90	Bình Dương
912	61K-435.09	Bình Dương	2412	61K-439.67	Bình Dương	3912	61K-417.80	Bình Dương	5412	61K-426.73	Bình Dương
913	61K-435.20	Bình Dương	2413	61K-440.50	Bình Dương	3913	61K-417.91	Bình Dương	5413	61K-426.81	Bình Dương
914	61K-435.27	Bình Dương	2414	61K-440.70	Bình Dương	3914	61K-418.14	Bình Dương	5414	61K-427.35	Bình Dương
915	61K-435.59	Bình Dương	2415	61K-440.92	Bình Dương	3915	61K-418.67	Bình Dương	5415	61K-427.40	Bình Dương
916	61K-436.42	Bình Dương	2416	61K-441.71	Bình Dương	3916	61K-420.32	Bình Dương	5416	61K-427.54	Bình Dương
917	61K-436.75	Bình Dương	2417	62A-438.90	Long An	3917	61K-420.72	Bình Dương	5417	61K-428.13	Bình Dương
918	61K-436.78	Bình Dương	2418	62A-439.03	Long An	3918	61K-421.99	Bình Dương	5418	61K-428.38	Bình Dương
919	61K-437.05	Bình Dương	2419	62A-439.71	Long An	3919	61K-422.61	Bình Dương	5419	61K-428.52	Bình Dương
920	61K-438.80	Bình Dương	2420	62A-439.92	Long An	3920	61K-422.84	Bình Dương	5420	61K-428.67	Bình Dương
921	61K-439.51	Bình Dương	2421	62A-441.05	Long An	3921	61K-423.53	Bình Dương	5421	61K-429.28	Bình Dương
922	61K-439.84	Bình Dương	2422	62A-441.47	Long An	3922	61K-423.60	Bình Dương	5422	61K-429.50	Bình Dương
923	61K-440.62	Bình Dương	2423	62A-443.94	Long An	3923	61K-423.70	Bình Dương	5423	61K-430.14	Bình Dương
924	61K-441.13	Bình Dương	2424	62A-445.12	Long An	3924	61K-423.75	Bình Dương	5424	61K-431.37	Bình Dương
925	62A-440.33	Long An	2425	62A-445.83	Long An	3925	61K-423.82	Bình Dương	5425	61K-432.06	Bình Dương
926	62A-441.30	Long An	2426	62A-445.94	Long An	3926	61K-424.01	Bình Dương	5426	61K-432.82	Bình Dương
927	62A-441.53	Long An	2427	62A-446.12	Long An	3927	61K-424.73	Bình Dương	5427	61K-433.30	Bình Dương
928	62A-443.86	Long An	2428	62A-446.23	Long An	3928	61K-424.87	Bình Dương	5428	61K-433.54	Bình Dương
929	62A-446.48	Long An	2429	62A-446.32	Long An	3929	61K-425.41	Bình Dương	5429	61K-434.48	Bình Dương
930	62A-447.32	Long An	2430	62A-446.51	Long An	3930	61K-425.94	Bình Dương	5430	61K-435.52	Bình Dương
931	62A-449.61	Long An	2431	62A-447.42	Long An	3931	61K-426.08	Bình Dương	5431	61K-437.49	Bình Dương
932	62C-204.00	Long An	2432	62A-448.05	Long An	3932	61K-426.12	Bình Dương	5432	61K-437.52	Bình Dương
933	62C-210.54	Long An	2433	62A-449.50	Long An	3933	61K-426.90	Bình Dương	5433	61K-438.61	Bình Dương
934	62D-011.48	Long An	2434	62C-195.99	Long An	3934	61K-427.12	Bình Dương	5434	61K-438.84	Bình Dương
935	63A-302.36	Tiền Giang	2435	62C-210.40	Long An	3935	61K-427.44	Bình Dương	5435	61K-439.04	Bình Dương
936	63A-302.49	Tiền Giang	2436	62C-210.41	Long An	3936	61K-427.65	Bình Dương	5436	61K-439.37	Bình Dương
937	63A-303.76	Tiền Giang	2437	63A-302.21	Tiền Giang	3937	61K-428.75	Bình Dương	5437	61K-440.11	Bình Dương
938	63A-304.26	Tiền Giang	2438	63A-302.76	Tiền Giang	3938	61K-429.30	Bình Dương	5438	61K-440.86	Bình Dương
939	63A-304.50	Tiền Giang	2439	63A-303.49	Tiền Giang	3939	61K-429.87	Bình Dương	5439	62A-439.42	Long An
940	63A-305.32	Tiền Giang	2440	63A-303.82	Tiền Giang	3940	61K-430.20	Bình Dương	5440	62A-439.52	Long An
941	63A-306.40	Tiền Giang	2441	63A-304.21	Tiền Giang	3941	61K-430.41	Bình Dương	5441	62A-441.04	Long An
942	63C-210.68	Tiền Giang	2442	63A-305.17	Tiền Giang	3942	61K-430.72	Bình Dương	5442	62A-441.77	Long An

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
943	63C-216.24	Tiền Giang	2443	63A-306.23	Tiền Giang	3943	61K-431.67	Bình Dương	5443	62A-444.54	Long An
944	63C-217.27	Tiền Giang	2444	63B-030.00	Tiền Giang	3944	61K-431.98	Bình Dương	5444	62A-445.72	Long An
945	63C-217.34	Tiền Giang	2445	63C-210.19	Tiền Giang	3945	61K-432.02	Bình Dương	5445	62A-445.74	Long An
946	63C-217.57	Tiền Giang	2446	63C-210.22	Tiền Giang	3946	61K-432.14	Bình Dương	5446	62A-447.21	Long An
947	63C-217.60	Tiền Giang	2447	63C-216.05	Tiền Giang	3947	61K-433.17	Bình Dương	5447	62A-447.51	Long An
948	63C-217.90	Tiền Giang	2448	63C-216.60	Tiền Giang	3948	61K-433.24	Bình Dương	5448	62A-449.06	Long An
949	63C-217.97	Tiền Giang	2449	63C-218.21	Tiền Giang	3949	61K-434.06	Bình Dương	5449	62A-449.24	Long An
950	63C-218.45	Tiền Giang	2450	63C-218.27	Tiền Giang	3950	61K-434.12	Bình Dương	5450	62B-027.95	Long An
951	63C-219.50	Tiền Giang	2451	63C-218.78	Tiền Giang	3951	61K-434.24	Bình Dương	5451	62C-205.33	Long An
952	63D-008.87	Tiền Giang	2452	64A-192.84	Vĩnh Long	3952	61K-435.60	Bình Dương	5452	62C-210.05	Long An
953	64A-192.77	Vĩnh Long	2453	64A-193.34	Vĩnh Long	3953	61K-435.70	Bình Dương	5453	62D-011.49	Long An
954	64A-192.90	Vĩnh Long	2454	64A-193.75	Vĩnh Long	3954	61K-437.24	Bình Dương	5454	63A-302.14	Tiền Giang
955	64B-013.43	Vĩnh Long	2455	64A-193.88	Vĩnh Long	3955	61K-438.36	Bình Dương	5455	63A-303.34	Tiền Giang
956	64C-115.36	Vĩnh Long	2456	64A-193.92	Vĩnh Long	3956	61K-438.91	Bình Dương	5456	63A-303.62	Tiền Giang
957	64C-120.71	Vĩnh Long	2457	64C-115.44	Vĩnh Long	3957	61K-439.01	Bình Dương	5457	63A-304.61	Tiền Giang
958	65A-458.09	Cần Thơ	2458	64C-120.61	Vĩnh Long	3958	61K-441.42	Bình Dương	5458	63A-304.85	Tiền Giang
959	65A-470.68	Cần Thơ	2459	64C-121.27	Vĩnh Long	3959	62A-439.30	Long An	5459	63C-213.88	Tiền Giang
960	65A-471.09	Cần Thơ	2460	65A-458.06	Cần Thơ	3960	62A-439.73	Long An	5460	63C-217.64	Tiền Giang
961	65A-481.19	Cần Thơ	2461	65A-461.79	Cần Thơ	3961	62A-440.69	Long An	5461	63C-217.84	Tiền Giang
962	65A-489.44	Cần Thơ	2462	65A-479.97	Cần Thơ	3962	62A-441.48	Long An	5462	63C-218.02	Tiền Giang
963	65C-213.88	Cần Thơ	2463	65C-224.77	Cần Thơ	3963	62A-442.47	Long An	5463	63C-218.03	Tiền Giang
964	65C-221.08	Cần Thơ	2464	66A-282.80	Đồng Tháp	3964	62A-442.72	Long An	5464	63C-218.20	Tiền Giang
965	66A-280.06	Đồng Tháp	2465	66A-283.43	Đồng Tháp	3965	62A-443.45	Long An	5465	63C-218.62	Tiền Giang
966	66A-280.90	Đồng Tháp	2466	66A-283.47	Đồng Tháp	3966	62A-443.49	Long An	5466	63C-219.13	Tiền Giang
967	66A-281.80	Đồng Tháp	2467	66A-283.57	Đồng Tháp	3967	62A-443.92	Long An	5467	63C-219.54	Tiền Giang
968	66A-282.70	Đồng Tháp	2468	66A-283.68	Đồng Tháp	3968	62A-444.20	Long An	5468	63C-219.74	Tiền Giang
969	66A-283.27	Đồng Tháp	2469	66A-283.78	Đồng Tháp	3969	62A-446.13	Long An	5469	64A-193.07	Vĩnh Long
970	66A-284.42	Đồng Tháp	2470	66A-284.07	Đồng Tháp	3970	62A-446.27	Long An	5470	64A-193.80	Vĩnh Long
971	66A-285.50	Đồng Tháp	2471	66A-284.10	Đồng Tháp	3971	62A-446.49	Long An	5471	64A-194.21	Vĩnh Long
972	66A-286.75	Đồng Tháp	2472	66A-285.34	Đồng Tháp	3972	62A-446.60	Long An	5472	64C-118.86	Vĩnh Long
973	66A-287.13	Đồng Tháp	2473	66A-285.43	Đồng Tháp	3973	62A-448.23	Long An	5473	64C-120.32	Vĩnh Long
974	66A-287.47	Đồng Tháp	2474	66A-285.72	Đồng Tháp	3974	62A-449.67	Long An	5474	64D-002.42	Vĩnh Long
975	66A-287.71	Đồng Tháp	2475	66A-285.74	Đồng Tháp	3975	62B-028.03	Long An	5475	65A-458.56	Cần Thơ
976	66C-174.21	Đồng Tháp	2476	66A-286.00	Đồng Tháp	3976	62C-201.06	Long An	5476	65A-459.79	Cần Thơ
977	66C-174.52	Đồng Tháp	2477	66C-174.43	Đồng Tháp	3977	63A-302.01	Tiền Giang	5477	65A-460.89	Cần Thơ
978	66C-175.49	Đồng Tháp	2478	66C-175.54	Đồng Tháp	3978	63A-302.78	Tiền Giang	5478	65A-468.59	Cần Thơ
979	66C-175.66	Đồng Tháp	2479	66C-176.34	Đồng Tháp	3979	63A-302.87	Tiền Giang	5479	65A-470.11	Cần Thơ
980	66C-175.92	Đồng Tháp	2480	66C-176.78	Đồng Tháp	3980	63A-303.01	Tiền Giang	5480	65C-219.68	Cần Thơ
981	66C-176.38	Đồng Tháp	2481	67A-306.31	An Giang	3981	63A-304.14	Tiền Giang	5481	66A-280.07	Đồng Tháp
982	66C-176.42	Đồng Tháp	2482	67A-307.08	An Giang	3982	63A-304.54	Tiền Giang	5482	66A-281.17	Đồng Tháp
983	67A-305.81	An Giang	2483	67A-307.25	An Giang	3983	63A-304.60	Tiền Giang	5483	66A-282.12	Đồng Tháp
984	67A-306.10	An Giang	2484	67A-309.95	An Giang	3984	63A-305.20	Tiền Giang	5484	66A-282.32	Đồng Tháp
985	67A-306.24	An Giang	2485	67A-311.60	An Giang	3985	63A-305.64	Tiền Giang	5485	66A-282.34	Đồng Tháp
986	67A-306.76	An Giang	2486	67A-312.05	An Giang	3986	63A-305.93	Tiền Giang	5486	66A-283.72	Đồng Tháp
987	67A-309.30	An Giang	2487	67A-312.32	An Giang	3987	63A-306.04	Tiền Giang	5487	66A-284.65	Đồng Tháp
988	67A-312.83	An Giang	2488	67A-313.02	An Giang	3988	63C-209.68	Tiền Giang	5488	66A-285.07	Đồng Tháp
989	67A-313.12	An Giang	2489	67A-314.17	An Giang	3989	63C-210.10	Tiền Giang	5489	66A-285.29	Đồng Tháp
990	67A-313.50	An Giang	2490	67A-314.46	An Giang	3990	63C-213.11	Tiền Giang	5490	66A-285.47	Đồng Tháp
991	67A-313.67	An Giang	2491	67C-179.19	An Giang	3991	63C-216.43	Tiền Giang	5491	66A-286.72	Đồng Tháp
992	67A-314.21	An Giang	2492	67C-180.26	An Giang	3992	63C-216.72	Tiền Giang	5492	66A-286.90	Đồng Tháp
993	67A-314.24	An Giang	2493	67C-181.73	An Giang	3993	63C-217.30	Tiền Giang	5493	66A-287.01	Đồng Tháp
994	67C-180.72	An Giang	2494	67C-182.93	An Giang	3994	63C-217.37	Tiền Giang	5494	66A-287.23	Đồng Tháp
995	67C-181.04	An Giang	2495	67C-183.03	An Giang	3995	63C-218.01	Tiền Giang	5495	66A-288.01	Đồng Tháp
996	67C-181.14	An Giang	2496	68A-344.19	Kiên Giang	3996	63C-218.17	Tiền Giang	5496	66C-174.29	Đồng Tháp
997	67C-182.59	An Giang	2497	68A-344.86	Kiên Giang	3997	63C-219.17	Tiền Giang	5497	66C-174.84	Đồng Tháp
998	67C-182.92	An Giang	2498	68A-345.21	Kiên Giang	3998	63C-219.38	Tiền Giang	5498	66C-175.87	Đồng Tháp
999	67D-005.53	An Giang	2499	68A-345.28	Kiên Giang	3999	63C-219.47	Tiền Giang	5499	67A-306.20	An Giang
1000	68A-345.37	Kiên Giang	2500	68A-345.50	Kiên Giang	4000	64A-193.57	Vĩnh Long	5500	67A-306.62	An Giang
1001	68A-346.48	Kiên Giang	2501	68A-346.04	Kiên Giang	4001	64A-193.78	Vĩnh Long	5501	67A-306.83	An Giang
1002	68A-346.50	Kiên Giang	2502	68A-346.91	Kiên Giang	4002	64A-194.23	Vĩnh Long	5502	67A-306.90	An Giang
1003	68A-346.63	Kiên Giang	2503	68A-349.92	Kiên Giang	4003	64B-013.37	Vĩnh Long	5503	67A-306.93	An Giang
1004	68A-347.49	Kiên Giang	2504	68A-349.93	Kiên Giang	4004	64B-013.50	Vĩnh Long	5504	67A-307.76	An Giang
1005	68A-349.86	Kiên Giang	2505	68A-351.45	Kiên Giang	4005	64C-121.01	Vĩnh Long	5505	67A-308.07	An Giang

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1006	68A-349.87	Kiên Giang	2506	68C-170.10	Kiên Giang	4006	65A-485.06	Cần Thơ	5506	67A-311.23	An Giang
1007	68A-351.27	Kiên Giang	2507	68C-170.95	Kiên Giang	4007	65A-485.58	Cần Thơ	5507	67A-311.40	An Giang
1008	68C-169.50	Kiên Giang	2508	68C-171.47	Kiên Giang	4008	65A-487.56	Cần Thơ	5508	67A-311.80	An Giang
1009	68C-170.02	Kiên Giang	2509	68C-171.70	Kiên Giang	4009	65B-022.04	Cần Thơ	5509	67A-311.90	An Giang
1010	68C-170.06	Kiên Giang	2510	68C-171.76	Kiên Giang	4010	65C-221.18	Cần Thơ	5510	67A-312.48	An Giang
1011	68C-170.58	Kiên Giang	2511	68C-171.84	Kiên Giang	4011	65D-006.13	Cần Thơ	5511	67A-312.52	An Giang
1012	68C-170.97	Kiên Giang	2512	68C-172.12	Kiên Giang	4012	66A-280.44	Đồng Tháp	5512	67A-313.63	An Giang
1013	68C-171.43	Kiên Giang	2513	69C-099.28	Cà Mau	4013	66A-280.47	Đồng Tháp	5513	67A-314.10	An Giang
1014	69C-100.31	Cà Mau	2514	69C-099.48	Cà Mau	4014	66A-281.13	Đồng Tháp	5514	67C-180.14	An Giang
1015	69C-100.90	Cà Mau	2515	69C-099.81	Cà Mau	4015	66A-281.24	Đồng Tháp	5515	67C-181.03	An Giang
1016	70A-543.72	Tây Ninh	2516	69C-100.76	Cà Mau	4016	66A-282.23	Đồng Tháp	5516	67C-181.92	An Giang
1017	70A-543.93	Tây Ninh	2517	70A-545.32	Tây Ninh	4017	66A-282.27	Đồng Tháp	5517	67C-181.93	An Giang
1018	70A-544.30	Tây Ninh	2518	70A-545.40	Tây Ninh	4018	66A-282.44	Đồng Tháp	5518	67C-182.05	An Giang
1019	70A-544.52	Tây Ninh	2519	70A-545.80	Tây Ninh	4019	66A-282.57	Đồng Tháp	5519	67C-182.24	An Giang
1020	70A-544.90	Tây Ninh	2520	70A-546.29	Tây Ninh	4020	66A-282.84	Đồng Tháp	5520	67C-182.73	An Giang
1021	70A-547.92	Tây Ninh	2521	70A-546.38	Tây Ninh	4021	66A-283.61	Đồng Tháp	5521	67C-183.17	An Giang
1022	70A-548.23	Tây Ninh	2522	70A-548.52	Tây Ninh	4022	66A-285.21	Đồng Tháp	5522	67D-005.44	An Giang
1023	70A-549.10	Tây Ninh	2523	70A-549.05	Tây Ninh	4023	66A-285.88	Đồng Tháp	5523	68A-344.51	Kiên Giang
1024	70A-550.48	Tây Ninh	2524	70A-552.42	Tây Ninh	4024	66A-286.21	Đồng Tháp	5524	68A-344.76	Kiên Giang
1025	70A-550.52	Tây Ninh	2525	70A-552.75	Tây Ninh	4025	66C-174.53	Đồng Tháp	5525	68A-344.82	Kiên Giang
1026	70A-550.80	Tây Ninh	2526	70A-554.92	Tây Ninh	4026	66C-174.93	Đồng Tháp	5526	68A-344.93	Kiên Giang
1027	70A-551.27	Tây Ninh	2527	70A-555.62	Tây Ninh	4027	66C-174.94	Đồng Tháp	5527	68A-348.90	Kiên Giang
1028	70A-553.24	Tây Ninh	2528	70A-555.70	Tây Ninh	4028	66C-175.91	Đồng Tháp	5528	68A-350.46	Kiên Giang
1029	70A-554.02	Tây Ninh	2529	70C-206.16	Tây Ninh	4029	66C-176.48	Đồng Tháp	5529	68A-350.52	Kiên Giang
1030	70A-554.42	Tây Ninh	2530	70C-209.70	Tây Ninh	4030	66C-177.10	Đồng Tháp	5530	68A-351.03	Kiên Giang
1031	70A-554.80	Tây Ninh	2531	71A-198.94	Bến Tre	4031	66C-177.13	Đồng Tháp	5531	68A-351.04	Kiên Giang
1032	70A-554.82	Tây Ninh	2532	71A-199.01	Bến Tre	4032	66C-177.14	Đồng Tháp	5532	68A-351.62	Kiên Giang
1033	70C-198.36	Tây Ninh	2533	71A-199.97	Bến Tre	4033	67A-306.14	An Giang	5533	68C-169.33	Kiên Giang
1034	70C-199.06	Tây Ninh	2534	71A-200.10	Bến Tre	4034	67A-306.32	An Giang	5534	68C-169.51	Kiên Giang
1035	70C-207.70	Tây Ninh	2535	71A-200.32	Bến Tre	4035	67A-308.81	An Giang	5535	68C-169.75	Kiên Giang
1036	70C-209.32	Tây Ninh	2536	71A-201.47	Bến Tre	4036	67A-309.37	An Giang	5536	68C-169.86	Kiên Giang
1037	70C-209.52	Tây Ninh	2537	71A-201.70	Bến Tre	4037	67A-309.87	An Giang	5537	68C-170.09	Kiên Giang
1038	71A-197.87	Bến Tre	2538	72A-788.00	Bà Rịa - Vũng Tàu	4038	67A-311.07	An Giang	5538	68C-170.34	Kiên Giang
1039	71A-198.80	Bến Tre	2539	72A-790.04	Bà Rịa - Vũng Tàu	4039	67A-311.81	An Giang	5539	68C-170.45	Kiên Giang
1040	71A-199.51	Bến Tre	2540	72A-790.24	Bà Rịa - Vũng Tàu	4040	67A-312.40	An Giang	5540	68C-170.59	Kiên Giang
1041	71A-199.75	Bến Tre	2541	72A-790.40	Bà Rịa - Vũng Tàu	4041	67A-313.53	An Giang	5541	68C-171.40	Kiên Giang
1042	71A-199.90	Bến Tre	2542	72A-790.97	Bà Rịa - Vũng Tàu	4042	67C-181.01	An Giang	5542	69A-162.27	Cà Mau
1043	71A-201.02	Bến Tre	2543	72A-791.10	Bà Rịa - Vũng Tàu	4043	67C-181.94	An Giang	5543	69C-100.41	Cà Mau
1044	71A-201.30	Bến Tre	2544	72A-791.82	Bà Rịa - Vũng Tàu	4044	67C-182.61	An Giang	5544	69C-100.97	Cà Mau
1045	71A-201.76	Bến Tre	2545	72A-792.42	Bà Rịa - Vũng Tàu	4045	68A-345.91	Kiên Giang	5545	70A-543.90	Tây Ninh
1046	71A-202.17	Bến Tre	2546	72A-792.84	Bà Rịa - Vũng Tàu	4046	68A-346.07	Kiên Giang	5546	70A-544.47	Tây Ninh
1047	71C-129.80	Bến Tre	2547	72A-793.48	Bà Rịa - Vũng Tàu	4047	68A-346.20	Kiên Giang	5547	70A-545.05	Tây Ninh
1048	72A-787.91	Bà Rịa - Vũng Tàu	2548	72A-794.10	Bà Rịa - Vũng Tàu	4048	68A-346.21	Kiên Giang	5548	70A-545.96	Tây Ninh
1049	72A-789.57	Bà Rịa - Vũng Tàu	2549	72A-794.50	Bà Rịa - Vũng Tàu	4049	68A-347.45	Kiên Giang	5549	70A-546.13	Tây Ninh
1050	72A-791.33	Bà Rịa - Vũng Tàu	2550	72A-797.24	Bà Rịa - Vũng Tàu	4050	68A-348.64	Kiên Giang	5550	70A-546.49	Tây Ninh
1051	72A-792.32	Bà Rịa - Vũng Tàu	2551	72A-798.56	Bà Rịa - Vũng Tàu	4051	68A-348.74	Kiên Giang	5551	70A-547.28	Tây Ninh
1052	72A-792.46	Bà Rịa - Vũng Tàu	2552	72A-799.05	Bà Rịa - Vũng Tàu	4052	68A-348.92	Kiên Giang	5552	70A-548.20	Tây Ninh
1053	72A-793.60	Bà Rịa - Vũng Tàu	2553	72A-800.57	Bà Rịa - Vũng Tàu	4053	68A-349.31	Kiên Giang	5553	70A-549.31	Tây Ninh
1054	72A-796.10	Bà Rịa - Vũng Tàu	2554	72A-801.27	Bà Rịa - Vũng Tàu	4054	68A-350.25	Kiên Giang	5554	70A-549.60	Tây Ninh
1055	72A-796.24	Bà Rịa - Vũng Tàu	2555	72A-801.57	Bà Rịa - Vũng Tàu	4055	68A-351.12	Kiên Giang	5555	70A-549.81	Tây Ninh
1056	72A-797.03	Bà Rịa - Vũng Tàu	2556	72A-801.81	Bà Rịa - Vũng Tàu	4056	68C-170.72	Kiên Giang	5556	70A-550.43	Tây Ninh
1057	72A-797.20	Bà Rịa - Vũng Tàu	2557	72A-801.84	Bà Rịa - Vũng Tàu	4057	69A-162.43	Cà Mau	5557	70A-551.49	Tây Ninh
1058	72A-797.48	Bà Rịa - Vũng Tàu	2558	72A-802.26	Bà Rịa - Vũng Tàu	4058	69C-099.60	Cà Mau	5558	70A-551.57	Tây Ninh
1059	72A-797.71	Bà Rịa - Vũng Tàu	2559	72A-802.37	Bà Rịa - Vũng Tàu	4059	69C-100.40	Cà Mau	5559	70A-552.28	Tây Ninh
1060	72A-799.04	Bà Rịa - Vũng Tàu	2560	72A-802.53	Bà Rịa - Vũng Tàu	4060	69C-100.42	Cà Mau	5560	70A-553.31	Tây Ninh
1061	72A-799.45	Bà Rịa - Vũng Tàu	2561	72A-802.94	Bà Rịa - Vũng Tàu	4061	69C-100.46	Cà Mau	5561	70A-553.73	Tây Ninh
1062	72A-799.46	Bà Rịa - Vũng Tàu	2562	72A-803.97	Bà Rịa - Vũng Tàu	4062	69C-100.60	Cà Mau	5562	70A-554.94	Tây Ninh
1063	72A-800.53	Bà Rịa - Vũng Tàu	2563	72A-804.23	Bà Rịa - Vũng Tàu	4063	69C-100.80	Cà Mau	5563	70C-198.98	Tây Ninh
1064	72A-800.55	Bà Rịa - Vũng Tàu	2564	72C-230.12	Bà Rịa - Vũng Tàu	4064	70A-543.37	Tây Ninh	5564	70C-209.15	Tây Ninh
1065	72A-800.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	2565	73A-352.36	Quảng Bình	4065	70A-543.45	Tây Ninh	5565	70C-209.23	Tây Ninh
1066	72A-801.50	Bà Rịa - Vũng Tàu	2566	73A-352.44	Quảng Bình	4066	70A-543.71	Tây Ninh	5566	70C-209.45	Tây Ninh
1067	72A-802.71	Bà Rịa - Vũng Tàu	2567	73A-352.73	Quảng Bình	4067	70A-544.32	Tây Ninh	5567	70D-007.97	Tây Ninh
1068	72A-802.84	Bà Rịa - Vũng Tàu	2568	73A-353.48	Quảng Bình	4068	70A-546.30	Tây Ninh	5568	71A-198.82	Bến Tre

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1069	72A-804.42	Bà Rịa - Vũng Tàu	2569	73A-353.58	Quảng Bình	4069	70A-546.41	Tây Ninh	5569	71A-201.21	Bến Tre
1070	72C-229.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	2570	73A-354.63	Quảng Bình	4070	70A-546.97	Tây Ninh	5570	71A-201.68	Bến Tre
1071	72D-007.14	Bà Rịa - Vũng Tàu	2571	73A-355.34	Quảng Bình	4071	70A-547.41	Tây Ninh	5571	72A-788.61	Bà Rịa - Vũng Tàu
1072	73A-352.54	Quảng Bình	2572	73A-356.02	Quảng Bình	4072	70A-552.16	Tây Ninh	5572	72A-788.76	Bà Rịa - Vũng Tàu
1073	73A-353.87	Quảng Bình	2573	73C-178.78	Quảng Bình	4073	70A-552.48	Tây Ninh	5573	72A-789.34	Bà Rịa - Vũng Tàu
1074	73A-353.95	Quảng Bình	2574	73C-181.22	Quảng Bình	4074	70A-552.88	Tây Ninh	5574	72A-790.71	Bà Rịa - Vũng Tàu
1075	73A-354.12	Quảng Bình	2575	74A-263.23	Quảng Trị	4075	70A-553.97	Tây Ninh	5575	72A-792.27	Bà Rịa - Vũng Tàu
1076	73A-355.18	Quảng Bình	2576	74A-264.21	Quảng Trị	4076	70A-554.13	Tây Ninh	5576	72A-793.71	Bà Rịa - Vũng Tàu
1077	73A-355.46	Quảng Bình	2577	74A-265.00	Quảng Trị	4077	70A-554.84	Tây Ninh	5577	72A-793.74	Bà Rịa - Vũng Tàu
1078	73A-355.87	Quảng Bình	2578	74A-265.17	Quảng Trị	4078	70A-555.32	Tây Ninh	5578	72A-794.07	Bà Rịa - Vũng Tàu
1079	73C-180.69	Quảng Bình	2579	74A-266.03	Quảng Trị	4079	70C-205.66	Tây Ninh	5579	72A-795.47	Bà Rịa - Vũng Tàu
1080	73C-184.69	Quảng Bình	2580	74A-266.21	Quảng Trị	4080	70C-209.28	Tây Ninh	5580	72A-796.17	Bà Rịa - Vũng Tàu
1081	73C-185.41	Quảng Bình	2581	74A-266.31	Quảng Trị	4081	71A-197.64	Bến Tre	5581	72A-797.55	Bà Rịa - Vũng Tàu
1082	74A-262.84	Quảng Trị	2582	74A-266.40	Quảng Trị	4082	71A-198.33	Bến Tre	5582	72A-800.83	Bà Rịa - Vũng Tàu
1083	74A-263.02	Quảng Trị	2583	75A-371.53	Thừa Thiên Huế	4083	71A-198.63	Bến Tre	5583	72A-800.91	Bà Rịa - Vũng Tàu
1084	74A-263.05	Quảng Trị	2584	75C-151.50	Thừa Thiên Huế	4084	71A-199.17	Bến Tre	5584	72A-801.65	Bà Rịa - Vũng Tàu
1085	74A-265.12	Quảng Trị	2585	75C-151.69	Thừa Thiên Huế	4085	71A-199.54	Bến Tre	5585	72A-803.57	Bà Rịa - Vũng Tàu
1086	74A-265.93	Quảng Trị	2586	75C-151.71	Thừa Thiên Huế	4086	71A-200.57	Bến Tre	5586	72A-803.82	Bà Rịa - Vũng Tàu
1087	74A-266.43	Quảng Trị	2587	75C-151.87	Thừa Thiên Huế	4087	71A-201.07	Bến Tre	5587	72A-803.92	Bà Rịa - Vũng Tàu
1088	74A-266.70	Quảng Trị	2588	75C-152.66	Thừa Thiên Huế	4088	71A-201.67	Bến Tre	5588	72A-804.61	Bà Rịa - Vũng Tàu
1089	74A-267.49	Quảng Trị	2589	75C-152.91	Thừa Thiên Huế	4089	72A-788.34	Bà Rịa - Vũng Tàu	5589	73A-352.42	Quảng Bình
1090	74A-267.51	Quảng Trị	2590	76A-308.10	Quảng Ngãi	4090	72A-790.03	Bà Rịa - Vũng Tàu	5590	73A-353.30	Quảng Bình
1091	74C-134.78	Quảng Trị	2591	76A-308.40	Quảng Ngãi	4091	72A-790.23	Bà Rịa - Vũng Tàu	5591	73A-354.17	Quảng Bình
1092	74D-008.31	Quảng Trị	2592	76A-308.92	Quảng Ngãi	4092	72A-790.58	Bà Rịa - Vũng Tàu	5592	73A-354.81	Quảng Bình
1093	74D-008.46	Quảng Trị	2593	76A-309.57	Quảng Ngãi	4093	72A-790.62	Bà Rịa - Vũng Tàu	5593	73A-355.90	Quảng Bình
1094	75A-371.31	Thừa Thiên Huế	2594	76A-310.01	Quảng Ngãi	4094	72A-790.78	Bà Rịa - Vũng Tàu	5594	73A-356.03	Quảng Bình
1095	75C-151.60	Thừa Thiên Huế	2595	76A-310.93	Quảng Ngãi	4095	72A-790.84	Bà Rịa - Vũng Tàu	5595	73C-181.81	Quảng Bình
1096	75C-152.63	Thừa Thiên Huế	2596	76A-310.94	Quảng Ngãi	4096	72A-791.90	Bà Rịa - Vũng Tàu	5596	73C-184.00	Quảng Bình
1097	75C-152.93	Thừa Thiên Huế	2597	76C-173.72	Quảng Ngãi	4097	72A-792.62	Bà Rịa - Vũng Tàu	5597	73C-185.30	Quảng Bình
1098	75C-153.24	Thừa Thiên Huế	2598	76C-174.14	Quảng Ngãi	4098	72A-793.07	Bà Rịa - Vũng Tàu	5598	73C-185.35	Quảng Bình
1099	75C-153.34	Thừa Thiên Huế	2599	76C-174.63	Quảng Ngãi	4099	72A-794.46	Bà Rịa - Vũng Tàu	5599	74A-263.24	Quảng Trị
1100	75C-153.50	Thừa Thiên Huế	2600	76C-174.67	Quảng Ngãi	4100	72A-794.53	Bà Rịa - Vũng Tàu	5600	74A-263.42	Quảng Trị
1101	75C-153.62	Thừa Thiên Huế	2601	77A-332.13	Bình Định	4101	72A-796.60	Bà Rịa - Vũng Tàu	5601	74A-264.08	Quảng Trị
1102	76A-307.94	Quảng Ngãi	2602	77A-333.49	Bình Định	4102	72A-796.72	Bà Rịa - Vũng Tàu	5602	74A-264.14	Quảng Trị
1103	76A-308.35	Quảng Ngãi	2603	77A-333.53	Bình Định	4103	72A-796.90	Bà Rịa - Vũng Tàu	5603	74A-265.67	Quảng Trị
1104	76A-310.34	Quảng Ngãi	2604	77A-333.72	Bình Định	4104	72A-797.21	Bà Rịa - Vũng Tàu	5604	74A-266.42	Quảng Trị
1105	76A-311.26	Quảng Ngãi	2605	77A-333.87	Bình Định	4105	72A-797.62	Bà Rịa - Vũng Tàu	5605	74A-266.72	Quảng Trị
1106	76A-312.42	Quảng Ngãi	2606	77A-334.63	Bình Định	4106	72A-798.03	Bà Rịa - Vũng Tàu	5606	74A-267.60	Quảng Trị
1107	76C-173.07	Quảng Ngãi	2607	77A-334.77	Bình Định	4107	72A-798.41	Bà Rịa - Vũng Tàu	5607	74D-008.24	Quảng Trị
1108	76D-008.95	Quảng Ngãi	2608	77A-336.40	Bình Định	4108	72A-798.84	Bà Rịa - Vũng Tàu	5608	75C-152.64	Thừa Thiên Huế
1109	77A-332.60	Bình Định	2609	77A-337.17	Bình Định	4109	72A-799.12	Bà Rịa - Vũng Tàu	5609	75C-152.92	Thừa Thiên Huế
1110	77A-332.94	Bình Định	2610	77A-337.32	Bình Định	4110	72A-799.94	Bà Rịa - Vũng Tàu	5610	75C-153.31	Thừa Thiên Huế
1111	77A-333.41	Bình Định	2611	77A-337.80	Bình Định	4111	72A-801.35	Bà Rịa - Vũng Tàu	5611	75D-006.13	Thừa Thiên Huế
1112	77A-335.16	Bình Định	2612	77A-338.07	Bình Định	4112	72A-802.13	Bà Rịa - Vũng Tàu	5612	76A-307.68	Quảng Ngãi
1113	77A-335.64	Bình Định	2613	77A-340.23	Bình Định	4113	72A-802.82	Bà Rịa - Vũng Tàu	5613	76A-308.11	Quảng Ngãi
1114	77A-335.78	Bình Định	2614	77A-340.27	Bình Định	4114	72A-802.93	Bà Rịa - Vũng Tàu	5614	76A-309.14	Quảng Ngãi
1115	77A-336.41	Bình Định	2615	77A-340.47	Bình Định	4115	72A-803.41	Bà Rịa - Vũng Tàu	5615	76A-309.15	Quảng Ngãi
1116	77A-340.45	Bình Định	2616	77A-340.77	Bình Định	4116	72A-803.45	Bà Rịa - Vũng Tàu	5616	76A-309.24	Quảng Ngãi
1117	77A-340.72	Bình Định	2617	77A-340.92	Bình Định	4117	72C-230.13	Bà Rịa - Vũng Tàu	5617	76A-309.47	Quảng Ngãi
1118	77B-034.47	Bình Định	2618	77A-341.07	Bình Định	4118	72C-230.20	Bà Rịa - Vũng Tàu	5618	76A-309.52	Quảng Ngãi
1119	77C-249.17	Bình Định	2619	77B-034.39	Bình Định	4119	72D-007.03	Bà Rịa - Vũng Tàu	5619	76A-310.63	Quảng Ngãi
1120	77C-249.22	Bình Định	2620	77C-249.01	Bình Định	4120	72D-007.10	Bà Rịa - Vũng Tàu	5620	76A-311.40	Quảng Ngãi
1121	77C-249.97	Bình Định	2621	77C-249.91	Bình Định	4121	72D-007.21	Bà Rịa - Vũng Tàu	5621	76A-312.17	Quảng Ngãi
1122	77C-250.04	Bình Định	2622	77D-003.36	Bình Định	4122	73A-352.72	Quảng Bình	5622	76C-173.10	Quảng Ngãi
1123	77C-250.12	Bình Định	2623	78A-202.51	Phú Yên	4123	73A-352.75	Quảng Bình	5623	76C-173.31	Quảng Ngãi
1124	77C-250.23	Bình Định	2624	78A-202.53	Phú Yên	4124	73A-354.27	Quảng Bình	5624	76C-174.18	Quảng Ngãi
1125	77C-250.71	Bình Định	2625	78A-203.41	Phú Yên	4125	73A-355.33	Quảng Bình	5625	77A-332.49	Bình Định
1126	77C-251.01	Bình Định	2626	78A-204.63	Phú Yên	4126	73A-355.47	Quảng Bình	5626	77A-334.84	Bình Định
1127	77C-251.25	Bình Định	2627	78A-205.10	Phú Yên	4127	73C-179.33	Quảng Bình	5627	77A-336.81	Bình Định
1128	77D-003.45	Bình Định	2628	78A-205.40	Phú Yên	4128	73C-184.66	Quảng Bình	5628	77A-337.81	Bình Định
1129	78A-200.34	Phú Yên	2629	78A-205.90	Phú Yên	4129	73C-185.40	Quảng Bình	5629	77A-338.46	Bình Định
1130	78A-200.90	Phú Yên	2630	78C-120.26	Phú Yên	4130	73D-005.14	Quảng Bình	5630	77A-338.58	Bình Định
1131	78A-201.49	Phú Yên	2631	78C-120.73	Phú Yên	4131	74A-262.92	Quảng Trị	5631	77A-339.37	Bình Định

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1132	78A-202.40	Phú Yên	2632	78C-121.78	Phú Yên	4132	74A-263.68	Quảng Trị	5632	77A-340.71	Bình Định
1133	78A-203.62	Phú Yên	2633	79A-528.90	Khánh Hòa	4133	74A-264.67	Quảng Trị	5633	77A-340.78	Bình Định
1134	78A-203.72	Phú Yên	2634	79A-528.91	Khánh Hòa	4134	74A-265.10	Quảng Trị	5634	77A-340.90	Bình Định
1135	78A-205.06	Phú Yên	2635	79A-530.17	Khánh Hòa	4135	74A-265.13	Quảng Trị	5635	77A-341.27	Bình Định
1136	78C-120.06	Phú Yên	2636	79A-530.67	Khánh Hòa	4136	74A-265.87	Quảng Trị	5636	77A-341.34	Bình Định
1137	78C-120.32	Phú Yên	2637	79A-531.24	Khánh Hòa	4137	74A-266.04	Quảng Trị	5637	77B-034.27	Bình Định
1138	78C-120.49	Phú Yên	2638	79A-531.46	Khánh Hòa	4138	74A-266.41	Quảng Trị	5638	77C-248.99	Bình Định
1139	78C-120.74	Phú Yên	2639	79A-531.51	Khánh Hòa	4139	74A-266.47	Quảng Trị	5639	77C-249.37	Bình Định
1140	78C-121.25	Phú Yên	2640	79A-532.66	Khánh Hòa	4140	74A-267.32	Quảng Trị	5640	77C-249.70	Bình Định
1141	78C-121.45	Phú Yên	2641	79A-534.19	Khánh Hòa	4141	74A-267.54	Quảng Trị	5641	77C-250.10	Bình Định
1142	78D-003.38	Phú Yên	2642	79A-534.40	Khánh Hòa	4142	74C-134.92	Quảng Trị	5642	77C-251.40	Bình Định
1143	78D-003.47	Phú Yên	2643	79A-534.74	Khánh Hòa	4143	75A-371.44	Thừa Thiên Huế	5643	77C-251.46	Bình Định
1144	79A-529.05	Khánh Hòa	2644	79A-534.87	Khánh Hòa	4144	75C-151.61	Thừa Thiên Huế	5644	77C-251.97	Bình Định
1145	79A-530.06	Khánh Hòa	2645	79A-535.41	Khánh Hòa	4145	75C-152.20	Thừa Thiên Huế	5645	78A-200.64	Phú Yên
1146	79A-530.73	Khánh Hòa	2646	79A-535.50	Khánh Hòa	4146	75C-152.34	Thừa Thiên Huế	5646	78A-202.17	Phú Yên
1147	79A-531.57	Khánh Hòa	2647	79A-535.72	Khánh Hòa	4147	75C-152.71	Thừa Thiên Huế	5647	78A-202.30	Phú Yên
1148	79A-531.59	Khánh Hòa	2648	79A-535.94	Khánh Hòa	4148	75C-152.94	Thừa Thiên Huế	5648	78A-202.45	Phú Yên
1149	79A-532.54	Khánh Hòa	2649	79A-536.13	Khánh Hòa	4149	75C-152.97	Thừa Thiên Huế	5649	78A-203.39	Phú Yên
1150	79A-532.97	Khánh Hòa	2650	79A-538.13	Khánh Hòa	4150	75C-153.65	Thừa Thiên Huế	5650	78A-203.90	Phú Yên
1151	79A-534.03	Khánh Hòa	2651	79A-539.94	Khánh Hòa	4151	76A-309.29	Quảng Ngãi	5651	78A-204.00	Phú Yên
1152	79A-534.65	Khánh Hòa	2652	79A-541.27	Khánh Hòa	4152	76A-311.05	Quảng Ngãi	5652	78A-204.24	Phú Yên
1153	79A-534.71	Khánh Hòa	2653	79A-541.66	Khánh Hòa	4153	76C-173.75	Quảng Ngãi	5653	78A-204.34	Phú Yên
1154	79A-535.14	Khánh Hòa	2654	79B-040.20	Khánh Hòa	4154	76C-174.34	Quảng Ngãi	5654	78A-204.41	Phú Yên
1155	79A-537.60	Khánh Hòa	2655	79C-214.06	Khánh Hòa	4155	76C-174.46	Quảng Ngãi	5655	78A-204.76	Phú Yên
1156	79A-538.87	Khánh Hòa	2656	79C-220.24	Khánh Hòa	4156	77A-332.17	Bình Định	5656	78A-204.82	Phú Yên
1157	79C-220.46	Khánh Hòa	2657	79C-220.31	Khánh Hòa	4157	77A-336.93	Bình Định	5657	78A-205.25	Phú Yên
1158	79C-220.61	Khánh Hòa	2658	79C-220.52	Khánh Hòa	4158	77A-337.14	Bình Định	5658	78B-015.42	Phú Yên
1159	79C-221.01	Khánh Hòa	2659	79C-220.80	Khánh Hòa	4159	77A-337.96	Bình Định	5659	78C-120.03	Phú Yên
1160	79D-007.31	Khánh Hòa	2660	79C-220.87	Khánh Hòa	4160	77A-338.45	Bình Định	5660	78C-120.53	Phú Yên
1161	79D-007.32	Khánh Hòa	2661	79C-220.90	Khánh Hòa	4161	77A-339.34	Bình Định	5661	78C-120.88	Phú Yên
1162	81A-414.03	Gia Lai	2662	81A-414.72	Gia Lai	4162	77A-339.73	Bình Định	5662	79A-530.23	Khánh Hòa
1163	81A-414.64	Gia Lai	2663	81A-414.74	Gia Lai	4163	77A-341.15	Bình Định	5663	79A-530.46	Khánh Hòa
1164	81A-416.82	Gia Lai	2664	81A-415.43	Gia Lai	4164	77B-034.37	Bình Định	5664	79A-532.01	Khánh Hòa
1165	81A-417.12	Gia Lai	2665	81A-415.78	Gia Lai	4165	77C-247.59	Bình Định	5665	79A-532.05	Khánh Hòa
1166	81A-417.42	Gia Lai	2666	81A-417.10	Gia Lai	4166	77C-250.87	Bình Định	5666	79A-532.17	Khánh Hòa
1167	81A-419.17	Gia Lai	2667	81A-418.48	Gia Lai	4167	77C-251.87	Bình Định	5667	79A-532.20	Khánh Hòa
1168	81A-421.03	Gia Lai	2668	81A-418.71	Gia Lai	4168	77C-252.04	Bình Định	5668	79A-533.02	Khánh Hòa
1169	81A-422.13	Gia Lai	2669	81A-420.81	Gia Lai	4169	78A-201.26	Phú Yên	5669	79A-533.55	Khánh Hòa
1170	81A-423.49	Gia Lai	2670	81A-422.50	Gia Lai	4170	78A-201.74	Phú Yên	5670	79A-534.04	Khánh Hòa
1171	81A-423.87	Gia Lai	2671	81A-422.88	Gia Lai	4171	78A-202.00	Phú Yên	5671	79A-534.42	Khánh Hòa
1172	81A-424.63	Gia Lai	2672	81A-423.70	Gia Lai	4172	78A-202.60	Phú Yên	5672	79A-535.33	Khánh Hòa
1173	81C-264.45	Gia Lai	2673	81A-423.71	Gia Lai	4173	78A-203.73	Phú Yên	5673	79A-535.58	Khánh Hòa
1174	81C-265.61	Gia Lai	2674	81A-423.91	Gia Lai	4174	78A-204.49	Phú Yên	5674	79A-535.67	Khánh Hòa
1175	81C-265.84	Gia Lai	2675	81A-424.70	Gia Lai	4175	78A-205.42	Phú Yên	5675	79A-536.48	Khánh Hòa
1176	81C-265.85	Gia Lai	2676	81B-024.75	Gia Lai	4176	78C-120.09	Phú Yên	5676	79A-537.05	Khánh Hòa
1177	81C-265.91	Gia Lai	2677	81B-024.84	Gia Lai	4177	78C-120.50	Phú Yên	5677	79A-537.13	Khánh Hòa
1178	81C-266.25	Gia Lai	2678	81C-262.42	Gia Lai	4178	78C-121.73	Phú Yên	5678	79A-537.40	Khánh Hòa
1179	81C-266.82	Gia Lai	2679	81C-262.84	Gia Lai	4179	79A-528.75	Khánh Hòa	5679	79A-537.75	Khánh Hòa
1180	81C-267.28	Gia Lai	2680	81C-263.04	Gia Lai	4180	79A-529.49	Khánh Hòa	5680	79A-540.42	Khánh Hòa
1181	81C-267.37	Gia Lai	2681	81C-263.13	Gia Lai	4181	79A-529.66	Khánh Hòa	5681	79B-040.32	Khánh Hòa
1182	81C-268.02	Gia Lai	2682	81C-264.02	Gia Lai	4182	79A-529.91	Khánh Hòa	5682	79C-213.26	Khánh Hòa
1183	81C-268.71	Gia Lai	2683	81C-264.30	Gia Lai	4183	79A-530.84	Khánh Hòa	5683	79C-219.77	Khánh Hòa
1184	81C-268.87	Gia Lai	2684	81C-264.73	Gia Lai	4184	79A-530.91	Khánh Hòa	5684	79C-220.23	Khánh Hòa
1185	81C-269.05	Gia Lai	2685	81C-265.04	Gia Lai	4185	79A-531.03	Khánh Hòa	5685	79C-220.28	Khánh Hòa
1186	81C-269.08	Gia Lai	2686	81C-265.99	Gia Lai	4186	79A-531.78	Khánh Hòa	5686	79D-007.43	Khánh Hòa
1187	81C-269.10	Gia Lai	2687	81C-266.13	Gia Lai	4187	79A-531.84	Khánh Hòa	5687	81A-414.61	Gia Lai
1188	81C-269.23	Gia Lai	2688	81C-266.42	Gia Lai	4188	79A-533.12	Khánh Hòa	5688	81A-414.80	Gia Lai
1189	81C-269.73	Gia Lai	2689	81C-267.05	Gia Lai	4189	79A-533.50	Khánh Hòa	5689	81A-415.34	Gia Lai
1190	82A-148.90	Kon Tum	2690	81C-267.12	Gia Lai	4190	79A-534.90	Khánh Hòa	5690	81A-415.74	Gia Lai
1191	82A-149.17	Kon Tum	2691	81C-267.87	Gia Lai	4191	79A-536.03	Khánh Hòa	5691	81A-416.83	Gia Lai
1192	82A-150.80	Kon Tum	2692	81C-268.37	Gia Lai	4192	79A-536.31	Khánh Hòa	5692	81A-417.30	Gia Lai
1193	82A-151.02	Kon Tum	2693	81C-268.58	Gia Lai	4193	79A-538.56	Khánh Hòa	5693	81A-418.01	Gia Lai
1194	82C-090.82	Kon Tum	2694	81C-268.74	Gia Lai	4194	79A-538.62	Khánh Hòa	5694	81A-418.05	Gia Lai

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1195	82C-091.73	Kon Tum	2695	81C-269.26	Gia Lai	4195	79A-538.74	Khánh Hòa	5695	81A-419.00	Gia Lai
1196	83A-185.24	Sóc Trăng	2696	81D-010.30	Gia Lai	4196	79A-540.46	Khánh Hòa	5696	81A-419.30	Gia Lai
1197	83C-126.48	Sóc Trăng	2697	81D-010.37	Gia Lai	4197	79A-540.71	Khánh Hòa	5697	81A-419.35	Gia Lai
1198	83C-127.49	Sóc Trăng	2698	82A-149.83	Kon Tum	4198	79A-541.87	Khánh Hòa	5698	81A-420.15	Gia Lai
1199	83C-127.68	Sóc Trăng	2699	82C-090.57	Kon Tum	4199	79C-220.14	Khánh Hòa	5699	81A-421.14	Gia Lai
1200	83C-128.40	Sóc Trăng	2700	82C-092.14	Kon Tum	4200	79C-220.97	Khánh Hòa	5700	81A-421.98	Gia Lai
1201	83C-128.94	Sóc Trăng	2701	83A-183.90	Sóc Trăng	4201	79D-007.51	Khánh Hòa	5701	81A-422.32	Gia Lai
1202	84A-138.56	Trà Vinh	2702	83A-184.49	Sóc Trăng	4202	81A-413.91	Gia Lai	5702	81A-423.12	Gia Lai
1203	84A-139.14	Trà Vinh	2703	83A-185.48	Sóc Trăng	4203	81A-415.67	Gia Lai	5703	81A-423.37	Gia Lai
1204	84A-139.20	Trà Vinh	2704	83A-185.64	Sóc Trăng	4204	81A-417.83	Gia Lai	5704	81A-424.33	Gia Lai
1205	84B-016.31	Trà Vinh	2705	83C-127.32	Sóc Trăng	4205	81A-418.92	Gia Lai	5705	81A-424.35	Gia Lai
1206	84B-016.37	Trà Vinh	2706	83C-127.43	Sóc Trăng	4206	81A-419.73	Gia Lai	5706	81B-024.81	Gia Lai
1207	84B-016.45	Trà Vinh	2707	83C-128.23	Sóc Trăng	4207	81A-420.45	Gia Lai	5707	81C-261.55	Gia Lai
1208	84B-016.46	Trà Vinh	2708	83C-128.27	Sóc Trăng	4208	81A-420.70	Gia Lai	5708	81C-263.17	Gia Lai
1209	84C-119.90	Trà Vinh	2709	83C-128.53	Sóc Trăng	4209	81A-421.20	Gia Lai	5709	81C-263.24	Gia Lai
1210	84C-121.23	Trà Vinh	2710	83D-004.94	Sóc Trăng	4210	81A-421.31	Gia Lai	5710	81C-263.27	Gia Lai
1211	85A-139.16	Ninh Thuận	2711	83D-004.97	Sóc Trăng	4211	81A-421.45	Gia Lai	5711	81C-264.17	Gia Lai
1212	85A-139.21	Ninh Thuận	2712	84A-138.54	Trà Vinh	4212	81A-422.41	Gia Lai	5712	81C-265.14	Gia Lai
1213	85A-139.58	Ninh Thuận	2713	84A-138.64	Trà Vinh	4213	81A-422.62	Gia Lai	5713	81C-266.12	Gia Lai
1214	85C-081.47	Ninh Thuận	2714	84A-139.23	Trà Vinh	4214	81A-422.64	Gia Lai	5714	81C-267.14	Gia Lai
1215	85D-003.26	Ninh Thuận	2715	84B-016.27	Trà Vinh	4215	81A-422.87	Gia Lai	5715	81C-267.60	Gia Lai
1216	86A-299.79	Bình Thuận	2716	84B-016.43	Trà Vinh	4216	81A-423.32	Gia Lai	5716	81C-269.14	Gia Lai
1217	86A-300.27	Bình Thuận	2717	84C-119.45	Trà Vinh	4217	81A-423.38	Gia Lai	5717	82A-149.20	Kon Tum
1218	86A-300.49	Bình Thuận	2718	84C-119.61	Trà Vinh	4218	81A-424.17	Gia Lai	5718	82A-149.34	Kon Tum
1219	86A-300.53	Bình Thuận	2719	84C-120.67	Trà Vinh	4219	81A-424.87	Gia Lai	5719	82A-150.42	Kon Tum
1220	86A-301.72	Bình Thuận	2720	84C-120.71	Trà Vinh	4220	81C-261.76	Gia Lai	5720	82A-150.93	Kon Tum
1221	86A-302.02	Bình Thuận	2721	84C-120.75	Trà Vinh	4221	81C-261.97	Gia Lai	5721	82A-151.41	Kon Tum
1222	86A-303.17	Bình Thuận	2722	84C-120.91	Trà Vinh	4222	81C-262.04	Gia Lai	5722	82D-007.58	Kon Tum
1223	86A-304.17	Bình Thuận	2723	84C-121.27	Trà Vinh	4223	81C-262.23	Gia Lai	5723	83A-184.97	Sóc Trăng
1224	86A-304.42	Bình Thuận	2724	84D-001.87	Trà Vinh	4224	81C-263.70	Gia Lai	5724	83A-185.17	Sóc Trăng
1225	86A-304.64	Bình Thuận	2725	84D-001.94	Trà Vinh	4225	81C-263.80	Gia Lai	5725	83A-185.51	Sóc Trăng
1226	86C-197.39	Bình Thuận	2726	84D-002.03	Trà Vinh	4226	81C-264.01	Gia Lai	5726	83C-126.47	Sóc Trăng
1227	86C-200.40	Bình Thuận	2727	85C-081.10	Ninh Thuận	4227	81C-264.27	Gia Lai	5727	83C-126.75	Sóc Trăng
1228	86C-200.64	Bình Thuận	2728	85D-003.40	Ninh Thuận	4228	81C-264.43	Gia Lai	5728	83C-126.80	Sóc Trăng
1229	86C-200.93	Bình Thuận	2729	86A-299.82	Bình Thuận	4229	81C-265.31	Gia Lai	5729	83C-127.47	Sóc Trăng
1230	86C-201.00	Bình Thuận	2730	86A-301.14	Bình Thuận	4230	81C-265.41	Gia Lai	5730	83C-127.63	Sóc Trăng
1231	86C-201.43	Bình Thuận	2731	86A-301.69	Bình Thuận	4231	81C-268.01	Gia Lai	5731	83C-128.38	Sóc Trăng
1232	86C-201.63	Bình Thuận	2732	86A-302.48	Bình Thuận	4232	81C-268.54	Gia Lai	5732	83C-128.47	Sóc Trăng
1233	86C-202.14	Bình Thuận	2733	86A-302.63	Bình Thuận	4233	81C-269.52	Gia Lai	5733	84A-138.78	Trà Vinh
1234	86C-202.90	Bình Thuận	2734	86A-305.30	Bình Thuận	4234	82A-149.86	Kon Tum	5734	84A-138.93	Trà Vinh
1235	86C-202.92	Bình Thuận	2735	86A-305.37	Bình Thuận	4235	82C-090.72	Kon Tum	5735	84A-139.24	Trà Vinh
1236	86C-203.42	Bình Thuận	2736	86A-305.49	Bình Thuận	4236	82C-092.10	Kon Tum	5736	84A-139.27	Trà Vinh
1237	86C-203.75	Bình Thuận	2737	86A-306.33	Bình Thuận	4237	82D-007.52	Kon Tum	5737	84C-120.81	Trà Vinh
1238	88A-722.02	Vĩnh Phúc	2738	86A-306.38	Bình Thuận	4238	83A-184.17	Sóc Trăng	5738	84C-121.03	Trà Vinh
1239	88A-722.32	Vĩnh Phúc	2739	86A-306.75	Bình Thuận	4239	83A-184.62	Sóc Trăng	5739	85A-139.10	Ninh Thuận
1240	88A-723.04	Vĩnh Phúc	2740	86A-307.04	Bình Thuận	4240	83C-126.49	Sóc Trăng	5740	85A-139.59	Ninh Thuận
1241	88A-723.10	Vĩnh Phúc	2741	86A-307.90	Bình Thuận	4241	83C-126.93	Sóc Trăng	5741	85A-140.62	Ninh Thuận
1242	88A-724.92	Vĩnh Phúc	2742	86C-200.54	Bình Thuận	4242	83C-127.07	Sóc Trăng	5742	85C-081.03	Ninh Thuận
1243	88A-725.57	Vĩnh Phúc	2743	86C-201.45	Bình Thuận	4243	83C-127.14	Sóc Trăng	5743	85D-003.23	Ninh Thuận
1244	88A-725.89	Vĩnh Phúc	2744	86C-202.67	Bình Thuận	4244	83C-128.93	Sóc Trăng	5744	86A-299.97	Bình Thuận
1245	88A-726.13	Vĩnh Phúc	2745	86C-203.62	Bình Thuận	4245	84A-138.45	Trà Vinh	5745	86A-300.52	Bình Thuận
1246	88A-726.17	Vĩnh Phúc	2746	86C-203.67	Bình Thuận	4246	84A-138.47	Trà Vinh	5746	86A-301.32	Bình Thuận
1247	88A-726.61	Vĩnh Phúc	2747	86D-002.74	Bình Thuận	4247	84B-016.34	Trà Vinh	5747	86A-301.42	Bình Thuận
1248	88A-727.21	Vĩnh Phúc	2748	88A-722.05	Vĩnh Phúc	4248	84B-016.38	Trà Vinh	5748	86A-302.32	Bình Thuận
1249	88A-727.40	Vĩnh Phúc	2749	88A-723.35	Vĩnh Phúc	4249	84C-119.48	Trà Vinh	5749	86A-302.74	Bình Thuận
1250	88A-727.49	Vĩnh Phúc	2750	88A-724.31	Vĩnh Phúc	4250	84C-120.61	Trà Vinh	5750	86A-303.58	Bình Thuận
1251	88A-728.02	Vĩnh Phúc	2751	88A-724.43	Vĩnh Phúc	4251	84C-120.90	Trà Vinh	5751	86A-304.93	Bình Thuận
1252	88A-728.21	Vĩnh Phúc	2752	88A-724.48	Vĩnh Phúc	4252	84C-120.99	Trà Vinh	5752	86A-305.40	Bình Thuận
1253	88A-728.29	Vĩnh Phúc	2753	88A-728.51	Vĩnh Phúc	4253	85A-139.49	Ninh Thuận	5753	86A-305.78	Bình Thuận
1254	88A-728.91	Vĩnh Phúc	2754	88A-729.54	Vĩnh Phúc	4254	85A-139.72	Ninh Thuận	5754	86A-306.40	Bình Thuận
1255	88A-729.86	Vĩnh Phúc	2755	88A-729.78	Vĩnh Phúc	4255	85A-139.76	Ninh Thuận	5755	86A-307.14	Bình Thuận
1256	88A-730.04	Vĩnh Phúc	2756	88A-729.80	Vĩnh Phúc	4256	85A-140.57	Ninh Thuận	5756	86A-307.59	Bình Thuận
1257	88A-730.10	Vĩnh Phúc	2757	88A-729.84	Vĩnh Phúc	4257	85C-081.30	Ninh Thuận	5757	86C-200.50	Bình Thuận

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1258	88A-730.32	Vĩnh Phúc	2758	88A-730.20	Vĩnh Phúc	4258	86A-299.72	Bình Thuận	5758	86C-200.76	Bình Thuận
1259	88A-730.48	Vĩnh Phúc	2759	88A-730.24	Vĩnh Phúc	4259	86A-300.62	Bình Thuận	5759	86C-202.25	Bình Thuận
1260	88A-730.94	Vĩnh Phúc	2760	88A-730.62	Vĩnh Phúc	4260	86A-300.74	Bình Thuận	5760	86C-203.07	Bình Thuận
1261	88A-731.16	Vĩnh Phúc	2761	88A-730.98	Vĩnh Phúc	4261	86A-301.71	Bình Thuận	5761	86C-203.31	Bình Thuận
1262	88A-731.41	Vĩnh Phúc	2762	88A-733.82	Vĩnh Phúc	4262	86A-302.82	Bình Thuận	5762	88A-722.41	Vĩnh Phúc
1263	88A-731.80	Vĩnh Phúc	2763	88A-734.13	Vĩnh Phúc	4263	86A-304.57	Bình Thuận	5763	88A-722.44	Vĩnh Phúc
1264	88A-732.41	Vĩnh Phúc	2764	88A-734.31	Vĩnh Phúc	4264	86A-305.48	Bình Thuận	5764	88A-722.49	Vĩnh Phúc
1265	88A-732.72	Vĩnh Phúc	2765	88A-735.54	Vĩnh Phúc	4265	86A-305.80	Bình Thuận	5765	88A-723.14	Vĩnh Phúc
1266	88A-732.79	Vĩnh Phúc	2766	88A-736.47	Vĩnh Phúc	4266	86A-305.87	Bình Thuận	5766	88A-723.78	Vĩnh Phúc
1267	88A-733.62	Vĩnh Phúc	2767	88A-736.56	Vĩnh Phúc	4267	86A-306.02	Bình Thuận	5767	88A-724.20	Vĩnh Phúc
1268	88A-733.65	Vĩnh Phúc	2768	88A-738.07	Vĩnh Phúc	4268	86A-307.20	Bình Thuận	5768	88A-725.49	Vĩnh Phúc
1269	88A-733.70	Vĩnh Phúc	2769	88A-738.63	Vĩnh Phúc	4269	86A-307.40	Bình Thuận	5769	88A-725.90	Vĩnh Phúc
1270	88A-736.82	Vĩnh Phúc	2770	88A-739.03	Vĩnh Phúc	4270	86A-307.64	Bình Thuận	5770	88A-726.10	Vĩnh Phúc
1271	88A-737.82	Vĩnh Phúc	2771	88A-739.97	Vĩnh Phúc	4271	86C-196.85	Bình Thuận	5771	88A-726.98	Vĩnh Phúc
1272	88A-737.86	Vĩnh Phúc	2772	88A-740.27	Vĩnh Phúc	4272	86C-198.39	Bình Thuận	5772	88A-728.34	Vĩnh Phúc
1273	88A-737.97	Vĩnh Phúc	2773	88A-740.37	Vĩnh Phúc	4273	86C-202.07	Bình Thuận	5773	88A-729.28	Vĩnh Phúc
1274	88A-738.35	Vĩnh Phúc	2774	88A-741.12	Vĩnh Phúc	4274	86C-202.39	Bình Thuận	5774	88A-729.62	Vĩnh Phúc
1275	88A-738.52	Vĩnh Phúc	2775	88A-741.20	Vĩnh Phúc	4275	86C-203.01	Bình Thuận	5775	88A-731.23	Vĩnh Phúc
1276	88A-738.59	Vĩnh Phúc	2776	88A-741.97	Vĩnh Phúc	4276	86C-203.08	Bình Thuận	5776	88A-732.30	Vĩnh Phúc
1277	88A-738.82	Vĩnh Phúc	2777	88A-742.30	Vĩnh Phúc	4277	86C-203.52	Bình Thuận	5777	88A-732.57	Vĩnh Phúc
1278	88A-739.43	Vĩnh Phúc	2778	88C-292.27	Vĩnh Phúc	4278	86D-002.75	Bình Thuận	5778	88A-733.14	Vĩnh Phúc
1279	88A-739.45	Vĩnh Phúc	2779	88C-292.56	Vĩnh Phúc	4279	88A-723.40	Vĩnh Phúc	5779	88A-733.71	Vĩnh Phúc
1280	88A-740.47	Vĩnh Phúc	2780	88C-292.74	Vĩnh Phúc	4280	88A-723.73	Vĩnh Phúc	5780	88A-734.32	Vĩnh Phúc
1281	88A-740.52	Vĩnh Phúc	2781	88C-293.23	Vĩnh Phúc	4281	88A-723.76	Vĩnh Phúc	5781	88A-735.02	Vĩnh Phúc
1282	88A-740.72	Vĩnh Phúc	2782	88C-293.43	Vĩnh Phúc	4282	88A-725.31	Vĩnh Phúc	5782	88A-735.24	Vĩnh Phúc
1283	88A-741.37	Vĩnh Phúc	2783	89A-481.46	Hưng Yên	4283	88A-726.08	Vĩnh Phúc	5783	88A-735.94	Vĩnh Phúc
1284	88A-742.13	Vĩnh Phúc	2784	89A-481.54	Hưng Yên	4284	88A-726.46	Vĩnh Phúc	5784	88A-736.31	Vĩnh Phúc
1285	88A-742.21	Vĩnh Phúc	2785	89A-482.32	Hưng Yên	4285	88A-726.57	Vĩnh Phúc	5785	88A-736.52	Vĩnh Phúc
1286	88A-742.61	Vĩnh Phúc	2786	89A-482.93	Hưng Yên	4286	88A-727.47	Vĩnh Phúc	5786	88A-737.03	Vĩnh Phúc
1287	88C-292.38	Vĩnh Phúc	2787	89A-483.75	Hưng Yên	4287	88A-728.08	Vĩnh Phúc	5787	88A-737.18	Vĩnh Phúc
1288	88C-293.62	Vĩnh Phúc	2788	89A-484.37	Hưng Yên	4288	88A-730.80	Vĩnh Phúc	5788	88A-737.34	Vĩnh Phúc
1289	89A-482.58	Hưng Yên	2789	89A-484.71	Hưng Yên	4289	88A-731.35	Vĩnh Phúc	5789	88A-737.80	Vĩnh Phúc
1290	89A-483.76	Hưng Yên	2790	89A-485.00	Hưng Yên	4290	88A-733.84	Vĩnh Phúc	5790	88A-738.03	Vĩnh Phúc
1291	89A-484.20	Hưng Yên	2791	89A-485.34	Hưng Yên	4291	88A-734.10	Vĩnh Phúc	5791	88A-738.15	Vĩnh Phúc
1292	89A-486.34	Hưng Yên	2792	89A-486.12	Hưng Yên	4292	88A-735.64	Vĩnh Phúc	5792	88A-738.73	Vĩnh Phúc
1293	89A-486.67	Hưng Yên	2793	89A-486.21	Hưng Yên	4293	88A-736.60	Vĩnh Phúc	5793	88A-739.61	Vĩnh Phúc
1294	89A-487.45	Hưng Yên	2794	89A-487.64	Hưng Yên	4294	88A-736.84	Vĩnh Phúc	5794	88A-741.17	Vĩnh Phúc
1295	89A-487.71	Hưng Yên	2795	89A-488.01	Hưng Yên	4295	88A-737.10	Vĩnh Phúc	5795	88A-741.50	Vĩnh Phúc
1296	89A-488.64	Hưng Yên	2796	89A-488.61	Hưng Yên	4296	88A-737.66	Vĩnh Phúc	5796	88A-742.12	Vĩnh Phúc
1297	89A-488.87	Hưng Yên	2797	89A-489.63	Hưng Yên	4297	88A-737.99	Vĩnh Phúc	5797	88C-293.07	Vĩnh Phúc
1298	89A-491.46	Hưng Yên	2798	89A-490.07	Hưng Yên	4298	88A-739.30	Vĩnh Phúc	5798	88C-293.71	Vĩnh Phúc
1299	89A-491.74	Hưng Yên	2799	89A-490.43	Hưng Yên	4299	88A-740.82	Vĩnh Phúc	5799	88C-294.07	Vĩnh Phúc
1300	89A-492.53	Hưng Yên	2800	89A-490.45	Hưng Yên	4300	88A-741.55	Vĩnh Phúc	5800	89A-481.20	Hưng Yên
1301	89A-493.57	Hưng Yên	2801	89A-490.64	Hưng Yên	4301	88A-741.71	Vĩnh Phúc	5801	89A-483.80	Hưng Yên
1302	89A-494.12	Hưng Yên	2802	89A-490.74	Hưng Yên	4302	88C-292.46	Vĩnh Phúc	5802	89A-484.00	Hưng Yên
1303	89A-494.43	Hưng Yên	2803	89A-490.86	Hưng Yên	4303	88C-294.03	Vĩnh Phúc	5803	89A-484.12	Hưng Yên
1304	89A-494.47	Hưng Yên	2804	89A-493.09	Hưng Yên	4304	88C-294.67	Vĩnh Phúc	5804	89A-485.32	Hưng Yên
1305	89A-494.67	Hưng Yên	2805	89A-493.41	Hưng Yên	4305	88C-294.71	Vĩnh Phúc	5805	89A-486.62	Hưng Yên
1306	89A-496.52	Hưng Yên	2806	89A-495.02	Hưng Yên	4306	88C-295.05	Vĩnh Phúc	5806	89A-486.97	Hưng Yên
1307	89C-327.42	Hưng Yên	2807	89A-496.83	Hưng Yên	4307	89A-481.53	Hưng Yên	5807	89A-487.17	Hưng Yên
1308	89C-327.51	Hưng Yên	2808	89A-497.07	Hưng Yên	4308	89A-483.49	Hưng Yên	5808	89A-487.49	Hưng Yên
1309	89C-328.26	Hưng Yên	2809	89C-325.61	Hưng Yên	4309	89A-483.94	Hưng Yên	5809	89A-488.90	Hưng Yên
1310	89C-328.30	Hưng Yên	2810	89C-326.05	Hưng Yên	4310	89A-484.01	Hưng Yên	5810	89A-489.70	Hưng Yên
1311	89C-328.47	Hưng Yên	2811	89C-326.67	Hưng Yên	4311	89A-484.30	Hưng Yên	5811	89A-492.37	Hưng Yên
1312	89C-328.49	Hưng Yên	2812	89C-327.78	Hưng Yên	4312	89A-484.80	Hưng Yên	5812	89A-492.42	Hưng Yên
1313	89C-329.76	Hưng Yên	2813	89C-328.04	Hưng Yên	4313	89A-484.89	Hưng Yên	5813	89A-493.65	Hưng Yên
1314	89C-330.09	Hưng Yên	2814	89C-329.41	Hưng Yên	4314	89A-486.56	Hưng Yên	5814	89A-494.42	Hưng Yên
1315	89C-330.29	Hưng Yên	2815	89C-329.57	Hưng Yên	4315	89A-487.27	Hưng Yên	5815	89C-325.73	Hưng Yên
1316	89C-330.46	Hưng Yên	2816	89C-329.62	Hưng Yên	4316	89A-488.31	Hưng Yên	5816	89C-326.26	Hưng Yên
1317	89D-019.48	Hưng Yên	2817	89C-330.27	Hưng Yên	4317	89A-488.72	Hưng Yên	5817	89C-328.84	Hưng Yên
1318	90A-265.32	Hà Nam	2818	89C-330.32	Hưng Yên	4318	89A-489.05	Hưng Yên	5818	89C-329.07	Hưng Yên
1319	90A-265.41	Hà Nam	2819	89D-018.94	Hưng Yên	4319	89A-489.49	Hưng Yên	5819	89C-329.27	Hưng Yên
1320	90A-267.07	Hà Nam	2820	90A-265.29	Hà Nam	4320	89A-489.95	Hưng Yên	5820	89C-329.37	Hưng Yên

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1321	90A-267.24	Hà Nam	2821	90A-265.93	Hà Nam	4321	89A-490.34	Hưng Yên	5821	89C-330.02	Hưng Yên
1322	90A-267.31	Hà Nam	2822	90A-267.10	Hà Nam	4322	89A-490.52	Hưng Yên	5822	89C-332.59	Hưng Yên
1323	90A-269.37	Hà Nam	2823	90A-267.63	Hà Nam	4323	89A-491.03	Hưng Yên	5823	89C-332.67	Hưng Yên
1324	90A-269.41	Hà Nam	2824	90A-268.32	Hà Nam	4324	89A-491.07	Hưng Yên	5824	89C-333.40	Hưng Yên
1325	90A-269.68	Hà Nam	2825	90A-268.34	Hà Nam	4325	89A-491.96	Hưng Yên	5825	89D-018.91	Hưng Yên
1326	90A-269.85	Hà Nam	2826	90A-269.24	Hà Nam	4326	89A-492.03	Hưng Yên	5826	90A-264.69	Hà Nam
1327	90A-269.90	Hà Nam	2827	90A-271.04	Hà Nam	4327	89A-492.90	Hưng Yên	5827	90A-265.07	Hà Nam
1328	90A-270.12	Hà Nam	2828	90A-271.54	Hà Nam	4328	89A-494.24	Hưng Yên	5828	90A-265.13	Hà Nam
1329	90A-270.73	Hà Nam	2829	90A-271.83	Hà Nam	4329	89A-494.61	Hưng Yên	5829	90A-265.37	Hà Nam
1330	90A-271.94	Hà Nam	2830	90A-272.37	Hà Nam	4330	89A-495.14	Hưng Yên	5830	90A-265.46	Hà Nam
1331	90A-272.80	Hà Nam	2831	90A-273.62	Hà Nam	4331	89A-496.43	Hưng Yên	5831	90A-269.30	Hà Nam
1332	90C-148.01	Hà Nam	2832	90B-009.49	Hà Nam	4332	89A-496.46	Hưng Yên	5832	90A-271.07	Hà Nam
1333	90C-148.32	Hà Nam	2833	90C-144.55	Hà Nam	4333	89C-325.62	Hưng Yên	5833	90A-271.14	Hà Nam
1334	90C-148.84	Hà Nam	2834	90C-148.34	Hà Nam	4334	89C-327.21	Hưng Yên	5834	90A-271.87	Hà Nam
1335	90D-006.50	Hà Nam	2835	90C-148.47	Hà Nam	4335	89C-327.62	Hưng Yên	5835	90A-272.44	Hà Nam
1336	92A-404.59	Quảng Nam	2836	90C-148.63	Hà Nam	4336	89C-327.64	Hưng Yên	5836	90A-272.53	Hà Nam
1337	92A-406.20	Quảng Nam	2837	90C-149.05	Hà Nam	4337	89C-328.34	Hưng Yên	5837	90A-273.42	Hà Nam
1338	92A-407.30	Quảng Nam	2838	90D-006.51	Hà Nam	4338	89C-328.87	Hưng Yên	5838	90A-273.46	Hà Nam
1339	92A-407.50	Quảng Nam	2839	92A-406.47	Quảng Nam	4339	89C-329.10	Hưng Yên	5839	90A-273.70	Hà Nam
1340	92A-409.32	Quảng Nam	2840	92A-406.93	Quảng Nam	4340	89C-330.77	Hưng Yên	5840	90C-148.31	Hà Nam
1341	92A-410.40	Quảng Nam	2841	92A-407.39	Quảng Nam	4341	89C-330.88	Hưng Yên	5841	90C-148.87	Hà Nam
1342	92A-411.03	Quảng Nam	2842	92A-409.30	Quảng Nam	4342	89C-331.76	Hưng Yên	5842	92A-403.56	Quảng Nam
1343	92A-412.05	Quảng Nam	2843	92A-409.67	Quảng Nam	4343	89C-331.80	Hưng Yên	5843	92A-406.48	Quảng Nam
1344	92A-413.01	Quảng Nam	2844	92A-410.42	Quảng Nam	4344	89C-333.21	Hưng Yên	5844	92A-407.60	Quảng Nam
1345	92A-413.40	Quảng Nam	2845	92A-410.57	Quảng Nam	4345	89D-019.09	Hưng Yên	5845	92A-407.73	Quảng Nam
1346	92A-413.76	Quảng Nam	2846	92A-410.92	Quảng Nam	4346	89D-019.40	Hưng Yên	5846	92A-408.20	Quảng Nam
1347	92A-415.07	Quảng Nam	2847	92A-413.20	Quảng Nam	4347	90A-264.91	Hà Nam	5847	92A-409.80	Quảng Nam
1348	92A-415.25	Quảng Nam	2848	92A-414.27	Quảng Nam	4348	90A-264.95	Hà Nam	5848	92A-410.52	Quảng Nam
1349	92A-416.01	Quảng Nam	2849	92A-416.03	Quảng Nam	4349	90A-265.42	Hà Nam	5849	92A-410.54	Quảng Nam
1350	92C-250.34	Quảng Nam	2850	92A-416.11	Quảng Nam	4350	90A-265.47	Hà Nam	5850	92A-410.84	Quảng Nam
1351	92C-250.45	Quảng Nam	2851	92A-416.25	Quảng Nam	4351	90A-265.71	Hà Nam	5851	92A-411.05	Quảng Nam
1352	93A-472.88	Bình Phước	2852	92B-031.79	Quảng Nam	4352	90A-266.24	Hà Nam	5852	92A-411.50	Quảng Nam
1353	93A-477.13	Bình Phước	2853	92C-247.22	Quảng Nam	4353	90A-266.90	Hà Nam	5853	92A-413.06	Quảng Nam
1354	93A-477.93	Bình Phước	2854	92C-249.64	Quảng Nam	4354	90A-266.97	Hà Nam	5854	92A-413.53	Quảng Nam
1355	93A-478.20	Bình Phước	2855	92C-250.43	Quảng Nam	4355	90A-267.23	Hà Nam	5855	92A-413.54	Quảng Nam
1356	93A-478.48	Bình Phước	2856	93A-477.10	Bình Phước	4356	90A-267.48	Hà Nam	5856	92A-414.12	Quảng Nam
1357	93A-479.03	Bình Phước	2857	93A-477.41	Bình Phước	4357	90A-268.12	Hà Nam	5857	92A-414.72	Quảng Nam
1358	93A-479.48	Bình Phước	2858	93A-477.61	Bình Phước	4358	90A-268.42	Hà Nam	5858	92A-416.21	Quảng Nam
1359	93A-480.12	Bình Phước	2859	93A-477.64	Bình Phước	4359	90A-268.47	Hà Nam	5859	92C-250.48	Quảng Nam
1360	93A-481.68	Bình Phước	2860	93A-478.22	Bình Phước	4360	90A-268.48	Hà Nam	5860	93A-477.03	Bình Phước
1361	93A-482.42	Bình Phước	2861	93A-478.82	Bình Phước	4361	90A-268.91	Hà Nam	5861	93A-477.75	Bình Phước
1362	93A-482.72	Bình Phước	2862	93A-479.02	Bình Phước	4362	90A-269.21	Hà Nam	5862	93A-478.05	Bình Phước
1363	93A-483.72	Bình Phước	2863	93A-479.20	Bình Phước	4363	90A-269.55	Hà Nam	5863	93A-478.38	Bình Phước
1364	93A-483.99	Bình Phước	2864	93A-480.07	Bình Phước	4364	90A-270.93	Hà Nam	5864	93A-479.44	Bình Phước
1365	93A-484.20	Bình Phước	2865	93A-480.15	Bình Phước	4365	90A-271.01	Hà Nam	5865	93A-479.54	Bình Phước
1366	93A-484.29	Bình Phước	2866	93A-480.40	Bình Phước	4366	90A-271.51	Hà Nam	5866	93A-479.64	Bình Phước
1367	93A-485.75	Bình Phước	2867	93A-480.41	Bình Phước	4367	90A-272.34	Hà Nam	5867	93A-479.77	Bình Phước
1368	93A-485.92	Bình Phước	2868	93A-481.77	Bình Phước	4368	90A-272.81	Hà Nam	5868	93A-480.06	Bình Phước
1369	93B-018.50	Bình Phước	2869	93A-482.05	Bình Phước	4369	90A-272.84	Hà Nam	5869	93A-480.69	Bình Phước
1370	93C-187.55	Bình Phước	2870	93A-482.10	Bình Phước	4370	90A-273.71	Hà Nam	5870	93A-482.18	Bình Phước
1371	93C-187.99	Bình Phước	2871	93A-482.30	Bình Phước	4371	90B-009.50	Hà Nam	5871	93A-482.94	Bình Phước
1372	93C-196.03	Bình Phước	2872	93A-482.65	Bình Phước	4372	90C-145.79	Hà Nam	5872	93A-483.45	Bình Phước
1373	93D-004.10	Bình Phước	2873	93A-483.32	Bình Phước	4373	90C-146.77	Hà Nam	5873	93A-484.23	Bình Phước
1374	95C-085.68	Hậu Giang	2874	93A-483.49	Bình Phước	4374	90C-146.79	Hà Nam	5874	93A-484.40	Bình Phước
1375	95C-086.14	Hậu Giang	2875	93A-483.71	Bình Phước	4375	90C-147.77	Hà Nam	5875	93A-485.41	Bình Phước
1376	97A-092.17	Bắc Kạn	2876	93A-486.02	Bình Phước	4376	92A-406.54	Quảng Nam	5876	93A-485.46	Bình Phước
1377	98A-765.71	Bắc Giang	2877	93B-018.47	Bình Phước	4377	92A-406.87	Quảng Nam	5877	93A-485.57	Bình Phước
1378	98A-766.45	Bắc Giang	2878	94C-080.34	Bạc Liêu	4378	92A-406.91	Quảng Nam	5878	93A-485.80	Bình Phước
1379	98A-767.40	Bắc Giang	2879	94C-080.45	Bạc Liêu	4379	92A-408.34	Quảng Nam	5879	93B-018.34	Bình Phước
1380	98A-767.72	Bắc Giang	2880	94D-002.04	Bạc Liêu	4380	92A-408.37	Quảng Nam	5880	93C-191.59	Bình Phước
1381	98A-767.81	Bắc Giang	2881	95C-085.20	Hậu Giang	4381	92A-408.38	Quảng Nam	5881	93C-193.00	Bình Phước
1382	98A-768.53	Bắc Giang	2882	95C-085.31	Hậu Giang	4382	92A-408.60	Quảng Nam	5882	94C-080.24	Bạc Liêu
1383	98A-769.49	Bắc Giang	2883	95C-085.56	Hậu Giang	4383	92A-408.90	Quảng Nam	5883	94C-080.27	Bạc Liêu

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1384	98A-770.46	Bắc Giang	2884	95C-086.15	Hậu Giang	4384	92A-411.02	Quảng Nam	5884	95C-085.36	Hậu Giang
1385	98A-771.20	Bắc Giang	2885	95D-020.31	Hậu Giang	4385	92A-415.43	Quảng Nam	5885	95C-085.62	Hậu Giang
1386	98A-771.90	Bắc Giang	2886	98A-766.64	Bắc Giang	4386	92C-249.67	Quảng Nam	5886	98A-766.05	Bắc Giang
1387	98A-772.23	Bắc Giang	2887	98A-768.93	Bắc Giang	4387	92C-249.82	Quảng Nam	5887	98A-767.17	Bắc Giang
1388	98A-772.93	Bắc Giang	2888	98A-769.18	Bắc Giang	4388	93A-475.59	Bình Phước	5888	98A-767.71	Bắc Giang
1389	98A-774.42	Bắc Giang	2889	98A-769.53	Bắc Giang	4389	93A-478.27	Bình Phước	5889	98A-767.84	Bắc Giang
1390	98A-774.49	Bắc Giang	2890	98A-769.78	Bắc Giang	4390	93A-480.78	Bình Phước	5890	98A-767.90	Bắc Giang
1391	98A-774.61	Bắc Giang	2891	98A-769.91	Bắc Giang	4391	93A-481.49	Bình Phước	5891	98A-768.71	Bắc Giang
1392	98A-774.93	Bắc Giang	2892	98A-770.19	Bắc Giang	4392	93A-481.91	Bình Phước	5892	98A-768.87	Bắc Giang
1393	98A-776.21	Bắc Giang	2893	98A-770.72	Bắc Giang	4393	93A-482.14	Bình Phước	5893	98A-769.10	Bắc Giang
1394	98A-777.40	Bắc Giang	2894	98A-771.63	Bắc Giang	4394	93A-482.34	Bình Phước	5894	98A-771.93	Bắc Giang
1395	98A-777.80	Bắc Giang	2895	98A-771.67	Bắc Giang	4395	93A-482.47	Bình Phước	5895	98A-772.84	Bắc Giang
1396	98A-778.93	Bắc Giang	2896	98A-772.13	Bắc Giang	4396	93A-482.76	Bình Phước	5896	98A-773.92	Bắc Giang
1397	98A-779.50	Bắc Giang	2897	98A-772.90	Bắc Giang	4397	93A-483.07	Bình Phước	5897	98A-774.63	Bắc Giang
1398	98A-780.06	Bắc Giang	2898	98A-773.12	Bắc Giang	4398	93A-483.78	Bình Phước	5898	98A-774.69	Bắc Giang
1399	98A-780.54	Bắc Giang	2899	98A-773.23	Bắc Giang	4399	93A-484.71	Bình Phước	5899	98A-774.82	Bắc Giang
1400	98A-780.71	Bắc Giang	2900	98A-773.38	Bắc Giang	4400	93A-484.93	Bình Phước	5900	98A-775.23	Bắc Giang
1401	98A-782.24	Bắc Giang	2901	98A-773.67	Bắc Giang	4401	93A-485.32	Bình Phước	5901	98A-775.46	Bắc Giang
1402	98A-782.68	Bắc Giang	2902	98A-774.21	Bắc Giang	4402	93A-486.20	Bình Phước	5902	98A-775.63	Bắc Giang
1403	98A-783.52	Bắc Giang	2903	98A-776.39	Bắc Giang	4403	93B-018.24	Bình Phước	5903	98A-776.26	Bắc Giang
1404	98A-783.82	Bắc Giang	2904	98A-778.05	Bắc Giang	4404	93C-187.78	Bình Phước	5904	98A-776.47	Bắc Giang
1405	98A-784.61	Bắc Giang	2905	98A-778.23	Bắc Giang	4405	94C-080.31	Bạc Liêu	5905	98A-776.72	Bắc Giang
1406	98A-785.15	Bắc Giang	2906	98A-779.30	Bắc Giang	4406	94C-080.52	Bạc Liêu	5906	98A-778.01	Bắc Giang
1407	98A-787.31	Bắc Giang	2907	98A-780.47	Bắc Giang	4407	95C-085.12	Hậu Giang	5907	98A-778.76	Bắc Giang
1408	98A-790.05	Bắc Giang	2908	98A-780.48	Bắc Giang	4408	95C-086.10	Hậu Giang	5908	98A-779.20	Bắc Giang
1409	98A-790.21	Bắc Giang	2909	98A-780.93	Bắc Giang	4409	97B-012.23	Bắc Kạn	5909	98A-779.43	Bắc Giang
1410	98A-791.03	Bắc Giang	2910	98A-781.01	Bắc Giang	4410	98A-765.74	Bắc Giang	5910	98A-779.45	Bắc Giang
1411	98A-791.62	Bắc Giang	2911	98A-782.04	Bắc Giang	4411	98A-768.60	Bắc Giang	5911	98A-780.12	Bắc Giang
1412	98A-791.67	Bắc Giang	2912	98A-782.46	Bắc Giang	4412	98A-769.02	Bắc Giang	5912	98A-781.42	Bắc Giang
1413	98A-791.94	Bắc Giang	2913	98A-783.31	Bắc Giang	4413	98A-769.82	Bắc Giang	5913	98A-782.02	Bắc Giang
1414	98A-792.75	Bắc Giang	2914	98A-783.40	Bắc Giang	4414	98A-771.19	Bắc Giang	5914	98A-782.21	Bắc Giang
1415	98A-793.42	Bắc Giang	2915	98A-783.97	Bắc Giang	4415	98A-771.48	Bắc Giang	5915	98A-782.32	Bắc Giang
1416	98A-794.03	Bắc Giang	2916	98A-784.09	Bắc Giang	4416	98A-772.70	Bắc Giang	5916	98A-783.98	Bắc Giang
1417	98A-794.48	Bắc Giang	2917	98A-784.46	Bắc Giang	4417	98A-772.99	Bắc Giang	5917	98A-784.45	Bắc Giang
1418	98A-794.71	Bắc Giang	2918	98A-784.76	Bắc Giang	4418	98A-773.47	Bắc Giang	5918	98A-784.63	Bắc Giang
1419	98A-795.34	Bắc Giang	2919	98A-785.12	Bắc Giang	4419	98A-774.72	Bắc Giang	5919	98A-787.24	Bắc Giang
1420	98A-795.71	Bắc Giang	2920	98A-785.81	Bắc Giang	4420	98A-775.12	Bắc Giang	5920	98A-787.48	Bắc Giang
1421	98A-796.27	Bắc Giang	2921	98A-787.63	Bắc Giang	4421	98A-775.16	Bắc Giang	5921	98A-787.57	Bắc Giang
1422	98A-796.95	Bắc Giang	2922	98A-788.60	Bắc Giang	4422	98A-775.89	Bắc Giang	5922	98A-788.47	Bắc Giang
1423	98A-797.01	Bắc Giang	2923	98A-788.70	Bắc Giang	4423	98A-776.18	Bắc Giang	5923	98A-789.49	Bắc Giang
1424	98C-352.30	Bắc Giang	2924	98A-788.73	Bắc Giang	4424	98A-776.58	Bắc Giang	5924	98A-790.45	Bắc Giang
1425	98C-353.02	Bắc Giang	2925	98A-789.12	Bắc Giang	4425	98A-778.60	Bắc Giang	5925	98A-790.93	Bắc Giang
1426	98C-353.43	Bắc Giang	2926	98A-789.13	Bắc Giang	4426	98A-778.94	Bắc Giang	5926	98A-791.40	Bắc Giang
1427	98C-353.48	Bắc Giang	2927	98A-789.14	Bắc Giang	4427	98A-779.72	Bắc Giang	5927	98A-791.70	Bắc Giang
1428	98C-354.02	Bắc Giang	2928	98A-790.57	Bắc Giang	4428	98A-781.20	Bắc Giang	5928	98A-792.11	Bắc Giang
1429	98C-354.90	Bắc Giang	2929	98A-792.82	Bắc Giang	4429	98A-782.23	Bắc Giang	5929	98A-792.74	Bắc Giang
1430	98D-014.70	Bắc Giang	2930	98A-793.65	Bắc Giang	4430	98A-782.42	Bắc Giang	5930	98A-792.94	Bắc Giang
1431	98D-015.07	Bắc Giang	2931	98A-794.79	Bắc Giang	4431	98A-783.95	Bắc Giang	5931	98A-793.04	Bắc Giang
1432	99A-772.30	Bắc Ninh	2932	98A-795.14	Bắc Giang	4432	98A-786.81	Bắc Giang	5932	98A-793.71	Bắc Giang
1433	99A-772.35	Bắc Ninh	2933	98A-795.40	Bắc Giang	4433	98A-788.03	Bắc Giang	5933	98A-794.31	Bắc Giang
1434	99A-772.87	Bắc Ninh	2934	98A-795.65	Bắc Giang	4434	98A-788.94	Bắc Giang	5934	98A-794.80	Bắc Giang
1435	99A-773.23	Bắc Ninh	2935	98A-796.31	Bắc Giang	4435	98A-789.62	Bắc Giang	5935	98A-795.24	Bắc Giang
1436	99A-773.40	Bắc Ninh	2936	98A-797.52	Bắc Giang	4436	98A-791.23	Bắc Giang	5936	98A-795.41	Bắc Giang
1437	99A-773.48	Bắc Ninh	2937	98C-351.20	Bắc Giang	4437	98A-792.43	Bắc Giang	5937	98A-795.47	Bắc Giang
1438	99A-773.91	Bắc Ninh	2938	98C-351.45	Bắc Giang	4438	98A-792.44	Bắc Giang	5938	98A-795.53	Bắc Giang
1439	99A-774.49	Bắc Ninh	2939	98C-352.34	Bắc Giang	4439	98A-793.67	Bắc Giang	5939	98A-796.73	Bắc Giang
1440	99A-774.59	Bắc Ninh	2940	98C-352.67	Bắc Giang	4440	98A-793.90	Bắc Giang	5940	98A-796.74	Bắc Giang
1441	99A-774.73	Bắc Ninh	2941	98C-352.82	Bắc Giang	4441	98A-794.01	Bắc Giang	5941	98C-351.60	Bắc Giang
1442	99A-775.34	Bắc Ninh	2942	98C-353.03	Bắc Giang	4442	98A-794.07	Bắc Giang	5942	98C-352.13	Bắc Giang
1443	99A-775.37	Bắc Ninh	2943	98C-353.14	Bắc Giang	4443	98A-794.10	Bắc Giang	5943	98C-352.41	Bắc Giang
1444	99A-775.70	Bắc Ninh	2944	98C-353.93	Bắc Giang	4444	98A-794.20	Bắc Giang	5944	98C-352.63	Bắc Giang
1445	99A-777.43	Bắc Ninh	2945	98C-354.03	Bắc Giang	4445	98A-794.81	Bắc Giang	5945	98C-352.80	Bắc Giang
1446	99A-777.50	Bắc Ninh	2946	98D-014.61	Bắc Giang	4446	98A-795.67	Bắc Giang	5946	98C-353.23	Bắc Giang

Ca đấu buổi sáng											
Thời gian đấu giá: 8h30'-8h55'			Thời gian đấu giá: 9h15'-9h40'			Thời gian đấu giá: 10h00'-10h25'			Thời gian đấu giá: 10h45'-11h10'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
1447	99A-777.62	Bắc Ninh	2947	99A-772.62	Bắc Ninh	4447	98A-796.01	Bắc Giang	5947	98C-354.97	Bắc Giang
1448	99A-778.92	Bắc Ninh	2948	99A-772.92	Bắc Ninh	4448	98A-796.05	Bắc Giang	5948	98C-355.21	Bắc Giang
1449	99A-778.94	Bắc Ninh	2949	99A-773.31	Bắc Ninh	4449	98A-796.07	Bắc Giang	5949	98C-355.32	Bắc Giang
1450	99A-779.22	Bắc Ninh	2950	99A-777.51	Bắc Ninh	4450	98A-796.37	Bắc Giang	5950	98D-014.84	Bắc Giang
1451	99A-779.50	Bắc Ninh	2951	99A-778.51	Bắc Ninh	4451	98A-796.75	Bắc Giang	5951	99A-771.83	Bắc Ninh
1452	99A-779.72	Bắc Ninh	2952	99A-778.61	Bắc Ninh	4452	98A-797.13	Bắc Giang	5952	99A-772.53	Bắc Ninh
1453	99A-780.29	Bắc Ninh	2953	99A-779.61	Bắc Ninh	4453	98A-797.14	Bắc Giang	5953	99A-772.76	Bắc Ninh
1454	99A-780.90	Bắc Ninh	2954	99A-780.32	Bắc Ninh	4454	98A-797.20	Bắc Giang	5954	99A-773.30	Bắc Ninh
1455	99A-781.43	Bắc Ninh	2955	99A-780.45	Bắc Ninh	4455	98A-797.37	Bắc Giang	5955	99A-773.89	Bắc Ninh
1456	99A-781.51	Bắc Ninh	2956	99A-780.62	Bắc Ninh	4456	98C-352.50	Bắc Giang	5956	99A-773.90	Bắc Ninh
1457	99A-781.80	Bắc Ninh	2957	99A-781.67	Bắc Ninh	4457	98C-354.63	Bắc Giang	5957	99A-774.03	Bắc Ninh
1458	99A-782.75	Bắc Ninh	2958	99A-781.76	Bắc Ninh	4458	98C-354.67	Bắc Giang	5958	99A-774.42	Bắc Ninh
1459	99A-783.36	Bắc Ninh	2959	99A-782.62	Bắc Ninh	4459	98C-355.03	Bắc Giang	5959	99A-775.52	Bắc Ninh
1460	99A-783.41	Bắc Ninh	2960	99A-782.63	Bắc Ninh	4460	98D-014.68	Bắc Giang	5960	99A-775.73	Bắc Ninh
1461	99A-783.71	Bắc Ninh	2961	99A-783.40	Bắc Ninh	4461	99A-775.78	Bắc Ninh	5961	99A-776.17	Bắc Ninh
1462	99A-784.14	Bắc Ninh	2962	99A-784.10	Bắc Ninh	4462	99A-775.92	Bắc Ninh	5962	99A-776.62	Bắc Ninh
1463	99A-786.53	Bắc Ninh	2963	99A-785.12	Bắc Ninh	4463	99A-775.96	Bắc Ninh	5963	99A-776.82	Bắc Ninh
1464	99A-786.75	Bắc Ninh	2964	99A-786.01	Bắc Ninh	4464	99A-776.13	Bắc Ninh	5964	99A-778.03	Bắc Ninh
1465	99A-788.46	Bắc Ninh	2965	99A-786.42	Bắc Ninh	4465	99A-777.54	Bắc Ninh	5965	99A-778.64	Bắc Ninh
1466	99A-788.50	Bắc Ninh	2966	99A-786.80	Bắc Ninh	4466	99A-778.30	Bắc Ninh	5966	99A-778.73	Bắc Ninh
1467	99A-788.59	Bắc Ninh	2967	99A-787.49	Bắc Ninh	4467	99A-779.63	Bắc Ninh	5967	99A-779.20	Bắc Ninh
1468	99A-788.81	Bắc Ninh	2968	99A-788.90	Bắc Ninh	4468	99A-780.36	Bắc Ninh	5968	99A-779.31	Bắc Ninh
1469	99A-789.14	Bắc Ninh	2969	99A-789.44	Bắc Ninh	4469	99A-780.53	Bắc Ninh	5969	99A-779.43	Bắc Ninh
1470	99A-789.67	Bắc Ninh	2970	99A-789.76	Bắc Ninh	4470	99A-780.67	Bắc Ninh	5970	99A-780.71	Bắc Ninh
1471	99A-790.42	Bắc Ninh	2971	99A-790.37	Bắc Ninh	4471	99A-781.25	Bắc Ninh	5971	99A-782.31	Bắc Ninh
1472	99A-790.81	Bắc Ninh	2972	99A-790.39	Bắc Ninh	4472	99A-781.53	Bắc Ninh	5972	99A-783.97	Bắc Ninh
1473	99A-791.02	Bắc Ninh	2973	99A-791.46	Bắc Ninh	4473	99A-781.61	Bắc Ninh	5973	99A-784.27	Bắc Ninh
1474	99A-791.27	Bắc Ninh	2974	99A-791.99	Bắc Ninh	4474	99A-781.73	Bắc Ninh	5974	99A-784.90	Bắc Ninh
1475	99A-791.65	Bắc Ninh	2975	99A-792.64	Bắc Ninh	4475	99A-781.90	Bắc Ninh	5975	99A-785.72	Bắc Ninh
1476	99A-791.94	Bắc Ninh	2976	99A-793.05	Bắc Ninh	4476	99A-783.46	Bắc Ninh	5976	99A-785.74	Bắc Ninh
1477	99A-792.30	Bắc Ninh	2977	99A-793.34	Bắc Ninh	4477	99A-786.45	Bắc Ninh	5977	99A-786.91	Bắc Ninh
1478	99A-792.43	Bắc Ninh	2978	99A-793.42	Bắc Ninh	4478	99A-787.61	Bắc Ninh	5978	99A-787.46	Bắc Ninh
1479	99A-794.12	Bắc Ninh	2979	99A-793.43	Bắc Ninh	4479	99A-788.35	Bắc Ninh	5979	99A-787.97	Bắc Ninh
1480	99A-794.47	Bắc Ninh	2980	99A-793.56	Bắc Ninh	4480	99A-788.53	Bắc Ninh	5980	99A-788.51	Bắc Ninh
1481	99A-794.61	Bắc Ninh	2981	99A-793.73	Bắc Ninh	4481	99A-788.92	Bắc Ninh	5981	99A-791.70	Bắc Ninh
1482	99A-794.62	Bắc Ninh	2982	99A-794.01	Bắc Ninh	4482	99A-788.93	Bắc Ninh	5982	99A-792.46	Bắc Ninh
1483	99A-794.91	Bắc Ninh	2983	99A-795.48	Bắc Ninh	4483	99A-790.80	Bắc Ninh	5983	99A-793.63	Bắc Ninh
1484	99A-797.30	Bắc Ninh	2984	99A-796.81	Bắc Ninh	4484	99A-791.48	Bắc Ninh	5984	99A-794.42	Bắc Ninh
1485	99A-797.78	Bắc Ninh	2985	99A-797.26	Bắc Ninh	4485	99A-791.79	Bắc Ninh	5985	99A-794.54	Bắc Ninh
1486	99A-798.51	Bắc Ninh	2986	99A-798.42	Bắc Ninh	4486	99A-793.53	Bắc Ninh	5986	99A-795.57	Bắc Ninh
1487	99A-798.67	Bắc Ninh	2987	99A-799.57	Bắc Ninh	4487	99A-793.54	Bắc Ninh	5987	99A-796.54	Bắc Ninh
1488	99A-799.30	Bắc Ninh	2988	99A-800.17	Bắc Ninh	4488	99A-793.69	Bắc Ninh	5988	99A-797.01	Bắc Ninh
1489	99A-801.12	Bắc Ninh	2989	99A-801.06	Bắc Ninh	4489	99A-796.52	Bắc Ninh	5989	99A-797.34	Bắc Ninh
1490	99A-801.13	Bắc Ninh	2990	99C-309.64	Bắc Ninh	4490	99A-797.62	Bắc Ninh	5990	99A-798.04	Bắc Ninh
1491	99B-026.76	Bắc Ninh	2991	99C-310.73	Bắc Ninh	4491	99A-798.90	Bắc Ninh	5991	99A-798.20	Bắc Ninh
1492	99C-310.20	Bắc Ninh	2992	99C-310.91	Bắc Ninh	4492	99C-310.21	Bắc Ninh	5992	99A-799.48	Bắc Ninh
1493	99C-311.63	Bắc Ninh	2993	99C-311.24	Bắc Ninh	4493	99C-310.65	Bắc Ninh	5993	99A-800.04	Bắc Ninh
1494	99C-312.27	Bắc Ninh	2994	99C-311.59	Bắc Ninh	4494	99C-310.72	Bắc Ninh	5994	99A-800.94	Bắc Ninh
1495	99C-314.10	Bắc Ninh	2995	99C-312.71	Bắc Ninh	4495	99C-311.46	Bắc Ninh	5995	99C-309.71	Bắc Ninh
1496	99C-314.50	Bắc Ninh	2996	99C-312.74	Bắc Ninh	4496	99C-311.61	Bắc Ninh	5996	99C-309.87	Bắc Ninh
1497	99C-314.82	Bắc Ninh	2997	99C-315.14	Bắc Ninh	4497	99C-312.53	Bắc Ninh	5997	99C-313.53	Bắc Ninh
1498	99C-315.75	Bắc Ninh	2998	99C-316.10	Bắc Ninh	4498	99C-313.12	Bắc Ninh	5998	99C-313.72	Bắc Ninh
1499	99C-316.06	Bắc Ninh	2999	99C-316.20	Bắc Ninh	4499	99C-314.26	Bắc Ninh	5999	99C-314.27	Bắc Ninh
1500	99C-316.32	Bắc Ninh	3000	99D-020.66	Bắc Ninh	4500	99C-314.97	Bắc Ninh	6000	99C-315.20	Bắc Ninh

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'			Thời gian đấu giá: 16h15'-16h40'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
6001	14A-929.88	Quảng Ninh	7501	14A-919.96	Quảng Ninh	9001	19A-671.11	Phú Thọ	10501	14A-919.18	Quảng Ninh
6002	20A-799.69	Thái Nguyên	7502	15K-333.03	Hải Phòng	9002	20A-789.98	Thái Nguyên	10502	14A-930.03	Quảng Ninh
6003	26A-219.99	Sơn La	7503	15K-333.85	Hải Phòng	9003	20A-806.89	Thái Nguyên	10503	15K-317.77	Hải Phòng
6004	35A-436.66	Ninh Bình	7504	19A-666.36	Phú Thọ	9004	20A-808.89	Thái Nguyên	10504	15K-323.23	Hải Phòng
6005	37K-362.22	Nghệ An	7505	19A-669.11	Phú Thọ	9005	30L-528.89	Hà Nội	10505	15K-325.68	Hải Phòng
6006	37K-378.99	Nghệ An	7506	20A-807.77	Thái Nguyên	9006	36K-099.68	Thanh Hóa	10506	19A-658.88	Phú Thọ
6007	37K-383.83	Nghệ An	7507	29K-212.22	Hà Nội	9007	36K-110.00	Thanh Hóa	10507	30L-519.19	Hà Nội
6008	38C-226.68	Hà Tĩnh	7508	30L-522.25	Hà Nội	9008	36K-111.07	Thanh Hóa	10508	30L-519.68	Hà Nội
6009	47C-358.88	Đắk Lắk	7509	30L-541.11	Hà Nội	9009	36K-123.44	Thanh Hóa	10509	34A-855.68	Hải Dương
6010	60K-501.11	Đồng Nai	7510	30L-544.45	Hà Nội	9010	37C-537.37	Nghệ An	10510	36C-486.89	Thanh Hóa
6011	62A-444.57	Long An	7511	37K-359.98	Nghệ An	9011	43A-886.96	Đà Nẵng	10511	37K-352.22	Nghệ An
6012	62A-445.55	Long An	7512	38A-629.96	Hà Tĩnh	9012	47A-748.68	Đắk Lắk	10512	43A-886.11	Đà Nẵng
6013	63C-218.68	Tiền Giang	7513	43A-889.88	Đà Nẵng	9013	51M-004.44	Hồ Chí Minh	10513	43A-888.27	Đà Nẵng
6014	65C-222.27	Cần Thơ	7514	47A-756.69	Đắk Lắk	9014	60K-533.35	Đồng Nai	10514	43A-888.29	Đà Nẵng
6015	67A-308.88	An Giang	7515	49C-367.77	Lâm Đồng	9015	77A-333.44	Bình Định	10515	47A-728.86	Đắk Lắk
6016	70C-205.55	Tây Ninh	7516	51D-999.88	Hồ Chí Minh	9016	77A-336.68	Bình Định	10516	49A-704.44	Lâm Đồng
6017	89A-487.77	Hưng Yên	7517	60K-516.68	Đồng Nai	9017	93A-481.11	Bình Phước	10517	61K-434.56	Bình Dương
6018	89C-333.31	Hưng Yên	7518	60K-536.66	Đồng Nai	9018	98A-789.22	Bắc Giang	10518	71A-200.08	Bến Tre
6019	90A-268.69	Hà Nam	7519	61K-427.68	Bình Dương	9019	99A-777.07	Bắc Ninh	10519	78A-201.11	Phú Yên
6020	93C-195.55	Bình Phước	7520	71A-198.86	Bến Tre	9020	99A-777.68	Bắc Ninh	10520	79C-218.88	Khánh Hòa
6021	98A-768.69	Bắc Giang	7521	79A-532.22	Khánh Hòa	9021	99A-788.98	Bắc Ninh	10521	98A-785.55	Bắc Giang
6022	98A-788.98	Bắc Giang	7522	90A-268.65	Hà Nam	9022	99A-798.99	Bắc Ninh	10522	99A-775.55	Bắc Ninh
6023	99A-799.69	Bắc Ninh	7523	92A-409.98	Quảng Nam	9023	99A-799.89	Bắc Ninh	10523	99A-777.15	Bắc Ninh
6024	30L-487.07	Hà Nội	7524	30L-486.76	Hà Nội	9024	30L-486.97	Hà Nội	10524	30L-487.13	Hà Nội
6025	30L-487.20	Hà Nội	7525	30L-487.98	Hà Nội	9025	30L-487.93	Hà Nội	10525	30L-487.21	Hà Nội
6026	30L-489.12	Hà Nội	7526	30L-488.27	Hà Nội	9026	30L-490.31	Hà Nội	10526	30L-487.74	Hà Nội
6027	30L-490.37	Hà Nội	7527	30L-489.40	Hà Nội	9027	30L-490.70	Hà Nội	10527	30L-487.96	Hà Nội
6028	30L-490.72	Hà Nội	7528	30L-490.07	Hà Nội	9028	30L-491.77	Hà Nội	10528	30L-488.14	Hà Nội
6029	30L-490.81	Hà Nội	7529	30L-490.39	Hà Nội	9029	30L-492.32	Hà Nội	10529	30L-488.23	Hà Nội
6030	30L-491.12	Hà Nội	7530	30L-490.52	Hà Nội	9030	30L-492.38	Hà Nội	10530	30L-488.32	Hà Nội
6031	30L-491.30	Hà Nội	7531	30L-491.02	Hà Nội	9031	30L-492.61	Hà Nội	10531	30L-489.08	Hà Nội
6032	30L-491.31	Hà Nội	7532	30L-491.19	Hà Nội	9032	30L-493.03	Hà Nội	10532	30L-489.13	Hà Nội
6033	30L-492.14	Hà Nội	7533	30L-491.52	Hà Nội	9033	30L-493.30	Hà Nội	10533	30L-489.50	Hà Nội
6034	30L-493.23	Hà Nội	7534	30L-491.60	Hà Nội	9034	30L-495.15	Hà Nội	10534	30L-489.97	Hà Nội
6035	30L-493.64	Hà Nội	7535	30L-491.90	Hà Nội	9035	30L-495.23	Hà Nội	10535	30L-490.05	Hà Nội
6036	30L-493.78	Hà Nội	7536	30L-492.03	Hà Nội	9036	30L-495.97	Hà Nội	10536	30L-491.13	Hà Nội
6037	30L-494.13	Hà Nội	7537	30L-492.12	Hà Nội	9037	30L-496.04	Hà Nội	10537	30L-491.23	Hà Nội
6038	30L-494.34	Hà Nội	7538	30L-492.28	Hà Nội	9038	30L-496.12	Hà Nội	10538	30L-491.54	Hà Nội
6039	30L-495.21	Hà Nội	7539	30L-492.34	Hà Nội	9039	30L-496.60	Hà Nội	10539	30L-492.07	Hà Nội
6040	30L-495.75	Hà Nội	7540	30L-492.54	Hà Nội	9040	30L-497.37	Hà Nội	10540	30L-492.10	Hà Nội
6041	30L-496.78	Hà Nội	7541	30L-494.97	Hà Nội	9041	30L-498.34	Hà Nội	10541	30L-492.30	Hà Nội
6042	30L-498.67	Hà Nội	7542	30L-496.41	Hà Nội	9042	30L-499.78	Hà Nội	10542	30L-492.51	Hà Nội
6043	30L-499.03	Hà Nội	7543	30L-496.81	Hà Nội	9043	30L-499.91	Hà Nội	10543	30L-493.47	Hà Nội
6044	30L-499.54	Hà Nội	7544	30L-498.01	Hà Nội	9044	30L-499.92	Hà Nội	10544	30L-493.71	Hà Nội
6045	30L-500.72	Hà Nội	7545	30L-498.40	Hà Nội	9045	30L-500.43	Hà Nội	10545	30L-494.14	Hà Nội
6046	30L-500.76	Hà Nội	7546	30L-500.37	Hà Nội	9046	30L-501.80	Hà Nội	10546	30L-494.30	Hà Nội
6047	30L-501.84	Hà Nội	7547	30L-500.42	Hà Nội	9047	30L-504.06	Hà Nội	10547	30L-495.42	Hà Nội
6048	30L-502.42	Hà Nội	7548	30L-501.53	Hà Nội	9048	30L-504.17	Hà Nội	10548	30L-495.59	Hà Nội
6049	30L-503.13	Hà Nội	7549	30L-501.61	Hà Nội	9049	30L-504.61	Hà Nội	10549	30L-496.18	Hà Nội
6050	30L-503.62	Hà Nội	7550	30L-501.97	Hà Nội	9050	30L-504.82	Hà Nội	10550	30L-496.64	Hà Nội
6051	30L-504.23	Hà Nội	7551	30L-502.04	Hà Nội	9051	30L-505.40	Hà Nội	10551	30L-497.03	Hà Nội
6052	30L-504.93	Hà Nội	7552	30L-503.93	Hà Nội	9052	30L-505.47	Hà Nội	10552	30L-497.14	Hà Nội
6053	30L-504.94	Hà Nội	7553	30L-504.01	Hà Nội	9053	30L-505.49	Hà Nội	10553	30L-497.76	Hà Nội
6054	30L-505.46	Hà Nội	7554	30L-505.03	Hà Nội	9054	30L-506.16	Hà Nội	10554	30L-498.13	Hà Nội
6055	30L-506.13	Hà Nội	7555	30L-505.13	Hà Nội	9055	30L-506.32	Hà Nội	10555	30L-498.87	Hà Nội
6056	30L-507.16	Hà Nội	7556	30L-506.06	Hà Nội	9056	30L-506.94	Hà Nội	10556	30L-500.03	Hà Nội
6057	30L-507.24	Hà Nội	7557	30L-506.20	Hà Nội	9057	30L-507.20	Hà Nội	10557	30L-500.27	Hà Nội
6058	30L-507.34	Hà Nội	7558	30L-506.52	Hà Nội	9058	30L-507.85	Hà Nội	10558	30L-500.94	Hà Nội
6059	30L-509.48	Hà Nội	7559	30L-506.67	Hà Nội	9059	30L-509.24	Hà Nội	10559	30L-501.42	Hà Nội
6060	30L-510.07	Hà Nội	7560	30L-507.05	Hà Nội	9060	30L-509.67	Hà Nội	10560	30L-501.54	Hà Nội
6061	30L-510.37	Hà Nội	7561	30L-508.64	Hà Nội	9061	30L-509.78	Hà Nội	10561	30L-501.56	Hà Nội
6062	30L-512.27	Hà Nội	7562	30L-509.64	Hà Nội	9062	30L-512.52	Hà Nội	10562	30L-503.96	Hà Nội
6063	30L-513.10	Hà Nội	7563	30L-510.94	Hà Nội	9063	30L-512.60	Hà Nội	10563	30L-504.84	Hà Nội

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'			Thời gian đấu giá: 16h15'-16h40'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
6064	30L-517.23	Hà Nội	7564	30L-511.14	Hà Nội	9064	30L-513.49	Hà Nội	10564	30L-506.92	Hà Nội
6065	30L-517.43	Hà Nội	7565	30L-514.05	Hà Nội	9065	30L-513.80	Hà Nội	10565	30L-507.43	Hà Nội
6066	30L-517.44	Hà Nội	7566	30L-514.49	Hà Nội	9066	30L-515.04	Hà Nội	10566	30L-507.72	Hà Nội
6067	30L-518.49	Hà Nội	7567	30L-515.47	Hà Nội	9067	30L-515.90	Hà Nội	10567	30L-507.73	Hà Nội
6068	30L-518.62	Hà Nội	7568	30L-515.56	Hà Nội	9068	30L-517.81	Hà Nội	10568	30L-510.02	Hà Nội
6069	30L-519.05	Hà Nội	7569	30L-515.60	Hà Nội	9069	30L-520.43	Hà Nội	10569	30L-510.29	Hà Nội
6070	30L-519.32	Hà Nội	7570	30L-515.63	Hà Nội	9070	30L-520.47	Hà Nội	10570	30L-510.67	Hà Nội
6071	30L-519.50	Hà Nội	7571	30L-516.01	Hà Nội	9071	30L-520.70	Hà Nội	10571	30L-510.80	Hà Nội
6072	30L-521.41	Hà Nội	7572	30L-518.01	Hà Nội	9072	30L-520.90	Hà Nội	10572	30L-510.89	Hà Nội
6073	30L-521.78	Hà Nội	7573	30L-518.71	Hà Nội	9073	30L-522.62	Hà Nội	10573	30L-511.49	Hà Nội
6074	30L-521.87	Hà Nội	7574	30L-518.78	Hà Nội	9074	30L-524.56	Hà Nội	10574	30L-511.87	Hà Nội
6075	30L-522.37	Hà Nội	7575	30L-520.57	Hà Nội	9075	30L-524.64	Hà Nội	10575	30L-512.86	Hà Nội
6076	30L-522.71	Hà Nội	7576	30L-520.61	Hà Nội	9076	30L-524.75	Hà Nội	10576	30L-512.91	Hà Nội
6077	30L-524.70	Hà Nội	7577	30L-521.53	Hà Nội	9077	30L-525.61	Hà Nội	10577	30L-513.02	Hà Nội
6078	30L-525.57	Hà Nội	7578	30L-521.97	Hà Nội	9078	30L-525.73	Hà Nội	10578	30L-513.30	Hà Nội
6079	30L-526.23	Hà Nội	7579	30L-522.42	Hà Nội	9079	30L-525.83	Hà Nội	10579	30L-513.50	Hà Nội
6080	30L-527.51	Hà Nội	7580	30L-522.75	Hà Nội	9080	30L-525.90	Hà Nội	10580	30L-513.97	Hà Nội
6081	30L-528.72	Hà Nội	7581	30L-524.60	Hà Nội	9081	30L-527.42	Hà Nội	10581	30L-514.20	Hà Nội
6082	30L-529.84	Hà Nội	7582	30L-524.67	Hà Nội	9082	30L-528.26	Hà Nội	10582	30L-514.23	Hà Nội
6083	30L-531.05	Hà Nội	7583	30L-524.80	Hà Nội	9083	30L-528.50	Hà Nội	10583	30L-516.76	Hà Nội
6084	30L-531.13	Hà Nội	7584	30L-524.94	Hà Nội	9084	30L-528.75	Hà Nội	10584	30L-516.87	Hà Nội
6085	30L-531.14	Hà Nội	7585	30L-526.47	Hà Nội	9085	30L-529.03	Hà Nội	10585	30L-517.60	Hà Nội
6086	30L-532.72	Hà Nội	7586	30L-526.53	Hà Nội	9086	30L-530.17	Hà Nội	10586	30L-517.75	Hà Nội
6087	30L-532.92	Hà Nội	7587	30L-527.14	Hà Nội	9087	30L-530.40	Hà Nội	10587	30L-517.90	Hà Nội
6088	30L-533.54	Hà Nội	7588	30L-528.04	Hà Nội	9088	30L-530.41	Hà Nội	10588	30L-518.43	Hà Nội
6089	30L-533.82	Hà Nội	7589	30L-528.11	Hà Nội	9089	30L-530.93	Hà Nội	10589	30L-519.53	Hà Nội
6090	30L-534.32	Hà Nội	7590	30L-528.80	Hà Nội	9090	30L-531.81	Hà Nội	10590	30L-519.75	Hà Nội
6091	30L-534.94	Hà Nội	7591	30L-528.84	Hà Nội	9091	30L-531.91	Hà Nội	10591	30L-520.78	Hà Nội
6092	30L-536.28	Hà Nội	7592	30L-529.88	Hà Nội	9092	30L-532.39	Hà Nội	10592	30L-521.42	Hà Nội
6093	30L-538.17	Hà Nội	7593	30L-530.24	Hà Nội	9093	30L-532.94	Hà Nội	10593	30L-521.62	Hà Nội
6094	30L-539.72	Hà Nội	7594	30L-530.90	Hà Nội	9094	30L-533.13	Hà Nội	10594	30L-522.48	Hà Nội
6095	30L-540.34	Hà Nội	7595	30L-531.61	Hà Nội	9095	30L-533.94	Hà Nội	10595	30L-523.40	Hà Nội
6096	30L-540.43	Hà Nội	7596	30L-532.34	Hà Nội	9096	30L-534.73	Hà Nội	10596	30L-524.43	Hà Nội
6097	30L-540.62	Hà Nội	7597	30L-532.66	Hà Nội	9097	30L-535.87	Hà Nội	10597	30L-525.32	Hà Nội
6098	30L-541.04	Hà Nội	7598	30L-532.70	Hà Nội	9098	30L-537.07	Hà Nội	10598	30L-525.46	Hà Nội
6099	30L-541.24	Hà Nội	7599	30L-534.10	Hà Nội	9099	30L-537.94	Hà Nội	10599	30L-525.82	Hà Nội
6100	30L-541.37	Hà Nội	7600	30L-534.19	Hà Nội	9100	30L-538.24	Hà Nội	10600	30L-525.94	Hà Nội
6101	30L-542.48	Hà Nội	7601	30L-535.41	Hà Nội	9101	30L-539.49	Hà Nội	10601	30L-527.21	Hà Nội
6102	30L-542.82	Hà Nội	7602	30L-536.42	Hà Nội	9102	30L-540.67	Hà Nội	10602	30L-528.57	Hà Nội
6103	30L-543.64	Hà Nội	7603	30L-536.46	Hà Nội	9103	30L-541.18	Hà Nội	10603	30L-528.67	Hà Nội
6104	30L-543.72	Hà Nội	7604	30L-536.54	Hà Nội	9104	30L-542.93	Hà Nội	10604	30L-529.23	Hà Nội
6105	30L-544.17	Hà Nội	7605	30L-536.62	Hà Nội	9105	30L-543.14	Hà Nội	10605	30L-530.27	Hà Nội
6106	30L-544.34	Hà Nội	7606	30L-536.78	Hà Nội	9106	30L-544.90	Hà Nội	10606	30L-530.46	Hà Nội
6107	30L-544.91	Hà Nội	7607	30L-537.13	Hà Nội	9107	30L-545.31	Hà Nội	10607	30L-530.95	Hà Nội
6108	30L-545.07	Hà Nội	7608	30L-537.37	Hà Nội	9108	30L-546.21	Hà Nội	10608	30L-531.67	Hà Nội
6109	30L-545.48	Hà Nội	7609	30L-537.81	Hà Nội	9109	30L-547.25	Hà Nội	10609	30L-531.74	Hà Nội
6110	30L-546.02	Hà Nội	7610	30L-538.14	Hà Nội	9110	30L-547.29	Hà Nội	10610	30L-533.75	Hà Nội
6111	30L-546.23	Hà Nội	7611	30L-538.18	Hà Nội	9111	12A-251.42	Lạng Sơn	10611	30L-534.69	Hà Nội
6112	30L-546.30	Hà Nội	7612	30L-540.05	Hà Nội	9112	12A-251.62	Lạng Sơn	10612	30L-534.84	Hà Nội
6113	30L-546.52	Hà Nội	7613	30L-540.75	Hà Nội	9113	12A-251.91	Lạng Sơn	10613	30L-535.40	Hà Nội
6114	30L-546.57	Hà Nội	7614	30L-541.60	Hà Nội	9114	12A-252.54	Lạng Sơn	10614	30L-535.60	Hà Nội
6115	12A-251.47	Lạng Sơn	7615	30L-542.01	Hà Nội	9115	14A-913.12	Quảng Ninh	10615	30L-536.43	Hà Nội
6116	12A-251.72	Lạng Sơn	7616	30L-543.50	Hà Nội	9116	14A-913.60	Quảng Ninh	10616	30L-536.96	Hà Nội
6117	12A-252.09	Lạng Sơn	7617	30L-543.75	Hà Nội	9117	14A-914.57	Quảng Ninh	10617	30L-536.97	Hà Nội
6118	12A-252.41	Lạng Sơn	7618	30L-544.23	Hà Nội	9118	14A-914.81	Quảng Ninh	10618	30L-537.23	Hà Nội
6119	12C-136.57	Lạng Sơn	7619	30L-544.78	Hà Nội	9119	14A-915.02	Quảng Ninh	10619	30L-537.51	Hà Nội
6120	14A-913.17	Quảng Ninh	7620	30L-546.51	Hà Nội	9120	14A-916.62	Quảng Ninh	10620	30L-538.48	Hà Nội
6121	14A-913.21	Quảng Ninh	7621	30L-546.71	Hà Nội	9121	14A-917.04	Quảng Ninh	10621	30L-539.07	Hà Nội
6122	14A-913.70	Quảng Ninh	7622	30L-546.93	Hà Nội	9122	14A-917.12	Quảng Ninh	10622	30L-539.73	Hà Nội
6123	14A-914.26	Quảng Ninh	7623	30L-547.14	Hà Nội	9123	14A-917.57	Quảng Ninh	10623	30L-540.30	Hà Nội
6124	14A-914.37	Quảng Ninh	7624	12D-004.30	Lạng Sơn	9124	14A-917.92	Quảng Ninh	10624	30L-540.79	Hà Nội
6125	14A-916.61	Quảng Ninh	7625	14A-913.30	Quảng Ninh	9125	14A-919.23	Quảng Ninh	10625	30L-541.17	Hà Nội
6126	14A-916.84	Quảng Ninh	7626	14A-913.62	Quảng Ninh	9126	14A-919.53	Quảng Ninh	10626	30L-544.92	Hà Nội

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'			Thời gian đấu giá: 16h15'-16h40'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
6127	14A-917.49	Quảng Ninh	7627	14A-914.64	Quảng Ninh	9127	14A-921.70	Quảng Ninh	10627	30L-545.03	Hà Nội
6128	14A-917.87	Quảng Ninh	7628	14A-914.90	Quảng Ninh	9128	14A-922.07	Quảng Ninh	10628	30L-545.51	Hà Nội
6129	14A-917.93	Quảng Ninh	7629	14A-915.52	Quảng Ninh	9129	14A-922.20	Quảng Ninh	10629	30L-545.62	Hà Nội
6130	14A-922.47	Quảng Ninh	7630	14A-917.32	Quảng Ninh	9130	14A-922.49	Quảng Ninh	10630	30L-546.80	Hà Nội
6131	14A-923.37	Quảng Ninh	7631	14A-917.81	Quảng Ninh	9131	14A-923.61	Quảng Ninh	10631	30L-546.87	Hà Nội
6132	14A-923.49	Quảng Ninh	7632	14A-918.76	Quảng Ninh	9132	14A-925.03	Quảng Ninh	10632	30L-547.05	Hà Nội
6133	14A-923.73	Quảng Ninh	7633	14A-919.30	Quảng Ninh	9133	14A-925.94	Quảng Ninh	10633	30L-547.21	Hà Nội
6134	14A-924.63	Quảng Ninh	7634	14A-919.84	Quảng Ninh	9134	14A-926.21	Quảng Ninh	10634	12A-252.17	Lạng Sơn
6135	14A-924.73	Quảng Ninh	7635	14A-922.61	Quảng Ninh	9135	14A-928.75	Quảng Ninh	10635	12D-004.24	Lạng Sơn
6136	14A-926.40	Quảng Ninh	7636	14A-922.67	Quảng Ninh	9136	14A-929.01	Quảng Ninh	10636	12D-004.38	Lạng Sơn
6137	14A-926.63	Quảng Ninh	7637	14A-922.84	Quảng Ninh	9137	14A-929.10	Quảng Ninh	10637	12D-004.42	Lạng Sơn
6138	14A-927.84	Quảng Ninh	7638	14A-924.14	Quảng Ninh	9138	14A-929.34	Quảng Ninh	10638	12D-004.49	Lạng Sơn
6139	14A-928.93	Quảng Ninh	7639	14A-924.30	Quảng Ninh	9139	15K-305.67	Hải Phòng	10639	14A-913.45	Quảng Ninh
6140	14A-929.44	Quảng Ninh	7640	14A-925.20	Quảng Ninh	9140	15K-307.63	Hải Phòng	10640	14A-913.72	Quảng Ninh
6141	14A-930.41	Quảng Ninh	7641	14A-926.09	Quảng Ninh	9141	15K-308.72	Hải Phòng	10641	14A-914.78	Quảng Ninh
6142	15K-305.43	Hải Phòng	7642	14A-928.64	Quảng Ninh	9142	15K-309.04	Hải Phòng	10642	14A-915.07	Quảng Ninh
6143	15K-306.01	Hải Phòng	7643	14A-928.74	Quảng Ninh	9143	15K-309.82	Hải Phòng	10643	14A-915.12	Quảng Ninh
6144	15K-306.24	Hải Phòng	7644	14A-928.92	Quảng Ninh	9144	15K-310.39	Hải Phòng	10644	14A-915.21	Quảng Ninh
6145	15K-306.37	Hải Phòng	7645	14A-929.27	Quảng Ninh	9145	15K-311.71	Hải Phòng	10645	14A-915.41	Quảng Ninh
6146	15K-306.67	Hải Phòng	7646	14A-929.52	Quảng Ninh	9146	15K-313.01	Hải Phòng	10646	14A-915.48	Quảng Ninh
6147	15K-307.82	Hải Phòng	7647	14A-929.71	Quảng Ninh	9147	15K-313.46	Hải Phòng	10647	14A-915.57	Quảng Ninh
6148	15K-307.92	Hải Phòng	7648	15K-305.85	Hải Phòng	9148	15K-315.30	Hải Phòng	10648	14A-916.57	Quảng Ninh
6149	15K-308.20	Hải Phòng	7649	15K-306.12	Hải Phòng	9149	15K-315.49	Hải Phòng	10649	14A-917.07	Quảng Ninh
6150	15K-309.52	Hải Phòng	7650	15K-306.43	Hải Phòng	9150	15K-316.42	Hải Phòng	10650	14A-917.46	Quảng Ninh
6151	15K-309.67	Hải Phòng	7651	15K-307.43	Hải Phòng	9151	15K-316.70	Hải Phòng	10651	14A-917.69	Quảng Ninh
6152	15K-310.61	Hải Phòng	7652	15K-309.00	Hải Phòng	9152	15K-316.72	Hải Phòng	10652	14A-917.94	Quảng Ninh
6153	15K-311.46	Hải Phòng	7653	15K-310.73	Hải Phòng	9153	15K-317.51	Hải Phòng	10653	14A-918.14	Quảng Ninh
6154	15K-311.62	Hải Phòng	7654	15K-311.50	Hải Phòng	9154	15K-317.97	Hải Phòng	10654	14A-919.07	Quảng Ninh
6155	15K-311.87	Hải Phòng	7655	15K-311.94	Hải Phòng	9155	15K-318.82	Hải Phòng	10655	14A-919.73	Quảng Ninh
6156	15K-312.81	Hải Phòng	7656	15K-313.21	Hải Phòng	9156	15K-320.12	Hải Phòng	10656	14A-920.57	Quảng Ninh
6157	15K-314.17	Hải Phòng	7657	15K-313.50	Hải Phòng	9157	15K-320.18	Hải Phòng	10657	14A-922.10	Quảng Ninh
6158	15K-314.45	Hải Phòng	7658	15K-313.78	Hải Phòng	9158	15K-320.27	Hải Phòng	10658	14A-922.91	Quảng Ninh
6159	15K-314.64	Hải Phòng	7659	15K-316.56	Hải Phòng	9159	15K-320.45	Hải Phòng	10659	14A-922.97	Quảng Ninh
6160	15K-316.40	Hải Phòng	7660	15K-316.75	Hải Phòng	9160	15K-320.48	Hải Phòng	10660	14A-924.33	Quảng Ninh
6161	15K-317.06	Hải Phòng	7661	15K-317.23	Hải Phòng	9161	15K-321.49	Hải Phòng	10661	14A-924.34	Quảng Ninh
6162	15K-317.53	Hải Phòng	7662	15K-317.61	Hải Phòng	9162	15K-321.63	Hải Phòng	10662	14A-925.14	Quảng Ninh
6163	15K-318.42	Hải Phòng	7663	15K-317.88	Hải Phòng	9163	15K-321.91	Hải Phòng	10663	14A-925.46	Quảng Ninh
6164	15K-319.69	Hải Phòng	7664	15K-318.30	Hải Phòng	9164	15K-322.50	Hải Phòng	10664	14A-925.63	Quảng Ninh
6165	15K-319.82	Hải Phòng	7665	15K-318.38	Hải Phòng	9165	15K-322.67	Hải Phòng	10665	14A-925.73	Quảng Ninh
6166	15K-320.36	Hải Phòng	7666	15K-318.62	Hải Phòng	9166	15K-323.50	Hải Phòng	10666	14A-927.60	Quảng Ninh
6167	15K-321.21	Hải Phòng	7667	15K-319.61	Hải Phòng	9167	15K-325.12	Hải Phòng	10667	15K-305.52	Hải Phòng
6168	15K-321.45	Hải Phòng	7668	15K-320.20	Hải Phòng	9168	15K-326.74	Hải Phòng	10668	15K-305.70	Hải Phòng
6169	15K-321.46	Hải Phòng	7669	15K-320.72	Hải Phòng	9169	15K-327.18	Hải Phòng	10669	15K-305.71	Hải Phòng
6170	15K-321.71	Hải Phòng	7670	15K-321.57	Hải Phòng	9170	15K-328.07	Hải Phòng	10670	15K-305.81	Hải Phòng
6171	15K-321.77	Hải Phòng	7671	15K-322.82	Hải Phòng	9171	15K-328.32	Hải Phòng	10671	15K-305.82	Hải Phòng
6172	15K-322.20	Hải Phòng	7672	15K-324.91	Hải Phòng	9172	15K-328.55	Hải Phòng	10672	15K-306.17	Hải Phòng
6173	15K-322.39	Hải Phòng	7673	15K-327.51	Hải Phòng	9173	15K-330.07	Hải Phòng	10673	15K-306.42	Hải Phòng
6174	15K-322.46	Hải Phòng	7674	15K-328.30	Hải Phòng	9174	15K-330.32	Hải Phòng	10674	15K-306.73	Hải Phòng
6175	15K-322.78	Hải Phòng	7675	15K-328.70	Hải Phòng	9175	15K-331.37	Hải Phòng	10675	15K-306.76	Hải Phòng
6176	15K-323.20	Hải Phòng	7676	15K-328.83	Hải Phòng	9176	15K-331.57	Hải Phòng	10676	15K-307.72	Hải Phòng
6177	15K-323.48	Hải Phòng	7677	15K-329.24	Hải Phòng	9177	15K-332.18	Hải Phòng	10677	15K-307.78	Hải Phòng
6178	15K-323.73	Hải Phòng	7678	15K-329.31	Hải Phòng	9178	15K-333.51	Hải Phòng	10678	15K-307.90	Hải Phòng
6179	15K-325.03	Hải Phòng	7679	15K-330.52	Hải Phòng	9179	15K-334.45	Hải Phòng	10679	15K-308.23	Hải Phòng
6180	15K-325.71	Hải Phòng	7680	15K-330.92	Hải Phòng	9180	15K-335.14	Hải Phòng	10680	15K-308.40	Hải Phòng
6181	15K-325.87	Hải Phòng	7681	15K-332.04	Hải Phòng	9181	15K-335.24	Hải Phòng	10681	15K-308.46	Hải Phòng
6182	15K-328.03	Hải Phòng	7682	15K-332.30	Hải Phòng	9182	15K-335.62	Hải Phòng	10682	15K-308.71	Hải Phòng
6183	15K-328.50	Hải Phòng	7683	15K-333.43	Hải Phòng	9183	17A-465.61	Thái Bình	10683	15K-309.51	Hải Phòng
6184	15K-328.93	Hải Phòng	7684	15K-334.10	Hải Phòng	9184	17A-466.43	Thái Bình	10684	15K-309.89	Hải Phòng
6185	15K-332.12	Hải Phòng	7685	15K-334.17	Hải Phòng	9185	17A-466.60	Thái Bình	10685	15K-310.92	Hải Phòng
6186	15K-332.54	Hải Phòng	7686	15K-334.31	Hải Phòng	9186	17A-467.37	Thái Bình	10686	15K-311.02	Hải Phòng
6187	15K-332.64	Hải Phòng	7687	15K-334.54	Hải Phòng	9187	17A-467.40	Thái Bình	10687	15K-311.17	Hải Phòng
6188	15K-332.67	Hải Phòng	7688	15K-334.78	Hải Phòng	9188	17A-467.49	Thái Bình	10688	15K-311.81	Hải Phòng
6189	15K-333.40	Hải Phòng	7689	15K-335.07	Hải Phòng	9189	17A-468.30	Thái Bình	10689	15K-312.61	Hải Phòng

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'			Thời gian đấu giá: 16h15'-16h40'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
6190	15K-333.41	Hải Phòng	7690	17A-465.92	Thái Bình	9190	18A-457.42	Nam Định	10690	15K-312.75	Hải Phòng
6191	15K-334.02	Hải Phòng	7691	17A-467.47	Thái Bình	9191	18A-458.47	Nam Định	10691	15K-314.10	Hải Phòng
6192	15K-334.71	Hải Phòng	7692	17A-468.31	Thái Bình	9192	18A-464.66	Nam Định	10692	15K-315.91	Hải Phòng
6193	15K-334.82	Hải Phòng	7693	17A-468.53	Thái Bình	9193	18A-464.95	Nam Định	10693	15K-316.01	Hải Phòng
6194	15K-336.24	Hải Phòng	7694	18A-457.50	Nam Định	9194	18A-465.86	Nam Định	10694	15K-316.05	Hải Phòng
6195	15K-336.49	Hải Phòng	7695	18A-457.87	Nam Định	9195	18A-466.40	Nam Định	10695	15K-316.43	Hải Phòng
6196	15K-336.50	Hải Phòng	7696	18A-457.90	Nam Định	9196	18A-466.84	Nam Định	10696	15K-316.51	Hải Phòng
6197	17A-466.17	Thái Bình	7697	18A-457.92	Nam Định	9197	18A-467.34	Nam Định	10697	15K-316.73	Hải Phòng
6198	17A-466.23	Thái Bình	7698	18A-458.90	Nam Định	9198	18A-467.42	Nam Định	10698	15K-317.21	Hải Phòng
6199	17A-466.76	Thái Bình	7699	18A-459.82	Nam Định	9199	18D-011.32	Nam Định	10699	15K-317.26	Hải Phòng
6200	17A-466.84	Thái Bình	7700	18A-460.10	Nam Định	9200	18D-011.43	Nam Định	10700	15K-317.74	Hải Phòng
6201	17A-467.12	Thái Bình	7701	18A-460.18	Nam Định	9201	19A-653.18	Phú Thọ	10701	15K-318.17	Hải Phòng
6202	17A-468.43	Thái Bình	7702	18A-461.02	Nam Định	9202	19A-658.04	Phú Thọ	10702	15K-318.51	Hải Phòng
6203	18A-457.24	Nam Định	7703	18A-461.47	Nam Định	9203	19A-658.48	Phú Thọ	10703	15K-318.91	Hải Phòng
6204	18A-457.91	Nam Định	7704	18A-463.12	Nam Định	9204	19A-658.93	Phú Thọ	10704	15K-319.35	Hải Phòng
6205	18A-458.91	Nam Định	7705	18A-463.70	Nam Định	9205	19A-659.02	Phú Thọ	10705	15K-320.04	Hải Phòng
6206	18A-459.12	Nam Định	7706	18A-464.63	Nam Định	9206	19A-660.26	Phú Thọ	10706	15K-320.07	Hải Phòng
6207	18A-459.20	Nam Định	7707	18A-464.70	Nam Định	9207	19A-660.93	Phú Thọ	10707	15K-320.57	Hải Phòng
6208	18A-459.31	Nam Định	7708	18A-465.30	Nam Định	9208	19A-661.34	Phú Thọ	10708	15K-321.74	Hải Phòng
6209	18A-460.42	Nam Định	7709	18A-465.47	Nam Định	9209	19A-661.37	Phú Thọ	10709	15K-322.51	Hải Phòng
6210	18A-460.50	Nam Định	7710	18A-465.49	Nam Định	9210	19A-661.63	Phú Thọ	10710	15K-322.77	Hải Phòng
6211	18A-461.03	Nam Định	7711	18A-466.05	Nam Định	9211	19A-662.56	Phú Thọ	10711	15K-323.00	Hải Phòng
6212	18A-462.54	Nam Định	7712	18A-466.49	Nam Định	9212	19A-662.80	Phú Thọ	10712	15K-323.10	Hải Phòng
6213	18A-463.49	Nam Định	7713	18A-466.60	Nam Định	9213	19A-662.87	Phú Thọ	10713	15K-323.52	Hải Phòng
6214	18A-463.85	Nam Định	7714	18D-011.23	Nam Định	9214	19A-662.92	Phú Thọ	10714	15K-323.66	Hải Phòng
6215	18A-463.88	Nam Định	7715	18D-011.54	Nam Định	9215	19A-662.97	Phú Thọ	10715	15K-324.45	Hải Phòng
6216	18A-464.34	Nam Định	7716	19A-653.07	Phú Thọ	9216	19A-663.13	Phú Thọ	10716	15K-324.62	Hải Phòng
6217	18A-464.87	Nam Định	7717	19A-653.78	Phú Thọ	9217	19A-663.74	Phú Thọ	10717	15K-324.75	Hải Phòng
6218	18A-465.21	Nam Định	7718	19A-654.63	Phú Thọ	9218	19A-664.07	Phú Thọ	10718	15K-324.90	Hải Phòng
6219	18A-466.12	Nam Định	7719	19A-654.91	Phú Thọ	9219	19A-664.91	Phú Thọ	10719	15K-325.43	Hải Phòng
6220	18A-467.30	Nam Định	7720	19A-655.35	Phú Thọ	9220	19A-665.14	Phú Thọ	10720	15K-326.41	Hải Phòng
6221	18A-467.37	Nam Định	7721	19A-657.06	Phú Thọ	9221	19A-665.21	Phú Thọ	10721	15K-326.49	Hải Phòng
6222	18C-166.80	Nam Định	7722	19A-657.14	Phú Thọ	9222	19A-665.23	Phú Thọ	10722	15K-328.61	Hải Phòng
6223	18D-011.49	Nam Định	7723	19A-657.41	Phú Thọ	9223	19A-665.47	Phú Thọ	10723	15K-330.90	Hải Phòng
6224	18D-011.50	Nam Định	7724	19A-657.46	Phú Thọ	9224	19A-665.84	Phú Thọ	10724	15K-332.14	Hải Phòng
6225	19A-653.81	Phú Thọ	7725	19A-657.62	Phú Thọ	9225	19A-668.54	Phú Thọ	10725	15K-332.43	Hải Phòng
6226	19A-653.99	Phú Thọ	7726	19A-657.87	Phú Thọ	9226	19A-668.74	Phú Thọ	10726	15K-332.80	Hải Phòng
6227	19A-655.40	Phú Thọ	7727	19A-658.05	Phú Thọ	9227	19A-670.14	Phú Thọ	10727	15K-333.61	Hải Phòng
6228	19A-655.51	Phú Thọ	7728	19A-659.17	Phú Thọ	9228	19A-670.17	Phú Thọ	10728	15K-334.13	Hải Phòng
6229	19A-655.96	Phú Thọ	7729	19A-659.34	Phú Thọ	9229	19A-670.19	Phú Thọ	10729	15K-334.38	Hải Phòng
6230	19A-656.40	Phú Thọ	7730	19A-659.47	Phú Thọ	9230	19A-670.40	Phú Thọ	10730	15K-335.60	Hải Phòng
6231	19A-656.64	Phú Thọ	7731	19A-659.49	Phú Thọ	9231	19A-670.45	Phú Thọ	10731	15K-336.32	Hải Phòng
6232	19A-657.01	Phú Thọ	7732	19A-659.71	Phú Thọ	9232	19C-246.52	Phú Thọ	10732	17A-465.70	Thái Bình
6233	19A-657.57	Phú Thọ	7733	19A-660.21	Phú Thọ	9233	19C-246.97	Phú Thọ	10733	17A-466.92	Thái Bình
6234	19A-658.07	Phú Thọ	7734	19A-660.24	Phú Thọ	9234	19C-247.92	Phú Thọ	10734	17A-467.31	Thái Bình
6235	19A-659.94	Phú Thọ	7735	19A-661.72	Phú Thọ	9235	19C-248.63	Phú Thọ	10735	17A-467.75	Thái Bình
6236	19A-662.71	Phú Thọ	7736	19A-662.27	Phú Thọ	9236	20A-789.19	Thái Nguyên	10736	17A-467.90	Thái Bình
6237	19A-662.90	Phú Thọ	7737	19A-663.62	Phú Thọ	9237	20A-791.60	Thái Nguyên	10737	17A-468.32	Thái Bình
6238	19A-663.10	Phú Thọ	7738	19A-663.80	Phú Thọ	9238	20A-792.30	Thái Nguyên	10738	17A-468.67	Thái Bình
6239	19A-664.04	Phú Thọ	7739	19A-664.18	Phú Thọ	9239	20A-792.82	Thái Nguyên	10739	18A-457.11	Nam Định
6240	19A-664.51	Phú Thọ	7740	19A-664.20	Phú Thọ	9240	20A-793.60	Thái Nguyên	10740	18A-457.52	Nam Định
6241	19A-664.80	Phú Thọ	7741	19A-664.26	Phú Thọ	9241	20A-794.24	Thái Nguyên	10741	18A-458.53	Nam Định
6242	19A-667.32	Phú Thọ	7742	19A-664.85	Phú Thọ	9242	20A-794.81	Thái Nguyên	10742	18A-458.76	Nam Định
6243	19A-667.75	Phú Thọ	7743	19A-665.87	Phú Thọ	9243	20A-796.03	Thái Nguyên	10743	18A-458.82	Nam Định
6244	19A-668.49	Phú Thọ	7744	19A-667.53	Phú Thọ	9244	20A-796.45	Thái Nguyên	10744	18A-459.50	Nam Định
6245	19A-669.05	Phú Thọ	7745	19A-667.94	Phú Thọ	9245	20A-796.70	Thái Nguyên	10745	18A-459.62	Nam Định
6246	19A-670.24	Phú Thọ	7746	19A-668.45	Phú Thọ	9246	20A-796.76	Thái Nguyên	10746	18A-460.37	Nam Định
6247	19A-670.84	Phú Thọ	7747	19A-669.13	Phú Thọ	9247	20A-796.90	Thái Nguyên	10747	18A-460.74	Nam Định
6248	19C-248.60	Phú Thọ	7748	19A-669.41	Phú Thọ	9248	20A-798.19	Thái Nguyên	10748	18A-461.05	Nam Định
6249	20A-790.44	Thái Nguyên	7749	19A-670.07	Phú Thọ	9249	20A-798.60	Thái Nguyên	10749	18A-461.49	Nam Định
6250	20A-792.60	Thái Nguyên	7750	19A-670.46	Phú Thọ	9250	20A-798.62	Thái Nguyên	10750	18A-463.78	Nam Định
6251	20A-792.80	Thái Nguyên	7751	19A-670.54	Phú Thọ	9251	20A-799.84	Thái Nguyên	10751	18A-464.00	Nam Định
6252	20A-793.21	Thái Nguyên	7752	19C-246.71	Phú Thọ	9252	20A-799.90	Thái Nguyên	10752	18A-464.74	Nam Định

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'			Thời gian đấu giá: 16h15'-16h40'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
6253	20A-793.42	Thái Nguyên	7753	19C-246.75	Phú Thọ	9253	20A-799.93	Thái Nguyên	10753	18A-465.16	Nam Định
6254	20A-793.72	Thái Nguyên	7754	19C-247.04	Phú Thọ	9254	20A-800.62	Thái Nguyên	10754	18A-466.27	Nam Định
6255	20A-794.07	Thái Nguyên	7755	19C-247.76	Phú Thọ	9255	20A-801.47	Thái Nguyên	10755	18C-166.60	Nam Định
6256	20A-795.47	Thái Nguyên	7756	19C-248.17	Phú Thọ	9256	20A-801.76	Thái Nguyên	10756	18C-167.07	Nam Định
6257	20A-797.30	Thái Nguyên	7757	19C-248.78	Phú Thọ	9257	20A-801.83	Thái Nguyên	10757	18D-011.31	Nam Định
6258	20A-798.55	Thái Nguyên	7758	19D-012.80	Phú Thọ	9258	20A-802.14	Thái Nguyên	10758	19A-654.02	Phú Thọ
6259	20A-799.29	Thái Nguyên	7759	20A-783.00	Thái Nguyên	9259	20A-803.84	Thái Nguyên	10759	19A-655.73	Phú Thọ
6260	20A-799.41	Thái Nguyên	7760	20A-784.38	Thái Nguyên	9260	20A-804.43	Thái Nguyên	10760	19A-656.37	Phú Thọ
6261	20A-800.24	Thái Nguyên	7761	20A-790.99	Thái Nguyên	9261	20A-804.90	Thái Nguyên	10761	19A-656.43	Phú Thọ
6262	20A-800.71	Thái Nguyên	7762	20A-792.31	Thái Nguyên	9262	20A-805.57	Thái Nguyên	10762	19A-657.20	Phú Thọ
6263	20A-801.08	Thái Nguyên	7763	20A-792.64	Thái Nguyên	9263	20A-809.82	Thái Nguyên	10763	19A-660.15	Phú Thọ
6264	20A-802.10	Thái Nguyên	7764	20A-793.48	Thái Nguyên	9264	20A-810.57	Thái Nguyên	10764	19A-660.25	Phú Thọ
6265	20A-802.70	Thái Nguyên	7765	20A-793.54	Thái Nguyên	9265	20C-290.14	Thái Nguyên	10765	19A-660.54	Phú Thọ
6266	20A-802.87	Thái Nguyên	7766	20A-794.90	Thái Nguyên	9266	20C-290.79	Thái Nguyên	10766	19A-661.42	Phú Thọ
6267	20A-803.52	Thái Nguyên	7767	20A-795.18	Thái Nguyên	9267	20C-294.03	Thái Nguyên	10767	19A-661.62	Phú Thọ
6268	20A-803.55	Thái Nguyên	7768	20A-795.84	Thái Nguyên	9268	20C-294.04	Thái Nguyên	10768	19A-663.03	Phú Thọ
6269	20A-804.14	Thái Nguyên	7769	20A-796.63	Thái Nguyên	9269	20C-294.81	Thái Nguyên	10769	19A-663.14	Phú Thọ
6270	20A-804.60	Thái Nguyên	7770	20A-797.12	Thái Nguyên	9270	20C-295.00	Thái Nguyên	10770	19A-664.46	Phú Thọ
6271	20A-804.86	Thái Nguyên	7771	20A-798.04	Thái Nguyên	9271	20C-295.49	Thái Nguyên	10771	19A-665.50	Phú Thọ
6272	20A-804.92	Thái Nguyên	7772	20A-798.21	Thái Nguyên	9272	20C-296.10	Thái Nguyên	10772	19A-666.97	Phú Thọ
6273	20A-804.97	Thái Nguyên	7773	20A-798.24	Thái Nguyên	9273	20D-028.14	Thái Nguyên	10773	19A-667.27	Phú Thọ
6274	20A-805.02	Thái Nguyên	7774	20A-798.53	Thái Nguyên	9274	21A-207.41	Yên Bái	10774	19A-667.95	Phú Thọ
6275	20A-805.37	Thái Nguyên	7775	20A-798.71	Thái Nguyên	9275	21A-210.86	Yên Bái	10775	19A-668.03	Phú Thọ
6276	20A-806.57	Thái Nguyên	7776	20A-800.50	Thái Nguyên	9276	21C-103.26	Yên Bái	10776	19A-668.12	Phú Thọ
6277	20A-806.74	Thái Nguyên	7777	20A-800.53	Thái Nguyên	9277	21C-104.88	Yên Bái	10777	19A-669.21	Phú Thọ
6278	20A-807.48	Thái Nguyên	7778	20A-801.23	Thái Nguyên	9278	21C-105.26	Yên Bái	10778	19A-670.05	Phú Thọ
6279	20A-807.60	Thái Nguyên	7779	20A-801.42	Thái Nguyên	9279	21C-106.26	Yên Bái	10779	19A-670.41	Phú Thọ
6280	20A-808.04	Thái Nguyên	7780	20A-801.74	Thái Nguyên	9280	21D-003.75	Yên Bái	10780	19A-670.82	Phú Thọ
6281	20A-809.51	Thái Nguyên	7781	20A-802.37	Thái Nguyên	9281	22A-250.40	Tuyên Quang	10781	19C-247.51	Phú Thọ
6282	20A-811.01	Thái Nguyên	7782	20A-804.16	Thái Nguyên	9282	22A-251.07	Tuyên Quang	10782	19C-248.45	Phú Thọ
6283	20B-032.20	Thái Nguyên	7783	20A-804.51	Thái Nguyên	9283	22A-251.30	Tuyên Quang	10783	19C-248.56	Phú Thọ
6284	20C-290.42	Thái Nguyên	7784	20A-805.34	Thái Nguyên	9284	22A-252.16	Tuyên Quang	10784	19C-248.57	Phú Thọ
6285	20C-291.04	Thái Nguyên	7785	20A-805.97	Thái Nguyên	9285	22A-252.45	Tuyên Quang	10785	19D-012.78	Phú Thọ
6286	20C-291.45	Thái Nguyên	7786	20A-806.27	Thái Nguyên	9286	22A-253.17	Tuyên Quang	10786	20A-784.19	Thái Nguyên
6287	20C-291.81	Thái Nguyên	7787	20A-807.02	Thái Nguyên	9287	22A-255.69	Tuyên Quang	10787	20A-791.94	Thái Nguyên
6288	20C-292.30	Thái Nguyên	7788	20A-808.93	Thái Nguyên	9288	22C-106.11	Tuyên Quang	10788	20A-792.63	Thái Nguyên
6289	20C-292.73	Thái Nguyên	7789	20A-810.07	Thái Nguyên	9289	22C-107.38	Tuyên Quang	10789	20A-793.13	Thái Nguyên
6290	20C-293.43	Thái Nguyên	7790	20A-811.13	Thái Nguyên	9290	22C-108.60	Tuyên Quang	10790	20A-793.67	Thái Nguyên
6291	20C-294.45	Thái Nguyên	7791	20C-290.46	Thái Nguyên	9291	22C-108.89	Tuyên Quang	10791	20A-795.80	Thái Nguyên
6292	20C-295.53	Thái Nguyên	7792	20C-291.12	Thái Nguyên	9292	22C-108.98	Tuyên Quang	10792	20A-798.10	Thái Nguyên
6293	20D-028.23	Thái Nguyên	7793	20C-291.73	Thái Nguyên	9293	22C-109.46	Tuyên Quang	10793	20A-799.03	Thái Nguyên
6294	20D-028.24	Thái Nguyên	7794	20C-293.63	Thái Nguyên	9294	23C-084.86	Hà Giang	10794	20A-799.10	Thái Nguyên
6295	21A-206.67	Yên Bái	7795	20D-028.17	Thái Nguyên	9295	23C-086.64	Hà Giang	10795	20A-799.57	Thái Nguyên
6296	21A-206.83	Yên Bái	7796	20D-028.19	Thái Nguyên	9296	24A-290.56	Lào Cai	10796	20A-800.57	Thái Nguyên
6297	21A-207.21	Yên Bái	7797	21A-207.80	Yên Bái	9297	24A-292.16	Lào Cai	10797	20A-800.72	Thái Nguyên
6298	21A-207.29	Yên Bái	7798	21A-207.97	Yên Bái	9298	24A-298.39	Lào Cai	10798	20A-801.17	Thái Nguyên
6299	21A-207.93	Yên Bái	7799	21A-208.07	Yên Bái	9299	24A-300.05	Lào Cai	10799	20A-801.45	Thái Nguyên
6300	21A-209.14	Yên Bái	7800	21A-208.63	Yên Bái	9300	24A-300.27	Lào Cai	10800	20A-802.76	Thái Nguyên
6301	21A-210.62	Yên Bái	7801	21A-209.71	Yên Bái	9301	24A-300.62	Lào Cai	10801	20A-804.22	Thái Nguyên
6302	21C-105.18	Yên Bái	7802	22A-251.72	Tuyên Quang	9302	24A-300.82	Lào Cai	10802	20A-804.63	Thái Nguyên
6303	21D-003.52	Yên Bái	7803	22A-252.10	Tuyên Quang	9303	24A-300.87	Lào Cai	10803	20A-804.78	Thái Nguyên
6304	22A-250.72	Tuyên Quang	7804	22A-252.34	Tuyên Quang	9304	24A-300.92	Lào Cai	10804	20A-804.91	Thái Nguyên
6305	22A-251.42	Tuyên Quang	7805	22A-252.92	Tuyên Quang	9305	24A-301.75	Lào Cai	10805	20A-804.94	Thái Nguyên
6306	22A-251.60	Tuyên Quang	7806	22A-254.70	Tuyên Quang	9306	24A-302.71	Lào Cai	10806	20A-805.04	Thái Nguyên
6307	22A-253.40	Tuyên Quang	7807	22A-255.01	Tuyên Quang	9307	24A-303.72	Lào Cai	10807	20A-805.47	Thái Nguyên
6308	22A-253.84	Tuyên Quang	7808	22A-255.17	Tuyên Quang	9308	24A-303.84	Lào Cai	10808	20A-805.60	Thái Nguyên
6309	22A-254.23	Tuyên Quang	7809	22A-255.67	Tuyên Quang	9309	24A-303.93	Lào Cai	10809	20A-805.62	Thái Nguyên
6310	22A-254.37	Tuyên Quang	7810	22C-107.77	Tuyên Quang	9310	24C-155.71	Lào Cai	10810	20A-805.82	Thái Nguyên
6311	22A-255.02	Tuyên Quang	7811	22C-109.34	Tuyên Quang	9311	24C-155.94	Lào Cai	10811	20A-806.78	Thái Nguyên
6312	22A-255.76	Tuyên Quang	7812	24A-292.89	Lào Cai	9312	24C-157.54	Lào Cai	10812	20A-807.87	Thái Nguyên
6313	22C-108.12	Tuyên Quang	7813	24A-295.33	Lào Cai	9313	24D-006.30	Lào Cai	10813	20A-809.43	Thái Nguyên
6314	22C-108.20	Tuyên Quang	7814	24A-296.89	Lào Cai	9314	26A-218.79	Sơn La	10814	20A-809.47	Thái Nguyên
6315	22C-108.32	Tuyên Quang	7815	24A-297.26	Lào Cai	9315	26A-219.11	Sơn La	10815	20C-290.87	Thái Nguyên

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'			Thời gian đấu giá: 16h15'-16h40'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
6316	23D-004.49	Hà Giang	7816	24A-297.55	Lào Cai	9316	26A-219.26	Sơn La	10816	20C-291.38	Thái Nguyên
6317	24A-300.42	Lào Cai	7817	24A-299.79	Lào Cai	9317	26A-220.97	Sơn La	10817	20C-291.84	Thái Nguyên
6318	24A-301.63	Lào Cai	7818	24A-300.10	Lào Cai	9318	26A-222.80	Sơn La	10818	20C-292.11	Thái Nguyên
6319	24A-302.13	Lào Cai	7819	24A-300.55	Lào Cai	9319	26A-223.02	Sơn La	10819	20C-292.60	Thái Nguyên
6320	24A-302.37	Lào Cai	7820	24A-300.91	Lào Cai	9320	26A-223.07	Sơn La	10820	20C-292.99	Thái Nguyên
6321	24A-302.72	Lào Cai	7821	24A-301.42	Lào Cai	9321	26B-015.80	Sơn La	10821	20C-293.10	Thái Nguyên
6322	24A-303.13	Lào Cai	7822	24A-301.87	Lào Cai	9322	26C-152.03	Sơn La	10822	20C-294.47	Thái Nguyên
6323	24A-303.73	Lào Cai	7823	24A-302.05	Lào Cai	9323	26C-152.69	Sơn La	10823	20C-294.49	Thái Nguyên
6324	24A-303.80	Lào Cai	7824	24A-302.53	Lào Cai	9324	26C-153.87	Sơn La	10824	20C-294.80	Thái Nguyên
6325	24C-154.50	Lào Cai	7825	24A-302.94	Lào Cai	9325	27B-010.89	Điện Biên	10825	20C-295.05	Thái Nguyên
6326	24C-155.60	Lào Cai	7826	24C-154.80	Lào Cai	9326	27C-070.14	Điện Biên	10826	20D-027.96	Thái Nguyên
6327	24C-156.21	Lào Cai	7827	24C-155.87	Lào Cai	9327	28A-242.92	Hòa Bình	10827	20D-028.31	Thái Nguyên
6328	24C-156.72	Lào Cai	7828	24C-157.23	Lào Cai	9328	28A-243.92	Hòa Bình	10828	21A-207.78	Yên Bái
6329	24C-157.02	Lào Cai	7829	26A-218.70	Sơn La	9329	28A-244.32	Hòa Bình	10829	21A-208.37	Yên Bái
6330	24C-157.30	Lào Cai	7830	26A-218.85	Sơn La	9330	28A-245.53	Hòa Bình	10830	21A-208.50	Yên Bái
6331	24C-157.31	Lào Cai	7831	26A-219.84	Sơn La	9331	28C-110.86	Hòa Bình	10831	21A-208.70	Yên Bái
6332	26A-220.23	Sơn La	7832	26A-219.90	Sơn La	9332	28C-113.38	Hòa Bình	10832	21A-209.76	Yên Bái
6333	26A-220.53	Sơn La	7833	26A-219.94	Sơn La	9333	28C-115.01	Hòa Bình	10833	21A-210.03	Yên Bái
6334	26A-221.01	Sơn La	7834	26A-220.01	Sơn La	9334	28C-115.21	Hòa Bình	10834	21A-210.60	Yên Bái
6335	26A-221.41	Sơn La	7835	26A-220.24	Sơn La	9335	28D-004.31	Hòa Bình	10835	21C-103.79	Yên Bái
6336	26A-222.87	Sơn La	7836	26A-220.61	Sơn La	9336	29K-201.13	Hà Nội	10836	21C-106.16	Yên Bái
6337	26A-223.08	Sơn La	7837	26A-221.45	Sơn La	9337	29K-201.36	Hà Nội	10837	22A-251.61	Tuyên Quang
6338	26B-015.90	Sơn La	7838	26A-221.65	Sơn La	9338	29K-201.60	Hà Nội	10838	22A-251.62	Tuyên Quang
6339	26C-152.80	Sơn La	7839	26A-221.73	Sơn La	9339	29K-202.60	Hà Nội	10839	22A-253.74	Tuyên Quang
6340	26C-153.50	Sơn La	7840	26A-221.84	Sơn La	9340	29K-203.73	Hà Nội	10840	22A-254.47	Tuyên Quang
6341	26C-154.39	Sơn La	7841	26A-223.12	Sơn La	9341	29K-204.24	Hà Nội	10841	22A-254.58	Tuyên Quang
6342	26C-154.67	Sơn La	7842	26C-150.38	Sơn La	9342	29K-205.21	Hà Nội	10842	22A-254.94	Tuyên Quang
6343	26C-155.62	Sơn La	7843	26C-152.78	Sơn La	9343	29K-207.97	Hà Nội	10843	22A-255.48	Tuyên Quang
6344	26C-155.70	Sơn La	7844	26C-153.13	Sơn La	9344	29K-208.71	Hà Nội	10844	22A-255.57	Tuyên Quang
6345	26C-155.87	Sơn La	7845	26C-153.81	Sơn La	9345	29K-209.01	Hà Nội	10845	22A-255.82	Tuyên Quang
6346	26D-010.21	Sơn La	7846	26C-154.21	Sơn La	9346	29K-209.31	Hà Nội	10846	22A-255.88	Tuyên Quang
6347	27C-066.06	Điện Biên	7847	26C-154.34	Sơn La	9347	29K-209.34	Hà Nội	10847	22A-255.91	Tuyên Quang
6348	27C-070.32	Điện Biên	7848	26C-154.58	Sơn La	9348	29K-210.48	Hà Nội	10848	22A-256.05	Tuyên Quang
6349	27C-070.62	Điện Biên	7849	26C-154.94	Sơn La	9349	29K-210.73	Hà Nội	10849	22C-105.36	Tuyên Quang
6350	28A-242.67	Hòa Bình	7850	26C-155.46	Sơn La	9350	29K-210.76	Hà Nội	10850	22C-108.03	Tuyên Quang
6351	28A-242.70	Hòa Bình	7851	26C-155.49	Sơn La	9351	29K-211.52	Hà Nội	10851	22C-109.16	Tuyên Quang
6352	28A-243.75	Hòa Bình	7852	27B-010.71	Điện Biên	9352	29K-211.70	Hà Nội	10852	22D-006.48	Tuyên Quang
6353	28A-244.52	Hòa Bình	7853	27B-010.95	Điện Biên	9353	29K-211.73	Hà Nội	10853	22D-006.55	Tuyên Quang
6354	28A-244.80	Hòa Bình	7854	27C-070.75	Điện Biên	9354	29K-211.97	Hà Nội	10854	22D-006.70	Tuyên Quang
6355	28A-244.85	Hòa Bình	7855	27D-003.17	Điện Biên	9355	29K-215.46	Hà Nội	10855	23C-084.16	Hà Giang
6356	28A-246.41	Hòa Bình	7856	28A-242.60	Hòa Bình	9356	29K-215.63	Hà Nội	10856	23C-086.20	Hà Giang
6357	28B-014.11	Hòa Bình	7857	28A-243.03	Hòa Bình	9357	29K-216.31	Hà Nội	10857	23C-086.92	Hà Giang
6358	28C-110.36	Hòa Bình	7858	28A-243.52	Hòa Bình	9358	29K-216.32	Hà Nội	10858	23D-004.42	Hà Giang
6359	28C-113.13	Hòa Bình	7859	28A-243.71	Hòa Bình	9359	29K-216.84	Hà Nội	10859	24A-301.41	Lào Cai
6360	29K-194.09	Hà Nội	7860	28A-244.23	Hòa Bình	9360	29K-217.20	Hà Nội	10860	24A-302.34	Lào Cai
6361	29K-194.99	Hà Nội	7861	28A-244.76	Hòa Bình	9361	29K-217.24	Hà Nội	10861	24A-302.52	Lào Cai
6362	29K-200.04	Hà Nội	7862	28A-244.83	Hòa Bình	9362	29K-218.50	Hà Nội	10862	24A-302.97	Lào Cai
6363	29K-200.40	Hà Nội	7863	28A-245.48	Hòa Bình	9363	29K-218.72	Hà Nội	10863	24A-303.76	Lào Cai
6364	29K-200.64	Hà Nội	7864	28A-246.05	Hòa Bình	9364	29K-218.73	Hà Nội	10864	24A-303.82	Lào Cai
6365	29K-201.62	Hà Nội	7865	28A-246.45	Hòa Bình	9365	29K-220.01	Hà Nội	10865	24C-155.76	Lào Cai
6366	29K-202.40	Hà Nội	7866	28A-246.63	Hòa Bình	9366	34A-799.89	Hải Dương	10866	24C-155.98	Lào Cai
6367	29K-202.75	Hà Nội	7867	28A-246.67	Hòa Bình	9367	34A-825.05	Hải Dương	10867	24C-157.32	Lào Cai
6368	29K-203.09	Hà Nội	7868	28B-014.04	Hòa Bình	9368	34A-826.34	Hải Dương	10868	26A-218.73	Sơn La
6369	29K-203.51	Hà Nội	7869	28C-113.99	Hòa Bình	9369	34A-826.97	Hải Dương	10869	26A-219.46	Sơn La
6370	29K-203.52	Hà Nội	7870	28C-115.66	Hòa Bình	9370	34A-827.01	Hải Dương	10870	26A-219.73	Sơn La
6371	29K-206.50	Hà Nội	7871	29K-195.36	Hà Nội	9371	34A-827.23	Hải Dương	10871	26C-152.43	Sơn La
6372	29K-206.73	Hà Nội	7872	29K-200.52	Hà Nội	9372	34A-827.50	Hải Dương	10872	26C-152.49	Sơn La
6373	29K-207.24	Hà Nội	7873	29K-201.32	Hà Nội	9373	34A-827.67	Hải Dương	10873	26C-153.30	Sơn La
6374	29K-208.01	Hà Nội	7874	29K-201.71	Hà Nội	9374	34A-828.36	Hải Dương	10874	26C-153.94	Sơn La
6375	29K-208.54	Hà Nội	7875	29K-201.73	Hà Nội	9375	34A-828.40	Hải Dương	10875	26C-154.14	Sơn La
6376	29K-209.78	Hà Nội	7876	29K-202.80	Hà Nội	9376	34A-828.61	Hải Dương	10876	26C-154.83	Sơn La
6377	29K-209.97	Hà Nội	7877	29K-203.12	Hà Nội	9377	34A-829.04	Hải Dương	10877	26C-155.78	Sơn La
6378	29K-210.41	Hà Nội	7878	29K-203.31	Hà Nội	9378	34A-831.99	Hải Dương	10878	27C-067.08	Điện Biên

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'			Thời gian đấu giá: 16h15'-16h40'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
6379	29K-210.74	Hà Nội	7879	29K-205.15	Hà Nội	9379	34A-833.12	Hải Dương	10879	27C-068.36	Điện Biên
6380	29K-210.96	Hà Nội	7880	29K-205.35	Hà Nội	9380	34A-834.27	Hải Dương	10880	27C-070.21	Điện Biên
6381	29K-211.57	Hà Nội	7881	29K-206.12	Hà Nội	9381	34A-834.78	Hải Dương	10881	27C-071.04	Điện Biên
6382	29K-211.94	Hà Nội	7882	29K-206.53	Hà Nội	9382	34A-834.80	Hải Dương	10882	28A-243.63	Hòa Bình
6383	29K-212.81	Hà Nội	7883	29K-206.72	Hà Nội	9383	34A-836.40	Hải Dương	10883	28A-244.82	Hòa Bình
6384	29K-213.20	Hà Nội	7884	29K-208.41	Hà Nội	9384	34A-836.56	Hải Dương	10884	28A-245.87	Hòa Bình
6385	29K-213.22	Hà Nội	7885	29K-208.85	Hà Nội	9385	34A-836.78	Hải Dương	10885	28A-246.03	Hòa Bình
6386	29K-213.81	Hà Nội	7886	29K-209.03	Hà Nội	9386	34A-838.02	Hải Dương	10886	28A-246.13	Hòa Bình
6387	29K-213.82	Hà Nội	7887	29K-209.74	Hà Nội	9387	34A-838.90	Hải Dương	10887	28A-246.21	Hòa Bình
6388	29K-214.30	Hà Nội	7888	29K-210.22	Hà Nội	9388	34A-839.94	Hải Dương	10888	28C-110.19	Hòa Bình
6389	29K-215.93	Hà Nội	7889	29K-211.23	Hà Nội	9389	34A-841.47	Hải Dương	10889	28C-113.11	Hòa Bình
6390	29K-216.42	Hà Nội	7890	29K-211.31	Hà Nội	9390	34A-841.92	Hải Dương	10890	28C-115.05	Hòa Bình
6391	29K-216.43	Hà Nội	7891	29K-211.92	Hà Nội	9391	34A-842.73	Hải Dương	10891	28C-115.37	Hòa Bình
6392	29K-217.31	Hà Nội	7892	29K-214.63	Hà Nội	9392	34A-843.01	Hải Dương	10892	28C-115.46	Hòa Bình
6393	29K-217.39	Hà Nội	7893	29K-215.23	Hà Nội	9393	34A-843.37	Hải Dương	10893	28C-115.68	Hòa Bình
6394	29K-217.42	Hà Nội	7894	29K-215.75	Hà Nội	9394	34A-844.47	Hải Dương	10894	28C-116.14	Hòa Bình
6395	29K-217.61	Hà Nội	7895	29K-216.04	Hà Nội	9395	34A-845.23	Hải Dương	10895	28D-004.41	Hòa Bình
6396	29K-218.61	Hà Nội	7896	29K-216.40	Hà Nội	9396	34A-845.81	Hải Dương	10896	29K-194.55	Hà Nội
6397	29K-218.99	Hà Nội	7897	29K-216.60	Hà Nội	9397	34A-846.51	Hải Dương	10897	29K-194.56	Hà Nội
6398	29K-219.14	Hà Nội	7898	29K-216.80	Hà Nội	9398	34A-846.74	Hải Dương	10898	29K-200.32	Hà Nội
6399	29K-219.60	Hà Nội	7899	29K-217.57	Hà Nội	9399	34A-847.12	Hải Dương	10899	29K-200.92	Hà Nội
6400	34A-823.06	Hải Dương	7900	29K-218.37	Hà Nội	9400	34A-847.32	Hải Dương	10900	29K-201.34	Hà Nội
6401	34A-825.23	Hải Dương	7901	29K-218.93	Hà Nội	9401	34A-847.50	Hải Dương	10901	29K-201.70	Hà Nội
6402	34A-825.81	Hải Dương	7902	29K-219.01	Hà Nội	9402	34A-847.90	Hải Dương	10902	29K-202.27	Hà Nội
6403	34A-825.84	Hải Dương	7903	34A-822.18	Hải Dương	9403	34A-848.02	Hải Dương	10903	29K-202.41	Hà Nội
6404	34A-826.23	Hải Dương	7904	34A-825.07	Hải Dương	9404	34A-848.20	Hải Dương	10904	29K-202.90	Hà Nội
6405	34A-827.33	Hải Dương	7905	34A-825.62	Hải Dương	9405	34A-850.54	Hải Dương	10905	29K-204.07	Hà Nội
6406	34A-827.73	Hải Dương	7906	34A-825.77	Hải Dương	9406	34A-851.23	Hải Dương	10906	29K-205.62	Hà Nội
6407	34A-827.91	Hải Dương	7907	34A-825.93	Hải Dương	9407	34A-852.92	Hải Dương	10907	29K-206.84	Hà Nội
6408	34A-828.31	Hải Dương	7908	34A-826.80	Hải Dương	9408	34A-853.29	Hải Dương	10908	29K-207.03	Hà Nội
6409	34A-828.46	Hải Dương	7909	34A-827.12	Hải Dương	9409	34A-853.85	Hải Dương	10909	29K-207.50	Hà Nội
6410	34A-828.94	Hải Dương	7910	34A-827.43	Hải Dương	9410	34A-853.90	Hải Dương	10910	29K-207.56	Hà Nội
6411	34A-830.14	Hải Dương	7911	34A-827.75	Hải Dương	9411	34A-854.10	Hải Dương	10911	29K-207.73	Hà Nội
6412	34A-831.71	Hải Dương	7912	34A-828.01	Hải Dương	9412	34A-854.81	Hải Dương	10912	29K-207.77	Hà Nội
6413	34A-834.28	Hải Dương	7913	34A-829.84	Hải Dương	9413	34A-855.14	Hải Dương	10913	29K-207.84	Hà Nội
6414	34A-834.41	Hải Dương	7914	34A-829.94	Hải Dương	9414	34A-855.17	Hải Dương	10914	29K-208.12	Hà Nội
6415	34A-835.37	Hải Dương	7915	34A-830.37	Hải Dương	9415	34A-855.92	Hải Dương	10915	29K-208.69	Hà Nội
6416	34A-835.62	Hải Dương	7916	34A-830.49	Hải Dương	9416	34A-856.05	Hải Dương	10916	29K-208.76	Hà Nội
6417	34A-835.82	Hải Dương	7917	34A-831.27	Hải Dương	9417	34C-400.23	Hải Dương	10917	29K-210.51	Hà Nội
6418	34A-835.97	Hải Dương	7918	34A-831.95	Hải Dương	9418	34C-400.62	Hải Dương	10918	29K-210.64	Hà Nội
6419	34A-836.14	Hải Dương	7919	34A-832.46	Hải Dương	9419	34C-400.64	Hải Dương	10919	29K-211.17	Hà Nội
6420	34A-836.16	Hải Dương	7920	34A-832.92	Hải Dương	9420	34C-401.12	Hải Dương	10920	29K-214.32	Hà Nội
6421	34A-836.57	Hải Dương	7921	34A-834.19	Hải Dương	9421	34C-402.50	Hải Dương	10921	29K-214.43	Hà Nội
6422	34A-837.04	Hải Dương	7922	34A-835.24	Hải Dương	9422	34C-403.02	Hải Dương	10922	29K-215.45	Hà Nội
6423	34A-837.41	Hải Dương	7923	34A-835.52	Hải Dương	9423	34C-403.82	Hải Dương	10923	29K-216.72	Hà Nội
6424	34A-837.91	Hải Dương	7924	34A-836.03	Hải Dương	9424	34C-403.93	Hải Dương	10924	29K-217.40	Hà Nội
6425	34A-838.51	Hải Dương	7925	34A-837.46	Hải Dương	9425	34C-404.01	Hải Dương	10925	29K-218.04	Hà Nội
6426	34A-839.10	Hải Dương	7926	34A-838.05	Hải Dương	9426	34C-404.27	Hải Dương	10926	29K-218.13	Hà Nội
6427	34A-839.31	Hải Dương	7927	34A-838.13	Hải Dương	9427	34C-404.73	Hải Dương	10927	29K-218.84	Hà Nội
6428	34A-839.83	Hải Dương	7928	34A-838.27	Hải Dương	9428	34C-405.41	Hải Dương	10928	29K-218.98	Hà Nội
6429	34A-840.32	Hải Dương	7929	34A-840.02	Hải Dương	9429	34C-405.54	Hải Dương	10929	34A-825.60	Hải Dương
6430	34A-841.48	Hải Dương	7930	34A-840.50	Hải Dương	9430	34C-406.02	Hải Dương	10930	34A-826.32	Hải Dương
6431	34A-841.70	Hải Dương	7931	34A-840.64	Hải Dương	9431	34C-406.77	Hải Dương	10931	34A-827.47	Hải Dương
6432	34A-841.87	Hải Dương	7932	34A-841.37	Hải Dương	9432	34C-407.82	Hải Dương	10932	34A-828.04	Hải Dương
6433	34A-842.31	Hải Dương	7933	34A-841.97	Hải Dương	9433	34C-408.70	Hải Dương	10933	34A-828.80	Hải Dương
6434	34A-842.91	Hải Dương	7934	34A-843.04	Hải Dương	9434	35A-436.67	Ninh Bình	10934	34A-830.32	Hải Dương
6435	34A-844.16	Hải Dương	7935	34A-849.41	Hải Dương	9435	35A-436.73	Ninh Bình	10935	34A-831.14	Hải Dương
6436	34A-844.35	Hải Dương	7936	34A-849.63	Hải Dương	9436	35A-436.96	Ninh Bình	10936	34A-831.30	Hải Dương
6437	34A-844.90	Hải Dương	7937	34A-850.20	Hải Dương	9437	35A-438.47	Ninh Bình	10937	34A-832.07	Hải Dương
6438	34A-845.19	Hải Dương	7938	34A-850.92	Hải Dương	9438	35A-438.54	Ninh Bình	10938	34A-832.64	Hải Dương
6439	34A-845.67	Hải Dương	7939	34A-852.07	Hải Dương	9439	35A-439.13	Ninh Bình	10939	34A-832.71	Hải Dương
6440	34A-848.50	Hải Dương	7940	34A-853.50	Hải Dương	9440	35A-440.14	Ninh Bình	10940	34A-833.56	Hải Dương
6441	34A-850.46	Hải Dương	7941	34A-853.83	Hải Dương	9441	35A-440.24	Ninh Bình	10941	34A-833.84	Hải Dương

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'			Thời gian đấu giá: 16h15'-16h40'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
6442	34A-850.52	Hải Dương	7942	34A-856.37	Hải Dương	9442	35A-440.31	Ninh Bình	10942	34A-834.00	Hải Dương
6443	34A-852.41	Hải Dương	7943	34A-856.40	Hải Dương	9443	35A-440.54	Ninh Bình	10943	34A-836.01	Hải Dương
6444	34A-852.50	Hải Dương	7944	34C-400.94	Hải Dương	9444	35A-441.71	Ninh Bình	10944	34A-836.30	Hải Dương
6445	34A-853.41	Hải Dương	7945	34C-402.32	Hải Dương	9445	35A-441.78	Ninh Bình	10945	34A-836.42	Hải Dương
6446	34A-854.05	Hải Dương	7946	34C-402.87	Hải Dương	9446	35A-442.21	Ninh Bình	10946	34A-836.93	Hải Dương
6447	34A-854.90	Hải Dương	7947	34C-403.37	Hải Dương	9447	35A-443.31	Ninh Bình	10947	34A-839.02	Hải Dương
6448	34C-400.33	Hải Dương	7948	34C-404.51	Hải Dương	9448	35A-443.74	Ninh Bình	10948	34A-840.01	Hải Dương
6449	34C-400.57	Hải Dương	7949	34C-404.97	Hải Dương	9449	35C-165.59	Ninh Bình	10949	34A-840.08	Hải Dương
6450	34C-401.07	Hải Dương	7950	34C-405.31	Hải Dương	9450	35C-168.59	Ninh Bình	10950	34A-842.21	Hải Dương
6451	34C-401.72	Hải Dương	7951	34C-405.70	Hải Dương	9451	35C-173.12	Ninh Bình	10951	34A-843.98	Hải Dương
6452	34C-402.46	Hải Dương	7952	34C-406.98	Hải Dương	9452	35C-173.49	Ninh Bình	10952	34A-844.58	Hải Dương
6453	34C-403.57	Hải Dương	7953	34C-408.05	Hải Dương	9453	35C-173.76	Ninh Bình	10953	34A-844.61	Hải Dương
6454	34C-404.78	Hải Dương	7954	34C-408.54	Hải Dương	9454	35D-011.54	Ninh Bình	10954	34A-845.03	Hải Dương
6455	34C-405.22	Hải Dương	7955	34C-408.81	Hải Dương	9455	36C-482.36	Thanh Hóa	10955	34A-845.60	Hải Dương
6456	34C-406.21	Hải Dương	7956	35A-435.40	Ninh Bình	9456	36C-486.16	Thanh Hóa	10956	34A-846.05	Hải Dương
6457	34C-406.61	Hải Dương	7957	35A-435.59	Ninh Bình	9457	36K-097.22	Thanh Hóa	10957	34A-846.42	Hải Dương
6458	34C-408.14	Hải Dương	7958	35A-436.01	Ninh Bình	9458	36K-098.98	Thanh Hóa	10958	34A-848.41	Hải Dương
6459	34C-408.47	Hải Dương	7959	35A-436.54	Ninh Bình	9459	36K-100.04	Thanh Hóa	10959	34A-850.17	Hải Dương
6460	34C-408.82	Hải Dương	7960	35A-436.72	Ninh Bình	9460	36K-101.04	Thanh Hóa	10960	34A-850.93	Hải Dương
6461	34C-409.10	Hải Dương	7961	35A-437.52	Ninh Bình	9461	36K-101.13	Thanh Hóa	10961	34A-850.94	Hải Dương
6462	34D-034.36	Hải Dương	7962	35A-438.24	Ninh Bình	9462	36K-101.80	Thanh Hóa	10962	34A-851.76	Hải Dương
6463	35A-434.18	Ninh Bình	7963	35A-438.93	Ninh Bình	9463	36K-102.05	Thanh Hóa	10963	34A-852.31	Hải Dương
6464	35A-434.27	Ninh Bình	7964	35A-439.46	Ninh Bình	9464	36K-102.40	Thanh Hóa	10964	34A-853.53	Hải Dương
6465	35A-435.05	Ninh Bình	7965	35A-439.71	Ninh Bình	9465	36K-103.19	Thanh Hóa	10965	34A-854.94	Hải Dương
6466	35A-435.17	Ninh Bình	7966	35A-440.60	Ninh Bình	9466	36K-103.73	Thanh Hóa	10966	34A-855.41	Hải Dương
6467	35A-437.17	Ninh Bình	7967	35A-441.02	Ninh Bình	9467	36K-103.87	Thanh Hóa	10967	34A-855.76	Hải Dương
6468	35A-437.87	Ninh Bình	7968	35A-443.51	Ninh Bình	9468	36K-105.23	Thanh Hóa	10968	34A-856.10	Hải Dương
6469	35A-439.12	Ninh Bình	7969	35C-165.85	Ninh Bình	9469	36K-105.57	Thanh Hóa	10969	34C-400.87	Hải Dương
6470	35A-439.53	Ninh Bình	7970	35C-173.51	Ninh Bình	9470	36K-105.70	Thanh Hóa	10970	34C-402.49	Hải Dương
6471	35A-440.49	Ninh Bình	7971	36C-482.18	Thanh Hóa	9471	36K-105.92	Thanh Hóa	10971	34C-403.60	Hải Dương
6472	35A-440.76	Ninh Bình	7972	36C-483.08	Thanh Hóa	9472	36K-106.71	Thanh Hóa	10972	34C-403.94	Hải Dương
6473	35A-440.94	Ninh Bình	7973	36C-490.99	Thanh Hóa	9473	36K-107.49	Thanh Hóa	10973	34C-405.02	Hải Dương
6474	35A-441.30	Ninh Bình	7974	36C-498.36	Thanh Hóa	9474	36K-107.74	Thanh Hóa	10974	34C-405.08	Hải Dương
6475	35A-441.85	Ninh Bình	7975	36K-095.09	Thanh Hóa	9475	36K-108.30	Thanh Hóa	10975	34C-405.17	Hải Dương
6476	35A-442.24	Ninh Bình	7976	36K-096.39	Thanh Hóa	9476	36K-109.47	Thanh Hóa	10976	34C-406.67	Hải Dương
6477	35A-442.29	Ninh Bình	7977	36K-100.31	Thanh Hóa	9477	36K-109.60	Thanh Hóa	10977	34C-407.31	Hải Dương
6478	35A-442.37	Ninh Bình	7978	36K-102.32	Thanh Hóa	9478	36K-109.72	Thanh Hóa	10978	34C-407.76	Hải Dương
6479	35A-442.82	Ninh Bình	7979	36K-102.43	Thanh Hóa	9479	36K-110.04	Thanh Hóa	10979	34C-408.53	Hải Dương
6480	35A-443.01	Ninh Bình	7980	36K-103.90	Thanh Hóa	9480	36K-110.20	Thanh Hóa	10980	34C-408.57	Hải Dương
6481	35A-443.18	Ninh Bình	7981	36K-104.31	Thanh Hóa	9481	36K-112.64	Thanh Hóa	10981	34D-035.00	Hải Dương
6482	35C-163.86	Ninh Bình	7982	36K-105.13	Thanh Hóa	9482	36K-112.68	Thanh Hóa	10982	34D-035.13	Hải Dương
6483	35C-165.65	Ninh Bình	7983	36K-105.31	Thanh Hóa	9483	36K-113.53	Thanh Hóa	10983	35A-434.49	Ninh Bình
6484	35C-167.33	Ninh Bình	7984	36K-105.51	Thanh Hóa	9484	36K-113.75	Thanh Hóa	10984	35A-434.70	Ninh Bình
6485	35C-173.67	Ninh Bình	7985	36K-105.65	Thanh Hóa	9485	36K-116.26	Thanh Hóa	10985	35A-434.78	Ninh Bình
6486	36C-482.82	Thanh Hóa	7986	36K-106.93	Thanh Hóa	9486	36K-116.93	Thanh Hóa	10986	35A-435.36	Ninh Bình
6487	36C-484.56	Thanh Hóa	7987	36K-107.27	Thanh Hóa	9487	36K-117.44	Thanh Hóa	10987	35A-435.54	Ninh Bình
6488	36C-485.66	Thanh Hóa	7988	36K-107.87	Thanh Hóa	9488	36K-118.64	Thanh Hóa	10988	35A-435.61	Ninh Bình
6489	36C-496.88	Thanh Hóa	7989	36K-107.93	Thanh Hóa	9489	36K-119.50	Thanh Hóa	10989	35A-435.85	Ninh Bình
6490	36K-093.11	Thanh Hóa	7990	36K-108.45	Thanh Hóa	9490	36K-119.76	Thanh Hóa	10990	35A-436.17	Ninh Bình
6491	36K-100.32	Thanh Hóa	7991	36K-108.48	Thanh Hóa	9491	36K-120.39	Thanh Hóa	10991	35A-436.27	Ninh Bình
6492	36K-100.49	Thanh Hóa	7992	36K-108.87	Thanh Hóa	9492	36K-121.04	Thanh Hóa	10992	35A-436.47	Ninh Bình
6493	36K-102.35	Thanh Hóa	7993	36K-109.03	Thanh Hóa	9493	36K-121.60	Thanh Hóa	10993	35A-437.05	Ninh Bình
6494	36K-103.53	Thanh Hóa	7994	36K-109.40	Thanh Hóa	9494	36K-121.87	Thanh Hóa	10994	35A-438.26	Ninh Bình
6495	36K-105.42	Thanh Hóa	7995	36K-110.07	Thanh Hóa	9495	36K-122.43	Thanh Hóa	10995	35A-438.70	Ninh Bình
6496	36K-105.60	Thanh Hóa	7996	36K-110.35	Thanh Hóa	9496	36K-122.47	Thanh Hóa	10996	35A-438.71	Ninh Bình
6497	36K-105.66	Thanh Hóa	7997	36K-112.48	Thanh Hóa	9497	36K-122.55	Thanh Hóa	10997	35A-438.85	Ninh Bình
6498	36K-105.67	Thanh Hóa	7998	36K-112.60	Thanh Hóa	9498	36K-124.16	Thanh Hóa	10998	35A-438.92	Ninh Bình
6499	36K-105.73	Thanh Hóa	7999	36K-114.03	Thanh Hóa	9499	36K-124.57	Thanh Hóa	10999	35A-439.06	Ninh Bình
6500	36K-106.30	Thanh Hóa	8000	36K-114.21	Thanh Hóa	9500	36K-128.27	Thanh Hóa	11000	35A-439.22	Ninh Bình
6501	36K-106.31	Thanh Hóa	8001	36K-115.42	Thanh Hóa	9501	36K-128.94	Thanh Hóa	11001	35A-439.24	Ninh Bình
6502	36K-108.97	Thanh Hóa	8002	36K-117.03	Thanh Hóa	9502	36K-129.05	Thanh Hóa	11002	35A-440.67	Ninh Bình
6503	36K-109.05	Thanh Hóa	8003	36K-118.03	Thanh Hóa	9503	36K-130.33	Thanh Hóa	11003	35A-441.01	Ninh Bình
6504	36K-109.70	Thanh Hóa	8004	36K-118.10	Thanh Hóa	9504	36K-130.80	Thanh Hóa	11004	35A-442.51	Ninh Bình

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'			Thời gian đấu giá: 16h15'-16h40'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
6505	36K-110.16	Thanh Hóa	8005	36K-119.72	Thanh Hóa	9505	36K-131.37	Thanh Hóa	11005	35A-443.72	Ninh Bình
6506	36K-110.84	Thanh Hóa	8006	36K-119.92	Thanh Hóa	9506	36K-132.55	Thanh Hóa	11006	35C-173.71	Ninh Bình
6507	36K-112.17	Thanh Hóa	8007	36K-119.93	Thanh Hóa	9507	36K-133.10	Thanh Hóa	11007	36C-485.99	Thanh Hóa
6508	36K-113.43	Thanh Hóa	8008	36K-121.03	Thanh Hóa	9508	36K-133.60	Thanh Hóa	11008	36C-492.00	Thanh Hóa
6509	36K-113.46	Thanh Hóa	8009	36K-122.42	Thanh Hóa	9509	36K-134.07	Thanh Hóa	11009	36C-494.06	Thanh Hóa
6510	36K-113.57	Thanh Hóa	8010	36K-122.46	Thanh Hóa	9510	36K-134.65	Thanh Hóa	11010	36C-494.08	Thanh Hóa
6511	36K-114.18	Thanh Hóa	8011	36K-122.67	Thanh Hóa	9511	36K-135.07	Thanh Hóa	11011	36C-501.69	Thanh Hóa
6512	36K-114.47	Thanh Hóa	8012	36K-123.27	Thanh Hóa	9512	36K-135.09	Thanh Hóa	11012	36K-087.66	Thanh Hóa
6513	36K-115.01	Thanh Hóa	8013	36K-123.43	Thanh Hóa	9513	36K-135.10	Thanh Hóa	11013	36K-088.08	Thanh Hóa
6514	36K-115.23	Thanh Hóa	8014	36K-123.71	Thanh Hóa	9514	36K-135.68	Thanh Hóa	11014	36K-088.22	Thanh Hóa
6515	36K-115.50	Thanh Hóa	8015	36K-123.81	Thanh Hóa	9515	36K-136.42	Thanh Hóa	11015	36K-094.36	Thanh Hóa
6516	36K-116.82	Thanh Hóa	8016	36K-124.10	Thanh Hóa	9516	36K-136.47	Thanh Hóa	11016	36K-096.89	Thanh Hóa
6517	36K-117.54	Thanh Hóa	8017	36K-124.74	Thanh Hóa	9517	37C-533.25	Nghệ An	11017	36K-101.45	Thanh Hóa
6518	36K-120.46	Thanh Hóa	8018	36K-125.23	Thanh Hóa	9518	37C-533.31	Nghệ An	11018	36K-101.97	Thanh Hóa
6519	36K-120.68	Thanh Hóa	8019	36K-125.70	Thanh Hóa	9519	37C-533.94	Nghệ An	11019	36K-102.00	Thanh Hóa
6520	36K-120.81	Thanh Hóa	8020	36K-125.92	Thanh Hóa	9520	37C-534.72	Nghệ An	11020	36K-102.14	Thanh Hóa
6521	36K-122.52	Thanh Hóa	8021	36K-126.02	Thanh Hóa	9521	37C-534.78	Nghệ An	11021	36K-104.03	Thanh Hóa
6522	36K-122.63	Thanh Hóa	8022	36K-126.03	Thanh Hóa	9522	37C-535.17	Nghệ An	11022	36K-104.27	Thanh Hóa
6523	36K-122.73	Thanh Hóa	8023	36K-126.37	Thanh Hóa	9523	37C-536.52	Nghệ An	11023	36K-104.94	Thanh Hóa
6524	36K-123.63	Thanh Hóa	8024	36K-127.20	Thanh Hóa	9524	37C-537.02	Nghệ An	11024	36K-105.69	Thanh Hóa
6525	36K-123.76	Thanh Hóa	8025	36K-127.64	Thanh Hóa	9525	37C-537.46	Nghệ An	11025	36K-105.71	Thanh Hóa
6526	36K-124.49	Thanh Hóa	8026	36K-128.13	Thanh Hóa	9526	37C-537.74	Nghệ An	11026	36K-106.37	Thanh Hóa
6527	36K-124.60	Thanh Hóa	8027	36K-128.78	Thanh Hóa	9527	37C-538.31	Nghệ An	11027	36K-107.59	Thanh Hóa
6528	36K-125.46	Thanh Hóa	8028	36K-129.40	Thanh Hóa	9528	37D-040.23	Nghệ An	11028	36K-108.94	Thanh Hóa
6529	36K-126.67	Thanh Hóa	8029	36K-129.61	Thanh Hóa	9529	37D-040.81	Nghệ An	11029	36K-109.75	Thanh Hóa
6530	36K-126.73	Thanh Hóa	8030	36K-129.64	Thanh Hóa	9530	37D-040.90	Nghệ An	11030	36K-109.83	Thanh Hóa
6531	36K-127.39	Thanh Hóa	8031	36K-130.17	Thanh Hóa	9531	37K-343.92	Nghệ An	11031	36K-109.90	Thanh Hóa
6532	36K-127.43	Thanh Hóa	8032	36K-130.68	Thanh Hóa	9532	37K-345.17	Nghệ An	11032	36K-112.23	Thanh Hóa
6533	36K-128.11	Thanh Hóa	8033	36K-131.57	Thanh Hóa	9533	37K-345.78	Nghệ An	11033	36K-115.40	Thanh Hóa
6534	36K-128.42	Thanh Hóa	8034	36K-132.90	Thanh Hóa	9534	37K-346.04	Nghệ An	11034	36K-116.43	Thanh Hóa
6535	36K-129.03	Thanh Hóa	8035	36K-133.26	Thanh Hóa	9535	37K-347.64	Nghệ An	11035	36K-116.62	Thanh Hóa
6536	36K-129.47	Thanh Hóa	8036	36K-134.50	Thanh Hóa	9536	37K-348.27	Nghệ An	11036	36K-117.02	Thanh Hóa
6537	36K-129.50	Thanh Hóa	8037	36K-134.97	Thanh Hóa	9537	37K-348.47	Nghệ An	11037	36K-118.57	Thanh Hóa
6538	36K-130.45	Thanh Hóa	8038	36K-135.06	Thanh Hóa	9538	37K-349.01	Nghệ An	11038	36K-118.62	Thanh Hóa
6539	36K-130.54	Thanh Hóa	8039	36K-135.51	Thanh Hóa	9539	37K-349.13	Nghệ An	11039	36K-119.73	Thanh Hóa
6540	36K-131.01	Thanh Hóa	8040	36K-135.90	Thanh Hóa	9540	37K-350.46	Nghệ An	11040	36K-122.94	Thanh Hóa
6541	36K-131.23	Thanh Hóa	8041	36K-135.93	Thanh Hóa	9541	37K-350.97	Nghệ An	11041	36K-122.96	Thanh Hóa
6542	36K-131.97	Thanh Hóa	8042	36K-136.90	Thanh Hóa	9542	37K-351.35	Nghệ An	11042	36K-123.16	Thanh Hóa
6543	36K-132.07	Thanh Hóa	8043	36K-137.02	Thanh Hóa	9543	37K-351.70	Nghệ An	11043	36K-123.78	Thanh Hóa
6544	36K-132.42	Thanh Hóa	8044	37C-533.83	Nghệ An	9544	37K-352.05	Nghệ An	11044	36K-123.87	Thanh Hóa
6545	36K-134.47	Thanh Hóa	8045	37C-534.23	Nghệ An	9545	37K-352.93	Nghệ An	11045	36K-124.53	Thanh Hóa
6546	36K-136.05	Thanh Hóa	8046	37C-535.05	Nghệ An	9546	37K-353.07	Nghệ An	11046	36K-125.48	Thanh Hóa
6547	36K-137.05	Thanh Hóa	8047	37C-537.34	Nghệ An	9547	37K-353.15	Nghệ An	11047	36K-125.66	Thanh Hóa
6548	37C-533.61	Nghệ An	8048	37C-539.12	Nghệ An	9548	37K-353.37	Nghệ An	11048	36K-126.43	Thanh Hóa
6549	37C-534.07	Nghệ An	8049	37D-040.25	Nghệ An	9549	37K-355.01	Nghệ An	11049	36K-127.38	Thanh Hóa
6550	37C-534.90	Nghệ An	8050	37K-344.49	Nghệ An	9550	37K-360.04	Nghệ An	11050	36K-127.48	Thanh Hóa
6551	37C-535.33	Nghệ An	8051	37K-344.90	Nghệ An	9551	37K-360.87	Nghệ An	11051	36K-127.54	Thanh Hóa
6552	37C-535.60	Nghệ An	8052	37K-344.97	Nghệ An	9552	37K-361.37	Nghệ An	11052	36K-127.60	Thanh Hóa
6553	37C-535.87	Nghệ An	8053	37K-345.15	Nghệ An	9553	37K-361.63	Nghệ An	11053	36K-128.08	Thanh Hóa
6554	37C-536.49	Nghệ An	8054	37K-345.50	Nghệ An	9554	37K-362.30	Nghệ An	11054	36K-128.30	Thanh Hóa
6555	37C-536.83	Nghệ An	8055	37K-347.48	Nghệ An	9555	37K-363.22	Nghệ An	11055	36K-129.11	Thanh Hóa
6556	37C-537.93	Nghệ An	8056	37K-347.75	Nghệ An	9556	37K-363.53	Nghệ An	11056	36K-131.64	Thanh Hóa
6557	37C-538.12	Nghệ An	8057	37K-347.93	Nghệ An	9557	37K-363.62	Nghệ An	11057	36K-132.24	Thanh Hóa
6558	37D-040.37	Nghệ An	8058	37K-348.42	Nghệ An	9558	37K-364.01	Nghệ An	11058	36K-134.10	Thanh Hóa
6559	37D-040.62	Nghệ An	8059	37K-348.93	Nghệ An	9559	37K-364.02	Nghệ An	11059	36K-135.02	Thanh Hóa
6560	37D-040.67	Nghệ An	8060	37K-350.43	Nghệ An	9560	37K-364.57	Nghệ An	11060	36K-135.74	Thanh Hóa
6561	37D-040.71	Nghệ An	8061	37K-352.45	Nghệ An	9561	37K-365.64	Nghệ An	11061	37C-533.51	Nghệ An
6562	37K-344.07	Nghệ An	8062	37K-353.21	Nghệ An	9562	37K-365.72	Nghệ An	11062	37C-533.73	Nghệ An
6563	37K-344.75	Nghệ An	8063	37K-355.60	Nghệ An	9563	37K-365.74	Nghệ An	11063	37C-534.50	Nghệ An
6564	37K-344.94	Nghệ An	8064	37K-356.13	Nghệ An	9564	37K-365.82	Nghệ An	11064	37C-534.75	Nghệ An
6565	37K-347.49	Nghệ An	8065	37K-356.30	Nghệ An	9565	37K-365.84	Nghệ An	11065	37C-534.94	Nghệ An
6566	37K-347.62	Nghệ An	8066	37K-358.10	Nghệ An	9566	37K-366.13	Nghệ An	11066	37C-536.23	Nghệ An
6567	37K-348.02	Nghệ An	8067	37K-358.74	Nghệ An	9567	37K-367.47	Nghệ An	11067	37C-536.97	Nghệ An

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'			Thời gian đấu giá: 16h15'-16h40'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
6568	37K-349.29	Nghệ An	8068	37K-359.45	Nghệ An	9568	37K-367.51	Nghệ An	11068	37C-537.13	Nghệ An
6569	37K-349.57	Nghệ An	8069	37K-359.93	Nghệ An	9569	37K-367.57	Nghệ An	11069	37C-537.52	Nghệ An
6570	37K-350.57	Nghệ An	8070	37K-361.69	Nghệ An	9570	37K-367.73	Nghệ An	11070	37C-537.72	Nghệ An
6571	37K-351.38	Nghệ An	8071	37K-361.90	Nghệ An	9571	37K-367.90	Nghệ An	11071	37C-538.04	Nghệ An
6572	37K-351.61	Nghệ An	8072	37K-362.10	Nghệ An	9572	37K-367.97	Nghệ An	11072	37D-040.28	Nghệ An
6573	37K-353.12	Nghệ An	8073	37K-362.57	Nghệ An	9573	37K-368.71	Nghệ An	11073	37D-040.46	Nghệ An
6574	37K-353.42	Nghệ An	8074	37K-363.31	Nghệ An	9574	37K-368.78	Nghệ An	11074	37D-040.82	Nghệ An
6575	37K-353.91	Nghệ An	8075	37K-364.62	Nghệ An	9575	37K-369.07	Nghệ An	11075	37K-343.75	Nghệ An
6576	37K-355.02	Nghệ An	8076	37K-365.41	Nghệ An	9576	37K-370.62	Nghệ An	11076	37K-343.87	Nghệ An
6577	37K-355.48	Nghệ An	8077	37K-366.09	Nghệ An	9577	37K-372.94	Nghệ An	11077	37K-343.97	Nghệ An
6578	37K-356.27	Nghệ An	8078	37K-366.32	Nghệ An	9578	37K-373.14	Nghệ An	11078	37K-344.50	Nghệ An
6579	37K-356.48	Nghệ An	8079	37K-367.52	Nghệ An	9579	37K-375.04	Nghệ An	11079	37K-344.84	Nghệ An
6580	37K-357.81	Nghệ An	8080	37K-369.20	Nghệ An	9580	37K-375.42	Nghệ An	11080	37K-345.20	Nghệ An
6581	37K-358.21	Nghệ An	8081	37K-370.70	Nghệ An	9581	37K-376.09	Nghệ An	11081	37K-346.42	Nghệ An
6582	37K-358.38	Nghệ An	8082	37K-371.40	Nghệ An	9582	37K-376.29	Nghệ An	11082	37K-347.20	Nghệ An
6583	37K-358.61	Nghệ An	8083	37K-371.42	Nghệ An	9583	37K-376.31	Nghệ An	11083	37K-348.43	Nghệ An
6584	37K-359.31	Nghệ An	8084	37K-371.49	Nghệ An	9584	37K-376.64	Nghệ An	11084	37K-349.64	Nghệ An
6585	37K-359.82	Nghệ An	8085	37K-371.53	Nghệ An	9585	37K-377.85	Nghệ An	11085	37K-349.94	Nghệ An
6586	37K-360.31	Nghệ An	8086	37K-372.21	Nghệ An	9586	37K-379.07	Nghệ An	11086	37K-350.10	Nghệ An
6587	37K-361.57	Nghệ An	8087	37K-373.93	Nghệ An	9587	37K-379.10	Nghệ An	11087	37K-350.80	Nghệ An
6588	37K-362.26	Nghệ An	8088	37K-374.46	Nghệ An	9588	37K-379.24	Nghệ An	11088	37K-351.21	Nghệ An
6589	37K-362.81	Nghệ An	8089	37K-376.14	Nghệ An	9589	37K-380.72	Nghệ An	11089	37K-352.79	Nghệ An
6590	37K-363.04	Nghệ An	8090	37K-377.10	Nghệ An	9590	37K-381.20	Nghệ An	11090	37K-352.91	Nghệ An
6591	37K-364.67	Nghệ An	8091	37K-377.13	Nghệ An	9591	37K-381.75	Nghệ An	11091	37K-354.64	Nghệ An
6592	37K-365.90	Nghệ An	8092	37K-377.56	Nghệ An	9592	37K-382.31	Nghệ An	11092	37K-354.92	Nghệ An
6593	37K-367.05	Nghệ An	8093	37K-379.02	Nghệ An	9593	37K-383.03	Nghệ An	11093	37K-355.12	Nghệ An
6594	37K-367.40	Nghệ An	8094	37K-379.20	Nghệ An	9594	37K-383.21	Nghệ An	11094	37K-355.13	Nghệ An
6595	37K-370.97	Nghệ An	8095	37K-380.05	Nghệ An	9595	37K-383.25	Nghệ An	11095	37K-355.90	Nghệ An
6596	37K-372.50	Nghệ An	8096	37K-380.58	Nghệ An	9596	37K-384.45	Nghệ An	11096	37K-355.97	Nghệ An
6597	37K-372.90	Nghệ An	8097	37K-380.61	Nghệ An	9597	37K-385.84	Nghệ An	11097	37K-356.02	Nghệ An
6598	37K-374.43	Nghệ An	8098	37K-380.85	Nghệ An	9598	37K-386.41	Nghệ An	11098	37K-357.21	Nghệ An
6599	37K-374.50	Nghệ An	8099	37K-380.98	Nghệ An	9599	38A-623.84	Hà Tĩnh	11099	37K-358.30	Nghệ An
6600	37K-376.93	Nghệ An	8100	37K-381.42	Nghệ An	9600	38A-624.30	Hà Tĩnh	11100	37K-361.82	Nghệ An
6601	37K-377.34	Nghệ An	8101	37K-381.84	Nghệ An	9601	38A-625.49	Hà Tĩnh	11101	37K-362.03	Nghệ An
6602	37K-377.47	Nghệ An	8102	37K-382.13	Nghệ An	9602	38A-625.81	Hà Tĩnh	11102	37K-362.34	Nghệ An
6603	37K-377.70	Nghệ An	8103	37K-382.17	Nghệ An	9603	38A-627.22	Hà Tĩnh	11103	37K-363.05	Nghệ An
6604	37K-377.80	Nghệ An	8104	37K-383.07	Nghệ An	9604	38A-627.47	Hà Tĩnh	11104	37K-364.05	Nghệ An
6605	37K-378.50	Nghệ An	8105	37K-383.13	Nghệ An	9605	38A-628.00	Hà Tĩnh	11105	37K-364.48	Nghệ An
6606	37K-378.57	Nghệ An	8106	37K-384.27	Nghệ An	9606	38A-629.29	Hà Tĩnh	11106	37K-364.71	Nghệ An
6607	37K-378.76	Nghệ An	8107	37K-384.43	Nghệ An	9607	38A-629.30	Hà Tĩnh	11107	37K-366.03	Nghệ An
6608	37K-379.93	Nghệ An	8108	37K-385.52	Nghệ An	9608	38A-629.52	Hà Tĩnh	11108	37K-367.78	Nghệ An
6609	37K-380.41	Nghệ An	8109	37K-385.93	Nghệ An	9609	38A-629.87	Hà Tĩnh	11109	37K-368.04	Nghệ An
6610	37K-380.92	Nghệ An	8110	37K-386.31	Nghệ An	9610	38A-630.84	Hà Tĩnh	11110	37K-368.37	Nghệ An
6611	37K-381.70	Nghệ An	8111	37K-387.03	Nghệ An	9611	38A-632.01	Hà Tĩnh	11111	37K-368.43	Nghệ An
6612	37K-381.73	Nghệ An	8112	38A-623.43	Hà Tĩnh	9612	38A-632.81	Hà Tĩnh	11112	37K-368.73	Nghệ An
6613	37K-382.00	Nghệ An	8113	38A-625.56	Hà Tĩnh	9613	38A-632.93	Hà Tĩnh	11113	37K-369.87	Nghệ An
6614	37K-382.53	Nghệ An	8114	38A-628.63	Hà Tĩnh	9614	38A-634.70	Hà Tĩnh	11114	37K-371.09	Nghệ An
6615	37K-383.41	Nghệ An	8115	38A-629.34	Hà Tĩnh	9615	38A-635.27	Hà Tĩnh	11115	37K-372.07	Nghệ An
6616	37K-384.05	Nghệ An	8116	38A-630.07	Hà Tĩnh	9616	38A-635.91	Hà Tĩnh	11116	37K-372.13	Nghệ An
6617	37K-384.21	Nghệ An	8117	38A-630.54	Hà Tĩnh	9617	38A-636.62	Hà Tĩnh	11117	37K-372.40	Nghệ An
6618	37K-384.94	Nghệ An	8118	38A-630.75	Hà Tĩnh	9618	38C-228.98	Hà Tĩnh	11118	37K-372.60	Nghệ An
6619	37K-385.63	Nghệ An	8119	38A-631.85	Hà Tĩnh	9619	38C-229.04	Hà Tĩnh	11119	37K-372.61	Nghệ An
6620	37K-385.67	Nghệ An	8120	38A-632.21	Hà Tĩnh	9620	38C-229.10	Hà Tĩnh	11120	37K-374.12	Nghệ An
6621	37K-386.61	Nghệ An	8121	38A-632.51	Hà Tĩnh	9621	38C-229.13	Hà Tĩnh	11121	37K-374.84	Nghệ An
6622	38A-623.80	Hà Tĩnh	8122	38A-632.74	Hà Tĩnh	9622	43A-877.52	Đà Nẵng	11122	37K-375.32	Nghệ An
6623	38A-626.23	Hà Tĩnh	8123	38A-633.91	Hà Tĩnh	9623	43A-877.74	Đà Nẵng	11123	37K-375.40	Nghệ An
6624	38A-627.05	Hà Tĩnh	8124	38A-634.54	Hà Tĩnh	9624	43A-878.01	Đà Nẵng	11124	37K-375.82	Nghệ An
6625	38A-627.27	Hà Tĩnh	8125	38A-634.69	Hà Tĩnh	9625	43A-878.17	Đà Nẵng	11125	37K-376.81	Nghệ An
6626	38A-628.71	Hà Tĩnh	8126	38A-635.31	Hà Tĩnh	9626	43A-878.32	Đà Nẵng	11126	37K-376.91	Nghệ An
6627	38A-628.87	Hà Tĩnh	8127	38A-635.40	Hà Tĩnh	9627	43A-879.12	Đà Nẵng	11127	37K-377.12	Nghệ An
6628	38A-629.21	Hà Tĩnh	8128	38A-635.57	Hà Tĩnh	9628	43A-882.86	Đà Nẵng	11128	37K-378.07	Nghệ An
6629	38A-630.26	Hà Tĩnh	8129	38A-635.81	Hà Tĩnh	9629	43A-883.12	Đà Nẵng	11129	37K-378.24	Nghệ An
6630	38A-631.12	Hà Tĩnh	8130	38A-636.23	Hà Tĩnh	9630	43A-883.64	Đà Nẵng	11130	37K-378.87	Nghệ An

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'			Thời gian đấu giá: 16h15'-16h40'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
6631	38A-633.24	Hà Tĩnh	8131	38C-229.02	Hà Tĩnh	9631	43A-884.30	Đà Nẵng	11131	37K-381.02	Nghệ An
6632	38A-633.41	Hà Tĩnh	8132	43A-878.57	Đà Nẵng	9632	43A-884.45	Đà Nẵng	11132	37K-382.62	Nghệ An
6633	38A-633.80	Hà Tĩnh	8133	43A-880.31	Đà Nẵng	9633	43A-884.78	Đà Nẵng	11133	37K-383.66	Nghệ An
6634	38A-634.27	Hà Tĩnh	8134	43A-882.20	Đà Nẵng	9634	43A-886.42	Đà Nẵng	11134	37K-384.88	Nghệ An
6635	38A-634.34	Hà Tĩnh	8135	43A-882.72	Đà Nẵng	9635	43A-886.73	Đà Nẵng	11135	37K-385.40	Nghệ An
6636	38A-634.95	Hà Tĩnh	8136	43A-882.81	Đà Nẵng	9636	43A-889.24	Đà Nẵng	11136	37K-385.50	Nghệ An
6637	38A-635.80	Hà Tĩnh	8137	43A-883.50	Đà Nẵng	9637	43A-889.45	Đà Nẵng	11137	37K-386.62	Nghệ An
6638	38A-635.84	Hà Tĩnh	8138	43A-883.76	Đà Nẵng	9638	43A-890.24	Đà Nẵng	11138	37K-386.94	Nghệ An
6639	38A-636.14	Hà Tĩnh	8139	43A-884.75	Đà Nẵng	9639	43A-890.44	Đà Nẵng	11139	37K-387.02	Nghệ An
6640	38A-636.50	Hà Tĩnh	8140	43A-885.38	Đà Nẵng	9640	43A-890.77	Đà Nẵng	11140	38A-623.21	Hà Tĩnh
6641	38C-227.52	Hà Tĩnh	8141	43A-885.43	Đà Nẵng	9641	43A-891.13	Đà Nẵng	11141	38A-624.13	Hà Tĩnh
6642	38C-228.10	Hà Tĩnh	8142	43A-885.52	Đà Nẵng	9642	43A-892.37	Đà Nẵng	11142	38A-624.82	Hà Tĩnh
6643	38C-228.46	Hà Tĩnh	8143	43A-885.71	Đà Nẵng	9643	43A-893.10	Đà Nẵng	11143	38A-625.13	Hà Tĩnh
6644	38C-228.80	Hà Tĩnh	8144	43A-886.14	Đà Nẵng	9644	43A-893.12	Đà Nẵng	11144	38A-626.12	Hà Tĩnh
6645	38C-229.01	Hà Tĩnh	8145	43A-886.20	Đà Nẵng	9645	43A-894.39	Đà Nẵng	11145	38A-626.49	Hà Tĩnh
6646	38D-016.47	Hà Tĩnh	8146	43A-887.13	Đà Nẵng	9646	43A-894.41	Đà Nẵng	11146	38A-627.23	Hà Tĩnh
6647	43A-877.27	Đà Nẵng	8147	43A-887.75	Đà Nẵng	9647	43A-894.74	Đà Nẵng	11147	38A-627.91	Hà Tĩnh
6648	43A-877.60	Đà Nẵng	8148	43A-887.93	Đà Nẵng	9648	43A-895.68	Đà Nẵng	11148	38A-630.03	Hà Tĩnh
6649	43A-879.54	Đà Nẵng	8149	43A-888.31	Đà Nẵng	9649	43A-895.78	Đà Nẵng	11149	38A-630.57	Hà Tĩnh
6650	43A-881.09	Đà Nẵng	8150	43A-888.74	Đà Nẵng	9650	43A-896.43	Đà Nẵng	11150	38A-630.76	Hà Tĩnh
6651	43A-882.97	Đà Nẵng	8151	43A-889.84	Đà Nẵng	9651	43A-896.49	Đà Nẵng	11151	38A-631.14	Hà Tĩnh
6652	43A-883.26	Đà Nẵng	8152	43A-890.30	Đà Nẵng	9652	43A-896.75	Đà Nẵng	11152	38A-631.43	Hà Tĩnh
6653	43A-883.54	Đà Nẵng	8153	43A-892.30	Đà Nẵng	9653	43A-897.07	Đà Nẵng	11153	38A-631.52	Hà Tĩnh
6654	43A-884.03	Đà Nẵng	8154	43A-892.54	Đà Nẵng	9654	43A-897.74	Đà Nẵng	11154	38A-632.05	Hà Tĩnh
6655	43A-887.92	Đà Nẵng	8155	43A-892.55	Đà Nẵng	9655	43A-897.76	Đà Nẵng	11155	38A-632.87	Hà Tĩnh
6656	43A-888.21	Đà Nẵng	8156	43A-892.82	Đà Nẵng	9656	43A-898.03	Đà Nẵng	11156	38A-633.81	Hà Tĩnh
6657	43A-889.73	Đà Nẵng	8157	43A-893.13	Đà Nẵng	9657	43A-898.18	Đà Nẵng	11157	38A-633.93	Hà Tĩnh
6658	43A-891.30	Đà Nẵng	8158	43A-895.16	Đà Nẵng	9658	47A-721.44	Đắk Lắk	11158	38A-634.42	Hà Tĩnh
6659	43A-891.34	Đà Nẵng	8159	43A-895.33	Đà Nẵng	9659	47A-730.50	Đắk Lắk	11159	38A-635.70	Hà Tĩnh
6660	43A-891.41	Đà Nẵng	8160	43A-896.11	Đà Nẵng	9660	47A-730.54	Đắk Lắk	11160	38A-636.21	Hà Tĩnh
6661	43A-891.60	Đà Nẵng	8161	43A-896.30	Đà Nẵng	9661	47A-730.57	Đắk Lắk	11161	38A-636.42	Hà Tĩnh
6662	43A-891.68	Đà Nẵng	8162	43A-897.43	Đà Nẵng	9662	47A-730.61	Đắk Lắk	11162	38A-637.21	Hà Tĩnh
6663	43A-891.80	Đà Nẵng	8163	43A-898.46	Đà Nẵng	9663	47A-730.93	Đắk Lắk	11163	38A-637.39	Hà Tĩnh
6664	43A-892.76	Đà Nẵng	8164	47A-727.36	Đắk Lắk	9664	47A-732.47	Đắk Lắk	11164	38C-227.89	Hà Tĩnh
6665	43A-893.52	Đà Nẵng	8165	47A-730.16	Đắk Lắk	9665	47A-732.76	Đắk Lắk	11165	38C-227.93	Hà Tĩnh
6666	43A-893.71	Đà Nẵng	8166	47A-730.88	Đắk Lắk	9666	47A-732.78	Đắk Lắk	11166	38C-228.23	Hà Tĩnh
6667	43A-894.62	Đà Nẵng	8167	47A-731.33	Đắk Lắk	9667	47A-733.47	Đắk Lắk	11167	38C-228.30	Hà Tĩnh
6668	43A-895.04	Đà Nẵng	8168	47A-731.43	Đắk Lắk	9668	47A-733.80	Đắk Lắk	11168	38C-228.92	Hà Tĩnh
6669	43A-895.10	Đà Nẵng	8169	47A-731.49	Đắk Lắk	9669	47A-734.17	Đắk Lắk	11169	43A-877.39	Đà Nẵng
6670	43A-895.32	Đà Nẵng	8170	47A-731.83	Đắk Lắk	9670	47A-734.46	Đắk Lắk	11170	43A-877.49	Đà Nẵng
6671	43A-896.08	Đà Nẵng	8171	47A-732.17	Đắk Lắk	9671	47A-735.24	Đắk Lắk	11171	43A-878.27	Đà Nẵng
6672	43A-896.61	Đà Nẵng	8172	47A-732.20	Đắk Lắk	9672	47A-736.32	Đắk Lắk	11172	43A-879.17	Đà Nẵng
6673	43A-896.76	Đà Nẵng	8173	47A-732.67	Đắk Lắk	9673	47A-736.53	Đắk Lắk	11173	43A-879.38	Đà Nẵng
6674	43A-897.50	Đà Nẵng	8174	47A-733.52	Đắk Lắk	9674	47A-736.97	Đắk Lắk	11174	43A-879.74	Đà Nẵng
6675	43A-897.55	Đà Nẵng	8175	47A-733.71	Đắk Lắk	9675	47A-738.07	Đắk Lắk	11175	43A-879.75	Đà Nẵng
6676	43A-898.05	Đà Nẵng	8176	47A-733.82	Đắk Lắk	9676	47A-738.43	Đắk Lắk	11176	43A-880.30	Đà Nẵng
6677	43A-898.49	Đà Nẵng	8177	47A-734.45	Đắk Lắk	9677	47A-739.48	Đắk Lắk	11177	43A-884.51	Đà Nẵng
6678	47A-726.18	Đắk Lắk	8178	47A-735.46	Đắk Lắk	9678	47A-739.50	Đắk Lắk	11178	43A-884.61	Đà Nẵng
6679	47A-726.77	Đắk Lắk	8179	47A-735.73	Đắk Lắk	9679	47A-739.57	Đắk Lắk	11179	43A-885.08	Đà Nẵng
6680	47A-730.92	Đắk Lắk	8180	47A-736.72	Đắk Lắk	9680	47A-740.49	Đắk Lắk	11180	43A-885.32	Đà Nẵng
6681	47A-731.03	Đắk Lắk	8181	47A-736.75	Đắk Lắk	9681	47A-741.21	Đắk Lắk	11181	43A-885.86	Đà Nẵng
6682	47A-732.50	Đắk Lắk	8182	47A-738.34	Đắk Lắk	9682	47A-741.30	Đắk Lắk	11182	43A-885.87	Đà Nẵng
6683	47A-734.78	Đắk Lắk	8183	47A-738.78	Đắk Lắk	9683	47A-741.82	Đắk Lắk	11183	43A-887.41	Đà Nẵng
6684	47A-735.09	Đắk Lắk	8184	47A-739.01	Đắk Lắk	9684	47A-742.04	Đắk Lắk	11184	43A-888.52	Đà Nẵng
6685	47A-735.48	Đắk Lắk	8185	47A-740.03	Đắk Lắk	9685	47A-742.10	Đắk Lắk	11185	43A-888.71	Đà Nẵng
6686	47A-735.51	Đắk Lắk	8186	47A-741.10	Đắk Lắk	9686	47A-742.26	Đắk Lắk	11186	43A-889.81	Đà Nẵng
6687	47A-735.53	Đắk Lắk	8187	47A-741.62	Đắk Lắk	9687	47A-742.45	Đắk Lắk	11187	43A-889.82	Đà Nẵng
6688	47A-737.40	Đắk Lắk	8188	47A-742.51	Đắk Lắk	9688	47A-743.03	Đắk Lắk	11188	43A-890.74	Đà Nẵng
6689	47A-737.91	Đắk Lắk	8189	47A-742.71	Đắk Lắk	9689	47A-743.90	Đắk Lắk	11189	43A-892.81	Đà Nẵng
6690	47A-740.60	Đắk Lắk	8190	47A-742.91	Đắk Lắk	9690	47A-743.99	Đắk Lắk	11190	43A-893.49	Đà Nẵng
6691	47A-740.74	Đắk Lắk	8191	47A-743.05	Đắk Lắk	9691	47A-744.78	Đắk Lắk	11191	43A-893.92	Đà Nẵng
6692	47A-741.52	Đắk Lắk	8192	47A-743.07	Đắk Lắk	9692	47A-745.33	Đắk Lắk	11192	43A-894.26	Đà Nẵng
6693	47A-741.63	Đắk Lắk	8193	47A-743.72	Đắk Lắk	9693	47A-745.34	Đắk Lắk	11193	43A-894.30	Đà Nẵng

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'			Thời gian đấu giá: 16h15'-16h40'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
6694	47A-745.15	Đắk Lắk	8194	47A-744.37	Đắk Lắk	9694	47A-745.97	Đắk Lắk	11194	43A-896.65	Đà Nẵng
6695	47A-745.67	Đắk Lắk	8195	47A-746.49	Đắk Lắk	9695	47A-746.06	Đắk Lắk	11195	47A-725.59	Đắk Lắk
6696	47A-745.75	Đắk Lắk	8196	47A-746.93	Đắk Lắk	9696	47A-746.20	Đắk Lắk	11196	47A-728.16	Đắk Lắk
6697	47A-747.34	Đắk Lắk	8197	47A-747.84	Đắk Lắk	9697	47A-747.17	Đắk Lắk	11197	47A-730.74	Đắk Lắk
6698	47A-748.36	Đắk Lắk	8198	47A-747.87	Đắk Lắk	9698	47A-747.67	Đắk Lắk	11198	47A-732.75	Đắk Lắk
6699	47A-748.80	Đắk Lắk	8199	47A-750.71	Đắk Lắk	9699	47A-748.54	Đắk Lắk	11199	47A-733.23	Đắk Lắk
6700	47A-749.28	Đắk Lắk	8200	47A-751.01	Đắk Lắk	9700	47A-748.57	Đắk Lắk	11200	47A-733.81	Đắk Lắk
6701	47A-749.60	Đắk Lắk	8201	47A-751.02	Đắk Lắk	9701	47A-749.01	Đắk Lắk	11201	47A-734.70	Đắk Lắk
6702	47A-750.24	Đắk Lắk	8202	47A-751.64	Đắk Lắk	9702	47A-750.35	Đắk Lắk	11202	47A-734.76	Đắk Lắk
6703	47A-751.08	Đắk Lắk	8203	47A-751.97	Đắk Lắk	9703	47A-751.71	Đắk Lắk	11203	47A-734.82	Đắk Lắk
6704	47A-751.31	Đắk Lắk	8204	47A-753.17	Đắk Lắk	9704	47A-752.05	Đắk Lắk	11204	47A-735.12	Đắk Lắk
6705	47A-751.70	Đắk Lắk	8205	47A-755.12	Đắk Lắk	9705	47A-752.14	Đắk Lắk	11205	47A-736.10	Đắk Lắk
6706	47A-751.77	Đắk Lắk	8206	47A-755.54	Đắk Lắk	9706	47A-752.20	Đắk Lắk	11206	47A-736.17	Đắk Lắk
6707	47A-752.64	Đắk Lắk	8207	47A-756.14	Đắk Lắk	9707	47A-752.80	Đắk Lắk	11207	47A-738.44	Đắk Lắk
6708	47A-754.10	Đắk Lắk	8208	47A-756.60	Đắk Lắk	9708	47A-754.73	Đắk Lắk	11208	47A-738.45	Đắk Lắk
6709	47A-756.89	Đắk Lắk	8209	47A-757.18	Đắk Lắk	9709	47A-757.31	Đắk Lắk	11209	47A-740.52	Đắk Lắk
6710	47A-757.92	Đắk Lắk	8210	47A-757.50	Đắk Lắk	9710	47A-757.42	Đắk Lắk	11210	47A-740.93	Đắk Lắk
6711	47A-758.01	Đắk Lắk	8211	47A-757.54	Đắk Lắk	9711	47A-758.09	Đắk Lắk	11211	47A-741.40	Đắk Lắk
6712	47A-758.04	Đắk Lắk	8212	47A-758.40	Đắk Lắk	9712	47A-758.12	Đắk Lắk	11212	47A-743.50	Đắk Lắk
6713	47A-758.45	Đắk Lắk	8213	47A-758.61	Đắk Lắk	9713	47A-758.91	Đắk Lắk	11213	47A-744.02	Đắk Lắk
6714	47A-758.92	Đắk Lắk	8214	47A-760.10	Đắk Lắk	9714	47A-759.51	Đắk Lắk	11214	47A-744.03	Đắk Lắk
6715	47A-759.04	Đắk Lắk	8215	47C-358.38	Đắk Lắk	9715	47A-759.90	Đắk Lắk	11215	47A-745.37	Đắk Lắk
6716	47A-759.23	Đắk Lắk	8216	47C-358.79	Đắk Lắk	9716	47C-370.45	Đắk Lắk	11216	47A-745.92	Đắk Lắk
6717	47A-759.81	Đắk Lắk	8217	47C-359.68	Đắk Lắk	9717	47C-370.48	Đắk Lắk	11217	47A-746.27	Đắk Lắk
6718	47A-760.21	Đắk Lắk	8218	47C-370.12	Đắk Lắk	9718	47C-370.57	Đắk Lắk	11218	47A-746.37	Đắk Lắk
6719	47C-360.00	Đắk Lắk	8219	47C-370.17	Đắk Lắk	9719	47C-370.62	Đắk Lắk	11219	47A-747.81	Đắk Lắk
6720	47C-362.36	Đắk Lắk	8220	47C-370.43	Đắk Lắk	9720	47C-370.87	Đắk Lắk	11220	47A-748.64	Đắk Lắk
6721	47C-366.59	Đắk Lắk	8221	47C-371.87	Đắk Lắk	9721	47C-371.42	Đắk Lắk	11221	47A-749.63	Đắk Lắk
6722	47C-367.19	Đắk Lắk	8222	47C-372.52	Đắk Lắk	9722	47C-371.54	Đắk Lắk	11222	47A-750.54	Đắk Lắk
6723	47C-370.24	Đắk Lắk	8223	47C-372.80	Đắk Lắk	9723	47C-371.84	Đắk Lắk	11223	47A-752.51	Đắk Lắk
6724	47C-370.31	Đắk Lắk	8224	47C-373.30	Đắk Lắk	9724	47C-372.48	Đắk Lắk	11224	47A-752.63	Đắk Lắk
6725	47C-371.67	Đắk Lắk	8225	47C-373.53	Đắk Lắk	9725	47C-373.36	Đắk Lắk	11225	47A-754.05	Đắk Lắk
6726	47C-372.43	Đắk Lắk	8226	47C-375.04	Đắk Lắk	9726	47C-373.84	Đắk Lắk	11226	47A-754.64	Đắk Lắk
6727	47C-372.59	Đắk Lắk	8227	47C-375.12	Đắk Lắk	9727	47C-374.67	Đắk Lắk	11227	47A-755.60	Đắk Lắk
6728	47C-374.07	Đắk Lắk	8228	47D-015.03	Đắk Lắk	9728	47C-374.72	Đắk Lắk	11228	47A-755.77	Đắk Lắk
6729	47C-374.90	Đắk Lắk	8229	49A-697.60	Lâm Đồng	9729	47C-375.03	Đắk Lắk	11229	47A-755.81	Đắk Lắk
6730	49A-696.30	Lâm Đồng	8230	49A-698.12	Lâm Đồng	9730	47C-375.78	Đắk Lắk	11230	47A-756.20	Đắk Lắk
6731	49A-696.42	Lâm Đồng	8231	49A-699.17	Lâm Đồng	9731	49A-695.21	Lâm Đồng	11231	47A-758.37	Đắk Lắk
6732	49A-697.03	Lâm Đồng	8232	49A-700.24	Lâm Đồng	9732	49A-695.53	Lâm Đồng	11232	47A-758.82	Đắk Lắk
6733	49A-697.33	Lâm Đồng	8233	49A-700.54	Lâm Đồng	9733	49A-695.64	Lâm Đồng	11233	47A-759.93	Đắk Lắk
6734	49A-697.48	Lâm Đồng	8234	49A-701.13	Lâm Đồng	9734	49A-696.29	Lâm Đồng	11234	47C-357.69	Đắk Lắk
6735	49A-697.49	Lâm Đồng	8235	49A-702.43	Lâm Đồng	9735	49A-697.37	Lâm Đồng	11235	47C-369.22	Đắk Lắk
6736	49A-697.84	Lâm Đồng	8236	49A-702.50	Lâm Đồng	9736	49A-697.70	Lâm Đồng	11236	47C-370.61	Đắk Lắk
6737	49A-698.10	Lâm Đồng	8237	49A-703.52	Lâm Đồng	9737	49A-697.73	Lâm Đồng	11237	47C-370.82	Đắk Lắk
6738	49A-698.36	Lâm Đồng	8238	49A-703.90	Lâm Đồng	9738	49A-698.54	Lâm Đồng	11238	47C-371.97	Đắk Lắk
6739	49A-698.97	Lâm Đồng	8239	49A-704.21	Lâm Đồng	9739	49A-698.57	Lâm Đồng	11239	47C-372.24	Đắk Lắk
6740	49A-699.41	Lâm Đồng	8240	49A-704.46	Lâm Đồng	9740	49A-699.02	Lâm Đồng	11240	47C-372.41	Đắk Lắk
6741	49A-699.84	Lâm Đồng	8241	49A-704.54	Lâm Đồng	9741	49A-699.32	Lâm Đồng	11241	47C-372.64	Đắk Lắk
6742	49A-699.90	Lâm Đồng	8242	49A-705.53	Lâm Đồng	9742	49A-699.70	Lâm Đồng	11242	47C-373.05	Đắk Lắk
6743	49A-700.92	Lâm Đồng	8243	49A-706.45	Lâm Đồng	9743	49A-699.72	Lâm Đồng	11243	47C-373.49	Đắk Lắk
6744	49A-704.03	Lâm Đồng	8244	49A-706.51	Lâm Đồng	9744	49A-700.32	Lâm Đồng	11244	47C-374.51	Đắk Lắk
6745	49A-704.64	Lâm Đồng	8245	49A-706.71	Lâm Đồng	9745	49A-701.41	Lâm Đồng	11245	49A-695.18	Lâm Đồng
6746	49A-705.33	Lâm Đồng	8246	49A-706.73	Lâm Đồng	9746	49A-702.03	Lâm Đồng	11246	49A-695.68	Lâm Đồng
6747	49A-705.34	Lâm Đồng	8247	49A-706.75	Lâm Đồng	9747	49A-702.54	Lâm Đồng	11247	49A-696.41	Lâm Đồng
6748	49A-705.60	Lâm Đồng	8248	49A-708.02	Lâm Đồng	9748	49A-702.94	Lâm Đồng	11248	49A-697.12	Lâm Đồng
6749	49A-707.73	Lâm Đồng	8249	49A-708.10	Lâm Đồng	9749	49A-702.96	Lâm Đồng	11249	49A-698.31	Lâm Đồng
6750	49A-707.84	Lâm Đồng	8250	49C-366.00	Lâm Đồng	9750	49A-703.13	Lâm Đồng	11250	49A-699.49	Lâm Đồng
6751	49C-365.67	Lâm Đồng	8251	49C-366.48	Lâm Đồng	9751	49A-705.30	Lâm Đồng	11251	49A-699.97	Lâm Đồng
6752	49C-366.05	Lâm Đồng	8252	49C-366.51	Lâm Đồng	9752	49A-705.91	Lâm Đồng	11252	49A-701.81	Lâm Đồng
6753	49C-366.27	Lâm Đồng	8253	49C-367.48	Lâm Đồng	9753	49A-706.42	Lâm Đồng	11253	49A-701.85	Lâm Đồng
6754	49C-366.81	Lâm Đồng	8254	49C-367.49	Lâm Đồng	9754	49A-707.12	Lâm Đồng	11254	49A-702.14	Lâm Đồng
6755	49C-367.30	Lâm Đồng	8255	49C-368.42	Lâm Đồng	9755	49A-707.74	Lâm Đồng	11255	49A-702.62	Lâm Đồng
6756	49C-368.34	Lâm Đồng	8256	49D-011.92	Lâm Đồng	9756	49C-365.89	Lâm Đồng	11256	49A-702.81	Lâm Đồng

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'			Thời gian đấu giá: 16h15'-16h40'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
6757	49C-368.52	Lâm Đồng	8257	51D-999.71	Hồ Chí Minh	9757	49C-366.47	Lâm Đồng	11257	49A-703.16	Lâm Đồng
6758	51M-004.67	Hồ Chí Minh	8258	51M-004.17	Hồ Chí Minh	9758	49C-367.91	Lâm Đồng	11258	49A-704.57	Lâm Đồng
6759	51M-005.80	Hồ Chí Minh	8259	51M-004.31	Hồ Chí Minh	9759	51D-999.49	Hồ Chí Minh	11259	49A-705.02	Lâm Đồng
6760	51M-006.70	Hồ Chí Minh	8260	51M-004.53	Hồ Chí Minh	9760	51M-004.46	Hồ Chí Minh	11260	49A-705.62	Lâm Đồng
6761	51M-006.84	Hồ Chí Minh	8261	51M-004.61	Hồ Chí Minh	9761	51M-005.14	Hồ Chí Minh	11261	49A-705.67	Lâm Đồng
6762	51M-007.75	Hồ Chí Minh	8262	51M-005.29	Hồ Chí Minh	9762	51M-005.62	Hồ Chí Minh	11262	49A-706.53	Lâm Đồng
6763	51M-008.01	Hồ Chí Minh	8263	51M-005.47	Hồ Chí Minh	9763	51M-005.76	Hồ Chí Minh	11263	49A-707.51	Lâm Đồng
6764	60C-717.37	Đồng Nai	8264	51M-005.48	Hồ Chí Minh	9764	51M-006.87	Hồ Chí Minh	11264	49A-707.80	Lâm Đồng
6765	60C-718.03	Đồng Nai	8265	51M-005.54	Hồ Chí Minh	9765	51M-007.41	Hồ Chí Minh	11265	49C-365.76	Lâm Đồng
6766	60C-720.18	Đồng Nai	8266	51M-006.47	Hồ Chí Minh	9766	51M-007.82	Hồ Chí Minh	11266	49C-366.41	Lâm Đồng
6767	60C-721.23	Đồng Nai	8267	51M-007.99	Hồ Chí Minh	9767	51M-008.42	Hồ Chí Minh	11267	49C-367.72	Lâm Đồng
6768	60C-721.47	Đồng Nai	8268	51M-008.03	Hồ Chí Minh	9768	60C-717.34	Đồng Nai	11268	49C-367.87	Lâm Đồng
6769	60C-725.25	Đồng Nai	8269	51M-008.12	Hồ Chí Minh	9769	60C-717.62	Đồng Nai	11269	49C-368.24	Lâm Đồng
6770	60C-727.23	Đồng Nai	8270	60C-717.47	Đồng Nai	9770	60C-718.32	Đồng Nai	11270	49C-368.41	Lâm Đồng
6771	60K-500.71	Đồng Nai	8271	60C-717.87	Đồng Nai	9771	60C-719.07	Đồng Nai	11271	49D-011.91	Lâm Đồng
6772	60K-501.31	Đồng Nai	8272	60C-718.62	Đồng Nai	9772	60C-719.24	Đồng Nai	11272	51D-999.62	Hồ Chí Minh
6773	60K-501.48	Đồng Nai	8273	60C-719.93	Đồng Nai	9773	60C-719.48	Đồng Nai	11273	51E-322.57	Hồ Chí Minh
6774	60K-501.70	Đồng Nai	8274	60C-720.70	Đồng Nai	9774	60C-721.87	Đồng Nai	11274	51M-004.49	Hồ Chí Minh
6775	60K-503.34	Đồng Nai	8275	60C-724.89	Đồng Nai	9775	60C-722.23	Đồng Nai	11275	51M-005.31	Hồ Chí Minh
6776	60K-503.98	Đồng Nai	8276	60C-725.40	Đồng Nai	9776	60C-723.42	Đồng Nai	11276	51M-007.72	Hồ Chí Minh
6777	60K-504.42	Đồng Nai	8277	60C-726.03	Đồng Nai	9777	60C-724.14	Đồng Nai	11277	51M-007.79	Hồ Chí Minh
6778	60K-505.14	Đồng Nai	8278	60C-726.70	Đồng Nai	9778	60C-724.45	Đồng Nai	11278	51M-008.13	Hồ Chí Minh
6779	60K-507.54	Đồng Nai	8279	60C-727.76	Đồng Nai	9779	60C-724.49	Đồng Nai	11279	51M-008.32	Hồ Chí Minh
6780	60K-508.54	Đồng Nai	8280	60K-500.46	Đồng Nai	9780	60C-726.76	Đồng Nai	11280	51M-008.33	Hồ Chí Minh
6781	60K-509.29	Đồng Nai	8281	60K-501.49	Đồng Nai	9781	60C-727.07	Đồng Nai	11281	60C-718.12	Đồng Nai
6782	60K-509.94	Đồng Nai	8282	60K-501.78	Đồng Nai	9782	60K-501.55	Đồng Nai	11282	60C-720.37	Đồng Nai
6783	60K-510.23	Đồng Nai	8283	60K-502.21	Đồng Nai	9783	60K-501.80	Đồng Nai	11283	60C-721.14	Đồng Nai
6784	60K-512.65	Đồng Nai	8284	60K-502.57	Đồng Nai	9784	60K-501.82	Đồng Nai	11284	60C-721.24	Đồng Nai
6785	60K-513.51	Đồng Nai	8285	60K-502.73	Đồng Nai	9785	60K-502.84	Đồng Nai	11285	60C-721.34	Đồng Nai
6786	60K-514.20	Đồng Nai	8286	60K-503.94	Đồng Nai	9786	60K-503.12	Đồng Nai	11286	60C-721.78	Đồng Nai
6787	60K-514.40	Đồng Nai	8287	60K-504.46	Đồng Nai	9787	60K-503.35	Đồng Nai	11287	60C-722.52	Đồng Nai
6788	60K-514.76	Đồng Nai	8288	60K-504.80	Đồng Nai	9788	60K-504.54	Đồng Nai	11288	60C-722.55	Đồng Nai
6789	60K-515.21	Đồng Nai	8289	60K-504.97	Đồng Nai	9789	60K-504.63	Đồng Nai	11289	60C-722.80	Đồng Nai
6790	60K-516.10	Đồng Nai	8290	60K-505.23	Đồng Nai	9790	60K-505.00	Đồng Nai	11290	60C-723.00	Đồng Nai
6791	60K-516.61	Đồng Nai	8291	60K-505.54	Đồng Nai	9791	60K-505.61	Đồng Nai	11291	60C-723.14	Đồng Nai
6792	60K-517.76	Đồng Nai	8292	60K-506.85	Đồng Nai	9792	60K-505.74	Đồng Nai	11292	60C-723.47	Đồng Nai
6793	60K-518.75	Đồng Nai	8293	60K-507.07	Đồng Nai	9793	60K-506.59	Đồng Nai	11293	60C-725.46	Đồng Nai
6794	60K-518.78	Đồng Nai	8294	60K-507.67	Đồng Nai	9794	60K-507.76	Đồng Nai	11294	60C-726.20	Đồng Nai
6795	60K-520.17	Đồng Nai	8295	60K-508.50	Đồng Nai	9795	60K-508.12	Đồng Nai	11295	60K-500.47	Đồng Nai
6796	60K-520.79	Đồng Nai	8296	60K-508.53	Đồng Nai	9796	60K-509.02	Đồng Nai	11296	60K-500.60	Đồng Nai
6797	60K-526.07	Đồng Nai	8297	60K-508.74	Đồng Nai	9797	60K-509.54	Đồng Nai	11297	60K-500.91	Đồng Nai
6798	60K-526.42	Đồng Nai	8298	60K-508.81	Đồng Nai	9798	60K-510.75	Đồng Nai	11298	60K-501.73	Đồng Nai
6799	60K-529.23	Đồng Nai	8299	60K-509.10	Đồng Nai	9799	60K-510.76	Đồng Nai	11299	60K-501.75	Đồng Nai
6800	60K-530.62	Đồng Nai	8300	60K-510.16	Đồng Nai	9800	60K-510.91	Đồng Nai	11300	60K-502.43	Đồng Nai
6801	60K-532.50	Đồng Nai	8301	60K-511.05	Đồng Nai	9801	60K-510.94	Đồng Nai	11301	60K-503.79	Đồng Nai
6802	60K-533.14	Đồng Nai	8302	60K-512.43	Đồng Nai	9802	60K-511.21	Đồng Nai	11302	60K-504.13	Đồng Nai
6803	60K-533.27	Đồng Nai	8303	60K-513.91	Đồng Nai	9803	60K-511.37	Đồng Nai	11303	60K-505.10	Đồng Nai
6804	60K-533.70	Đồng Nai	8304	60K-515.12	Đồng Nai	9804	60K-511.45	Đồng Nai	11304	60K-505.47	Đồng Nai
6805	60K-534.04	Đồng Nai	8305	60K-517.67	Đồng Nai	9805	60K-511.53	Đồng Nai	11305	60K-506.07	Đồng Nai
6806	60K-534.46	Đồng Nai	8306	60K-519.20	Đồng Nai	9806	60K-511.62	Đồng Nai	11306	60K-507.32	Đồng Nai
6807	60K-535.12	Đồng Nai	8307	60K-519.70	Đồng Nai	9807	60K-512.57	Đồng Nai	11307	60K-509.80	Đồng Nai
6808	60K-535.91	Đồng Nai	8308	60K-519.76	Đồng Nai	9808	60K-513.46	Đồng Nai	11308	60K-509.87	Đồng Nai
6809	60K-536.07	Đồng Nai	8309	60K-519.78	Đồng Nai	9809	60K-513.74	Đồng Nai	11309	60K-510.13	Đồng Nai
6810	60K-536.15	Đồng Nai	8310	60K-519.90	Đồng Nai	9810	60K-513.90	Đồng Nai	11310	60K-510.17	Đồng Nai
6811	60K-537.61	Đồng Nai	8311	60K-520.23	Đồng Nai	9811	60K-514.24	Đồng Nai	11311	60K-511.07	Đồng Nai
6812	60K-538.04	Đồng Nai	8312	60K-520.76	Đồng Nai	9812	60K-514.60	Đồng Nai	11312	60K-511.65	Đồng Nai
6813	60K-539.81	Đồng Nai	8313	60K-521.45	Đồng Nai	9813	60K-514.70	Đồng Nai	11313	60K-512.47	Đồng Nai
6814	60K-540.31	Đồng Nai	8314	60K-521.88	Đồng Nai	9814	60K-514.73	Đồng Nai	11314	60K-513.41	Đồng Nai
6815	60K-541.87	Đồng Nai	8315	60K-522.05	Đồng Nai	9815	60K-515.17	Đồng Nai	11315	60K-514.78	Đồng Nai
6816	60K-542.02	Đồng Nai	8316	60K-522.46	Đồng Nai	9816	60K-517.03	Đồng Nai	11316	60K-515.92	Đồng Nai
6817	61C-582.84	Bình Dương	8317	60K-523.12	Đồng Nai	9817	60K-518.03	Đồng Nai	11317	60K-516.07	Đồng Nai
6818	61C-582.92	Bình Dương	8318	60K-523.55	Đồng Nai	9818	60K-520.49	Đồng Nai	11318	60K-516.70	Đồng Nai
6819	61C-584.14	Bình Dương	8319	60K-523.64	Đồng Nai	9819	60K-521.76	Đồng Nai	11319	60K-518.24	Đồng Nai

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'			Thời gian đấu giá: 16h15'-16h40'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
6820	61C-584.42	Bình Dương	8320	60K-523.92	Đồng Nai	9820	60K-522.02	Đồng Nai	11320	60K-518.34	Đồng Nai
6821	61C-584.64	Bình Dương	8321	60K-524.20	Đồng Nai	9821	60K-522.78	Đồng Nai	11321	60K-518.38	Đồng Nai
6822	61C-585.37	Bình Dương	8322	60K-524.54	Đồng Nai	9822	60K-523.02	Đồng Nai	11322	60K-518.94	Đồng Nai
6823	61C-586.10	Bình Dương	8323	60K-525.08	Đồng Nai	9823	60K-523.17	Đồng Nai	11323	60K-519.16	Đồng Nai
6824	61C-586.40	Bình Dương	8324	60K-525.42	Đồng Nai	9824	60K-523.54	Đồng Nai	11324	60K-519.87	Đồng Nai
6825	61C-586.46	Bình Dương	8325	60K-525.49	Đồng Nai	9825	60K-524.01	Đồng Nai	11325	60K-519.93	Đồng Nai
6826	61C-586.54	Bình Dương	8326	60K-525.67	Đồng Nai	9826	60K-525.52	Đồng Nai	11326	60K-520.07	Đồng Nai
6827	61C-587.31	Bình Dương	8327	60K-525.81	Đồng Nai	9827	60K-526.45	Đồng Nai	11327	60K-520.43	Đồng Nai
6828	61C-587.34	Bình Dương	8328	60K-526.56	Đồng Nai	9828	60K-528.93	Đồng Nai	11328	60K-522.76	Đồng Nai
6829	61C-587.51	Bình Dương	8329	60K-526.95	Đồng Nai	9829	60K-529.81	Đồng Nai	11329	60K-523.41	Đồng Nai
6830	61D-018.76	Bình Dương	8330	60K-528.04	Đồng Nai	9830	60K-530.12	Đồng Nai	11330	60K-524.84	Đồng Nai
6831	61K-408.01	Bình Dương	8331	60K-528.62	Đồng Nai	9831	60K-530.40	Đồng Nai	11331	60K-525.31	Đồng Nai
6832	61K-408.36	Bình Dương	8332	60K-529.76	Đồng Nai	9832	60K-530.73	Đồng Nai	11332	60K-525.38	Đồng Nai
6833	61K-408.75	Bình Dương	8333	60K-530.21	Đồng Nai	9833	60K-532.85	Đồng Nai	11333	60K-526.71	Đồng Nai
6834	61K-409.60	Bình Dương	8334	60K-530.87	Đồng Nai	9834	60K-534.74	Đồng Nai	11334	60K-528.05	Đồng Nai
6835	61K-409.78	Bình Dương	8335	60K-532.77	Đồng Nai	9835	60K-534.94	Đồng Nai	11335	60K-528.51	Đồng Nai
6836	61K-410.27	Bình Dương	8336	60K-533.40	Đồng Nai	9836	60K-537.47	Đồng Nai	11336	60K-528.73	Đồng Nai
6837	61K-410.67	Bình Dương	8337	60K-533.75	Đồng Nai	9837	60K-537.71	Đồng Nai	11337	60K-529.32	Đồng Nai
6838	61K-413.01	Bình Dương	8338	60K-534.01	Đồng Nai	9838	60K-538.31	Đồng Nai	11338	60K-529.60	Đồng Nai
6839	61K-413.02	Bình Dương	8339	60K-535.37	Đồng Nai	9839	60K-538.70	Đồng Nai	11339	60K-530.13	Đồng Nai
6840	61K-413.17	Bình Dương	8340	60K-536.32	Đồng Nai	9840	60K-538.91	Đồng Nai	11340	60K-530.86	Đồng Nai
6841	61K-413.30	Bình Dương	8341	60K-537.14	Đồng Nai	9841	60K-538.97	Đồng Nai	11341	60K-537.34	Đồng Nai
6842	61K-414.17	Bình Dương	8342	60K-537.23	Đồng Nai	9842	60K-542.05	Đồng Nai	11342	60K-539.01	Đồng Nai
6843	61K-414.71	Bình Dương	8343	60K-537.30	Đồng Nai	9843	60K-542.36	Đồng Nai	11343	60K-540.02	Đồng Nai
6844	61K-415.07	Bình Dương	8344	60K-537.43	Đồng Nai	9844	61C-581.94	Bình Dương	11344	60K-542.64	Đồng Nai
6845	61K-415.48	Bình Dương	8345	60K-537.62	Đồng Nai	9845	61C-583.04	Bình Dương	11345	60K-543.07	Đồng Nai
6846	61K-416.30	Bình Dương	8346	60K-537.67	Đồng Nai	9846	61C-583.72	Bình Dương	11346	61C-585.12	Bình Dương
6847	61K-416.45	Bình Dương	8347	60K-538.43	Đồng Nai	9847	61C-584.73	Bình Dương	11347	61C-585.40	Bình Dương
6848	61K-416.48	Bình Dương	8348	60K-538.49	Đồng Nai	9848	61C-585.07	Bình Dương	11348	61C-586.06	Bình Dương
6849	61K-416.80	Bình Dương	8349	60K-539.60	Đồng Nai	9849	61C-585.30	Bình Dương	11349	61C-586.21	Bình Dương
6850	61K-417.54	Bình Dương	8350	60K-540.19	Đồng Nai	9850	61C-585.51	Bình Dương	11350	61C-586.71	Bình Dương
6851	61K-418.30	Bình Dương	8351	60K-540.59	Đồng Nai	9851	61C-586.05	Bình Dương	11351	61C-587.28	Bình Dương
6852	61K-419.02	Bình Dương	8352	60K-540.75	Đồng Nai	9852	61C-586.31	Bình Dương	11352	61C-587.36	Bình Dương
6853	61K-419.03	Bình Dương	8353	60K-540.80	Đồng Nai	9853	61C-587.45	Bình Dương	11353	61D-019.41	Bình Dương
6854	61K-419.63	Bình Dương	8354	60K-540.97	Đồng Nai	9854	61K-410.48	Bình Dương	11354	61K-409.34	Bình Dương
6855	61K-419.74	Bình Dương	8355	60K-541.09	Đồng Nai	9855	61K-410.50	Bình Dương	11355	61K-411.45	Bình Dương
6856	61K-420.46	Bình Dương	8356	60K-541.74	Đồng Nai	9856	61K-410.89	Bình Dương	11356	61K-411.51	Bình Dương
6857	61K-420.94	Bình Dương	8357	60K-541.84	Đồng Nai	9857	61K-412.62	Bình Dương	11357	61K-412.78	Bình Dương
6858	61K-422.01	Bình Dương	8358	60K-542.23	Đồng Nai	9858	61K-414.13	Bình Dương	11358	61K-413.37	Bình Dương
6859	61K-422.10	Bình Dương	8359	60K-542.38	Đồng Nai	9859	61K-414.31	Bình Dương	11359	61K-413.87	Bình Dương
6860	61K-423.45	Bình Dương	8360	60K-542.73	Đồng Nai	9860	61K-414.50	Bình Dương	11360	61K-414.53	Bình Dương
6861	61K-423.87	Bình Dương	8361	60K-542.84	Đồng Nai	9861	61K-415.47	Bình Dương	11361	61K-414.62	Bình Dương
6862	61K-423.98	Bình Dương	8362	60K-543.42	Đồng Nai	9862	61K-415.74	Bình Dương	11362	61K-415.31	Bình Dương
6863	61K-424.08	Bình Dương	8363	60K-543.53	Đồng Nai	9863	61K-417.70	Bình Dương	11363	61K-415.53	Bình Dương
6864	61K-424.78	Bình Dương	8364	60K-543.65	Đồng Nai	9864	61K-418.49	Bình Dương	11364	61K-416.20	Bình Dương
6865	61K-424.85	Bình Dương	8365	60K-544.23	Đồng Nai	9865	61K-419.40	Bình Dương	11365	61K-416.54	Bình Dương
6866	61K-425.93	Bình Dương	8366	61C-582.27	Bình Dương	9866	61K-420.34	Bình Dương	11366	61K-417.61	Bình Dương
6867	61K-426.53	Bình Dương	8367	61C-582.33	Bình Dương	9867	61K-422.13	Bình Dương	11367	61K-418.07	Bình Dương
6868	61K-427.21	Bình Dương	8368	61C-582.54	Bình Dương	9868	61K-423.27	Bình Dương	11368	61K-418.82	Bình Dương
6869	61K-427.47	Bình Dương	8369	61C-582.99	Bình Dương	9869	61K-423.90	Bình Dương	11369	61K-418.94	Bình Dương
6870	61K-427.49	Bình Dương	8370	61C-583.32	Bình Dương	9870	61K-423.97	Bình Dương	11370	61K-419.32	Bình Dương
6871	61K-428.19	Bình Dương	8371	61C-584.41	Bình Dương	9871	61K-424.96	Bình Dương	11371	61K-419.67	Bình Dương
6872	61K-428.57	Bình Dương	8372	61C-586.23	Bình Dương	9872	61K-425.39	Bình Dương	11372	61K-419.73	Bình Dương
6873	61K-429.32	Bình Dương	8373	61C-587.53	Bình Dương	9873	61K-425.89	Bình Dương	11373	61K-419.76	Bình Dương
6874	61K-429.53	Bình Dương	8374	61C-587.58	Bình Dương	9874	61K-426.05	Bình Dương	11374	61K-420.91	Bình Dương
6875	61K-429.84	Bình Dương	8375	61D-018.78	Bình Dương	9875	61K-427.03	Bình Dương	11375	61K-421.62	Bình Dương
6876	61K-430.18	Bình Dương	8376	61D-019.12	Bình Dương	9876	61K-427.04	Bình Dương	11376	61K-421.72	Bình Dương
6877	61K-430.64	Bình Dương	8377	61D-019.17	Bình Dương	9877	61K-428.04	Bình Dương	11377	61K-422.14	Bình Dương
6878	61K-431.51	Bình Dương	8378	61K-408.63	Bình Dương	9878	61K-428.32	Bình Dương	11378	61K-422.64	Bình Dương
6879	61K-431.91	Bình Dương	8379	61K-408.64	Bình Dương	9879	61K-428.51	Bình Dương	11379	61K-424.61	Bình Dương
6880	61K-431.93	Bình Dương	8380	61K-408.91	Bình Dương	9880	61K-428.87	Bình Dương	11380	61K-426.30	Bình Dương
6881	61K-433.01	Bình Dương	8381	61K-410.45	Bình Dương	9881	61K-429.00	Bình Dương	11381	61K-426.34	Bình Dương
6882	61K-433.27	Bình Dương	8382	61K-410.46	Bình Dương	9882	61K-431.72	Bình Dương	11382	61K-428.65	Bình Dương

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'			Thời gian đấu giá: 16h15'-16h40'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
6883	61K-433.62	Bình Dương	8383	61K-411.20	Bình Dương	9883	61K-432.03	Bình Dương	11383	61K-428.93	Bình Dương
6884	61K-433.84	Bình Dương	8384	61K-411.82	Bình Dương	9884	61K-432.75	Bình Dương	11384	61K-429.41	Bình Dương
6885	61K-435.23	Bình Dương	8385	61K-412.64	Bình Dương	9885	61K-432.81	Bình Dương	11385	61K-431.45	Bình Dương
6886	61K-436.74	Bình Dương	8386	61K-413.94	Bình Dương	9886	61K-433.50	Bình Dương	11386	61K-432.20	Bình Dương
6887	61K-437.30	Bình Dương	8387	61K-414.46	Bình Dương	9887	61K-433.76	Bình Dương	11387	61K-434.94	Bình Dương
6888	61K-438.31	Bình Dương	8388	61K-415.30	Bình Dương	9888	61K-434.04	Bình Dương	11388	61K-435.16	Bình Dương
6889	61K-438.67	Bình Dương	8389	61K-415.63	Bình Dương	9889	61K-434.52	Bình Dương	11389	61K-438.23	Bình Dương
6890	61K-439.87	Bình Dương	8390	61K-415.91	Bình Dương	9890	61K-434.65	Bình Dương	11390	61K-438.54	Bình Dương
6891	61K-440.48	Bình Dương	8391	61K-415.93	Bình Dương	9891	61K-435.10	Bình Dương	11391	61K-439.40	Bình Dương
6892	62A-439.12	Long An	8392	61K-415.94	Bình Dương	9892	61K-435.54	Bình Dương	11392	61K-440.14	Bình Dương
6893	62A-439.97	Long An	8393	61K-419.57	Bình Dương	9893	61K-435.62	Bình Dương	11393	61K-441.81	Bình Dương
6894	62A-440.27	Long An	8394	61K-419.93	Bình Dương	9894	61K-436.33	Bình Dương	11394	62A-439.53	Long An
6895	62A-440.61	Long An	8395	61K-420.53	Bình Dương	9895	61K-436.37	Bình Dương	11395	62A-440.17	Long An
6896	62A-440.84	Long An	8396	61K-421.53	Bình Dương	9896	61K-438.95	Bình Dương	11396	62A-440.26	Long An
6897	62A-441.02	Long An	8397	61K-421.54	Bình Dương	9897	61K-441.04	Bình Dương	11397	62A-441.67	Long An
6898	62A-442.23	Long An	8398	61K-422.43	Bình Dương	9898	61K-441.46	Bình Dương	11398	62A-443.53	Long An
6899	62A-442.52	Long An	8399	61K-422.70	Bình Dương	9899	61K-441.93	Bình Dương	11399	62A-444.80	Long An
6900	62A-443.17	Long An	8400	61K-424.70	Bình Dương	9900	62A-439.13	Long An	11400	62A-445.00	Long An
6901	62A-443.23	Long An	8401	61K-425.42	Bình Dương	9901	62A-439.50	Long An	11401	62A-445.07	Long An
6902	62A-443.58	Long An	8402	61K-425.49	Bình Dương	9902	62A-439.74	Long An	11402	62A-445.47	Long An
6903	62A-443.78	Long An	8403	61K-425.63	Bình Dương	9903	62A-440.06	Long An	11403	62A-446.40	Long An
6904	62A-446.14	Long An	8404	61K-426.32	Bình Dương	9904	62A-440.12	Long An	11404	62A-447.41	Long An
6905	62A-447.27	Long An	8405	61K-428.31	Bình Dương	9905	62A-440.42	Long An	11405	62A-447.67	Long An
6906	62A-447.43	Long An	8406	61K-429.64	Bình Dương	9906	62A-440.91	Long An	11406	62A-449.10	Long An
6907	62A-447.78	Long An	8407	61K-430.70	Bình Dương	9907	62A-441.78	Long An	11407	62A-449.34	Long An
6908	62A-447.93	Long An	8408	61K-430.94	Bình Dương	9908	62A-442.40	Long An	11408	62B-028.17	Long An
6909	62A-448.46	Long An	8409	61K-432.62	Bình Dương	9909	62A-442.97	Long An	11409	62C-205.69	Long An
6910	62C-195.79	Long An	8410	61K-433.85	Bình Dương	9910	62A-443.35	Long An	11410	62C-210.09	Long An
6911	62C-203.69	Long An	8411	61K-435.72	Bình Dương	9911	62A-445.57	Long An	11411	62C-210.42	Long An
6912	62C-205.39	Long An	8412	61K-435.80	Bình Dương	9912	62A-446.43	Long An	11412	62D-011.23	Long An
6913	62C-210.24	Long An	8413	61K-436.71	Bình Dương	9913	62A-447.17	Long An	11413	63A-302.80	Tiền Giang
6914	62C-210.34	Long An	8414	61K-437.80	Bình Dương	9914	62A-447.84	Long An	11414	63A-303.02	Tiền Giang
6915	63A-303.47	Tiền Giang	8415	61K-437.93	Bình Dương	9915	62A-447.87	Long An	11415	63A-303.03	Tiền Giang
6916	63A-304.23	Tiền Giang	8416	61K-440.78	Bình Dương	9916	62A-448.04	Long An	11416	63A-303.20	Tiền Giang
6917	63A-304.82	Tiền Giang	8417	61K-440.87	Bình Dương	9917	62A-448.32	Long An	11417	63A-303.31	Tiền Giang
6918	63A-304.92	Tiền Giang	8418	61K-440.93	Bình Dương	9918	62A-448.81	Long An	11418	63A-304.07	Tiền Giang
6919	63A-304.93	Tiền Giang	8419	61K-441.30	Bình Dương	9919	62A-449.30	Long An	11419	63A-304.13	Tiền Giang
6920	63A-305.43	Tiền Giang	8420	61K-441.63	Bình Dương	9920	62A-449.42	Long An	11420	63A-304.75	Tiền Giang
6921	63A-305.74	Tiền Giang	8421	61K-441.70	Bình Dương	9921	62A-449.60	Long An	11421	63A-305.52	Tiền Giang
6922	63A-306.02	Tiền Giang	8422	62A-438.91	Long An	9922	62C-202.02	Long An	11422	63A-305.67	Tiền Giang
6923	63C-211.44	Tiền Giang	8423	62A-438.96	Long An	9923	62C-207.77	Long An	11423	63A-306.17	Tiền Giang
6924	64A-193.13	Vĩnh Long	8424	62A-439.14	Long An	9924	62C-207.89	Long An	11424	63A-306.22	Tiền Giang
6925	64A-193.24	Vĩnh Long	8425	62A-440.50	Long An	9925	62C-209.16	Long An	11425	63B-029.84	Tiền Giang
6926	64A-193.71	Vĩnh Long	8426	62A-440.90	Long An	9926	63A-302.32	Tiền Giang	11426	63C-213.09	Tiền Giang
6927	64A-194.05	Vĩnh Long	8427	62A-442.11	Long An	9927	63A-302.43	Tiền Giang	11427	63C-213.56	Tiền Giang
6928	64A-194.24	Vĩnh Long	8428	62A-442.17	Long An	9928	63A-302.51	Tiền Giang	11428	63C-214.68	Tiền Giang
6929	64B-013.46	Vĩnh Long	8429	62A-442.37	Long An	9929	63A-302.68	Tiền Giang	11429	63C-216.67	Tiền Giang
6930	64C-115.16	Vĩnh Long	8430	62A-443.07	Long An	9930	63A-302.81	Tiền Giang	11430	63C-216.91	Tiền Giang
6931	64C-120.53	Vĩnh Long	8431	62A-443.31	Long An	9931	63A-303.25	Tiền Giang	11431	63C-219.24	Tiền Giang
6932	64C-120.92	Vĩnh Long	8432	62A-443.70	Long An	9932	63A-303.54	Tiền Giang	11432	64A-193.04	Vĩnh Long
6933	64D-002.61	Vĩnh Long	8433	62A-443.76	Long An	9933	63A-303.90	Tiền Giang	11433	64A-193.38	Vĩnh Long
6934	65A-460.56	Cần Thơ	8434	62A-444.52	Long An	9934	63A-304.01	Tiền Giang	11434	64A-194.34	Vĩnh Long
6935	65A-471.08	Cần Thơ	8435	62A-444.92	Long An	9935	63A-304.32	Tiền Giang	11435	64C-115.08	Vĩnh Long
6936	65A-479.86	Cần Thơ	8436	62A-445.01	Long An	9936	63A-304.46	Tiền Giang	11436	64C-120.01	Vĩnh Long
6937	65A-480.36	Cần Thơ	8437	62A-445.41	Long An	9937	63A-304.70	Tiền Giang	11437	64C-120.14	Vĩnh Long
6938	65A-480.89	Cần Thơ	8438	62A-445.64	Long An	9938	63A-305.24	Tiền Giang	11438	64C-120.48	Vĩnh Long
6939	65A-489.08	Cần Thơ	8439	62A-445.87	Long An	9939	63A-305.48	Tiền Giang	11439	64C-121.15	Vĩnh Long
6940	65A-490.68	Cần Thơ	8440	62A-446.17	Long An	9940	63A-305.61	Tiền Giang	11440	64D-002.57	Vĩnh Long
6941	65C-224.99	Cần Thơ	8441	62A-447.05	Long An	9941	63A-305.70	Tiền Giang	11441	65A-461.55	Cần Thơ
6942	65D-006.17	Cần Thơ	8442	62A-447.73	Long An	9942	63A-306.11	Tiền Giang	11442	65A-465.19	Cần Thơ
6943	66A-280.42	Đồng Tháp	8443	62A-448.76	Long An	9943	63A-306.51	Tiền Giang	11443	65A-470.08	Cần Thơ
6944	66A-281.74	Đồng Tháp	8444	62A-448.97	Long An	9944	63B-029.74	Tiền Giang	11444	65A-474.19	Cần Thơ
6945	66A-282.87	Đồng Tháp	8445	62C-198.33	Long An	9945	63C-216.00	Tiền Giang	11445	65A-481.99	Cần Thơ

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'			Thời gian đấu giá: 16h15'-16h40'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
6946	66A-284.27	Đồng Tháp	8446	62C-200.99	Long An	9946	63C-217.49	Tiền Giang	11446	65B-022.01	Cần Thơ
6947	66A-284.54	Đồng Tháp	8447	62C-203.19	Long An	9947	63C-217.76	Tiền Giang	11447	65C-212.16	Cần Thơ
6948	66A-284.56	Đồng Tháp	8448	62C-205.36	Long An	9948	63C-217.92	Tiền Giang	11448	65C-220.09	Cần Thơ
6949	66A-284.82	Đồng Tháp	8449	63A-301.97	Tiền Giang	9949	63D-008.89	Tiền Giang	11449	65C-220.59	Cần Thơ
6950	66A-285.52	Đồng Tháp	8450	63A-303.07	Tiền Giang	9950	64A-192.82	Vĩnh Long	11450	65D-006.19	Cần Thơ
6951	66A-285.64	Đồng Tháp	8451	63A-303.13	Tiền Giang	9951	64A-193.02	Vĩnh Long	11451	65D-006.24	Cần Thơ
6952	66A-286.84	Đồng Tháp	8452	63A-303.46	Tiền Giang	9952	64A-193.17	Vĩnh Long	11452	66A-279.85	Đồng Tháp
6953	66A-287.27	Đồng Tháp	8453	63A-303.57	Tiền Giang	9953	64A-193.30	Vĩnh Long	11453	66A-280.30	Đồng Tháp
6954	66C-174.51	Đồng Tháp	8454	63A-304.74	Tiền Giang	9954	64C-119.58	Vĩnh Long	11454	66A-280.37	Đồng Tháp
6955	66C-175.04	Đồng Tháp	8455	63A-304.80	Tiền Giang	9955	64C-120.04	Vĩnh Long	11455	66A-280.51	Đồng Tháp
6956	66C-175.27	Đồng Tháp	8456	63A-306.49	Tiền Giang	9956	64D-002.48	Vĩnh Long	11456	66A-281.40	Đồng Tháp
6957	67A-306.08	An Giang	8457	63B-029.98	Tiền Giang	9957	65A-476.77	Cần Thơ	11457	66A-281.75	Đồng Tháp
6958	67A-306.92	An Giang	8458	63C-213.36	Tiền Giang	9958	65B-021.82	Cần Thơ	11458	66A-283.13	Đồng Tháp
6959	67A-308.93	An Giang	8459	63C-218.46	Tiền Giang	9959	65C-217.18	Cần Thơ	11459	66A-283.93	Đồng Tháp
6960	67A-309.60	An Giang	8460	63C-218.72	Tiền Giang	9960	65C-225.86	Cần Thơ	11460	66A-284.50	Đồng Tháp
6961	67A-309.72	An Giang	8461	63C-219.34	Tiền Giang	9961	66A-280.16	Đồng Tháp	11461	66A-284.73	Đồng Tháp
6962	67A-310.61	An Giang	8462	63C-219.37	Tiền Giang	9962	66A-280.28	Đồng Tháp	11462	66A-285.00	Đồng Tháp
6963	67A-311.30	An Giang	8463	63C-219.42	Tiền Giang	9963	66A-280.62	Đồng Tháp	11463	66A-287.02	Đồng Tháp
6964	67A-311.64	An Giang	8464	63D-008.85	Tiền Giang	9964	66A-280.71	Đồng Tháp	11464	66A-287.42	Đồng Tháp
6965	67A-312.58	An Giang	8465	63D-008.92	Tiền Giang	9965	66A-281.62	Đồng Tháp	11465	66C-174.08	Đồng Tháp
6966	67A-313.03	An Giang	8466	64A-194.32	Vĩnh Long	9966	66A-282.13	Đồng Tháp	11466	66C-174.57	Đồng Tháp
6967	67A-313.10	An Giang	8467	64B-013.47	Vĩnh Long	9967	66A-282.52	Đồng Tháp	11467	66C-175.14	Đồng Tháp
6968	67A-313.30	An Giang	8468	64C-115.15	Vĩnh Long	9968	66A-282.78	Đồng Tháp	11468	66C-175.64	Đồng Tháp
6969	67A-313.61	An Giang	8469	64D-002.45	Vĩnh Long	9969	66A-283.44	Đồng Tháp	11469	67A-306.48	An Giang
6970	67A-313.81	An Giang	8470	64D-002.49	Vĩnh Long	9970	66A-284.12	Đồng Tháp	11470	67A-307.17	An Giang
6971	67A-314.32	An Giang	8471	64D-002.62	Vĩnh Long	9971	66A-284.87	Đồng Tháp	11471	67A-307.30	An Giang
6972	67C-181.75	An Giang	8472	65A-461.59	Cần Thơ	9972	66A-285.24	Đồng Tháp	11472	67A-307.61	An Giang
6973	67C-182.09	An Giang	8473	65A-467.08	Cần Thơ	9973	66A-285.84	Đồng Tháp	11473	67A-308.17	An Giang
6974	67C-182.10	An Giang	8474	65A-476.06	Cần Thơ	9974	66A-286.93	Đồng Tháp	11474	67A-308.26	An Giang
6975	67C-183.02	An Giang	8475	65A-476.56	Cần Thơ	9975	66A-287.20	Đồng Tháp	11475	67A-309.01	An Giang
6976	67D-005.70	An Giang	8476	65C-221.99	Cần Thơ	9976	66C-174.34	Đồng Tháp	11476	67A-309.61	An Giang
6977	68A-342.08	Kiên Giang	8477	65D-006.21	Cần Thơ	9977	66C-174.37	Đồng Tháp	11477	67A-310.74	An Giang
6978	68A-344.57	Kiên Giang	8478	66A-280.01	Đồng Tháp	9978	66C-175.41	Đồng Tháp	11478	67A-311.02	An Giang
6979	68A-344.87	Kiên Giang	8479	66A-281.53	Đồng Tháp	9979	66C-175.78	Đồng Tháp	11479	67A-311.79	An Giang
6980	68A-345.01	Kiên Giang	8480	66A-282.45	Đồng Tháp	9980	66C-176.21	Đồng Tháp	11480	67A-311.84	An Giang
6981	68A-345.02	Kiên Giang	8481	66A-283.34	Đồng Tháp	9981	66C-177.04	Đồng Tháp	11481	67A-312.80	An Giang
6982	68A-345.30	Kiên Giang	8482	66A-285.27	Đồng Tháp	9982	66C-177.24	Đồng Tháp	11482	67A-313.49	An Giang
6983	68A-346.27	Kiên Giang	8483	66A-286.11	Đồng Tháp	9983	67A-305.87	An Giang	11483	67C-179.39	An Giang
6984	68A-346.72	Kiên Giang	8484	66A-286.24	Đồng Tháp	9984	67A-305.92	An Giang	11484	67C-180.12	An Giang
6985	68A-347.84	Kiên Giang	8485	66A-286.33	Đồng Tháp	9985	67A-307.05	An Giang	11485	67C-180.55	An Giang
6986	68A-348.73	Kiên Giang	8486	66A-286.61	Đồng Tháp	9986	67A-307.42	An Giang	11486	67C-181.12	An Giang
6987	68A-349.41	Kiên Giang	8487	66A-286.96	Đồng Tháp	9987	67A-308.47	An Giang	11487	67C-182.21	An Giang
6988	68A-349.64	Kiên Giang	8488	66A-287.45	Đồng Tháp	9988	67A-309.10	An Giang	11488	67C-182.27	An Giang
6989	68A-350.13	Kiên Giang	8489	66A-287.65	Đồng Tháp	9989	67A-309.63	An Giang	11489	67C-182.51	An Giang
6990	68A-350.17	Kiên Giang	8490	66C-174.04	Đồng Tháp	9990	67A-310.21	An Giang	11490	67C-182.67	An Giang
6991	68A-350.21	Kiên Giang	8491	66C-174.05	Đồng Tháp	9991	67A-310.40	An Giang	11491	67D-005.54	An Giang
6992	68A-350.64	Kiên Giang	8492	66C-174.45	Đồng Tháp	9992	67A-310.42	An Giang	11492	68A-344.12	Kiên Giang
6993	68A-350.92	Kiên Giang	8493	66C-174.82	Đồng Tháp	9993	67A-310.45	An Giang	11493	68A-345.11	Kiên Giang
6994	68C-169.34	Kiên Giang	8494	66C-175.11	Đồng Tháp	9994	67A-310.53	An Giang	11494	68A-345.41	Kiên Giang
6995	68C-169.67	Kiên Giang	8495	66C-175.80	Đồng Tháp	9995	67A-310.75	An Giang	11495	68A-346.54	Kiên Giang
6996	68C-169.87	Kiên Giang	8496	66C-176.14	Đồng Tháp	9996	67A-312.02	An Giang	11496	68A-347.50	Kiên Giang
6997	68C-170.13	Kiên Giang	8497	66C-176.30	Đồng Tháp	9997	67A-312.70	An Giang	11497	68A-347.53	Kiên Giang
6998	68C-170.32	Kiên Giang	8498	66C-176.73	Đồng Tháp	9998	67A-312.81	An Giang	11498	68A-348.13	Kiên Giang
6999	68C-170.39	Kiên Giang	8499	67A-306.02	An Giang	9999	67A-312.87	An Giang	11499	68A-348.60	Kiên Giang
7000	68C-170.84	Kiên Giang	8500	67A-306.05	An Giang	10000	67A-313.93	An Giang	11500	68A-348.62	Kiên Giang
7001	68C-171.20	Kiên Giang	8501	67A-306.21	An Giang	10001	67A-314.45	An Giang	11501	68A-349.10	Kiên Giang
7002	69C-099.24	Cà Mau	8502	67A-309.24	An Giang	10002	67C-180.10	An Giang	11502	68A-349.21	Kiên Giang
7003	69C-100.12	Cà Mau	8503	67A-309.35	An Giang	10003	67C-180.17	An Giang	11503	68A-350.32	Kiên Giang
7004	70A-543.18	Tây Ninh	8504	67A-310.20	An Giang	10004	67C-180.47	An Giang	11504	68A-350.53	Kiên Giang
7005	70A-543.43	Tây Ninh	8505	67A-310.46	An Giang	10005	67C-182.03	An Giang	11505	68A-351.41	Kiên Giang
7006	70A-544.20	Tây Ninh	8506	67A-310.55	An Giang	10006	67C-182.62	An Giang	11506	68A-351.60	Kiên Giang
7007	70A-544.37	Tây Ninh	8507	67A-310.82	An Giang	10007	67C-183.24	An Giang	11507	68C-169.84	Kiên Giang
7008	70A-544.50	Tây Ninh	8508	67A-310.91	An Giang	10008	68A-348.02	Kiên Giang	11508	68C-171.27	Kiên Giang

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'			Thời gian đấu giá: 16h15'-16h40'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
7009	70A-547.43	Tây Ninh	8509	67A-311.52	An Giang	10009	68A-349.01	Kiên Giang	11509	68C-171.93	Kiên Giang
7010	70A-547.60	Tây Ninh	8510	67A-311.75	An Giang	10010	68A-349.47	Kiên Giang	11510	69A-162.24	Cà Mau
7011	70A-547.87	Tây Ninh	8511	67A-312.82	An Giang	10011	68A-350.41	Kiên Giang	11511	69A-162.28	Cà Mau
7012	70A-548.02	Tây Ninh	8512	67A-313.76	An Giang	10012	68A-350.54	Kiên Giang	11512	69A-162.52	Cà Mau
7013	70A-548.67	Tây Ninh	8513	67A-314.07	An Giang	10013	68C-169.54	Kiên Giang	11513	69C-099.57	Cà Mau
7014	70A-549.16	Tây Ninh	8514	67A-314.12	An Giang	10014	68C-169.78	Kiên Giang	11514	69C-099.62	Cà Mau
7015	70A-549.30	Tây Ninh	8515	67A-314.43	An Giang	10015	68C-169.80	Kiên Giang	11515	69C-099.64	Cà Mau
7016	70A-549.82	Tây Ninh	8516	67C-178.33	An Giang	10016	68C-171.10	Kiên Giang	11516	70A-543.21	Tây Ninh
7017	70A-550.63	Tây Ninh	8517	67C-182.06	An Giang	10017	68C-171.24	Kiên Giang	11517	70A-543.70	Tây Ninh
7018	70A-553.02	Tây Ninh	8518	67C-182.45	An Giang	10018	68C-171.34	Kiên Giang	11518	70A-544.31	Tây Ninh
7019	70A-553.48	Tây Ninh	8519	67C-182.74	An Giang	10019	68C-171.48	Kiên Giang	11519	70A-544.75	Tây Ninh
7020	70A-554.30	Tây Ninh	8520	68A-345.94	Kiên Giang	10020	68C-171.60	Kiên Giang	11520	70A-545.12	Tây Ninh
7021	70A-554.41	Tây Ninh	8521	68A-346.94	Kiên Giang	10021	69C-099.13	Cà Mau	11521	70A-545.24	Tây Ninh
7022	70B-030.97	Tây Ninh	8522	68A-349.74	Kiên Giang	10022	69C-099.58	Cà Mau	11522	70A-546.74	Tây Ninh
7023	70C-202.88	Tây Ninh	8523	68A-350.12	Kiên Giang	10023	69C-100.08	Cà Mau	11523	70A-546.92	Tây Ninh
7024	70C-207.06	Tây Ninh	8524	68A-350.43	Kiên Giang	10024	69C-100.21	Cà Mau	11524	70A-547.02	Tây Ninh
7025	70C-209.83	Tây Ninh	8525	68A-350.82	Kiên Giang	10025	69C-100.37	Cà Mau	11525	70A-547.44	Tây Ninh
7026	70D-007.91	Tây Ninh	8526	68A-351.14	Kiên Giang	10026	69C-100.72	Cà Mau	11526	70A-548.42	Tây Ninh
7027	71A-198.30	Bến Tre	8527	68C-170.41	Kiên Giang	10027	70A-543.31	Tây Ninh	11527	70A-549.42	Tây Ninh
7028	71A-198.57	Bến Tre	8528	68C-170.74	Kiên Giang	10028	70A-543.64	Tây Ninh	11528	70A-552.12	Tây Ninh
7029	71A-199.13	Bến Tre	8529	68C-171.30	Kiên Giang	10029	70A-544.53	Tây Ninh	11529	70A-552.27	Tây Ninh
7030	71A-200.81	Bến Tre	8530	69C-099.37	Cà Mau	10030	70A-544.76	Tây Ninh	11530	70A-552.43	Tây Ninh
7031	71A-202.04	Bến Tre	8531	70A-543.19	Tây Ninh	10031	70A-545.34	Tây Ninh	11531	70A-552.64	Tây Ninh
7032	72A-788.03	Bà Rịa - Vũng Tàu	8532	70A-543.53	Tây Ninh	10032	70A-545.58	Tây Ninh	11532	70A-553.05	Tây Ninh
7033	72A-789.64	Bà Rịa - Vũng Tàu	8533	70A-543.57	Tây Ninh	10033	70A-545.72	Tây Ninh	11533	70A-553.75	Tây Ninh
7034	72A-790.05	Bà Rịa - Vũng Tàu	8534	70A-544.06	Tây Ninh	10034	70A-546.05	Tây Ninh	11534	70B-030.93	Tây Ninh
7035	72A-790.93	Bà Rịa - Vũng Tàu	8535	70A-544.12	Tây Ninh	10035	70A-546.17	Tây Ninh	11535	70C-208.22	Tây Ninh
7036	72A-791.34	Bà Rịa - Vũng Tàu	8536	70A-544.23	Tây Ninh	10036	70A-546.84	Tây Ninh	11536	70C-209.43	Tây Ninh
7037	72A-791.43	Bà Rịa - Vũng Tàu	8537	70A-544.49	Tây Ninh	10037	70A-547.31	Tây Ninh	11537	70C-209.73	Tây Ninh
7038	72A-791.46	Bà Rịa - Vũng Tàu	8538	70A-544.92	Tây Ninh	10038	70A-547.61	Tây Ninh	11538	71A-198.67	Bến Tre
7039	72A-792.07	Bà Rịa - Vũng Tàu	8539	70A-545.31	Tây Ninh	10039	70A-548.27	Tây Ninh	11539	71A-198.73	Bến Tre
7040	72A-793.20	Bà Rịa - Vũng Tàu	8540	70A-546.14	Tây Ninh	10040	70A-548.61	Tây Ninh	11540	71A-198.81	Bến Tre
7041	72A-793.24	Bà Rịa - Vũng Tàu	8541	70A-546.94	Tây Ninh	10041	70A-549.45	Tây Ninh	11541	71A-199.70	Bến Tre
7042	72A-793.53	Bà Rịa - Vũng Tàu	8542	70A-548.63	Tây Ninh	10042	70A-550.49	Tây Ninh	11542	71A-200.37	Bến Tre
7043	72A-793.84	Bà Rịa - Vũng Tàu	8543	70A-550.23	Tây Ninh	10043	70A-551.07	Tây Ninh	11543	71A-200.42	Bến Tre
7044	72A-794.24	Bà Rịa - Vũng Tàu	8544	70A-551.72	Tây Ninh	10044	70A-551.10	Tây Ninh	11544	71A-200.58	Bến Tre
7045	72A-795.12	Bà Rịa - Vũng Tàu	8545	70A-551.84	Tây Ninh	10045	70A-551.67	Tây Ninh	11545	71A-200.70	Bến Tre
7046	72A-795.23	Bà Rịa - Vũng Tàu	8546	70A-552.87	Tây Ninh	10046	70A-552.17	Tây Ninh	11546	71A-201.05	Bến Tre
7047	72A-796.07	Bà Rịa - Vũng Tàu	8547	70A-553.41	Tây Ninh	10047	70A-552.67	Tây Ninh	11547	71A-201.24	Bến Tre
7048	72A-796.71	Bà Rịa - Vũng Tàu	8548	70A-554.07	Tây Ninh	10048	70A-552.92	Tây Ninh	11548	71A-201.32	Bến Tre
7049	72A-796.74	Bà Rịa - Vũng Tàu	8549	70A-554.34	Tây Ninh	10049	70B-030.87	Tây Ninh	11549	71A-201.43	Bến Tre
7050	72A-796.80	Bà Rịa - Vũng Tàu	8550	70A-554.75	Tây Ninh	10050	70C-209.30	Tây Ninh	11550	71A-201.73	Bến Tre
7051	72A-797.66	Bà Rịa - Vũng Tàu	8551	70A-555.74	Tây Ninh	10051	71A-197.97	Bến Tre	11551	71D-002.48	Bến Tre
7052	72A-798.36	Bà Rịa - Vũng Tàu	8552	70C-202.06	Tây Ninh	10052	71A-198.74	Bến Tre	11552	72A-788.01	Bà Rịa - Vũng Tàu
7053	72A-798.40	Bà Rịa - Vũng Tàu	8553	70C-207.66	Tây Ninh	10053	71A-199.07	Bến Tre	11553	72A-788.20	Bà Rịa - Vũng Tàu
7054	72A-798.73	Bà Rịa - Vũng Tàu	8554	70C-209.64	Tây Ninh	10054	71A-200.04	Bến Tre	11554	72A-788.92	Bà Rịa - Vũng Tàu
7055	72A-799.13	Bà Rịa - Vũng Tàu	8555	71A-197.66	Bến Tre	10055	71A-200.66	Bến Tre	11555	72A-788.94	Bà Rịa - Vũng Tàu
7056	72A-799.82	Bà Rịa - Vũng Tàu	8556	71A-198.42	Bến Tre	10056	72A-788.12	Bà Rịa - Vũng Tàu	11556	72A-789.91	Bà Rịa - Vũng Tàu
7057	72A-799.90	Bà Rịa - Vũng Tàu	8557	71A-198.61	Bến Tre	10057	72A-788.47	Bà Rịa - Vũng Tàu	11557	72A-790.73	Bà Rịa - Vũng Tàu
7058	72A-800.31	Bà Rịa - Vũng Tàu	8558	71A-199.71	Bến Tre	10058	72A-789.54	Bà Rịa - Vũng Tàu	11558	72A-793.41	Bà Rịa - Vũng Tàu
7059	72A-801.95	Bà Rịa - Vũng Tàu	8559	71A-200.40	Bến Tre	10059	72A-789.70	Bà Rịa - Vũng Tàu	11559	72A-794.09	Bà Rịa - Vũng Tàu
7060	72A-803.46	Bà Rịa - Vũng Tàu	8560	71A-200.68	Bến Tre	10060	72A-789.80	Bà Rịa - Vũng Tàu	11560	72A-796.35	Bà Rịa - Vũng Tàu
7061	72A-804.03	Bà Rịa - Vũng Tàu	8561	71A-201.49	Bến Tre	10061	72A-790.61	Bà Rịa - Vũng Tàu	11561	72A-797.12	Bà Rịa - Vũng Tàu
7062	72A-804.21	Bà Rịa - Vũng Tàu	8562	71A-201.90	Bến Tre	10062	72A-790.70	Bà Rịa - Vũng Tàu	11562	72A-797.40	Bà Rịa - Vũng Tàu
7063	72A-804.35	Bà Rịa - Vũng Tàu	8563	71A-202.12	Bến Tre	10063	72A-791.17	Bà Rịa - Vũng Tàu	11563	72A-798.04	Bà Rịa - Vũng Tàu
7064	72A-804.64	Bà Rịa - Vũng Tàu	8564	71A-202.14	Bến Tre	10064	72A-791.64	Bà Rịa - Vũng Tàu	11564	72A-798.87	Bà Rịa - Vũng Tàu
7065	73A-354.22	Quảng Bình	8565	71D-002.46	Bến Tre	10065	72A-792.13	Bà Rịa - Vũng Tàu	11565	72A-799.81	Bà Rịa - Vũng Tàu
7066	73A-354.88	Quảng Bình	8566	72A-789.81	Bà Rịa - Vũng Tàu	10066	72A-793.18	Bà Rịa - Vũng Tàu	11566	72A-800.47	Bà Rịa - Vũng Tàu
7067	73A-355.50	Quảng Bình	8567	72A-790.31	Bà Rịa - Vũng Tàu	10067	72A-793.43	Bà Rịa - Vũng Tàu	11567	72A-800.62	Bà Rịa - Vũng Tàu
7068	73A-356.10	Quảng Bình	8568	72A-790.34	Bà Rịa - Vũng Tàu	10068	72A-793.44	Bà Rịa - Vũng Tàu	11568	72A-801.34	Bà Rịa - Vũng Tàu
7069	73C-182.86	Quảng Bình	8569	72A-790.41	Bà Rịa - Vũng Tàu	10069	72A-793.73	Bà Rịa - Vũng Tàu	11569	72A-801.73	Bà Rịa - Vũng Tàu
7070	73C-185.12	Quảng Bình	8570	72A-792.47	Bà Rịa - Vũng Tàu	10070	72A-793.82	Bà Rịa - Vũng Tàu	11570	72A-801.93	Bà Rịa - Vũng Tàu
7071	73C-185.34	Quảng Bình	8571	72A-792.67	Bà Rịa - Vũng Tàu	10071	72A-794.85	Bà Rịa - Vũng Tàu	11571	72A-802.76	Bà Rịa - Vũng Tàu

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'			Thời gian đấu giá: 16h15'-16h40'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
7072	73C-185.63	Quảng Bình	8572	72A-794.67	Bà Rịa - Vũng Tàu	10072	72A-795.10	Bà Rịa - Vũng Tàu	11572	72A-802.92	Bà Rịa - Vũng Tàu
7073	74A-263.52	Quảng Trị	8573	72A-794.73	Bà Rịa - Vũng Tàu	10073	72A-796.55	Bà Rịa - Vũng Tàu	11573	72A-803.70	Bà Rịa - Vũng Tàu
7074	74A-263.76	Quảng Trị	8574	72A-795.45	Bà Rịa - Vũng Tàu	10074	72A-797.32	Bà Rịa - Vũng Tàu	11574	72A-804.75	Bà Rịa - Vũng Tàu
7075	74A-264.27	Quảng Trị	8575	72A-798.81	Bà Rịa - Vũng Tàu	10075	72A-798.02	Bà Rịa - Vũng Tàu	11575	73A-353.07	Quảng Bình
7076	74A-264.54	Quảng Trị	8576	72A-798.92	Bà Rịa - Vũng Tàu	10076	72A-798.06	Bà Rịa - Vũng Tàu	11576	73A-353.43	Quảng Bình
7077	74A-265.20	Quảng Trị	8577	72A-800.02	Bà Rịa - Vũng Tàu	10077	72A-798.23	Bà Rịa - Vũng Tàu	11577	73A-353.76	Quảng Bình
7078	74A-265.74	Quảng Trị	8578	72A-800.25	Bà Rịa - Vũng Tàu	10078	72A-799.14	Bà Rịa - Vũng Tàu	11578	73A-353.77	Quảng Bình
7079	74C-134.80	Quảng Trị	8579	72A-801.40	Bà Rịa - Vũng Tàu	10079	72A-799.21	Bà Rịa - Vũng Tàu	11579	73A-355.60	Quảng Bình
7080	75C-151.56	Thừa Thiên Huế	8580	72A-801.53	Bà Rịa - Vũng Tàu	10080	72A-799.50	Bà Rịa - Vũng Tàu	11580	73A-355.98	Quảng Bình
7081	75C-151.63	Thừa Thiên Huế	8581	72A-803.64	Bà Rịa - Vũng Tàu	10081	72A-800.17	Bà Rịa - Vũng Tàu	11581	73C-185.45	Quảng Bình
7082	75C-152.54	Thừa Thiên Huế	8582	72C-229.75	Bà Rịa - Vũng Tàu	10082	72A-800.73	Bà Rịa - Vũng Tàu	11582	73C-185.80	Quảng Bình
7083	75C-153.32	Thừa Thiên Huế	8583	73A-352.57	Quảng Bình	10083	72A-801.97	Bà Rịa - Vũng Tàu	11583	74A-262.70	Quảng Trị
7084	75C-153.51	Thừa Thiên Huế	8584	73A-353.21	Quảng Bình	10084	72A-802.34	Bà Rịa - Vũng Tàu	11584	74A-263.21	Quảng Trị
7085	76A-307.61	Quảng Ngãi	8585	73A-354.23	Quảng Bình	10085	72A-802.42	Bà Rịa - Vũng Tàu	11585	74A-266.27	Quảng Trị
7086	76A-309.94	Quảng Ngãi	8586	73A-354.37	Quảng Bình	10086	72A-802.50	Bà Rịa - Vũng Tàu	11586	74A-266.54	Quảng Trị
7087	76A-310.45	Quảng Ngãi	8587	73A-355.31	Quảng Bình	10087	72A-804.36	Bà Rịa - Vũng Tàu	11587	74D-008.49	Quảng Trị
7088	76A-312.05	Quảng Ngãi	8588	73A-355.39	Quảng Bình	10088	72C-229.90	Bà Rịa - Vũng Tàu	11588	75A-371.62	Thừa Thiên Huế
7089	76C-173.16	Quảng Ngãi	8589	73A-356.01	Quảng Bình	10089	72D-007.27	Bà Rịa - Vũng Tàu	11589	75A-371.64	Thừa Thiên Huế
7090	76C-173.47	Quảng Ngãi	8590	73C-185.14	Quảng Bình	10090	73A-352.67	Quảng Bình	11590	75C-152.30	Thừa Thiên Huế
7091	76C-173.87	Quảng Ngãi	8591	73C-185.75	Quảng Bình	10091	73A-352.76	Quảng Bình	11591	76A-307.62	Quảng Ngãi
7092	76C-174.27	Quảng Ngãi	8592	73D-005.26	Quảng Bình	10092	73A-353.03	Quảng Bình	11592	76A-308.31	Quảng Ngãi
7093	76C-174.37	Quảng Ngãi	8593	74A-264.02	Quảng Trị	10093	73A-353.05	Quảng Bình	11593	76A-309.27	Quảng Ngãi
7094	77A-334.14	Bình Định	8594	74A-264.09	Quảng Trị	10094	73A-353.45	Quảng Bình	11594	76A-309.49	Quảng Ngãi
7095	77A-334.76	Bình Định	8595	74A-265.57	Quảng Trị	10095	73A-354.03	Quảng Bình	11595	76A-310.54	Quảng Ngãi
7096	77A-335.38	Bình Định	8596	74A-265.73	Quảng Trị	10096	73A-355.61	Quảng Bình	11596	76A-310.71	Quảng Ngãi
7097	77A-336.32	Bình Định	8597	74A-265.75	Quảng Trị	10097	73A-355.78	Quảng Bình	11597	76A-311.45	Quảng Ngãi
7098	77A-336.72	Bình Định	8598	74A-266.23	Quảng Trị	10098	73C-185.38	Quảng Bình	11598	76A-311.84	Quảng Ngãi
7099	77A-338.93	Bình Định	8599	74A-266.60	Quảng Trị	10099	73C-185.66	Quảng Bình	11599	77A-333.64	Bình Định
7100	77A-339.60	Bình Định	8600	74A-267.50	Quảng Trị	10100	73C-185.67	Quảng Bình	11600	77A-334.04	Bình Định
7101	77A-339.61	Bình Định	8601	75A-371.30	Thừa Thiên Huế	10101	73C-185.82	Quảng Bình	11601	77A-336.03	Bình Định
7102	77A-339.74	Bình Định	8602	75A-371.51	Thừa Thiên Huế	10102	74A-262.99	Quảng Trị	11602	77A-336.13	Bình Định
7103	77A-339.84	Bình Định	8603	75C-151.76	Thừa Thiên Huế	10103	74A-263.44	Quảng Trị	11603	77A-336.21	Bình Định
7104	77A-340.50	Bình Định	8604	75C-152.81	Thừa Thiên Huế	10104	74A-263.48	Quảng Trị	11604	77A-336.42	Bình Định
7105	77A-340.51	Bình Định	8605	75C-153.12	Thừa Thiên Huế	10105	74A-263.91	Quảng Trị	11605	77A-337.60	Bình Định
7106	77A-340.94	Bình Định	8606	75C-153.40	Thừa Thiên Huế	10106	74A-264.41	Quảng Trị	11606	77A-338.80	Bình Định
7107	77C-250.53	Bình Định	8607	76A-307.75	Quảng Ngãi	10107	74A-265.01	Quảng Trị	11607	77A-339.42	Bình Định
7108	77C-250.54	Bình Định	8608	76A-309.50	Quảng Ngãi	10108	74A-265.53	Quảng Trị	11608	77A-340.03	Bình Định
7109	77C-251.37	Bình Định	8609	76A-309.62	Quảng Ngãi	10109	74A-265.66	Quảng Trị	11609	77A-340.97	Bình Định
7110	77D-003.32	Bình Định	8610	76A-309.92	Quảng Ngãi	10110	74A-265.77	Quảng Trị	11610	77C-247.58	Bình Định
7111	77D-003.41	Bình Định	8611	76A-310.52	Quảng Ngãi	10111	74A-266.90	Quảng Trị	11611	77C-249.50	Bình Định
7112	78A-200.78	Phú Yên	8612	76A-312.46	Quảng Ngãi	10112	74A-267.03	Quảng Trị	11612	77C-249.62	Bình Định
7113	78A-201.23	Phú Yên	8613	76A-312.47	Quảng Ngãi	10113	74A-267.07	Quảng Trị	11613	77C-249.72	Bình Định
7114	78A-201.52	Phú Yên	8614	76C-173.70	Quảng Ngãi	10114	74A-267.21	Quảng Trị	11614	77C-251.32	Bình Định
7115	78A-201.55	Phú Yên	8615	76C-173.91	Quảng Ngãi	10115	74A-267.57	Quảng Trị	11615	77C-251.41	Bình Định
7116	78A-202.12	Phú Yên	8616	76C-174.62	Quảng Ngãi	10116	74D-008.27	Quảng Trị	11616	77C-251.73	Bình Định
7117	78A-202.61	Phú Yên	8617	77A-331.81	Bình Định	10117	74D-008.34	Quảng Trị	11617	78A-200.54	Phú Yên
7118	78A-202.97	Phú Yên	8618	77A-332.52	Bình Định	10118	75A-371.40	Thừa Thiên Huế	11618	78A-201.61	Phú Yên
7119	78A-203.46	Phú Yên	8619	77A-333.71	Bình Định	10119	75C-151.43	Thừa Thiên Huế	11619	78A-201.68	Phú Yên
7120	78A-203.48	Phú Yên	8620	77A-333.97	Bình Định	10120	75C-152.31	Thừa Thiên Huế	11620	78A-202.47	Phú Yên
7121	78A-204.57	Phú Yên	8621	77A-334.02	Bình Định	10121	75C-152.51	Thừa Thiên Huế	11621	78A-202.92	Phú Yên
7122	78A-205.57	Phú Yên	8622	77A-334.24	Bình Định	10122	75C-153.37	Thừa Thiên Huế	11622	78A-203.24	Phú Yên
7123	78A-205.63	Phú Yên	8623	77A-334.64	Bình Định	10123	76A-308.21	Quảng Ngãi	11623	78A-203.64	Phú Yên
7124	78C-121.40	Phú Yên	8624	77A-335.45	Bình Định	10124	76A-308.48	Quảng Ngãi	11624	78A-204.13	Phú Yên
7125	78D-003.24	Phú Yên	8625	77A-335.54	Bình Định	10125	76A-308.84	Quảng Ngãi	11625	78A-204.67	Phú Yên
7126	79A-529.34	Khánh Hòa	8626	77A-335.94	Bình Định	10126	76A-309.78	Quảng Ngãi	11626	78B-015.43	Phú Yên
7127	79A-531.15	Khánh Hòa	8627	77A-336.37	Bình Định	10127	76A-309.87	Quảng Ngãi	11627	78C-120.82	Phú Yên
7128	79A-532.13	Khánh Hòa	8628	77A-337.71	Bình Định	10128	76A-311.03	Quảng Ngãi	11628	78C-121.52	Phú Yên
7129	79A-533.40	Khánh Hòa	8629	77A-338.17	Bình Định	10129	76A-311.52	Quảng Ngãi	11629	78C-121.53	Phú Yên
7130	79A-535.23	Khánh Hòa	8630	77A-338.74	Bình Định	10130	76A-311.67	Quảng Ngãi	11630	78D-003.26	Phú Yên
7131	79A-535.54	Khánh Hòa	8631	77A-339.03	Bình Định	10131	76C-173.12	Quảng Ngãi	11631	79A-530.49	Khánh Hòa
7132	79A-535.92	Khánh Hòa	8632	77A-339.41	Bình Định	10132	76C-173.63	Quảng Ngãi	11632	79A-531.75	Khánh Hòa
7133	79A-536.46	Khánh Hòa	8633	77A-340.82	Bình Định	10133	76C-174.64	Quảng Ngãi	11633	79A-533.21	Khánh Hòa
7134	79A-536.61	Khánh Hòa	8634	77A-341.17	Bình Định	10134	77A-332.31	Bình Định	11634	79A-534.76	Khánh Hòa

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'			Thời gian đấu giá: 16h15'-16h40'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
7135	79A-536.81	Khánh Hòa	8635	77A-341.37	Bình Định	10135	77A-332.47	Bình Định	11635	79A-534.84	Khánh Hòa
7136	79A-536.87	Khánh Hòa	8636	77B-034.42	Bình Định	10136	77A-332.98	Bình Định	11636	79A-535.04	Khánh Hòa
7137	79A-536.97	Khánh Hòa	8637	77C-248.56	Bình Định	10137	77A-333.74	Bình Định	11637	79A-535.84	Khánh Hòa
7138	79A-537.63	Khánh Hòa	8638	78A-200.50	Phú Yên	10138	77A-335.04	Bình Định	11638	79A-536.34	Khánh Hòa
7139	79A-539.32	Khánh Hòa	8639	78A-200.92	Phú Yên	10139	77A-335.46	Bình Định	11639	79A-537.72	Khánh Hòa
7140	79A-539.81	Khánh Hòa	8640	78A-201.42	Phú Yên	10140	77A-336.60	Bình Định	11640	79A-538.19	Khánh Hòa
7141	79A-541.83	Khánh Hòa	8641	78A-201.45	Phú Yên	10141	77A-337.92	Bình Định	11641	79A-538.54	Khánh Hòa
7142	79C-216.09	Khánh Hòa	8642	78A-201.71	Phú Yên	10142	77A-337.93	Bình Định	11642	79A-538.64	Khánh Hòa
7143	79C-220.41	Khánh Hòa	8643	78A-201.93	Phú Yên	10143	77A-340.73	Bình Định	11643	79A-538.72	Khánh Hòa
7144	81A-413.94	Gia Lai	8644	78A-202.49	Phú Yên	10144	77B-034.21	Bình Định	11644	79A-539.45	Khánh Hòa
7145	81A-414.13	Gia Lai	8645	78A-202.78	Phú Yên	10145	77C-249.06	Bình Định	11645	79A-540.12	Khánh Hòa
7146	81A-414.32	Gia Lai	8646	78A-203.14	Phú Yên	10146	77C-250.16	Bình Định	11646	79A-540.17	Khánh Hòa
7147	81A-414.60	Gia Lai	8647	78A-204.12	Phú Yên	10147	77C-251.10	Bình Định	11647	79A-540.22	Khánh Hòa
7148	81A-415.57	Gia Lai	8648	78A-204.23	Phú Yên	10148	77C-251.84	Bình Định	11648	79B-040.37	Khánh Hòa
7149	81A-415.71	Gia Lai	8649	78A-204.37	Phú Yên	10149	78A-202.64	Phú Yên	11649	79C-213.00	Khánh Hòa
7150	81A-415.76	Gia Lai	8650	78A-204.48	Phú Yên	10150	78A-202.76	Phú Yên	11650	79C-213.36	Khánh Hòa
7151	81A-416.57	Gia Lai	8651	78A-204.71	Phú Yên	10151	78A-203.31	Phú Yên	11651	79C-214.58	Khánh Hòa
7152	81A-418.85	Gia Lai	8652	78A-205.20	Phú Yên	10152	78A-203.43	Phú Yên	11652	79C-220.91	Khánh Hòa
7153	81A-419.28	Gia Lai	8653	78A-205.22	Phú Yên	10153	78A-203.52	Phú Yên	11653	79C-220.94	Khánh Hòa
7154	81A-419.55	Gia Lai	8654	78A-205.34	Phú Yên	10154	78A-205.54	Phú Yên	11654	81A-414.21	Gia Lai
7155	81A-419.67	Gia Lai	8655	78A-205.47	Phú Yên	10155	78C-120.27	Phú Yên	11655	81A-414.45	Gia Lai
7156	81A-421.80	Gia Lai	8656	78A-205.52	Phú Yên	10156	78C-121.97	Phú Yên	11656	81A-415.72	Gia Lai
7157	81A-422.57	Gia Lai	8657	78C-121.39	Phú Yên	10157	78D-003.50	Phú Yên	11657	81A-416.54	Gia Lai
7158	81A-422.79	Gia Lai	8658	78C-122.02	Phú Yên	10158	79A-529.14	Khánh Hòa	11658	81A-416.92	Gia Lai
7159	81A-423.74	Gia Lai	8659	79A-529.42	Khánh Hòa	10159	79A-529.97	Khánh Hòa	11659	81A-419.62	Gia Lai
7160	81A-423.76	Gia Lai	8660	79A-529.45	Khánh Hòa	10160	79A-530.20	Khánh Hòa	11660	81A-420.47	Gia Lai
7161	81A-423.94	Gia Lai	8661	79A-529.64	Khánh Hòa	10161	79A-531.30	Khánh Hòa	11661	81A-420.49	Gia Lai
7162	81A-424.13	Gia Lai	8662	79A-530.74	Khánh Hòa	10162	79A-531.49	Khánh Hòa	11662	81A-420.56	Gia Lai
7163	81A-424.64	Gia Lai	8663	79A-531.12	Khánh Hòa	10163	79A-531.50	Khánh Hòa	11663	81A-421.87	Gia Lai
7164	81A-424.82	Gia Lai	8664	79A-531.72	Khánh Hòa	10164	79A-531.74	Khánh Hòa	11664	81C-261.44	Gia Lai
7165	81B-024.80	Gia Lai	8665	79A-532.41	Khánh Hòa	10165	79A-534.72	Khánh Hòa	11665	81C-262.82	Gia Lai
7166	81C-263.43	Gia Lai	8666	79A-533.61	Khánh Hòa	10166	79A-536.50	Khánh Hòa	11666	81C-262.92	Gia Lai
7167	81C-263.67	Gia Lai	8667	79A-534.01	Khánh Hòa	10167	79A-537.39	Khánh Hòa	11667	81C-263.02	Gia Lai
7168	81C-263.71	Gia Lai	8668	79A-534.17	Khánh Hòa	10168	79A-538.92	Khánh Hòa	11668	81C-263.49	Gia Lai
7169	81C-264.51	Gia Lai	8669	79A-534.45	Khánh Hòa	10169	79A-538.96	Khánh Hòa	11669	81C-264.31	Gia Lai
7170	81C-264.64	Gia Lai	8670	79A-535.97	Khánh Hòa	10170	79A-539.14	Khánh Hòa	11670	81C-265.43	Gia Lai
7171	81C-264.80	Gia Lai	8671	79A-536.05	Khánh Hòa	10171	79A-539.23	Khánh Hòa	11671	81C-265.52	Gia Lai
7172	81C-265.40	Gia Lai	8672	79A-536.49	Khánh Hòa	10172	79A-539.62	Khánh Hòa	11672	81C-265.92	Gia Lai
7173	81C-265.57	Gia Lai	8673	79A-537.42	Khánh Hòa	10173	79A-539.67	Khánh Hòa	11673	81C-266.50	Gia Lai
7174	81C-266.07	Gia Lai	8674	79A-537.48	Khánh Hòa	10174	79A-539.91	Khánh Hòa	11674	81C-266.52	Gia Lai
7175	81C-266.53	Gia Lai	8675	79A-537.92	Khánh Hòa	10175	79A-540.51	Khánh Hòa	11675	81C-266.57	Gia Lai
7176	81C-267.57	Gia Lai	8676	79A-538.25	Khánh Hòa	10176	79A-541.23	Khánh Hòa	11676	81C-266.72	Gia Lai
7177	81C-267.66	Gia Lai	8677	79A-538.46	Khánh Hòa	10177	79C-218.11	Khánh Hòa	11677	81C-268.21	Gia Lai
7178	81C-268.04	Gia Lai	8678	79A-539.04	Khánh Hòa	10178	79C-219.44	Khánh Hòa	11678	81C-268.48	Gia Lai
7179	81C-268.17	Gia Lai	8679	79A-539.20	Khánh Hòa	10179	79C-220.12	Khánh Hòa	11679	81C-268.57	Gia Lai
7180	81C-268.91	Gia Lai	8680	79A-539.80	Khánh Hòa	10180	79C-220.27	Khánh Hòa	11680	81C-269.49	Gia Lai
7181	81D-010.53	Gia Lai	8681	79A-539.97	Khánh Hòa	10181	81A-414.27	Gia Lai	11681	82A-148.73	Kon Tum
7182	82A-149.26	Kon Tum	8682	79A-540.53	Khánh Hòa	10182	81A-415.30	Gia Lai	11682	82A-150.02	Kon Tum
7183	82A-149.38	Kon Tum	8683	79A-540.59	Khánh Hòa	10183	81A-415.61	Gia Lai	11683	82C-090.60	Kon Tum
7184	82A-149.61	Kon Tum	8684	79A-541.71	Khánh Hòa	10184	81A-416.01	Gia Lai	11684	82C-090.71	Kon Tum
7185	82A-149.72	Kon Tum	8685	79A-541.75	Khánh Hòa	10185	81A-417.74	Gia Lai	11685	82C-090.73	Kon Tum
7186	82A-149.81	Kon Tum	8686	79A-541.78	Khánh Hòa	10186	81A-417.76	Gia Lai	11686	82C-091.21	Kon Tum
7187	82A-150.62	Kon Tum	8687	79A-541.90	Khánh Hòa	10187	81A-418.42	Gia Lai	11687	82C-091.61	Kon Tum
7188	82C-090.54	Kon Tum	8688	79B-040.34	Khánh Hòa	10188	81A-418.45	Gia Lai	11688	82C-091.84	Kon Tum
7189	82C-090.59	Kon Tum	8689	79C-212.69	Khánh Hòa	10189	81A-419.20	Gia Lai	11689	83C-128.62	Sóc Trăng
7190	82C-090.87	Kon Tum	8690	79C-219.18	Khánh Hòa	10190	81A-420.18	Gia Lai	11690	83C-128.81	Sóc Trăng
7191	82C-091.87	Kon Tum	8691	79D-007.41	Khánh Hòa	10191	81A-420.46	Gia Lai	11691	83D-004.82	Sóc Trăng
7192	82D-007.64	Kon Tum	8692	81A-415.13	Gia Lai	10192	81A-420.57	Gia Lai	11692	84A-139.40	Trà Vinh
7193	82D-007.70	Kon Tum	8693	81A-416.03	Gia Lai	10193	81A-420.64	Gia Lai	11693	84C-119.40	Trà Vinh
7194	83A-185.45	Sóc Trăng	8694	81A-416.12	Gia Lai	10194	81A-422.92	Gia Lai	11694	84C-120.09	Trà Vinh
7195	83A-185.54	Sóc Trăng	8695	81A-416.75	Gia Lai	10195	81A-423.04	Gia Lai	11695	84C-120.48	Trà Vinh
7196	83C-126.52	Sóc Trăng	8696	81A-416.80	Gia Lai	10196	81A-423.05	Gia Lai	11696	84C-121.34	Trà Vinh
7197	83C-126.71	Sóc Trăng	8697	81A-418.64	Gia Lai	10197	81A-425.10	Gia Lai	11697	85A-139.42	Ninh Thuận

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'			Thời gian đấu giá: 16h15'-16h40'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
7198	83C-127.36	Sóc Trăng	8698	81A-419.74	Gia Lai	10198	81A-425.16	Gia Lai	11698	85A-139.81	Ninh Thuận
7199	83C-127.64	Sóc Trăng	8699	81A-419.81	Gia Lai	10199	81C-261.74	Gia Lai	11699	85A-139.84	Ninh Thuận
7200	83C-128.54	Sóc Trăng	8700	81A-419.83	Gia Lai	10200	81C-261.94	Gia Lai	11700	85A-140.60	Ninh Thuận
7201	83C-128.84	Sóc Trăng	8701	81A-420.43	Gia Lai	10201	81C-263.34	Gia Lai	11701	85A-140.89	Ninh Thuận
7202	84B-016.28	Trà Vinh	8702	81A-420.92	Gia Lai	10202	81C-263.38	Gia Lai	11702	85C-080.91	Ninh Thuận
7203	84B-016.30	Trà Vinh	8703	81A-421.74	Gia Lai	10203	81C-265.70	Gia Lai	11703	85D-003.49	Ninh Thuận
7204	84C-119.81	Trà Vinh	8704	81A-423.47	Gia Lai	10204	81C-266.04	Gia Lai	11704	86A-300.48	Bình Thuận
7205	84C-120.37	Trà Vinh	8705	81A-423.57	Gia Lai	10205	81C-266.05	Gia Lai	11705	86A-300.51	Bình Thuận
7206	84C-120.46	Trà Vinh	8706	81A-424.53	Gia Lai	10206	81C-266.36	Gia Lai	11706	86A-301.61	Bình Thuận
7207	84C-120.74	Trà Vinh	8707	81A-424.58	Gia Lai	10207	81C-267.13	Gia Lai	11707	86A-301.92	Bình Thuận
7208	84C-120.97	Trà Vinh	8708	81A-424.90	Gia Lai	10208	81C-267.90	Gia Lai	11708	86A-302.07	Bình Thuận
7209	85A-140.08	Ninh Thuận	8709	81A-425.03	Gia Lai	10209	81C-268.06	Gia Lai	11709	86A-302.23	Bình Thuận
7210	85A-140.51	Ninh Thuận	8710	81C-261.37	Gia Lai	10210	81C-268.39	Gia Lai	11710	86A-302.42	Bình Thuận
7211	85A-140.80	Ninh Thuận	8711	81C-263.12	Gia Lai	10211	81C-268.49	Gia Lai	11711	86A-304.32	Bình Thuận
7212	85D-003.43	Ninh Thuận	8712	81C-263.66	Gia Lai	10212	81C-268.60	Gia Lai	11712	86A-304.85	Bình Thuận
7213	86A-299.91	Bình Thuận	8713	81C-264.23	Gia Lai	10213	81C-269.36	Gia Lai	11713	86A-304.92	Bình Thuận
7214	86A-300.20	Bình Thuận	8714	81C-265.50	Gia Lai	10214	81C-269.38	Gia Lai	11714	86A-305.02	Bình Thuận
7215	86A-300.91	Bình Thuận	8715	81C-266.70	Gia Lai	10215	82A-149.21	Kon Tum	11715	86A-305.51	Bình Thuận
7216	86A-301.06	Bình Thuận	8716	81C-266.75	Gia Lai	10216	82A-149.51	Kon Tum	11716	86A-305.70	Bình Thuận
7217	86A-301.19	Bình Thuận	8717	81C-267.51	Gia Lai	10217	82A-150.61	Kon Tum	11717	86A-306.78	Bình Thuận
7218	86A-304.97	Bình Thuận	8718	81C-267.82	Gia Lai	10218	82A-150.81	Kon Tum	11718	86A-306.87	Bình Thuận
7219	86A-305.54	Bình Thuận	8719	81C-268.50	Gia Lai	10219	82A-151.03	Kon Tum	11719	86A-307.76	Bình Thuận
7220	86A-305.76	Bình Thuận	8720	82A-149.16	Kon Tum	10220	82A-151.27	Kon Tum	11720	86A-307.84	Bình Thuận
7221	86A-306.74	Bình Thuận	8721	82A-149.52	Kon Tum	10221	82A-151.34	Kon Tum	11721	86B-021.42	Bình Thuận
7222	86A-306.94	Bình Thuận	8722	82A-149.87	Kon Tum	10222	82C-090.70	Kon Tum	11722	86C-200.49	Bình Thuận
7223	86A-306.96	Bình Thuận	8723	82A-150.78	Kon Tum	10223	82C-091.04	Kon Tum	11723	86C-201.07	Bình Thuận
7224	86C-198.79	Bình Thuận	8724	82C-091.14	Kon Tum	10224	83A-184.21	Sóc Trăng	11724	86C-201.61	Bình Thuận
7225	86C-199.59	Bình Thuận	8725	82C-091.27	Kon Tum	10225	83A-184.33	Sóc Trăng	11725	86C-202.12	Bình Thuận
7226	86C-200.21	Bình Thuận	8726	82C-091.62	Kon Tum	10226	83A-184.47	Sóc Trăng	11726	86C-202.36	Bình Thuận
7227	86C-200.24	Bình Thuận	8727	83A-183.82	Sóc Trăng	10227	83C-127.02	Sóc Trăng	11727	86C-202.52	Bình Thuận
7228	86C-200.53	Bình Thuận	8728	83A-185.10	Sóc Trăng	10228	83C-127.60	Sóc Trăng	11728	86C-202.70	Bình Thuận
7229	86C-201.23	Bình Thuận	8729	83A-185.37	Sóc Trăng	10229	83C-127.99	Sóc Trăng	11729	86C-202.95	Bình Thuận
7230	86C-201.67	Bình Thuận	8730	83A-185.67	Sóc Trăng	10230	83C-128.39	Sóc Trăng	11730	88A-721.63	Vĩnh Phúc
7231	86C-201.94	Bình Thuận	8731	83A-185.72	Sóc Trăng	10231	83D-004.91	Sóc Trăng	11731	88A-722.14	Vĩnh Phúc
7232	86C-202.87	Bình Thuận	8732	83C-126.64	Sóc Trăng	10232	84A-138.55	Trà Vinh	11732	88A-722.81	Vĩnh Phúc
7233	88A-723.45	Vĩnh Phúc	8733	83C-127.70	Sóc Trăng	10233	84A-139.37	Trà Vinh	11733	88A-723.44	Vĩnh Phúc
7234	88A-723.71	Vĩnh Phúc	8734	83C-128.05	Sóc Trăng	10234	84C-120.04	Trà Vinh	11734	88A-723.47	Vĩnh Phúc
7235	88A-724.77	Vĩnh Phúc	8735	83C-128.31	Sóc Trăng	10235	84C-120.51	Trà Vinh	11735	88A-723.52	Vĩnh Phúc
7236	88A-725.34	Vĩnh Phúc	8736	83C-128.73	Sóc Trăng	10236	84C-120.54	Trà Vinh	11736	88A-724.62	Vĩnh Phúc
7237	88A-725.35	Vĩnh Phúc	8737	83C-128.92	Sóc Trăng	10237	85A-139.17	Ninh Thuận	11737	88A-725.00	Vĩnh Phúc
7238	88A-725.91	Vĩnh Phúc	8738	84A-138.79	Trà Vinh	10238	85A-139.53	Ninh Thuận	11738	88A-725.53	Vĩnh Phúc
7239	88A-726.75	Vĩnh Phúc	8739	84C-119.50	Trà Vinh	10239	85A-139.73	Ninh Thuận	11739	88A-726.28	Vĩnh Phúc
7240	88A-727.04	Vĩnh Phúc	8740	84C-119.82	Trà Vinh	10240	85A-139.97	Ninh Thuận	11740	88A-727.42	Vĩnh Phúc
7241	88A-727.32	Vĩnh Phúc	8741	84D-001.84	Trà Vinh	10241	86A-299.78	Bình Thuận	11741	88A-727.46	Vĩnh Phúc
7242	88A-728.73	Vĩnh Phúc	8742	84D-001.97	Trà Vinh	10242	86A-301.43	Bình Thuận	11742	88A-728.16	Vĩnh Phúc
7243	88A-728.75	Vĩnh Phúc	8743	84D-002.06	Trà Vinh	10243	86A-301.57	Bình Thuận	11743	88A-728.79	Vĩnh Phúc
7244	88A-728.92	Vĩnh Phúc	8744	85A-139.41	Ninh Thuận	10244	86A-302.26	Bình Thuận	11744	88A-729.79	Vĩnh Phúc
7245	88A-729.74	Vĩnh Phúc	8745	85A-139.66	Ninh Thuận	10245	86A-302.37	Bình Thuận	11745	88A-730.75	Vĩnh Phúc
7246	88A-730.11	Vĩnh Phúc	8746	85A-140.30	Ninh Thuận	10246	86A-303.38	Bình Thuận	11746	88A-731.03	Vĩnh Phúc
7247	88A-731.22	Vĩnh Phúc	8747	85C-081.27	Ninh Thuận	10247	86A-303.63	Bình Thuận	11747	88A-732.34	Vĩnh Phúc
7248	88A-732.12	Vĩnh Phúc	8748	86A-300.61	Bình Thuận	10248	86A-303.81	Bình Thuận	11748	88A-732.42	Vĩnh Phúc
7249	88A-732.61	Vĩnh Phúc	8749	86A-300.92	Bình Thuận	10249	86A-304.02	Bình Thuận	11749	88A-733.87	Vĩnh Phúc
7250	88A-733.27	Vĩnh Phúc	8750	86A-301.51	Bình Thuận	10250	86A-305.04	Bình Thuận	11750	88A-733.94	Vĩnh Phúc
7251	88A-733.29	Vĩnh Phúc	8751	86A-301.80	Bình Thuận	10251	86A-305.62	Bình Thuận	11751	88A-733.95	Vĩnh Phúc
7252	88A-734.54	Vĩnh Phúc	8752	86A-302.41	Bình Thuận	10252	86A-306.17	Bình Thuận	11752	88A-734.43	Vĩnh Phúc
7253	88A-734.82	Vĩnh Phúc	8753	86A-302.43	Bình Thuận	10253	86A-306.53	Bình Thuận	11753	88A-734.52	Vĩnh Phúc
7254	88A-735.30	Vĩnh Phúc	8754	86A-303.90	Bình Thuận	10254	86A-306.54	Bình Thuận	11754	88A-734.61	Vĩnh Phúc
7255	88A-735.33	Vĩnh Phúc	8755	86A-304.55	Bình Thuận	10255	86A-306.61	Bình Thuận	11755	88A-734.84	Vĩnh Phúc
7256	88A-736.01	Vĩnh Phúc	8756	86A-305.94	Bình Thuận	10256	86A-306.67	Bình Thuận	11756	88A-735.23	Vĩnh Phúc
7257	88A-736.97	Vĩnh Phúc	8757	86A-306.81	Bình Thuận	10257	86A-306.97	Bình Thuận	11757	88A-735.67	Vĩnh Phúc
7258	88A-737.43	Vĩnh Phúc	8758	86A-307.29	Bình Thuận	10258	86A-307.01	Bình Thuận	11758	88A-736.05	Vĩnh Phúc
7259	88A-737.48	Vĩnh Phúc	8759	86A-307.79	Bình Thuận	10259	86A-307.50	Bình Thuận	11759	88A-736.14	Vĩnh Phúc
7260	88A-737.70	Vĩnh Phúc	8760	86A-308.20	Bình Thuận	10260	86A-307.87	Bình Thuận	11760	88A-736.58	Vĩnh Phúc

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'			Thời gian đấu giá: 16h15'-16h40'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
7261	88A-738.14	Vĩnh Phúc	8761	86A-308.34	Bình Thuận	10261	86A-307.92	Bình Thuận	11761	88A-737.31	Vĩnh Phúc
7262	88A-738.94	Vĩnh Phúc	8762	86B-021.32	Bình Thuận	10262	86A-307.99	Bình Thuận	11762	88A-738.49	Vĩnh Phúc
7263	88A-739.21	Vĩnh Phúc	8763	86C-198.16	Bình Thuận	10263	86A-308.07	Bình Thuận	11763	88A-738.60	Vĩnh Phúc
7264	88A-740.53	Vĩnh Phúc	8764	86C-199.58	Bình Thuận	10264	86C-201.70	Bình Thuận	11764	88A-739.52	Vĩnh Phúc
7265	88A-740.80	Vĩnh Phúc	8765	86C-201.04	Bình Thuận	10265	86C-201.81	Bình Thuận	11765	88A-740.15	Vĩnh Phúc
7266	88A-740.93	Vĩnh Phúc	8766	86C-201.05	Bình Thuận	10266	86C-203.45	Bình Thuận	11766	88A-740.67	Vĩnh Phúc
7267	88A-741.72	Vĩnh Phúc	8767	86C-201.31	Bình Thuận	10267	86C-203.73	Bình Thuận	11767	88A-741.07	Vĩnh Phúc
7268	88A-741.80	Vĩnh Phúc	8768	86C-202.41	Bình Thuận	10268	88A-721.47	Vĩnh Phúc	11768	88A-741.48	Vĩnh Phúc
7269	88A-741.92	Vĩnh Phúc	8769	86C-203.24	Bình Thuận	10269	88A-721.75	Vĩnh Phúc	11769	88C-292.45	Vĩnh Phúc
7270	88A-742.60	Vĩnh Phúc	8770	88A-722.19	Vĩnh Phúc	10270	88A-723.50	Vĩnh Phúc	11770	88C-293.98	Vĩnh Phúc
7271	88C-292.21	Vĩnh Phúc	8771	88A-722.62	Vĩnh Phúc	10271	88A-724.84	Vĩnh Phúc	11771	88C-294.24	Vĩnh Phúc
7272	88C-292.40	Vĩnh Phúc	8772	88A-723.30	Vĩnh Phúc	10272	88A-724.93	Vĩnh Phúc	11772	89A-481.61	Hưng Yên
7273	88C-292.78	Vĩnh Phúc	8773	88A-723.60	Vĩnh Phúc	10273	88A-727.51	Vĩnh Phúc	11773	89A-482.31	Hưng Yên
7274	88C-293.49	Vĩnh Phúc	8774	88A-724.16	Vĩnh Phúc	10274	88A-728.48	Vĩnh Phúc	11774	89A-482.53	Hưng Yên
7275	88C-294.84	Vĩnh Phúc	8775	88A-725.51	Vĩnh Phúc	10275	88A-729.00	Vĩnh Phúc	11775	89A-483.20	Hưng Yên
7276	89A-481.51	Hưng Yên	8776	88A-726.24	Vĩnh Phúc	10276	88A-730.59	Vĩnh Phúc	11776	89A-484.03	Hưng Yên
7277	89A-482.45	Hưng Yên	8777	88A-726.94	Vĩnh Phúc	10277	88A-730.70	Vĩnh Phúc	11777	89A-484.51	Hưng Yên
7278	89A-482.70	Hưng Yên	8778	88A-727.26	Vĩnh Phúc	10278	88A-731.30	Vĩnh Phúc	11778	89A-484.52	Hưng Yên
7279	89A-482.84	Hưng Yên	8779	88A-727.84	Vĩnh Phúc	10279	88A-732.02	Vĩnh Phúc	11779	89A-485.05	Hưng Yên
7280	89A-483.02	Hưng Yên	8780	88A-729.51	Vĩnh Phúc	10280	88A-732.53	Vĩnh Phúc	11780	89A-485.42	Hưng Yên
7281	89A-483.62	Hưng Yên	8781	88A-729.75	Vĩnh Phúc	10281	88A-734.05	Vĩnh Phúc	11781	89A-485.57	Hưng Yên
7282	89A-483.78	Hưng Yên	8782	88A-730.99	Vĩnh Phúc	10282	88A-734.28	Vĩnh Phúc	11782	89A-485.91	Hưng Yên
7283	89A-484.92	Hưng Yên	8783	88A-732.75	Vĩnh Phúc	10283	88A-734.47	Vĩnh Phúc	11783	89A-486.02	Hưng Yên
7284	89A-484.99	Hưng Yên	8784	88A-732.78	Vĩnh Phúc	10284	88A-734.64	Vĩnh Phúc	11784	89A-487.01	Hưng Yên
7285	89A-486.20	Hưng Yên	8785	88A-733.41	Vĩnh Phúc	10285	88A-735.16	Vĩnh Phúc	11785	89A-488.60	Hưng Yên
7286	89A-486.64	Hưng Yên	8786	88A-733.46	Vĩnh Phúc	10286	88A-735.42	Vĩnh Phúc	11786	89A-489.62	Hưng Yên
7287	89A-488.21	Hưng Yên	8787	88A-733.57	Vĩnh Phúc	10287	88A-736.74	Vĩnh Phúc	11787	89A-489.87	Hưng Yên
7288	89A-488.34	Hưng Yên	8788	88A-734.94	Vĩnh Phúc	10288	88A-738.01	Vĩnh Phúc	11788	89A-494.40	Hưng Yên
7289	89A-488.92	Hưng Yên	8789	88A-736.12	Vĩnh Phúc	10289	88A-738.48	Vĩnh Phúc	11789	89A-494.92	Hưng Yên
7290	89A-488.94	Hưng Yên	8790	88A-736.21	Vĩnh Phúc	10290	88A-739.73	Vĩnh Phúc	11790	89A-494.97	Hưng Yên
7291	89A-489.24	Hưng Yên	8791	88A-736.32	Vĩnh Phúc	10291	88A-740.43	Vĩnh Phúc	11791	89A-495.27	Hưng Yên
7292	89A-490.94	Hưng Yên	8792	88A-737.62	Vĩnh Phúc	10292	88A-740.75	Vĩnh Phúc	11792	89A-496.07	Hưng Yên
7293	89A-490.97	Hưng Yên	8793	88A-739.29	Vĩnh Phúc	10293	88A-741.19	Vĩnh Phúc	11793	89A-496.24	Hưng Yên
7294	89A-491.12	Hưng Yên	8794	88A-739.48	Vĩnh Phúc	10294	88A-741.40	Vĩnh Phúc	11794	89A-496.27	Hưng Yên
7295	89A-491.35	Hưng Yên	8795	88A-740.24	Vĩnh Phúc	10295	88A-741.60	Vĩnh Phúc	11795	89A-496.74	Hưng Yên
7296	89A-491.37	Hưng Yên	8796	88A-740.91	Vĩnh Phúc	10296	88A-741.69	Vĩnh Phúc	11796	89B-021.76	Hưng Yên
7297	89A-492.85	Hưng Yên	8797	88A-741.49	Vĩnh Phúc	10297	88A-742.67	Vĩnh Phúc	11797	89C-325.94	Hưng Yên
7298	89A-494.41	Hưng Yên	8798	88A-741.53	Vĩnh Phúc	10298	88C-292.32	Vĩnh Phúc	11798	89C-326.40	Hưng Yên
7299	89A-494.71	Hưng Yên	8799	88A-742.47	Vĩnh Phúc	10299	88C-292.67	Vĩnh Phúc	11799	89C-327.00	Hưng Yên
7300	89A-494.75	Hưng Yên	8800	88C-292.30	Vĩnh Phúc	10300	88C-293.50	Vĩnh Phúc	11800	89C-327.46	Hưng Yên
7301	89A-495.17	Hưng Yên	8801	88C-292.87	Vĩnh Phúc	10301	88C-293.54	Vĩnh Phúc	11801	89C-328.01	Hưng Yên
7302	89A-495.80	Hưng Yên	8802	88C-293.10	Vĩnh Phúc	10302	88C-294.14	Vĩnh Phúc	11802	89C-328.52	Hưng Yên
7303	89A-496.23	Hưng Yên	8803	88C-295.13	Vĩnh Phúc	10303	88C-294.42	Vĩnh Phúc	11803	89C-331.10	Hưng Yên
7304	89A-496.76	Hưng Yên	8804	88D-018.06	Vĩnh Phúc	10304	88C-294.56	Vĩnh Phúc	11804	89C-331.43	Hưng Yên
7305	89A-496.87	Hưng Yên	8805	89A-481.24	Hưng Yên	10305	89A-483.31	Hưng Yên	11805	89C-331.47	Hưng Yên
7306	89C-325.78	Hưng Yên	8806	89A-483.34	Hưng Yên	10306	89A-483.42	Hưng Yên	11806	89C-331.94	Hưng Yên
7307	89C-326.14	Hưng Yên	8807	89A-484.24	Hưng Yên	10307	89A-484.17	Hưng Yên	11807	89C-332.07	Hưng Yên
7308	89C-326.25	Hưng Yên	8808	89A-484.27	Hưng Yên	10308	89A-484.56	Hưng Yên	11808	89C-332.70	Hưng Yên
7309	89C-326.47	Hưng Yên	8809	89A-486.27	Hưng Yên	10309	89A-484.64	Hưng Yên	11809	89D-019.13	Hưng Yên
7310	89C-327.97	Hưng Yên	8810	89A-486.51	Hưng Yên	10310	89A-484.72	Hưng Yên	11810	90A-265.57	Hà Nam
7311	89C-330.82	Hưng Yên	8811	89A-487.34	Hưng Yên	10311	89A-489.02	Hưng Yên	11811	90A-266.48	Hà Nam
7312	89C-331.14	Hưng Yên	8812	89A-487.54	Hưng Yên	10312	89A-489.61	Hưng Yên	11812	90A-267.17	Hà Nam
7313	89C-331.34	Hưng Yên	8813	89A-487.63	Hưng Yên	10313	89A-489.81	Hưng Yên	11813	90A-267.56	Hà Nam
7314	89C-331.56	Hưng Yên	8814	89A-488.67	Hưng Yên	10314	89A-491.17	Hưng Yên	11814	90A-268.10	Hà Nam
7315	89C-331.93	Hưng Yên	8815	89A-490.30	Hưng Yên	10315	89A-492.75	Hưng Yên	11815	90A-268.57	Hà Nam
7316	89C-332.04	Hưng Yên	8816	89A-490.76	Hưng Yên	10316	89A-493.17	Hưng Yên	11816	90A-270.46	Hà Nam
7317	89C-332.52	Hưng Yên	8817	89A-491.43	Hưng Yên	10317	89A-493.73	Hưng Yên	11817	90A-270.49	Hà Nam
7318	89C-332.71	Hưng Yên	8818	89A-491.57	Hưng Yên	10318	89A-493.97	Hưng Yên	11818	90A-271.34	Hà Nam
7319	89D-019.03	Hưng Yên	8819	89A-491.60	Hưng Yên	10319	89A-494.60	Hưng Yên	11819	90A-271.98	Hà Nam
7320	90A-264.84	Hà Nam	8820	89A-492.02	Hưng Yên	10320	89A-496.03	Hưng Yên	11820	90A-272.14	Hà Nam
7321	90A-265.00	Hà Nam	8821	89A-492.14	Hưng Yên	10321	89A-497.24	Hưng Yên	11821	90A-272.40	Hà Nam
7322	90A-265.30	Hà Nam	8822	89A-492.19	Hưng Yên	10322	89C-325.63	Hưng Yên	11822	90A-272.82	Hà Nam
7323	90A-266.93	Hà Nam	8823	89A-492.27	Hưng Yên	10323	89C-325.67	Hưng Yên	11823	90A-273.21	Hà Nam

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'			Thời gian đấu giá: 16h15'-16h40'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
7324	90A-267.32	Hà Nam	8824	89A-492.34	Hưng Yên	10324	89C-326.12	Hưng Yên	11824	90A-273.45	Hà Nam
7325	90A-268.92	Hà Nam	8825	89A-492.62	Hưng Yên	10325	89C-326.63	Hưng Yên	11825	90A-273.47	Hà Nam
7326	90A-269.00	Hà Nam	8826	89A-493.20	Hưng Yên	10326	89C-327.60	Hưng Yên	11826	90A-273.64	Hà Nam
7327	90A-269.23	Hà Nam	8827	89A-496.00	Hưng Yên	10327	89C-328.10	Hưng Yên	11827	90B-009.43	Hà Nam
7328	90A-269.34	Hà Nam	8828	89A-496.10	Hưng Yên	10328	89C-328.20	Hưng Yên	11828	90B-009.45	Hà Nam
7329	90A-270.24	Hà Nam	8829	89A-496.11	Hưng Yên	10329	89C-328.90	Hưng Yên	11829	90C-143.43	Hà Nam
7330	90A-271.60	Hà Nam	8830	89A-496.21	Hưng Yên	10330	89C-329.61	Hưng Yên	11830	90C-149.04	Hà Nam
7331	90A-271.81	Hà Nam	8831	89A-497.05	Hưng Yên	10331	89C-329.87	Hưng Yên	11831	90D-006.70	Hà Nam
7332	90A-272.07	Hà Nam	8832	89B-021.74	Hưng Yên	10332	89C-329.91	Hưng Yên	11832	92A-406.06	Quảng Nam
7333	90A-273.31	Hà Nam	8833	89C-326.38	Hưng Yên	10333	89C-331.52	Hưng Yên	11833	92A-406.39	Quảng Nam
7334	90B-009.46	Hà Nam	8834	89C-327.29	Hưng Yên	10334	89C-332.38	Hưng Yên	11834	92A-406.74	Quảng Nam
7335	90C-148.43	Hà Nam	8835	89C-327.54	Hưng Yên	10335	89C-332.74	Hưng Yên	11835	92A-408.81	Quảng Nam
7336	90C-149.37	Hà Nam	8836	89C-328.60	Hưng Yên	10336	89D-019.12	Hưng Yên	11836	92A-408.92	Quảng Nam
7337	92A-408.43	Quảng Nam	8837	89C-328.75	Hưng Yên	10337	89D-019.14	Hưng Yên	11837	92A-409.60	Quảng Nam
7338	92A-408.69	Quảng Nam	8838	89C-329.30	Hưng Yên	10338	89D-019.46	Hưng Yên	11838	92A-410.34	Quảng Nam
7339	92A-409.91	Quảng Nam	8839	89C-330.71	Hưng Yên	10339	90A-264.73	Hà Nam	11839	92A-410.64	Quảng Nam
7340	92A-410.30	Quảng Nam	8840	89C-330.72	Hưng Yên	10340	90A-265.03	Hà Nam	11840	92A-410.76	Quảng Nam
7341	92A-410.50	Quảng Nam	8841	89C-330.90	Hưng Yên	10341	90A-265.63	Hà Nam	11841	92A-411.40	Quảng Nam
7342	92A-410.61	Quảng Nam	8842	89C-331.05	Hưng Yên	10342	90A-269.07	Hà Nam	11842	92A-412.55	Quảng Nam
7343	92A-410.73	Quảng Nam	8843	89C-331.33	Hưng Yên	10343	90A-269.67	Hà Nam	11843	92A-413.57	Quảng Nam
7344	92A-411.57	Quảng Nam	8844	89C-331.41	Hưng Yên	10344	90A-271.13	Hà Nam	11844	92A-415.04	Quảng Nam
7345	92A-411.90	Quảng Nam	8845	89C-332.10	Hưng Yên	10345	90A-271.62	Hà Nam	11845	92A-415.81	Quảng Nam
7346	92A-412.42	Quảng Nam	8846	89D-018.93	Hưng Yên	10346	90A-271.84	Hà Nam	11846	92C-242.22	Quảng Nam
7347	92A-414.02	Quảng Nam	8847	90A-264.57	Hà Nam	10347	90A-272.01	Hà Nam	11847	92C-245.77	Quảng Nam
7348	92A-415.84	Quảng Nam	8848	90A-267.34	Hà Nam	10348	90A-272.38	Hà Nam	11848	92C-249.91	Quảng Nam
7349	92A-416.23	Quảng Nam	8849	90A-267.93	Hà Nam	10349	90A-272.62	Hà Nam	11849	92C-250.40	Quảng Nam
7350	92C-249.61	Quảng Nam	8850	90A-268.13	Hà Nam	10350	90A-273.01	Hà Nam	11850	93A-477.42	Bình Phước
7351	93A-477.90	Bình Phước	8851	90A-270.57	Hà Nam	10351	90A-273.60	Hà Nam	11851	93A-477.45	Bình Phước
7352	93A-478.45	Bình Phước	8852	90A-270.75	Hà Nam	10352	90B-009.32	Hà Nam	11852	93A-477.57	Bình Phước
7353	93A-479.41	Bình Phước	8853	90A-272.10	Hà Nam	10353	90C-141.44	Hà Nam	11853	93A-478.07	Bình Phước
7354	93A-480.80	Bình Phước	8854	90A-272.75	Hà Nam	10354	90C-142.44	Hà Nam	11854	93A-478.81	Bình Phước
7355	93A-483.40	Bình Phước	8855	90A-272.97	Hà Nam	10355	90C-145.06	Hà Nam	11855	93A-481.01	Bình Phước
7356	93A-484.07	Bình Phước	8856	90B-009.27	Hà Nam	10356	90C-145.54	Hà Nam	11856	93A-482.63	Bình Phước
7357	93A-484.46	Bình Phước	8857	90C-143.00	Hà Nam	10357	90C-148.10	Hà Nam	11857	93A-482.74	Bình Phước
7358	93A-485.50	Bình Phước	8858	90C-143.86	Hà Nam	10358	90C-148.50	Hà Nam	11858	93A-483.64	Bình Phước
7359	93A-485.74	Bình Phước	8859	90C-148.73	Hà Nam	10359	90C-148.81	Hà Nam	11859	93A-484.72	Bình Phước
7360	93A-486.03	Bình Phước	8860	92A-406.51	Quảng Nam	10360	90D-006.57	Hà Nam	11860	93A-485.37	Bình Phước
7361	93C-184.58	Bình Phước	8861	92A-406.61	Quảng Nam	10361	92A-407.05	Quảng Nam	11861	93A-485.63	Bình Phước
7362	93C-187.22	Bình Phước	8862	92A-406.76	Quảng Nam	10362	92A-407.67	Quảng Nam	11862	93C-191.08	Bình Phước
7363	93C-190.22	Bình Phước	8863	92A-407.90	Quảng Nam	10363	92A-407.72	Quảng Nam	11863	93C-193.69	Bình Phước
7364	93C-191.66	Bình Phước	8864	92A-407.92	Quảng Nam	10364	92A-409.02	Quảng Nam	11864	94C-080.01	Bạc Liêu
7365	93C-192.79	Bình Phước	8865	92A-407.94	Quảng Nam	10365	92A-409.21	Quảng Nam	11865	94C-080.38	Bạc Liêu
7366	93C-193.38	Bình Phước	8866	92A-408.30	Quảng Nam	10366	92A-411.65	Quảng Nam	11866	94C-080.46	Bạc Liêu
7367	93C-194.00	Bình Phước	8867	92A-408.50	Quảng Nam	10367	92A-411.71	Quảng Nam	11867	94D-001.81	Bạc Liêu
7368	93C-194.39	Bình Phước	8868	92A-410.66	Quảng Nam	10368	92A-413.02	Quảng Nam	11868	95C-085.27	Hậu Giang
7369	94C-078.08	Bạc Liêu	8869	92A-411.32	Quảng Nam	10369	92A-413.12	Quảng Nam	11869	95C-085.71	Hậu Giang
7370	94C-080.23	Bạc Liêu	8870	92A-412.50	Quảng Nam	10370	92A-413.94	Quảng Nam	11870	95D-020.50	Hậu Giang
7371	97D-004.48	Bắc Kạn	8871	92A-412.80	Quảng Nam	10371	92A-414.84	Quảng Nam	11871	97A-092.13	Bắc Kạn
7372	98A-766.33	Bắc Giang	8872	92A-413.51	Quảng Nam	10372	92A-415.02	Quảng Nam	11872	97D-004.42	Bắc Kạn
7373	98A-767.37	Bắc Giang	8873	92A-414.30	Quảng Nam	10373	92C-243.39	Quảng Nam	11873	98A-765.97	Bắc Giang
7374	98A-767.53	Bắc Giang	8874	92A-414.48	Quảng Nam	10374	92C-244.69	Quảng Nam	11874	98A-766.72	Bắc Giang
7375	98A-768.10	Bắc Giang	8875	92A-414.90	Quảng Nam	10375	92C-249.89	Quảng Nam	11875	98A-766.75	Bắc Giang
7376	98A-768.34	Bắc Giang	8876	92C-246.11	Quảng Nam	10376	92C-249.90	Quảng Nam	11876	98A-767.23	Bắc Giang
7377	98A-771.33	Bắc Giang	8877	92C-246.38	Quảng Nam	10377	93A-471.17	Bình Phước	11877	98A-768.45	Bắc Giang
7378	98A-771.34	Bắc Giang	8878	92C-249.16	Quảng Nam	10378	93A-472.08	Bình Phước	11878	98A-768.79	Bắc Giang
7379	98A-772.34	Bắc Giang	8879	92C-249.52	Quảng Nam	10379	93A-476.67	Bình Phước	11879	98A-769.27	Bắc Giang
7380	98A-775.71	Bắc Giang	8880	92C-250.46	Quảng Nam	10380	93A-477.51	Bình Phước	11880	98A-769.31	Bắc Giang
7381	98A-775.85	Bắc Giang	8881	93A-473.68	Bình Phước	10381	93A-478.14	Bình Phước	11881	98A-769.57	Bắc Giang
7382	98A-776.70	Bắc Giang	8882	93A-474.36	Bình Phước	10382	93A-478.63	Bình Phước	11882	98A-770.81	Bắc Giang
7383	98A-777.50	Bắc Giang	8883	93A-476.79	Bình Phước	10383	93A-479.04	Bình Phước	11883	98A-771.57	Bắc Giang
7384	98A-777.51	Bắc Giang	8884	93A-477.02	Bình Phước	10384	93A-480.31	Bình Phước	11884	98A-772.42	Bắc Giang
7385	98A-777.63	Bắc Giang	8885	93A-478.12	Bình Phước	10385	93A-480.61	Bình Phước	11885	98A-772.91	Bắc Giang
7386	98A-778.04	Bắc Giang	8886	93A-481.63	Bình Phước	10386	93A-481.14	Bình Phước	11886	98A-774.90	Bắc Giang

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'			Thời gian đấu giá: 16h15'-16h40'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
7387	98A-778.90	Bắc Giang	8887	93A-482.08	Bình Phước	10387	93A-481.92	Bình Phước	11887	98A-775.58	Bắc Giang
7388	98A-779.67	Bắc Giang	8888	93A-484.27	Bình Phước	10388	93A-482.40	Bình Phước	11888	98A-776.05	Bắc Giang
7389	98A-779.78	Bắc Giang	8889	93A-484.45	Bình Phước	10389	93A-482.60	Bình Phước	11889	98A-778.52	Bắc Giang
7390	98A-780.57	Bắc Giang	8890	93A-486.05	Bình Phước	10390	93A-482.78	Bình Phước	11890	98A-780.02	Bắc Giang
7391	98A-782.14	Bắc Giang	8891	93A-486.26	Bình Phước	10391	93A-484.67	Bình Phước	11891	98A-780.20	Bắc Giang
7392	98A-782.44	Bắc Giang	8892	93C-184.68	Bình Phước	10392	93A-484.95	Bình Phước	11892	98A-780.21	Bắc Giang
7393	98A-782.81	Bắc Giang	8893	93D-004.01	Bình Phước	10393	93A-485.27	Bình Phước	11893	98A-780.27	Bắc Giang
7394	98A-783.06	Bắc Giang	8894	93D-004.26	Bình Phước	10394	93A-485.40	Bình Phước	11894	98A-780.91	Bắc Giang
7395	98A-783.07	Bắc Giang	8895	94C-080.73	Bạc Liêu	10395	93A-485.53	Bình Phước	11895	98A-782.06	Bắc Giang
7396	98A-783.61	Bắc Giang	8896	95C-085.17	Hậu Giang	10396	93A-485.70	Bình Phước	11896	98A-782.84	Bắc Giang
7397	98A-784.24	Bắc Giang	8897	95C-085.64	Hậu Giang	10397	93B-018.42	Bình Phước	11897	98A-783.01	Bắc Giang
7398	98A-784.52	Bắc Giang	8898	95C-085.84	Hậu Giang	10398	93C-187.59	Bình Phước	11898	98A-783.57	Bắc Giang
7399	98A-787.72	Bắc Giang	8899	95C-086.02	Hậu Giang	10399	93C-189.86	Bình Phước	11899	98A-783.92	Bắc Giang
7400	98A-788.42	Bắc Giang	8900	97C-042.22	Bắc Kạn	10400	93C-193.39	Bình Phước	11900	98A-784.04	Bắc Giang
7401	98A-788.82	Bắc Giang	8901	98A-765.59	Bắc Giang	10401	93C-194.66	Bình Phước	11901	98A-784.27	Bắc Giang
7402	98A-788.97	Bắc Giang	8902	98A-766.12	Bắc Giang	10402	93D-004.14	Bình Phước	11902	98A-784.38	Bắc Giang
7403	98A-789.27	Bắc Giang	8903	98A-766.20	Bắc Giang	10403	95C-085.00	Hậu Giang	11903	98A-785.34	Bắc Giang
7404	98A-789.70	Bắc Giang	8904	98A-767.27	Bắc Giang	10404	95C-085.16	Hậu Giang	11904	98A-786.01	Bắc Giang
7405	98A-789.71	Bắc Giang	8905	98A-767.92	Bắc Giang	10405	95C-085.40	Hậu Giang	11905	98A-786.07	Bắc Giang
7406	98A-790.83	Bắc Giang	8906	98A-768.21	Bắc Giang	10406	95C-085.75	Hậu Giang	11906	98A-786.08	Bắc Giang
7407	98A-791.75	Bắc Giang	8907	98A-769.45	Bắc Giang	10407	95D-020.53	Hậu Giang	11907	98A-787.93	Bắc Giang
7408	98A-792.30	Bắc Giang	8908	98A-770.13	Bắc Giang	10408	97A-092.23	Bắc Kạn	11908	98A-788.13	Bắc Giang
7409	98A-792.32	Bắc Giang	8909	98A-770.37	Bắc Giang	10409	97C-040.36	Bắc Kạn	11909	98A-788.53	Bắc Giang
7410	98A-792.40	Bắc Giang	8910	98A-771.14	Bắc Giang	10410	97D-004.27	Bắc Kạn	11910	98A-788.90	Bắc Giang
7411	98A-792.62	Bắc Giang	8911	98A-772.20	Bắc Giang	10411	98A-765.81	Bắc Giang	11911	98A-789.05	Bắc Giang
7412	98A-793.34	Bắc Giang	8912	98A-772.28	Bắc Giang	10412	98A-766.94	Bắc Giang	11912	98A-789.44	Bắc Giang
7413	98A-793.76	Bắc Giang	8913	98A-773.45	Bắc Giang	10413	98A-767.30	Bắc Giang	11913	98A-789.93	Bắc Giang
7414	98A-794.43	Bắc Giang	8914	98A-774.12	Bắc Giang	10414	98A-772.05	Bắc Giang	11914	98A-790.20	Bắc Giang
7415	98A-794.50	Bắc Giang	8915	98A-774.92	Bắc Giang	10415	98A-773.81	Bắc Giang	11915	98A-790.42	Bắc Giang
7416	98A-794.63	Bắc Giang	8916	98A-775.02	Bắc Giang	10416	98A-774.55	Bắc Giang	11916	98A-790.71	Bắc Giang
7417	98A-796.81	Bắc Giang	8917	98A-775.14	Bắc Giang	10417	98A-774.81	Bắc Giang	11917	98A-790.75	Bắc Giang
7418	98C-351.27	Bắc Giang	8918	98A-775.32	Bắc Giang	10418	98A-775.01	Bắc Giang	11918	98A-791.05	Bắc Giang
7419	98C-352.20	Bắc Giang	8919	98A-778.09	Bắc Giang	10419	98A-775.19	Bắc Giang	11919	98A-791.88	Bắc Giang
7420	98C-352.62	Bắc Giang	8920	98A-780.16	Bắc Giang	10420	98A-775.27	Bắc Giang	11920	98A-792.20	Bắc Giang
7421	98C-352.91	Bắc Giang	8921	98A-780.30	Bắc Giang	10421	98A-775.75	Bắc Giang	11921	98A-792.84	Bắc Giang
7422	98C-353.31	Bắc Giang	8922	98A-781.64	Bắc Giang	10422	98A-775.82	Bắc Giang	11922	98A-792.90	Bắc Giang
7423	98C-354.50	Bắc Giang	8923	98A-781.69	Bắc Giang	10423	98A-775.91	Bắc Giang	11923	98A-793.37	Bắc Giang
7424	98C-354.66	Bắc Giang	8924	98A-782.17	Bắc Giang	10424	98A-777.54	Bắc Giang	11924	98A-794.02	Bắc Giang
7425	98C-354.82	Bắc Giang	8925	98A-782.78	Bắc Giang	10425	98A-778.10	Bắc Giang	11925	98A-794.46	Bắc Giang
7426	98C-354.84	Bắc Giang	8926	98A-785.80	Bắc Giang	10426	98A-778.21	Bắc Giang	11926	98A-794.60	Bắc Giang
7427	98C-354.91	Bắc Giang	8927	98A-786.30	Bắc Giang	10427	98A-778.24	Bắc Giang	11927	98A-794.73	Bắc Giang
7428	99A-771.78	Bắc Ninh	8928	98A-787.83	Bắc Giang	10428	98A-779.82	Bắc Giang	11928	98A-795.57	Bắc Giang
7429	99A-771.90	Bắc Ninh	8929	98A-788.37	Bắc Giang	10429	98A-780.05	Bắc Giang	11929	98A-796.65	Bắc Giang
7430	99A-772.60	Bắc Ninh	8930	98A-788.81	Bắc Giang	10430	98A-780.41	Bắc Giang	11930	98C-350.77	Bắc Giang
7431	99A-773.47	Bắc Ninh	8931	98A-789.31	Bắc Giang	10431	98A-781.81	Bắc Giang	11931	98C-352.02	Bắc Giang
7432	99A-773.70	Bắc Ninh	8932	98A-789.51	Bắc Giang	10432	98A-782.12	Bắc Giang	11932	98C-352.21	Bắc Giang
7433	99A-774.72	Bắc Ninh	8933	98A-790.90	Bắc Giang	10433	98A-782.80	Bắc Giang	11933	98C-352.24	Bắc Giang
7434	99A-774.94	Bắc Ninh	8934	98A-791.37	Bắc Giang	10434	98A-784.42	Bắc Giang	11934	98C-352.72	Bắc Giang
7435	99A-775.36	Bắc Ninh	8935	98A-791.86	Bắc Giang	10435	98A-787.30	Bắc Giang	11935	98C-352.75	Bắc Giang
7436	99A-775.64	Bắc Ninh	8936	98A-793.51	Bắc Giang	10436	98A-789.89	Bắc Giang	11936	98C-352.81	Bắc Giang
7437	99A-775.90	Bắc Ninh	8937	98A-796.02	Bắc Giang	10437	98A-790.30	Bắc Giang	11937	98C-353.89	Bắc Giang
7438	99A-776.46	Bắc Ninh	8938	98C-352.65	Bắc Giang	10438	98A-791.01	Bắc Giang	11938	98C-354.10	Bắc Giang
7439	99A-777.60	Bắc Ninh	8939	98C-353.47	Bắc Giang	10439	98A-791.93	Bắc Giang	11939	98C-354.24	Bắc Giang
7440	99A-778.71	Bắc Ninh	8940	98C-354.29	Bắc Giang	10440	98A-792.37	Bắc Giang	11940	98C-354.61	Bắc Giang
7441	99A-780.19	Bắc Ninh	8941	98C-354.62	Bắc Giang	10441	98A-792.80	Bắc Giang	11941	98C-355.10	Bắc Giang
7442	99A-781.12	Bắc Ninh	8942	98D-015.02	Bắc Giang	10442	98A-794.54	Bắc Giang	11942	98D-014.87	Bắc Giang
7443	99A-783.29	Bắc Ninh	8943	99A-771.93	Bắc Ninh	10443	98A-795.90	Bắc Giang	11943	98D-015.12	Bắc Giang
7444	99A-783.62	Bắc Ninh	8944	99A-772.46	Bắc Ninh	10444	98C-349.44	Bắc Giang	11944	99A-772.05	Bắc Ninh
7445	99A-783.73	Bắc Ninh	8945	99A-773.24	Bắc Ninh	10445	98C-351.19	Bắc Giang	11945	99A-772.31	Bắc Ninh
7446	99A-784.60	Bắc Ninh	8946	99A-773.51	Bắc Ninh	10446	98C-351.84	Bắc Giang	11946	99A-772.70	Bắc Ninh
7447	99A-785.02	Bắc Ninh	8947	99A-774.64	Bắc Ninh	10447	98C-352.70	Bắc Giang	11947	99A-773.60	Bắc Ninh
7448	99A-785.37	Bắc Ninh	8948	99A-774.80	Bắc Ninh	10448	98C-353.45	Bắc Giang	11948	99A-775.32	Bắc Ninh
7449	99A-785.40	Bắc Ninh	8949	99A-775.16	Bắc Ninh	10449	98C-353.87	Bắc Giang	11949	99A-776.34	Bắc Ninh

Ca đấu buổi chiều											
Thời gian đấu giá: 14h00'-14h25'			Thời gian đấu giá: 14h45'-15h10'			Thời gian đấu giá: 15h30'-15h55'			Thời gian đấu giá: 16h15'-16h40'		
STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố	STT	Biển số	Tỉnh/ Thành phố
7450	99A-785.90	Bắc Ninh	8950	99A-779.21	Bắc Ninh	10450	98C-354.27	Bắc Giang	11950	99A-776.74	Bắc Ninh
7451	99A-786.10	Bắc Ninh	8951	99A-780.73	Bắc Ninh	10451	98D-014.63	Bắc Giang	11951	99A-778.34	Bắc Ninh
7452	99A-786.13	Bắc Ninh	8952	99A-781.23	Bắc Ninh	10452	99A-772.01	Bắc Ninh	11952	99A-778.63	Bắc Ninh
7453	99A-786.20	Bắc Ninh	8953	99A-782.93	Bắc Ninh	10453	99A-772.12	Bắc Ninh	11953	99A-778.82	Bắc Ninh
7454	99A-786.21	Bắc Ninh	8954	99A-784.17	Bắc Ninh	10454	99A-772.82	Bắc Ninh	11954	99A-781.91	Bắc Ninh
7455	99A-786.81	Bắc Ninh	8955	99A-784.53	Bắc Ninh	10455	99A-772.91	Bắc Ninh	11955	99A-782.14	Bắc Ninh
7456	99A-787.48	Bắc Ninh	8956	99A-784.57	Bắc Ninh	10456	99A-775.62	Bắc Ninh	11956	99A-782.34	Bắc Ninh
7457	99A-787.53	Bắc Ninh	8957	99A-784.73	Bắc Ninh	10457	99A-776.50	Bắc Ninh	11957	99A-782.71	Bắc Ninh
7458	99A-788.01	Bắc Ninh	8958	99A-785.08	Bắc Ninh	10458	99A-776.72	Bắc Ninh	11958	99A-783.32	Bắc Ninh
7459	99A-788.03	Bắc Ninh	8959	99A-785.81	Bắc Ninh	10459	99A-777.20	Bắc Ninh	11959	99A-783.72	Bắc Ninh
7460	99A-788.37	Bắc Ninh	8960	99A-786.43	Bắc Ninh	10460	99A-778.14	Bắc Ninh	11960	99A-784.61	Bắc Ninh
7461	99A-788.82	Bắc Ninh	8961	99A-786.51	Bắc Ninh	10461	99A-778.31	Bắc Ninh	11961	99A-785.00	Bắc Ninh
7462	99A-789.53	Bắc Ninh	8962	99A-788.20	Bắc Ninh	10462	99A-779.77	Bắc Ninh	11962	99A-785.21	Bắc Ninh
7463	99A-790.13	Bắc Ninh	8963	99A-789.43	Bắc Ninh	10463	99A-781.49	Bắc Ninh	11963	99A-785.57	Bắc Ninh
7464	99A-790.76	Bắc Ninh	8964	99A-790.03	Bắc Ninh	10464	99A-782.20	Bắc Ninh	11964	99A-785.66	Bắc Ninh
7465	99A-790.85	Bắc Ninh	8965	99A-791.06	Bắc Ninh	10465	99A-782.21	Bắc Ninh	11965	99A-785.70	Bắc Ninh
7466	99A-791.20	Bắc Ninh	8966	99A-791.14	Bắc Ninh	10466	99A-784.13	Bắc Ninh	11966	99A-786.34	Bắc Ninh
7467	99A-791.29	Bắc Ninh	8967	99A-791.30	Bắc Ninh	10467	99A-784.47	Bắc Ninh	11967	99A-786.82	Bắc Ninh
7468	99A-791.57	Bắc Ninh	8968	99A-791.47	Bắc Ninh	10468	99A-785.13	Bắc Ninh	11968	99A-787.06	Bắc Ninh
7469	99A-792.37	Bắc Ninh	8969	99A-791.63	Bắc Ninh	10469	99A-785.27	Bắc Ninh	11969	99A-787.23	Bắc Ninh
7470	99A-792.90	Bắc Ninh	8970	99A-791.74	Bắc Ninh	10470	99A-787.50	Bắc Ninh	11970	99A-787.31	Bắc Ninh
7471	99A-793.14	Bắc Ninh	8971	99A-791.81	Bắc Ninh	10471	99A-789.52	Bắc Ninh	11971	99A-789.40	Bắc Ninh
7472	99A-794.21	Bắc Ninh	8972	99A-793.24	Bắc Ninh	10472	99A-790.01	Bắc Ninh	11972	99A-790.08	Bắc Ninh
7473	99A-794.43	Bắc Ninh	8973	99A-794.82	Bắc Ninh	10473	99A-790.57	Bắc Ninh	11973	99A-790.17	Bắc Ninh
7474	99A-794.80	Bắc Ninh	8974	99A-795.94	Bắc Ninh	10474	99A-791.00	Bắc Ninh	11974	99A-790.49	Bắc Ninh
7475	99A-794.90	Bắc Ninh	8975	99A-796.87	Bắc Ninh	10475	99A-791.42	Bắc Ninh	11975	99A-790.97	Bắc Ninh
7476	99A-795.31	Bắc Ninh	8976	99A-797.47	Bắc Ninh	10476	99A-792.04	Bắc Ninh	11976	99A-791.28	Bắc Ninh
7477	99A-795.45	Bắc Ninh	8977	99A-797.55	Bắc Ninh	10477	99A-793.03	Bắc Ninh	11977	99A-791.71	Bắc Ninh
7478	99A-795.63	Bắc Ninh	8978	99A-797.74	Bắc Ninh	10478	99A-793.52	Bắc Ninh	11978	99A-792.99	Bắc Ninh
7479	99A-795.66	Bắc Ninh	8979	99A-798.17	Bắc Ninh	10479	99A-793.84	Bắc Ninh	11979	99A-793.29	Bắc Ninh
7480	99A-795.67	Bắc Ninh	8980	99A-798.23	Bắc Ninh	10480	99A-794.63	Bắc Ninh	11980	99A-794.57	Bắc Ninh
7481	99A-796.47	Bắc Ninh	8981	99A-798.37	Bắc Ninh	10481	99A-795.20	Bắc Ninh	11981	99A-794.72	Bắc Ninh
7482	99A-796.67	Bắc Ninh	8982	99A-798.50	Bắc Ninh	10482	99A-795.49	Bắc Ninh	11982	99A-795.51	Bắc Ninh
7483	99A-796.80	Bắc Ninh	8983	99A-798.54	Bắc Ninh	10483	99A-796.10	Bắc Ninh	11983	99A-796.34	Bắc Ninh
7484	99A-798.14	Bắc Ninh	8984	99A-798.63	Bắc Ninh	10484	99A-796.12	Bắc Ninh	11984	99A-796.78	Bắc Ninh
7485	99A-799.71	Bắc Ninh	8985	99A-798.98	Bắc Ninh	10485	99A-796.61	Bắc Ninh	11985	99A-797.07	Bắc Ninh
7486	99A-800.45	Bắc Ninh	8986	99A-799.12	Bắc Ninh	10486	99A-798.12	Bắc Ninh	11986	99A-798.05	Bắc Ninh
7487	99C-310.74	Bắc Ninh	8987	99A-799.21	Bắc Ninh	10487	99A-798.43	Bắc Ninh	11987	99A-799.45	Bắc Ninh
7488	99C-311.03	Bắc Ninh	8988	99A-799.26	Bắc Ninh	10488	99A-798.71	Bắc Ninh	11988	99A-800.23	Bắc Ninh
7489	99C-311.30	Bắc Ninh	8989	99A-799.49	Bắc Ninh	10489	99A-799.14	Bắc Ninh	11989	99A-800.63	Bắc Ninh
7490	99C-311.34	Bắc Ninh	8990	99B-026.74	Bắc Ninh	10490	99A-800.20	Bắc Ninh	11990	99A-800.64	Bắc Ninh
7491	99C-312.25	Bắc Ninh	8991	99B-026.78	Bắc Ninh	10491	99C-311.32	Bắc Ninh	11991	99C-311.55	Bắc Ninh
7492	99C-312.64	Bắc Ninh	8992	99C-309.72	Bắc Ninh	10492	99C-311.47	Bắc Ninh	11992	99C-311.66	Bắc Ninh
7493	99C-312.78	Bắc Ninh	8993	99C-309.80	Bắc Ninh	10493	99C-311.48	Bắc Ninh	11993	99C-312.72	Bắc Ninh
7494	99C-312.94	Bắc Ninh	8994	99C-310.62	Bắc Ninh	10494	99C-311.64	Bắc Ninh	11994	99C-312.91	Bắc Ninh
7495	99C-313.37	Bắc Ninh	8995	99C-311.91	Bắc Ninh	10495	99C-314.21	Bắc Ninh	11995	99C-312.92	Bắc Ninh
7496	99C-313.96	Bắc Ninh	8996	99C-312.76	Bắc Ninh	10496	99C-314.30	Bắc Ninh	11996	99C-313.20	Bắc Ninh
7497	99C-314.29	Bắc Ninh	8997	99C-313.62	Bắc Ninh	10497	99C-314.42	Bắc Ninh	11997	99C-314.45	Bắc Ninh
7498	99C-315.45	Bắc Ninh	8998	99C-314.43	Bắc Ninh	10498	99C-314.57	Bắc Ninh	11998	99C-314.72	Bắc Ninh
7499	99C-315.48	Bắc Ninh	8999	99C-314.92	Bắc Ninh	10499	99C-314.76	Bắc Ninh	11999	99C-315.81	Bắc Ninh
7500	99D-021.10	Bắc Ninh	9000	99C-315.32	Bắc Ninh	10500	99C-316.14	Bắc Ninh	12000	99C-316.43	Bắc Ninh